

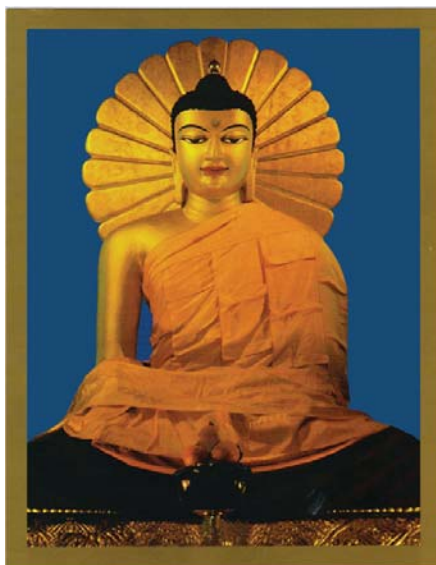
KINH
ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN
大般涅槃經

TẬP VI
(QUYỂN 31 - QUYỂN 36)

北涼天竺三藏曇無讖奉詔譯
BẮC LƯƠNG THIÊN TRÚC TAM TẠNG ĐÀM VÔ SẮM PHỤNG CHIẾU DỊCH
ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN *Việt dịch và chú giải*
NGUYỄN MINH HIỂN *hiệu đính*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

願
解
如
來
真
實
義
我
今
見
聞
得
受
持



無
上
甚
深
微
妙
法
百
千
萬
劫
難
遭
遇

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kinh Phật dạy rằng: “*Thấy kinh như thấy Phật.*”

Kinh điển Đại thừa hiện ở nơi đây, tức mười phương chư Phật đều hiện hữu nơi đây, chư Bồ Tát hộ pháp cũng tụ hội quanh đây. Người đọc kinh này nếu muốn hiểu được ý nghĩa nhiệm mầu sâu xa trong văn kinh, trước hết phải có lòng tin sâu như vậy, sau đó nên chí thành phát lời nguyện rằng:

“*Chánh pháp Như Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được, dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được Kinh điển Đại thừa Đại Bát Niết-bàn này để tu tập hành trì, nguyện khai mở trí tuệ để thấu hiểu nghĩa lý sâu xa chân thật trong từng lời thuyết giảng của đức Như Lai.*”

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BA MƯƠI MỐT

PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỒNG

Phẩm thứ mười một – Phần năm

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch: “Thế Tôn! Phép định không hình tướng gọi là Đại *Niết-bàn*. Do đó *Niết-bàn* gọi là không có tướng. Vì nhân duyên gì gọi là không có tướng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì [*Niết-bàn*] không có mười tướng. Những gì là mười tướng? Một là tướng hình sắc, hai là tướng âm thanh, ba là tướng mùi hương, bốn là tướng vị nếm, năm là tướng xúc chạm, sáu là tướng sanh ra, bảy là tướng trụ lại, tám là tướng hư hoại, chín là tướng nam, mười là tướng nữ. Đó gọi là mười tướng. Vì không có những tướng ấy nên gọi là *không có tướng*.

“Thiện nam tử! Nếu vướng mắc nơi tướng ắt có thể sanh ra *si mê*; vì si mê nên sanh *tham ái*; vì tham ái nên bị *trói buộc*; vì chịu trói buộc nên phải *thọ sanh*; vì thọ sanh nên có *sự chết*; vì có sự chết nên là *vô thường*.

“Nếu không vướng mắc nơi các tướng ắt không sanh ra si mê. Vì không sanh ra si mê nên không có tham ái. Vì không có tham ái nên không bị trói buộc. Vì không bị trói buộc nên không phải thọ sanh. Vì không thọ sanh nên

không có sự chết. Vì không có sự chết nên gọi là *thường*. Vì nghĩa ấy nên *Niết-bàn* là *thường*.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Những *tỳ-kheo* nào dứt trừ được mười tướng ấy?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu có *tỳ-kheo* nào thường tu tập ba loại tướng [sau đây] ắt sẽ dứt trừ được mười tướng đó. Một là thường tu tập tướng *định*, hai là thường tu tập tướng *trí tuệ*, ba là thường tu tập tướng *buông xả*. Đó gọi là ba loại tướng [có thể dứt trừ mười tướng kia].”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch: “Thế Tôn! Vì sao gọi là các tướng *định*, *trí tuệ*, *buông xả*? Định tức là *tam-muội*. Tất cả chúng sanh đều có *tam-muội*, vì sao còn nói rằng tu tập *tam-muội*? Nếu chú tâm vào một cảnh duy nhất thì gọi là định, hay *tam-muội*. Nếu còn duyên theo những cảnh khác thì không gọi là *tam-muội*. Nếu không có *định* thì không phải bậc *nhất thiết trí*. Không phải bậc *nhất thiết trí* làm sao gọi là định? Nếu chỉ dùng một công hạnh mà được *tam-muội* thì mọi công hạnh khác đều chẳng phải *tam-muội*! Nếu không phải *tam-muội* ắt không phải là *nhất thiết trí*. Nếu không phải *nhất thiết trí*, vì sao lại gọi là *tam-muội*? Đối với hai tướng *trí tuệ* và *buông xả* cũng đều như vậy.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như lời ông vừa nói: ‘Duyên với một cảnh gọi là *tam-muội*, còn duyên với những cảnh khác nữa thì không gọi là *tam-muội*.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? [Nói] các duyên khác đó cũng chỉ là một cảnh mà thôi. Về các công hạnh [khác nhau] cũng vậy.

“Ông lại nói rằng: ‘Chúng sanh vốn có *tam-muội* từ trước, không cần tu tập. Nghĩa ấy cũng không đúng, Vì

sao vậy? Nói *tam-muội* đây tức là phép *tam-muội* hiền thiện, thật ra tất cả chúng sanh đều chưa có! Vậy sao có thể nói rằng không cần tu tập?

“Trụ yên trong phép *tam-muội* hiền thiện ấy mà quán xét tất cả các pháp, đó gọi là tướng *trí tuệ hiền thiện*. Không thấy có hai tướng *tam-muội* và *trí tuệ* khác nhau, đó gọi là tướng *buông xả*.”

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu chấp giữ tướng của *sắc* thì không thể quán các tướng *thường* và *vô thường* của *sắc*, đó gọi là *tam-muội*. Nếu có thể quán các tướng *thường* và *vô thường* của *sắc*, đó gọi là tướng *trí tuệ*. Dùng *tam-muội* và *trí tuệ* tương đương nhau mà quán tất cả các pháp, đó gọi là tướng *buông xả*.”

“Thiện nam tử! Như người khéo cầm cương cỗ xe bốn ngựa, chạy nhanh hay chậm đều được cả. Vì chạy nhanh hay chậm đều được cả nên gọi là không vướng mắc. Bồ Tát cũng vậy; nếu phần *tam-muội* nhiều hơn liền tu tập *trí tuệ*; nếu phần *trí tuệ* nhiều hơn liền tu tập *tam-muội*. *Tam-muội* và *trí tuệ* tương đương nhau gọi là *buông xả*.”

“Thiện nam tử! Hàng Bồ Tát *Thập trụ* vì sức *tuệ* vượt hơn sức *định* nên không thấy rõ *tánh Phật*. Hàng Thanh văn và Duyên giác vì sức *định* vượt hơn sức *tuệ* nên không thấy *tánh Phật*. Chư Phật Thế Tôn do *định* và *tuệ* tương đương nhau nên thấy được *tánh Phật* một cách rõ ràng, không ngăn ngại, như nhìn trái *am-ma-lặc* trong lòng bàn tay. Thấy rõ được *tánh Phật*, đó gọi là tướng *buông xả*.”

“[*Tam-muội* còn gọi là] *xa-ma-tha*,¹ nghĩa là có năng

¹ Xa-ma-tha: phiên âm từ Phạn ngữ *śamatha*, là tên gọi khác của thiền định, thường được dịch với các nghĩa như là: *chỉ, tịch tĩnh, năng diệt...*

lực trừ diệt, vì trừ diệt được tất cả phiền não trói buộc. Lại nữa, *xa-ma-tha* nghĩa là có năng lực điều phục, vì điều phục được các căn bất thiện. *Xa-ma-tha* lại có nghĩa là vắng lặng yên tĩnh, vì có thể làm cho ba nghiệp đều vắng lặng yên tĩnh. *Xa-ma-tha* lại có nghĩa là xa lìa, vì có thể khiến chúng sanh xa lìa *năm dục*. *Xa-ma-tha* lại có nghĩa là có năng lực làm trong sạch, vì có thể làm cho ba pháp uế trước là *tham dục*, *sân khuể* và *ngu si* trở nên trong sạch. Vì những nghĩa ấy nên gọi đây là tướng *định*.

“[*Trí tuệ* còn gọi là] *tỳ-bà-xá-na*,¹ nghĩa là thấy biết chân chánh, cũng gọi là thấy biết trọn vẹn rõ ràng, hoặc có năng lực thấy biết, hoặc thấy biết khắp nơi, hoặc tuần tự thấy biết, hoặc thấy biết phân biệt các tướng riêng biệt [của các pháp]. Đó gọi là *trí tuệ*.

“[*Buông xả* còn gọi là] *ưu-tất-xoa*,² nghĩa là bình đẳng, cũng gọi là không tranh giành, cũng gọi là không quán xét, cũng gọi là không hành trì. Đó gọi là *buông xả*.

“Thiện nam tử! Có hai loại *xa-ma-tha*, một là trong vòng thế gian, hai là ra khỏi thế gian. Lại có hai loại [*xa-ma-tha*], một là thành tựu, hai là không thành tựu. Thành tựu là nói chư Phật, Bồ Tát; không thành tựu là nói hàng Thanh văn, *Bích-chi* Phật.

“Lại có ba mức độ [*xa-ma-tha*] là mức độ thấp, mức độ trung bình và mức độ cao. Mức độ thấp là nói hạng phàm phu; mức độ vừa là nói hàng Thanh văn, Duyên giác; mức độ cao là nói chư Phật, Bồ Tát.

¹ Tỳ-bà-xá-na: phiên âm từ Phạn ngữ *vipāśyanā*, thường được dịch với các nghĩa như: *quán*, *kiến*, *chứng chứng quán sát*...

² Ưu-tất-xoa, hay ưu-tất-xả, phiên âm từ Phạn ngữ *upekṣa*, thường được dịch với các nghĩa như: *xả*, *bình đẳng*, *trì tâm bình đẳng*, *bất thiên nhất phương*...

“Lại có bốn loại [*xa-ma-tha*]. Một là thối lui, hai là trụ vững, ba là tiến tới, bốn là có thể làm lợi ích lớn.

“Lại có năm loại [*xa-ma-tha*] gọi là *Ngũ trí tam-muội*. Những gì là năm? Một là *tam-muội Vô thực*,¹ hai là *tam-muội Vô quá*,² ba là *tam-muội Thân ý thanh tịnh nhất tâm*,³ bốn là *tam-muội Nhân quả câu lạc*,⁴ năm là *tam-muội Thường niệm*.⁵

“Lại có sáu loại [*xa-ma-tha*]. Một là phép *tam-muội quán xương trắng*, hai là phép *tam-muội quán tâm từ*, ba là phép *tam-muội quán Mười hai nhân duyên*, bốn là phép *tam-muội quán số tức*, đếm hơi thở vào ra, năm là phép *tam-muội chánh niệm giác quán*, sáu là phép *tam-muội quán [các pháp] sanh ra, tồn tại, biến đổi và diệt mất*.

“Lại có bảy loại [*xa-ma-tha*], tức là *Bảy giác phần*. Một là *Niệm xứ giác phần*, hai là *Trạch pháp giác phần*, ba là *Tinh tấn giác phần*, bốn là *Hỷ giác phần*, năm là *Trừ giác phần*, sáu là *Định giác phần*, bảy là *Xả giác phần*.

“Lại có bảy loại [*xa-ma-tha*]. Một là *tam-muội [của hàng] Tu-đà-hoàn*, hai là *tam-muội [của hàng] Tư-đà-hàm*, ba là *tam-muội [của hàng] A-na-hàm*, bốn là *tam-muội [của*

¹ Vô thực: không ăn uống, vì hành giả đạt đến mức sống bằng sự hỷ lạc trong thiền định nên thân xác không cần phải được nuôi dưỡng bằng thức ăn.

² Vô quá: không có lỗi lầm, vì hành giả đạt được trí tuệ nhận biết mọi sự vật đều đúng thật như chúng đang hiện hữu nên không còn mắc phải lỗi lầm.

³ Thân ý thanh tịnh nhất tâm: hành giả đạt được sự thanh tịnh cả thân và tâm, dứt trừ mọi vọng niệm, tạp niệm, có thể định tâm vào một đối tượng duy nhất.

⁴ Nhân quả câu lạc: hành giả đạt được niềm vui ngay trong khi tu tập (nhân) và cũng đạt đến niềm vui nhờ kết quả của sự tu tập (quả) nên gọi là *nhân quả câu lạc*.

⁵ Thường niệm: thường xuyên duy trì được chánh niệm, nhớ tưởng, không còn có sự phân biệt giữa lúc nhập định hay xuất định nên gọi là *thường niệm*.

hàng] *A-la-hán*, năm là *tam-muội* [của các vị] *Phật Bích-chi*, sáu là *tam-muội* [của các vị] Bồ Tát, bảy là *tam-muội* rõ biết của Như Lai.

“Lại có tám loại [*xa-ma-tha*], tức là tám phép *tam-muội* giải thoát.

“Một là phép *tam-muội* bên trong có tướng hình sắc, bên ngoài quán hình sắc mà đạt được giải thoát.¹

“Hai là phép *tam-muội* bên trong không có tướng hình sắc, bên ngoài quán hình sắc mà đạt được giải thoát.²

“Ba là phép *tam-muội* tự mình chứng đắc cảnh giới thanh tịnh mà đạt được giải thoát.³

“Bốn là phép *tam-muội* chứng đắc cảnh giới rộng không vô biên mà đạt được giải thoát.⁴

“Năm là phép *tam-muội* chứng đắc cảnh giới của thức mà đạt được giải thoát.⁵

“Sáu là phép *tam-muội* chứng đắc cảnh giới không có sự hiện hữu mà đạt được giải thoát.⁶

“Bảy là phép *tam-muội* chứng đắc cảnh giới không thuộc về có tư tưởng hay không có tư tưởng mà đạt được giải thoát.⁷

“Tám là phép *tam-muội* chứng đắc cảnh giới hoàn toàn tịch diệt mà đạt được giải thoát.⁸

¹ Thành tựu của phép *tam-muội* này là đạt đến cảnh giới Sơ thiên.

² Thành tựu của phép *tam-muội* này là đạt đến cảnh giới Nhị thiên.

³ Thành tựu của phép *tam-muội* này là đạt đến cảnh giới Tam thiên, Tứ thiên và địa vị Tịnh Phạm.

⁴ Thành tựu của phép *tam-muội* này là đạt đến cảnh giới Không vô biên xứ.

⁵ Thành tựu của phép *tam-muội* này là đạt đến cảnh giới Thức vô biên xứ.

⁶ Thành tựu của phép *tam-muội* này là đạt đến cảnh giới Vô sở hữu xứ.

⁷ Thành tựu của phép *tam-muội* này là đạt đến cảnh giới Phi hữu tướng phi vô tướng xứ.

⁸ Thành tựu của phép *tam-muội* này là đạt đến cảnh giới Diệt tận định.

“Lại có chín loại [*xa-ma-tha*], đó là chín phép định tuân tự đặt được, gồm có *Bốn mức thiên* [từ *Sơ thiên* đến *Tứ thiên*], *Bốn không xứ* [gồm *Không vô biên xứ*, *Thức vô biên xứ*, *Vô sở hữu xứ*, *Phi tướng phi phi tướng xứ*] và phép *tam-muội Diệt tận định*.

“Lại có mười loại [*xa-ma-tha*] gọi là *Mười tam-muội nhất thiết xứ*.

“Những gì là mười? Một là *tam-muội Địa nhất thiết xứ*,¹ hai là *tam-muội Thủy nhất thiết xứ*,² ba là *tam-muội Phong nhất thiết xứ*,³ bốn là *tam-muội Thanh nhất thiết xứ*,⁴ năm là *tam-muội Hoàng nhất thiết xứ*,⁵ sáu là *tam-muội Xích nhất thiết xứ*,⁶ bảy là *tam-muội Bạch nhất thiết xứ*,⁷ tám là *tam-muội Không nhất thiết xứ*,⁸ chín là *tam-muội Thức nhất thiết xứ*,⁹ mười là *tam-muội Vô sở hữu nhất thiết xứ*.¹⁰

“Lại có nhiều vô số các loại [*xa-ma-tha*], đó là nói [các phép *tam-muội*] của chư Phật, Bồ Tát.

“Thiện nam tử! Đó gọi là tướng *định*.

¹ Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều có địa đại (tính chất của đất, sự cứng chắc).

² Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều có thủy đại (tính chất của nước, sự ẩm ướt).

³ Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều có phong đại (tính chất của gió, sự chuyển động).

⁴ Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều là màu xanh.

⁵ Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều là màu vàng.

⁶ Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều là màu đỏ.

⁷ Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều là màu trắng.

⁸ Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều là hư không.

⁹ Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều là cảnh giới của thức.

¹⁰ Phép tam-muội quán tưởng ở khắp mọi nơi đều không có sự hiện hữu.

“Thiện nam tử! Có hai loại *trí tuệ*, một là thuộc về thế gian, hai là vượt ngoài thế gian.

“Lại có ba loại [trí tuệ]. Một là trí *bát-nhã*,¹ hai là trí *tỳ-bà-xà-na*,² ba là trí *xà-na*.³

“Trí *bát-nhã* là nói tắt cả chúng sanh. Trí *tỳ-bà-xà-na* là nói tắt cả thánh nhân. Trí *xà-na* là nói chư Phật và Bồ Tát.

“Lại nữa, trí *bát-nhã* gọi là tướng riêng biệt, trí *tỳ-bà-xà-na* gọi là tướng chung, trí *xà-na* gọi là phá sạch các tướng.

“Lại có bốn loại [trí tuệ], đó là nói việc quán xét *Bốn chân đế*.⁴

“Thiện nam tử! [Người tu hành] vì ba việc mà tu tập *xa-ma-tha*. Đó là ba việc gì? Một là để không buông thả, lười nhác; hai là để trang nghiêm trí tuệ lớn lao; ba là để đạt được sự tự do hoàn toàn không trói buộc.

“Lại nữa, [người tu hành] vì ba việc mà tu tập *tỳ-bà-xà-na*. Đó là ba việc gì? Một là để quán xét thấy được quả báo xấu ác của sanh tử [luân hồi]; hai là để làm tăng trưởng các căn lành; ba là để phá trừ tất cả các phiền não.”⁵

¹ Bát-nhã, phiên âm từ Phạn ngữ *prajñā*, chỉ chung cho trí tuệ giúp chúng sanh đạt đến giải thoát.

² Tỳ-bà-xà-na: phiên âm từ Phạn ngữ là *vipāśyanā*, dịch nghĩa là quán.

³ Xà-na, phiên âm từ Phạn ngữ *jñāna*, thường dịch là trí, diệu trí hay chánh trí Niết-bàn kinh sơ giải thích: “Bát-nhã là tuệ; tỳ-bà-xà-na là quán; xà-na là trí.”

⁴ Bốn chân đế, hay Bốn thánh đế, thường gọi là Tứ diệu đế, gồm có: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế.

⁵ Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 28, bắt đầu quyển 29, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hồng phần thứ 5 (Sư Tử Hồng Bồ Tát phẩm chi ngũ).

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như trong kinh có nói: ‘Trí *tỳ-bà-xá-na* có thể phá trừ phiền não’, vì sao còn phải tu tập *xa-ma-tha*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông nói rằng: ‘Trí *tỳ-bà-xá-na* phá trừ phiền não.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Lúc có trí tuệ ắt không có phiền não; lúc có phiền não ắt không có trí tuệ. Làm sao ông có thể nói rằng trí *tỳ-bà-xá-na* có thể phá trừ phiền não?

“Thiện nam tử! Ví như đang khi sáng thì không có bóng tối; đang khi tối thì không có ánh sáng. Nếu nói rằng ánh sáng có thể phá trừ bóng tối thì thật là vô lý!

“Thiện nam tử! Ai là người có trí tuệ, ai là người có phiền não mà nói rằng ‘*trí tuệ có thể phá trừ phiền não*’? Nếu thật [cả hai] đều không ắt không có chỗ phá trừ!

“Thiện nam tử! Nếu ông nói trí tuệ có thể phá trừ phiền não, đó là đến được [giải thoát] mà phá trừ hay không đến được [giải thoát] mà phá trừ? Nếu không đến được [giải thoát] mà phá trừ [phiền não] thì phàm phu chúng sanh lẽ ra cũng đều phá trừ được! Nếu đến được [giải thoát] mà phá trừ [phiền não] thì lẽ ra ngay khi khởi niệm [tu tập] đầu tiên đã phá trừ được! Nếu niệm khởi ban đầu không phá trừ được [phiền não] thì niệm tưởng tiếp theo sau cũng không thể phá trừ được. Nếu vừa đến được [giải thoát] liền phá trừ [phiền não] ngay thì [như vậy] là không đến. Vì sao ông lại nói rằng trí tuệ có thể phá trừ [phiền não]? Còn nếu nói rằng dù đến hay không đến được [giải thoát] cũng đều phá trừ được [phiền não] thì thật là vô lý!

“Lại nữa, [nói rằng] trí *tỳ-bà-xá-na* phá trừ phiền não là đơn độc có thể phá trừ hay hợp sức [với các pháp khác] mà phá trừ? Nếu đơn độc có thể phá trừ, vì sao Bồ Tát phải tu tập *Tám chánh đạo*? Nếu nhờ có sự hợp sức mà phá trừ thì biết rằng đơn độc không đủ sức phá trừ. Nhưng nếu đơn độc không đủ sức phá trừ thì dù hợp sức cũng không thể [phá trừ phiền não]. Ví như một người mù không thấy được hình sắc, dù có [hợp sức] với những người mù khác cũng không thể thấy được. Trí *tỳ-bà-xá-na* cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như đất có tính chất cứng chắc, lửa có tính chất nóng ấm, nước có tính chất ẩm ướt, gió có tính chất chuyển động. Từ [tính chất] cứng chắc của đất cho tới [tính chất] chuyển động của gió, thấy đều không phải do nhân duyên tạo tác, đó là tánh tự nhiên như vậy. Các phiền não cũng giống như *bốn đại* [đất, lửa, nước, gió] kia, tính chất tự nhiên của chúng là dứt trừ. Nếu [tính chất của] chúng là dứt trừ, vì sao ông lại nói rằng trí tuệ có thể dứt trừ phiền não? Vì nghĩa ấy, trí *tỳ-bà-xá-na* chắc chắn là không thể phá được các phiền não.

“Thiện nam tử! Như tính chất của muối là mặn, có thể làm cho vật khác mặn. Tính chất của mật [ong] là ngọt, có thể làm cho vật khác ngọt. Tính chất của nước là ẩm ướt, có thể làm cho vật khác ẩm ướt. [Nếu nói rằng] tính chất của trí tuệ là diệt mất, có thể làm cho các pháp diệt mất thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu pháp là không diệt mất, làm sao trí tuệ có thể cưỡng ép làm cho diệt mất được?

“Còn như nói rằng [tính chất của] muối là mặn nên làm cho vật khác mặn, [tính chất] diệt mất của trí tuệ cũng vậy, khiến cho các pháp khác phải tiêu diệt, nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Vì tánh của trí tuệ là nối nhau diệt mất trong từng niệm. Nếu là diệt mất trong từng niệm, làm sao nói rằng có thể diệt trừ các pháp khác? Vì nghĩa ấy nên tánh của trí tuệ không phá trừ phiền não.

“Thiện nam tử! Tất cả pháp đều có hai cách diệt mất, một là bản tánh [của chúng] tự diệt mất, hai là [xét đến chỗ] rốt ráo là diệt mất. Nếu tánh của pháp là tự diệt, làm sao nói rằng trí tuệ có thể diệt được [các pháp]?

“Nếu nói rằng trí tuệ có thể diệt được phiền não, như lửa đốt vật, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Như lửa đốt vật ắt còn lại tro tàn. Nếu trí tuệ là thế, lẽ ra [diệt phiền não rồi] cũng còn lại tàn tích! Như dùng rìu chặt cây có thể thấy được vết chặt. Nếu trí tuệ là như thế thì đâu là chỗ thấy được?

“Nếu [nói rằng] trí tuệ có thể khiến phiền não phải lìa xa, thì lẽ ra phiền não ấy phải xuất hiện ở một nơi khác! Cũng như các thầy ngoại đạo khi lìa khỏi sáu thành lớn liền xuất hiện ở thành *Câu-thi-na*. Nếu phiền não không xuất hiện ở nơi khác thì biết là trí tuệ không thể khiến chúng lìa xa!

“Thiện nam tử! Nếu tánh của tất cả các pháp là *không* thì ai có thể khiến cho [các pháp] sanh ra được? Ai có thể khiến cho [các pháp] diệt mất được? Sanh diệt biến đổi, thật không có người tạo tác.

“Thiện nam tử! Nếu tu tập định ắt sẽ đạt được sự thấy biết chân chánh như vậy. Vì nghĩa ấy, trong kinh ta có

dạy rằng: ‘Nếu *tỳ-kheo* tu tập định ắt có thể thấy được tướng sanh diệt của *năm ấm*.’

“Thiện nam tử! Nếu không tu tập định thì những việc thế gian còn không thể rõ biết, huống chi đến những việc vượt ngoài thế gian? Nếu người không có định thì dù ở nơi bằng phẳng cũng bị ngã nghiêng, tâm duyên theo pháp khác, miệng nói ra lời khác, tai nghe lời khác, trong lòng hiểu nghĩa khác; muốn viết chữ khác mà tay lại viết ra câu văn khác; muốn đi con đường khác mà chân bước theo một lối khác... Nếu người có tu tập định ắt sẽ được lợi ích lớn, cho đến [thành tựu] *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* có đầy đủ hai pháp ắt được lợi ích lớn. [Hai pháp ấy là gì?] Một là *định*, hai là *trí [tuệ]*.

“Thiện nam tử! Như người cắt cỏ, một tay gom cỏ lại, tay kia cầm liềm cắt. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu hai pháp [*định* và *tuệ*] ấy cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Như người nhổ cây cứng chắc, trước phải dùng tay lay động, sau mới dễ nhổ lên. Bồ Tát tu *định* và *tuệ* cũng giống như vậy, trước dùng *định* lay động, sau mới dùng *trí tuệ* nhổ bật lên.

“Thiện nam tử! Như người giặt áo dơ, trước dùng nước tro,¹ sau dùng nước trong, áo liền được sạch sẽ. Bồ Tát [dùng] *định* và *tuệ* cũng giống như vậy.

¹ Nước tro: ngày xưa khi chưa có các chất giặt tẩy như ngày nay, người ta dùng tro bếp ngâm lấy nước, để lóng trong rồi sử dụng khi giặt, rửa, tác dụng cũng tương tự như xà-phòng.

“Thiện nam tử! Như trước có đọc tụng rồi sau mới hiểu nghĩa. Bồ Tát [dùng] *định* và *tuệ* cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như một người dưng mảnh, trước phải tự trang bị áo giáp, binh khí, sau đó ra trận mới thắng được quân giặc. Bồ Tát [dùng] *định* và *tuệ* cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như người thợ dùng kèm sắt, ống bễ [thổi lửa], vật chứa vàng... rồi mới tùy ý uốn nắn, nung chảy. Bồ Tát [dùng] *định* và *tuệ* cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như tấm gương [phải làm cho] sáng rõ [rồi mới] soi được khuôn mặt. Bồ Tát [dùng] *định* và *tuệ* cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Như trước phải san lấp đất đai cho bằng phẳng, rồi sau mới gieo trồng; trước phải theo thầy thợ học, rồi sau mới suy xét nghĩa lý. Bồ Tát [dùng] *định* và *tuệ* cũng giống như vậy.

“Vì những nghĩa ấy, Bồ Tát *ma-ha-tát* tu tập hai pháp *định* và *tuệ* có thể được lợi ích lớn lao.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* tu tập hai pháp [*định* và *tuệ*] này điều phục và thâm tóm được *năm căn*, nhẫn chịu được mọi sự khổ như đói khát, nóng lạnh, đánh đập, mạ nhục, thú dữ cắn xé, muỗi mòng chích đốt...; thường nhiếp phục tâm không để cho buông thả; không vì lợi dưỡng mà làm việc trái với *Chánh pháp*; không bị bụi nhơ phiền não làm cho hoen ố; không bị những sự thấy biết khác biệt tà vạy làm cho mê hoặc; thường lìa xa mọi tâm tưởng xấu ác; không bao lâu sẽ thành tựu quả *A-nậu-đa-la*

Tam-miêu Tam-bồ-đề vì muốn thành tựu mọi sự lợi ích cho chúng sanh.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* tu tập hai pháp [*định* và *tuệ*] này không bị lay động bởi bốn cơn gió mạnh là *Bốn sự điên đảo*,¹ như núi *Tu-di*, tuy có bốn cơn gió [từ bốn phương] thổi mạnh nhưng không thể làm cho lay động; không bị các tà sư ngoại đạo đánh đổ, như tòa [ngôi] của *Đế-thích* không thể chuyển dời; không bị các tà thuật lạ lùng dối gạt, thường được hưởng sự an vui mầu nhiệm không gì bằng; có thể hiểu được nghĩa lý sâu xa kín đáo của Như Lai; dù gặp sự vui cũng không lấy làm hân hoan, dù gặp khổ não cũng chẳng lo buồn; chư thiên và người đời đều cung kính ngợi khen xưng tán; thấy rõ được sanh tử và không sanh tử; khéo rõ biết được cảnh giới các pháp và bản tánh của pháp; tự thân có đủ những pháp *thường, lạc, ngã, tịnh*. Đó gọi là sự vui của Đại Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Tướng *định* gọi là *tam-muội Không*. Tướng *trí tuệ* gọi là *tam-muội Vô nguyện*. Tướng *buông xả* gọi là *tam-muội Vô tướng*.

“Thiện nam tử! Nếu có vị Bồ Tát *ma-ha-tát* nào khéo rõ biết lúc nào nên [tu tập] *định*, lúc nào nên [tu tập] *trí tuệ*, lúc nào nên [tu tập] *buông xả*, cũng như những lúc nào không nên [tu tập *định*, hoặc *trí tuệ*, hoặc *buông xả*], đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* thực hành đạo *Bồ-đề*.”

¹ Bốn điên đảo: chỉ bốn kiến chấp sai lầm của phàm phu, các pháp là *vô thường* mà cho là *thường*, các pháp là *khổ* mà cho là *vui*, các pháp là *vô ngã* mà cho là có *ngã*, các pháp là *bất tịnh* mà cho là *tịnh*. Do bốn sự điên đảo này mà tạo ra mọi sự việc trái ngược với Chánh kiến.

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Thế nào là Bồ Tát rõ biết những lúc nên hoặc không nên [tu tập *định*, *trí tuệ*, *buông xả*]?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* nhân khi được thọ hưởng sự vui thích liền sanh lòng kiêu mạn lớn; hoặc do việc thuyết pháp được mà sanh kiêu mạn; hoặc nhân sự chuyên cần tinh tấn mà sanh kiêu mạn; hoặc nhân sự hiểu rõ nghĩa lý, khéo hỏi đáp đúng lúc thích hợp mà sanh kiêu mạn; hoặc do gần gũi bạn bè xấu ác mà sanh kiêu mạn; hoặc nhân việc bố thí vật mình quý trọng mà sanh kiêu mạn; hoặc nhân việc [được nhiều] công đức, pháp lành của thế gian mà sanh kiêu mạn; hoặc nhân việc được người giàu sang ở thế gian cung kính mà sanh kiêu mạn. Trong những lúc ấy, [Bồ Tát] không nên tu tập *trí tuệ* mà cần phải tu tập *định*. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết lúc nào nên hoặc không nên.

“Nếu có Bồ Tát chuyên cần tinh tấn tu tập mà chưa đạt được sự lợi ích là niềm vui của [cảnh giới] *Niết-bàn*, vì không đạt được nên sanh lòng hối tiếc; vì căn tánh ngu độn nên không thể điều phục được *năm căn*;¹ vì những phiền não cấu nhiễm còn đang quá mạnh nên tự sanh lòng nghi [cho đó là] do giới luật suy kém. Trong những lúc ấy, [Bồ Tát] không nên tu tập *định* mà cần phải tu tập *trí tuệ*. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết lúc nào nên hoặc không nên.

“Thiện nam tử! Nếu hai pháp *định* và *trí tuệ* của Bồ Tát không tương đương nhau, nên biết rằng lúc ấy [Bồ Tát]

¹ Năm căn: ở đây chỉ các căn là mắt, tai, mũi, lưỡi và thân.

không nên tu tập *buông xả*. Nếu hai pháp ấy tương đương nhau mới nên tu tập *buông xả*. Đó gọi là Bồ Tát rõ biết lúc nào nên hoặc không nên.

“Thiện nam tử! Như Bồ Tát [trong khi] tu tập *định* và *trí tuệ* mà khởi sanh phiền não, nên biết rằng lúc ấy không nên tu tập *buông xả*, mà nên tụng đọc, sao chép, giảng nói *Mười hai bộ kinh*.

“[Bồ Tát tu tập] niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thiên, niệm xả. Đó gọi là tu tập *buông xả*.

“Thiện nam tử! Nếu có Bồ Tát nào tu tập ba tướng pháp [*định, trí tuệ và buông xả*] này, nhờ nhân duyên ấy sẽ đạt được *Niết-bàn* không có hình tướng.”

Bồ Tát Sư Tử Hồng bạch Phật: “Thế Tôn! Vì không có *mười tướng*¹ nên gọi là Đại *Niết-bàn*, vì là không có tướng. Vậy do duyên gì mà còn gọi [*Niết-bàn*] là [cảnh giới] không sanh ra, không xuất hiện, không tạo tác, là chỗ nương náu, là hải đảo, là chỗ quy y, là an ổn, là diệt độ, là *Niết-bàn*, vắng lặng an tĩnh, không có các bệnh khổ, không có gì hiện hữu?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì không có nhân duyên nên gọi là *không sanh ra*. Vì không sanh ra nên gọi là *không xuất hiện*. Vì không tạo nghiệp nên gọi là *không tạo tác*. Vì không vướng vào *năm kiến chấp*² nên gọi là *chỗ nương*

¹ Mười tướng (Thập tướng), đã giảng rõ ở một đoạn trước, gồm tướng hình sắc, tướng âm thanh, tướng mùi hương, tướng vị nếm, tướng xúc chạm, tướng sanh ra, tướng trụ lại, tướng hoại diệt, tướng nam và tướng nữ.

² Năm kiến chấp (ngũ kiến): sự bám chấp vào năm quan điểm sai lầm. Một là *thân kiến*, chấp rằng thật có thân này, có bản ngã, nên cũng gọi là ngã kiến; hai là *biên kiến*, quan điểm thiên lệch về một bên, chẳng hạn như chấp các pháp là thường tồn hoặc đoạn diệt; ba là *tà kiến*, là những quan điểm tà vạy,

náu. Vì lìa khỏi bốn con sông hung bạo¹ nên gọi là *hải đảo*. Vì điều phục chúng sanh nên gọi là *chỗ quy y*. Vì phá sạch giặc phiền não trói buộc nên gọi là *an ổn*. Vì dập tắt hoàn toàn các thứ lửa phiền não nên gọi là *diệt độ*. Vì lìa bỏ hết thấy mọi niệm tướng thô kệch và tinh tế nên gọi là *Niết-bàn*. Vì xa lìa sự rối ren náo động nên gọi là *vắng lặng an tĩnh*. Vì dứt hẳn sanh tử nên gọi là không có các bệnh khổ. Vì *tất cả đều là không* nên gọi là không có gì hiện hữu.

“Thiện nam tử! Nếu Bồ Tát *ma-ha-tát* quán tướng như vậy thì lúc ấy sẽ được sáng suốt rõ ràng, thấy được tánh Phật.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Bồ Tát *ma-ha-tát* thành tựu bao nhiêu pháp mới có thể thấy được *Niết-bàn* không hình tướng, cho đến không có gì hiện hữu?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* thành tựu *mười pháp* ắt có thể thấy rõ *Niết-bàn* không hình tướng cho đến không có gì hiện hữu.

“Những gì là mười pháp?”

“Pháp thứ nhất là *đầy đủ lòng tin*. Thế nào gọi là đầy đủ lòng tin? Đó là có lòng tin sâu rộng Phật, Pháp, Tăng

không đúng thật, chẳng hạn như không tin nhân quả; bốn là *giới cấm thủ kiến*, là sự bám chấp, câu nệ không đúng vào giới cấm, chẳng hạn như thọ nhận các giới sai lệch không phải do Phật chế định, hoặc không biết tùy nghi linh động trong những trường hợp cần thiết, đúng Chánh pháp; năm là *kiến thủ kiến*, cố chấp vào ý kiến đã có của mình là đúng, không lắng nghe để tiếp nhận ý kiến của người khác.

¹ Bốn con sông hung bạo: chỉ bốn sự hung bạo thường lôi cuốn chúng sanh trôi lăn trong sanh tử. Đó là tham dục, chấp hữu, kiến chấp và vô minh. Về những giải thích ý nghĩa danh xưng Niết-bàn ở đoạn này, nên xem lại Tập 5, phần 1 của phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống, các trang 291 – 292.

là thường tôn; rằng chư Phật mười phương [vì] phương tiện [hóa độ chúng sanh] mà thị hiện; rằng tất cả chúng sanh, cho đến hạng *nhất-xiển-đề* cũng đều có tánh Phật. Nhưng không tin rằng Như Lai thật có sanh, già, bệnh, chết và có tu khổ hạnh; không tin rằng *Đề-bà-đạt-đa* thật có phá hoại *Tăng đoàn*, làm cho thân Phật chảy máu; không tin rằng Như Lai có dứt tất cả mà nhập *Niết-bàn*; không tin rằng Chánh pháp [có sự] dứt mất. Đó gọi là Bồ Tát có *đầy đủ lòng tin*.

“Pháp thứ hai là *trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh*. Thế nào gọi là trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh? Thiện nam tử! Như có Bồ Tát tự nói rằng giới hạnh của mình thanh tịnh, [nhưng vị ấy] tuy không sống chung với người nữ mà khi gặp người nữ thì cùng nhau cười nói bỡn cợt. Bồ Tát như vậy là phạm vào lỗi tham dục, hủy phá giới thanh tịnh, làm như nhớp *Phạm hạnh*, khiến cho giới hạnh trở thành hỗn tạp, ô uế, không thể gọi là trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh.

“Lại nữa, như có Bồ Tát tự nói rằng giới hạnh của mình thanh tịnh, [nhưng vị ấy] tuy không sống chung với người nữ, cũng không cười nói bỡn cợt, mà khi từ xa nghe được mọi thứ âm thanh của người nữ như tiếng chuỗi ngọc, vòng vàng va chạm... liền sanh lòng luyến ái, tham muốn, vướng mắc. Bồ Tát như vậy là phạm vào lỗi tham dục, hủy phá giới thanh tịnh, làm như nhớp *Phạm hạnh*, khiến cho giới hạnh trở thành hỗn tạp, ô uế, không thể gọi là trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh.

“Lại nữa, như có Bồ Tát tự nói rằng giới hạnh của mình thanh tịnh, [nhưng vị ấy] tuy không sống chung với người nữ, cũng không cười nói bỡn cợt, cũng không lắng tai nghe những âm thanh của người nữ, mà khi nhìn thấy kẻ khác theo đuổi người nữ, hoặc thấy người nữ theo đuổi người nam, liền sanh lòng tham muốn, vướng mắc. Bồ Tát như vậy là phạm vào lỗi tham dục, hủy phá giới thanh tịnh, làm như nhớp *Phạm hạnh*, khiến cho giới hạnh trở thành hỗn tạp, ô uế, không thể gọi là trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh.

“Lại nữa, như có Bồ Tát tự nói rằng giới hạnh của mình thanh tịnh, [nhưng vị ấy] tuy không sống chung với người nữ, cũng không cười nói bỡn cợt, cũng không lắng tai nghe những âm thanh của người nữ, cũng chẳng nhìn thấy những cảnh nam nữ theo đuổi nhau [mà sanh lòng tham muốn], nhưng [phát tâm giữ giới chỉ vì] muốn sanh lên cõi trời, hưởng thụ sự vui thích của *năm món dục*. Bồ Tát như vậy là phạm vào lỗi tham dục, hủy phá giới thanh tịnh, làm như nhớp *Phạm hạnh*, khiến cho giới hạnh trở thành hỗn tạp, ô uế, không thể gọi là trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Như có Bồ Tát trì giới một cách thanh tịnh mà không cho đó là giới hoặc là *Trì giới Ba-la-mật*; không vì chúng sanh, không vì lợi dưỡng, không vì [để thành tựu] *Bồ-đề*, không vì [để đạt được] *Niết-bàn*, không vì [chúng đắc các quả vị] Thanh văn hay Phật *Bích-chi*; chỉ duy nhất vì nghĩa chân thật cao trổi nhất mà hộ trì cấm giới. Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát *trọn vẹn giới hạnh thanh tịnh*.

“Pháp thứ ba là *gân gũi các bậc thiện tri thức*. Thiện tri thức là những người có thể giảng nói về lòng tin, về giới luật, về các pháp *đa văn, bố thí, trí tuệ...* khiến người khác nhận lãnh và thực hành theo. Như vậy gọi là thiện tri thức của Bồ Tát.

“Pháp thứ tư là *ưa thích cảnh vắng lặng an tĩnh*. Vắng lặng an tĩnh có nghĩa là thân tâm đều vắng lặng an tĩnh, quán sát các pháp trong cảnh giới pháp hết sức sâu xa. Đó gọi là *vắng lặng an tĩnh*.

“Pháp thứ năm là *trì tâm*. Trì tâm có nghĩa là chú tâm quán xét về *Bốn chân đế*, ví như có bị ném vào lửa nóng cũng không buông bỏ [sự chú tâm quán xét ấy]. Như vậy gọi là *trì tâm*.

“Pháp thứ sáu là *[tu tập] đầy đủ [sáu] niệm [xứ]*. Nói đầy đủ [sáu] niệm [xứ] có nghĩa là [thường luôn niệm tưởng chư] Phật, niệm tưởng Chánh pháp, niệm tưởng Chư tăng, niệm tưởng giới luật, niệm tưởng chư thiên, niệm tưởng sự buông xả. Đó gọi là *đầy đủ [sáu] niệm [xứ]*.

“Pháp thứ bảy là *nói lời nhu hòa dễ mến*. Nói lời nhu hòa dễ mến có nghĩa là nói lời đúng thật, lời tốt đẹp, sớt sảng thăm hỏi nhau và nói ra đúng lúc thích hợp với lời nói chân chánh. Đó gọi là *lời nói nhu hòa dễ mến*.

“Pháp thứ tám là *giữ gìn bảo vệ Chánh pháp*. Giữ gìn bảo vệ Chánh pháp có nghĩa là ái mộ Chánh pháp, thường ưa thích sự diễn thuyết, đọc tụng, sao chép, suy xét nghĩa lý của Chánh pháp; phô bày truyền rộng, khiến cho Chánh pháp được lưu truyền khắp nơi. Nếu gặp người sao chép, đọc tụng, ngợi khen xưng tán và suy xét nghĩa lý [Chánh pháp] liền vì người ấy mà tìm kiếm những

món cần thiết cho sự sanh hoạt để mang đến cúng dường, chẳng hạn như y phục, thức ăn uống, giường chiếu, thuốc men... Vì giữ gìn bảo vệ Chánh pháp mà không tiếc thân mạng. Như vậy gọi là *giữ gìn bảo vệ Chánh pháp*.

“Pháp thứ chín là Bồ Tát *ma-ha-tát* khi thấy người cùng mình tu học, cùng mình giữ giới mà có sự thiếu thốn [vật chất], liền tìm đến những người khác mà xin lấy những món như bình bát, y phục của người tu, hoặc những thứ cần dùng để săn sóc khi có bệnh như áo quần, thức ăn uống, giường nằm, chỗ trú ngụ... để cung cấp cho người ấy.

“Pháp thứ mười là *trí tuệ đầy đủ*. Nói trí tuệ có nghĩa là sự quán xét về những đức *thường, lạc, ngã, tịnh* của Như Lai; rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; quán xét hai tướng của pháp, chẳng hạn như *không* và *chẳng không, thường* và *vô thường, lạc* và *vô lạc, ngã* và *vô ngã, tịnh* và *bất tịnh*; những pháp *có thể dứt mất* và những pháp *không thể dứt mất*; những pháp *do duyên mà sanh* và những pháp *do duyên mà thấy*; những pháp *do duyên kết thành quả* và những pháp *không do duyên kết thành quả*. Như vậy gọi là *trí tuệ đầy đủ*.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát [thành tựu] đầy đủ mười pháp, ắt có thể thấy rõ *Niết-bàn* không hình tướng.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Thế Tôn! Như trước đây Phật có bảo *Thuân-đà* rằng: ‘Nay ông đã được thấy tánh Phật, đạt được *Đại Niết-bàn*, thành *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bô-đề*.’ Nghĩa ấy là thế nào?”

“Bạch Thế Tôn! Như trong kinh có dạy rằng: ‘Bố thí cho súc sanh được phước báo gấp trăm lần nhiều hơn [so

với vật thí]; bố thí cho hạng *nhất-xiển-đề* được phước báo gấp ngàn lần; bố thí cho người trì giới được phước báo gấp trăm ngàn lần; bố thí cho hàng ngoại đạo đã dứt phiền não được phước báo vô lượng; cúng dường những bậc *Bốn hướng* cùng *Bốn quả*¹ cho tới *Phật Bích-chi* được phước báo vô lượng; cúng dường hàng Bồ Tát không thối chuyển và thân sau cùng của các vị Đại Bồ Tát,² bậc Như Lai Thế Tôn, thì phước báo đạt được là vô lượng vô biên, không thể nói hết, không thể tính đếm, không thể nghĩ bàn. Nếu Đại sĩ *Thuần-đà* được hưởng phước báo vô lượng như vậy thì không có lúc dứt hết, vậy biết đến khi nào mới đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề*?

“Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại có dạy: ‘Nếu ai hết lòng cố sức tạo các nghiệp lành hoặc nghiệp dữ thì chắc chắn đều có quả báo, hoặc nhận lấy trong đời hiện tại, hoặc trong đời kế tiếp, hoặc trong những kiếp về sau.’ Nghiệp lành của *Thuần-đà* là [ông ấy] hết lòng cố sức tạo ra, vậy nên biết chắc rằng ông ấy sẽ phải nhận lấy phước báo. Nếu chắc chắn sẽ phải nhận lãnh phước báo thì làm sao thành tựu được *A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề*? Làm sao thấy được tánh Phật?

“Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại có dạy: ‘Nếu bố thí cho ba hạng người [sau đây] sẽ được quả báo không bao giờ

¹ Bốn hướng (Tứ hướng) cùng Bốn quả (Tứ quả hay Tứ thánh quả): chỉ các địa vị chứng đắc của hàng Thanh văn từ Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán. *Hướng* hay *hướng vị* là các địa vị đã dứt trừ kiến hoặc, sắp sửa chứng đắc các thánh quả. Mỗi thánh quả có một hướng vị trước đó, như Tu-đà-hoàn hướng cho đến A-la-hán hướng.

² Thân sau cùng: tức là lần thọ thân cuối cùng của một vị Bồ Tát trước khi thành tựu quả Phật. Vị Bồ Tát này cũng được gọi là Bồ Tát Nhất sanh bố xứ.

dứt hết. Một là những người bệnh, hai là bậc cha mẹ và ba là các đấng Như Lai.

“Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại có dạy: ‘Phật bảo A-nan rằng: Tất cả chúng sanh, nếu không có nghiệp trong *Dục giới* liền đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nghiệp ở *Sắc giới* và *Vô sắc giới* cũng vậy.’

“Bạch Thế Tôn! Như trong kinh Pháp cú có kệ rằng:

*Giữa không trung, biển cả,
Hay núi sâu hang thẳm,
Không tránh đến nơi nào,
Thoát khỏi được nghiệp báo.*

“Lại nữa, ông A-na-luật có nói: ‘Bạch Thế Tôn! Con nhớ thuở xưa, nhờ bố thí một bữa ăn mà trong tám muôn kiếp không hề đọa vào *ba đường ác*.’

“Bạch Thế Tôn! Bố thí một bữa ăn còn được phước báo như vậy, huống chi *Thuần-đà* lấy tâm thành tín mà cúng dường Phật, thành tựu trọn vẹn pháp *Bố thí Ba-la-mật*?

“Bạch Thế Tôn! Nếu quả báo của việc lành là không cùng tận, thì quả báo của những việc phỉ báng kinh *Phương đẳng*, phạm năm tội nghịch,¹ hủy bốn giới cấm nặng,² tội *nhất-xiển-đề*, làm sao có thể cùng tận? Nếu quả báo không thể cùng tận, làm sao [những kẻ ấy] có thể thấy được tánh Phật, thành tựu được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*?”

¹ Năm tội nghịch: là các tội giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá sự hòa hợp của Tăng đoàn và làm thân Phật chảy máu (hoặc hủy phá, làm như nhóp hình tượng Phật).

² Bốn giới cấm nặng: là các giới giết người, trộm cướp, dâm dục và nói dối rằng mình đã chứng thánh quả.

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Chỉ có hai hạng người được công đức vô lượng vô biên, không thể tính đếm, không thể nói hết; có thể làm cạn khô dòng sông sanh tử hung bạo, có thể hàng phục bọn ma oán đối nghịch, có thể xô ngã ngọn cờ chiến thắng của ma [đã dựng lên], có thể quay chuyển bánh xe Pháp vô lượng của Như Lai. [Hai hạng người ấy], một là người khéo hỏi, hai là người khéo đáp.

“Thiện nam tử! Trong mười [trí] lực của Phật thì trí lực thấu rõ nghiệp báo¹ là sâu xa nhất. Thiện nam tử! Có những chúng sanh đối với nghiệp duyên trong lòng xem nhẹ không tin nhận. Vì muốn hóa độ họ nên ta mới nói ra những điều như vậy.

“Thiện nam tử! Tất cả các nghiệp được tạo ra có [thể phân làm hai loại là] *ng nghiệp nhẹ* và *ng nghiệp nặng*. Trong mỗi loại nghiệp này lại phân làm hai loại nữa, một là *ng nghiệp nhất định* và hai là *ng nghiệp không nhất định*.

“Thiện nam tử! Như có người nói rằng: ‘Nghiệp ác không có quả báo. Nếu nói rằng nghiệp ác nhất định có quả báo, tại sao ông Khí Hư thuộc hạng *chiên-đà-la* lại được sanh lên cõi trời? Tại sao *Ương-quật-ma-la* được quả giải thoát? Vì nghĩa ấy nên biết rằng nghiệp tạo ra có khi *nhất định có quả báo*, có khi *không nhất định có quả báo*.’

Vì muốn dứt trừ tà kiến [cho rằng nghiệp ác không có quả báo] như vậy nên trong kinh ta mới dạy rằng: ‘Tất cả những nghiệp đã tạo ra đều phải có quả báo.’

¹ Mười trí lực (Thập lực hay Thập trí lực) là mười năng lực trí tuệ của Phật. Trong đó, trí lực thứ hai là Nghiệp dị thực trí lực (業異熟智力). Là năng lực trí tuệ rõ biết tất cả nghiệp báo trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai của tất cả chúng sanh, cùng những mối quan hệ nhân quả của tất cả các nghiệp ấy.

“Thiện nam tử! Có những nghiệp nặng có thể làm cho thành nhẹ; có những nghiệp nhẹ có thể làm cho thành nặng. Không phải tất cả mọi người [đều như nhau], vì có người ngu si, có người trí tuệ. Cho nên phải biết rằng: Không phải tất cả nghiệp đều nhất định phải có quả báo. Tuy không nhất định phải có, nhưng cũng không phải là không có.

“Thiện nam tử! Trong tất cả chúng sanh có hai hạng người: một là người trí tuệ, hai là kẻ ngu si. Nhờ sức của trí tuệ, người trí có thể làm cho nghiệp rất nặng sẽ đọa vào địa ngục chuyển thành nghiệp nhẹ phải chịu ngay trong đời này. Kẻ ngu tuy tạo nghiệp nhẹ trong đời này nhưng sẽ phải chịu quả báo nặng ở địa ngục.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu quả là như vậy thì lẽ ra không cần phải cầu được *Phạm hạnh* thanh tịnh và quả vị giải thoát?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu tất cả nghiệp nhất định đều phải có quả báo thì không cần phải cầu được *Phạm hạnh* và giải thoát. [Nhưng] vì là *không nhất định* nên phải tu hành *Phạm hạnh* và quả giải thoát.

“Thiện nam tử! Nếu có thể lìa xa tất cả nghiệp ác ắt sẽ được quả lành. Nếu lìa xa nghiệp lành ắt phải vướng lấy quả xấu ác. Nếu tất cả nghiệp nhất định phải có quả báo thì không cần phải tu tập Thánh đạo! Nếu không tu tập Thánh đạo thì không được giải thoát. Tất cả thánh nhân sở dĩ tu tập đạo là vì muốn phá trừ [hoặc chuyển hóa] những nghiệp nhất định [phải có quả báo] thành quả báo

nhẹ, những nghiệp không nhất định [phải có quả báo] sẽ thành không có quả báo.

“Nếu tất cả nghiệp đều nhất định phải có quả báo, ắt không cần phải tu tập Thánh đạo. [Nhưng] nếu rời xa việc tu tập Thánh đạo mà được giải thoát thì thật vô lý! Nếu không giải thoát mà đạt được *Niết-bàn*, cũng là vô lý!

“Thiện nam tử! Nếu tất cả nghiệp nhất định phải có quả báo thì khi đã tạo toàn nghiệp lành trong một đời, lẽ ra sẽ thường được hưởng sự an vui mãi mãi; khi đã tạo nghiệp ác rất nặng trong một đời, lẽ ra phải chịu khổ não nặng nề mãi mãi! Nếu nghiệp quả là như thế thì không thể có sự tu tập đạo, không thể có *Niết-bàn* giải thoát!

“Người nào tạo nghiệp đều phải chịu quả báo; *bà-la-môn* tạo nghiệp, *bà-la-môn* chịu quả báo! Nếu là như vậy, lẽ ra không có giai cấp thấp hèn, không có người hạ tiện. Đã được làm người thì lẽ ra sẽ làm người mãi mãi; đã là *bà-la-môn* thì lẽ ra sẽ là *bà-la-môn* mãi mãi! Lúc nhỏ tạo nghiệp, lẽ ra phải chịu quả báo lúc nhỏ, không thể chịu quả báo lúc trung niên hay lúc tuổi già! Lúc tuổi già làm việc ác, sanh vào địa ngục; khi mới mang thân địa ngục lẽ ra chưa chịu quả báo liền mà phải đợi lúc tuổi già mới chịu quả báo! Nếu lúc tuổi già giữ giới không giết hại, lẽ ra không có quả báo được tuổi thọ lúc tráng niên; nhưng nếu không có tuổi thọ lúc tráng niên, làm sao có lúc tuổi già? [Nêu ra những lý như trên là] vì nghiệp [đã tạo] không thể mất. Nếu nghiệp không thể mất, làm sao có việc tu tập đạo [để đạt được] *Niết-bàn*?

“Thiện nam tử! Có hai loại nghiệp, một là *nghiệp nhất định*, hai là *nghiệp không nhất định*. Nghiệp *nhiệt định*

có hai [nghĩa], một là *nhất định* phải chịu quả báo, hai là *có thời điểm nhất định* phải chịu quả báo; hoặc có sự nhất định phải chịu quả báo nhưng không có thời điểm nhất định thọ báo, [chỉ đợi] khi các duyên hội đủ thì quả báo đến, hoặc phải lãnh chịu [vào một] trong ba đời: đời hiện tại, đời kế tiếp và đời về sau.

“Thiện nam tử! Nếu có sự chủ tâm cố ý tạo ra những nghiệp lành dữ, rồi sau đó sanh khởi lòng tin tưởng sâu xa, mừng vui [đối với những việc làm đó]; hoặc nếu phát khởi thệ nguyện cúng dường *Tam bảo*. [Những việc] như thế gọi là *nghiệp nhất định*.

“Thiện nam tử! Người trí vốn có căn lành sâu vững, khó lay chuyển, nên có thể làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. Kẻ ngu si tích lũy nghiệp ác sâu dày nên có thể làm cho nghiệp nhẹ tạo thành quả báo nặng. Vì nghĩa ấy, tất cả các nghiệp [này] đều *không phải là nhất định*.

“Bồ Tát *ma-ha-tát* không hề có nghiệp địa ngục, chỉ vì chúng sanh nên phát khởi nguyện lớn sanh vào địa ngục.

“Thiện nam tử! Thuở xưa, khi đời sống của chúng sanh kéo dài một trăm năm, số chúng sanh chịu quả báo nơi địa ngục nhiều như số cát sông *Hằng*. Ta thấy vậy liền phát nguyện lớn [tự mình] thọ thân địa ngục. Khi ấy [ta là] Bồ Tát, thật không có nghiệp báo như vậy, nhưng vì chúng sanh nên nhận chịu quả báo địa ngục.

“Lúc bấy giờ, ta trải qua vô số năm ở trong địa ngục, vì các tội nhân mà phân biệt giảng rộng *Mười hai bộ kinh*. Mọi người được nghe rồi liền phá trừ quả báo xấu ác, khiến cho địa ngục trở nên trống không, chỉ còn lại riêng

hạng *nhất-xiển-đề*. Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Lại nữa, thiện nam tử! Trong *Hiền kiếp* này có vô lượng chúng sanh đọa vào loài súc sanh, nhận chịu quả báo của nghiệp ác. Ta thấy như vậy lại phát thệ nguyện rằng: ‘Vì muốn thuyết pháp cứu độ chúng sanh, ta sẽ [tự mình] mang các thân hươu nai, gấu, khỉ, rồng, voi, chim *kim sí*, bò câu, cá, rùa, thỏ, rắn, trâu bò, ngựa...

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* thật không có nghiệp ác súc sanh như vậy. Vì cứu độ chúng sanh nên dùng sức đại nguyện mà thị hiện nhận chịu những thân như thế. Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Lại nữa, thiện nam tử! Trong *Hiền kiếp* này lại có vô số chúng sanh đọa vào loài quỷ đói, chỉ ăn toàn những món như đồ nôn mửa, máu mủ từ mỡ, thịt chảy ra, phân, nước tiểu, đàm dãi... Đời sống của họ kéo dài vô số trăm ngàn vạn năm nhưng chưa từng được nghe một tiếng ‘nước’, nói chi đến việc được nhìn thấy và uống [nước]? Giả sử từ xa họ nhìn thấy nước liền muốn đi đến đó, nhưng khi đến nơi thì nước ấy liền hóa thành lửa nóng, thành máu mủ. Nếu như nước ấy không biến dạng thì sẽ có nhiều người cầm gương giáo mà ngăn chặn, níu giữ họ không cho đi tới. Hoặc có khi trời đổ mưa, giọt mưa vừa chạm thân họ liền hóa thành lửa. Đó gọi là quả báo của nghiệp ác.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* thật không có những quả báo nghiệp ác như vậy. Vì muốn giáo hóa chúng sanh

khiến cho họ được giải thoát nên phát thệ nguyện [tự mình] thọ thân như vậy. Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Thiện nam tử! Trong *Hiền kiếp* này ta từng sanh ra trong nhà người đồ tể bán thịt; từng nuôi dưỡng gà, heo, bò, dê, đặt bẫy, săn thú, giăng lưới bắt cá; từng sống chung với kẻ *chiên-đà-la*, giặc cướp, kẻ trộm... [Ta là] Bồ Tát *ma-ha-tát* thật không có những nghiệp ác như vậy, nhưng vì muốn cứu độ chúng sanh, khiến cho họ được giải thoát, nên ta dùng sức nguyện lớn mà thọ những thân như vậy. Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Thiện nam tử! Trong *Hiền kiếp* này ta cũng từng sanh ra ở những nơi tối tăm hẻo lánh, tạo tác nhiều nghiệp tham dục, sân khuể, ngu si; quen làm những việc trái với *Chánh pháp*; không tin vào *Tam bảo*, không tin có quả báo đời sau; không thường cung kính cha mẹ, các bậc thân quyến trưởng bối, bậc kỳ cựu lão thành... Thiện nam tử! Lúc ấy [ta là] Bồ Tát thật không có những nghiệp xấu như vậy. Vì muốn làm cho chúng sanh được giải thoát nên ta dùng sức nguyện lớn mà [thị hiện] sanh vào nơi ấy. Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Thiện nam tử! Trong *Hiền kiếp* này ta cũng từng thọ thân người nữ, thân xấu ác, thân tham lam, thân sân hận, thân ngu si, thân tật đố, thân keo lặn, thân huyễn hóa, thân dối gạt, thân [phiền não] khuất lấp. Thiện nam tử! Lúc bấy giờ, [ta là] Bồ Tát cũng không có những nghiệp

[xấu ác] như thế, chỉ vì muốn cho chúng sanh được giải thoát nên dùng sức nguyện lớn, tự nguyện sanh vào những nơi ấy. Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Thiện nam tử! Trong *Hiền kiếp* này ta cũng từng mang thân *hoạn căn*, *khuyết căn*, *lưỡng căn* hoặc *ái nam ái nữ*.¹ Thiện nam tử! [Ta là] Bồ Tát *ma-ha-tát*, thật không có những thân do nghiệp xấu ác mang đến như vậy, nhưng vì muốn khiến cho chúng sanh được giải thoát nên ta dùng sức nguyện lớn sanh vào trong những hạng người ấy. Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Thiện nam tử! Trong *Hiền kiếp* này ta cũng từng tu tập theo giáo pháp của ngoại đạo *Ni-kiền-tử*; tin và nhận lãnh giáo pháp của họ, [cho rằng] không có bố thí, không có thờ tự; không có quả báo của việc bố thí, thờ tự; không có nghiệp thiện, nghiệp ác, không có quả báo của nghiệp thiện, nghiệp ác; không có đời hiện tại, không có đời vị lai; không có cái này, không có cái kia; không có thánh nhân, không có thân biến hóa; không có đạo [pháp dẫn đến] *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! [Ta là] Bồ Tát thật không có những nghiệp ác như vậy, chỉ vì muốn cho chúng sanh được giải thoát nên dùng sức nguyện lớn mà thọ nhận các tà pháp ấy. Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* nhận chịu nghiệp ác không thuộc về đời hiện tại, đời kế tiếp hay đời về sau.

“Thiện nam tử! Ta nhớ lại thuở xưa, ta với *Đề-bà-đạt-đa* đều là chủ đoàn buôn, [trong đoàn] mỗi người đều có

¹ Là các trường hợp cơ quan sanh dục bất thường, hoặc khiếm khuyết, hoặc không phân biệt rõ nam giới, nữ giới.

năm trăm thương nhân. Chúng ta cùng nhau ra giữa biển cả tìm được các thứ trân bảo mang về để kiếm lợi. Trên đường về, vì những duyên nghiệp xấu ác nên gặp bão tố làm tan nát thuyền bè, người trong đoàn buôn đều chết sạch. Khi ấy, ta với *Đề-bà-đạt-đa* [đều đã từng giữ giới] không giết hại nên được quả báo sống lâu, [vì thế] chỉ bị gió thổi giặt vào đất liền.

“Bấy giờ, *Đề-bà-đạt-đa* tham tiếc những của báu, buồn rầu khổ não nên cất tiếng kêu khóc. Ta liền bảo rằng: ‘*Đề-bà-đạt-đa*! Không nên khóc lóc như vậy.’

“*Đề-bà-đạt-đa* liền bảo ta: ‘Ông hãy nghe cho kỹ đây! Ví như có một người nghèo cùng khốn khổ đi vào bãi tha ma, đưa tay nắm lấy một tử thi và nói rằng: Nay xin ông hãy cho tôi sự chết vui, tôi sẽ cho ông sự sống nghèo khổ. Bấy giờ, tử thi ấy liền ngồi dậy nói với người nghèo kia rằng: Sự sống nghèo khổ ông cứ tự giữ lấy, nay tôi rất vui trong sự chết vui này, thật không ham muốn sự sống nghèo khổ của ông.’¹

“Hôm nay tôi đã không được sự chết vui, lại phải chịu sống cảnh nghèo khổ, làm sao có thể không kêu gào khóc lóc?”

“Ta liền an ủi rằng: ‘Ông đừng buồn rầu. Nay tôi có hai hạt châu giá trị vô cùng, tôi sẽ lấy một hạt tặng cho ông.’ Ta nói rồi liền đưa ngay hạt châu cho *Đề-bà-đạt-đa*, lại bảo ông ta rằng: ‘May còn giữ được mạng sống mới có được vật báu này. Nếu không còn mạng sống, lấy ai mà được của báu?’

¹ *Đề-bà-đạt-đa* kể câu chuyện này có ý nói rằng, thà chết đi còn hơn phải sống nghèo cùng khốn khổ; như người đã chết kia thà chịu cảnh chết chứ không muốn được sống lại mà phải chịu cảnh nghèo khổ.

“Bấy giờ ta mệt mỏi, bèn đi đến một gốc cây nằm nghỉ và ngủ rất say. *Đề-bà-đạt-đa* lòng tham mãnh liệt, vì thấy ta còn một hạt châu liền sanh lòng ác, đâm mù mắt ta rồi giật lấy hạt châu [chạy đi mất]. Lúc ấy ta rất đau đớn nên phát ra tiếng rên la.

“Bấy giờ có một cô gái đi đến chỗ ta hỏi rằng: ‘Ông ơi, vì sao lại rên la như vậy?’ Ta bèn kể rõ ngọn nguồn sự việc. Nàng ấy nghe rồi lại hỏi: ‘Ông tên gì?’ Ta liền đáp: ‘Tôi tên là Nói Thật.’ Cô gái nói: ‘Tôi làm sao có thể biết được là ông nói thật?’ Ta liền phát lời thề rằng: ‘Nếu nay tôi có lòng xấu ác đối với *Đề-bà-đạt-đa* [mà nói lời không thật] thì sẽ mãi mãi phải chịu mù lòa; như tôi không có lòng xấu ác thì mắt tôi sẽ được sáng trở lại như xưa!’

“Ta vừa nói dứt lời, đôi mắt liền bình phục như trước.

“Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* nói về quả báo đời hiện tại.

“Thiện nam tử! Ta nhớ lại thuở xưa, ta sanh trong một nhà *Bà-la-môn* ở thành *Phú-đan-na*, miền nam Thiên Trúc.¹ Thuở ấy có một vị vua tên là *Ca-la-phú*, tánh tình hung bạo độc ác, tự cao kiêu ngạo, thời trai tráng dung mạo xinh đẹp, đắm say trong *năm món dục*. Bấy giờ, vì muốn cứu độ chúng sanh, ta liền ở bên ngoài thành ấy ngồi yên tham thiền.

“Khi đó nhằm đầu mùa xuân, trăm hoa đua nở, nhà vua cùng quyến thuộc và các cung nữ ra khỏi thành du ngoạn, vào trong một rừng cây, mặc tình vui hưởng thú năm dục. Các cung nữ nhân lúc không còn vui đùa với nhà vua liền

¹ Thiên Trúc: tên gọi xưa kia được dùng để chỉ Ấn Độ.

dạo chơi, sau cùng đến chỗ ta ngồi. Lúc ấy, vì muốn dứt trừ lòng tham dục của bọn họ, ta liền vì họ mà thuyết pháp.

“Bấy giờ, nhà vua đi tìm đến nơi, nhìn thấy ta liền sanh lòng ác, hỏi ta rằng: ‘Ông nay có chứng đắc quả *A-la-hán* hay không?’ Ta đáp: ‘Không.’ Vua lại hỏi: ‘Vậy ông có chứng quả *Bát hoàn* hay không?’ Ta đáp: ‘Không.’ Vua lại hỏi: ‘Nay ông chưa chứng đắc hai quả ấy, tức là vẫn còn đủ phiền não tham dục, sao lại dám buông thả tự do ngắm nhìn các cung nữ của trẫm?’

“Ta liền đáp: ‘Đại vương! Ngài nên biết rằng, nay tôi tuy chưa đoạn trừ hết phiền não tham dục, nhưng trong lòng thật không có sự tham muốn vướng mắc.’

“Vua giận nói: ‘Đồ ngu! Đời nay có những vị tu tiên chỉ hớp toàn khí trời, ăn trái cây, mà thấy sắc đẹp vẫn còn tham muốn, hưởng chi như ông đang tuổi tráng niên, chưa đoạn tham dục, làm sao thấy sắc đẹp mà không vướng mắc?’

“Ta đáp: ‘Đại vương! Việc nhìn thấy sắc đẹp không vướng mắc chẳng phải do nơi hớp khí trời, ăn trái cây, mà do ở sự chú tâm vào những lẽ *vô thường, bất tịnh*.’

“Vua nói: ‘Nếu có sự khinh thường mà phải báng kẻ khác, làm sao gọi là tu trì giới hạnh thanh tịnh?’

“Ta đáp: ‘Đại vương! Nếu có lòng đố kỵ mới có sự phỉ báng. Tôi không có lòng đố kỵ, sao gọi là phỉ báng?’

“Vua hỏi: ‘Đại đức! Thế nào gọi là giới?’

“Ta đáp: ‘Đại vương! Nhẫn nhục gọi là giới.’

“Vua nói: ‘Nếu nhần nhục tức là giới, vậy ta sẽ cắt tai của ông. Nếu ông nhần chịu được mới là người trì giới.’

“Nói rồi liền [sai người] cắt tai của ta.

“Bấy giờ, ta bị cắt tai mà sắc mặt vẫn không thay đổi. Quần thần của vua thấy vậy liền can gián rằng: ‘Bậc đại sĩ như thế không nên làm hại thêm nữa.’

“Vua hỏi các quan: ‘Làm sao các khanh biết ông ấy là bậc đại sĩ?’

“Các quan thưa: ‘Vì thấy đang lúc [ông ấy] chịu đau đớn mà sắc mặt vẫn không biến đổi.’

“Vua lại nói: ‘Để ta thử lần nữa mới biết là có biến đổi hay không!’

“Liền đó, vua [sai người] xẻo mũi, rồi chặt đứt tay chân của ta.

“Bấy giờ, [ta là] Bồ Tát đã trải qua vô lượng vô biên kiếp sống tu tập từ bi, thương xót chúng sanh khổ não, cho nên *Bốn vị thiên vương* [thấy việc ấy liền] sanh lòng phần nộ, đổ xuống một trận mưa toàn cát và sỏi đá. Nhà vua thấy vậy hết sức kinh sợ, liền đến chỗ ta quỳ mọp xuống thưa rằng: ‘Xin ngài thương xót cho tôi được sám hối!’

“Ta nói: ‘Đại vương! Lòng ta không hề oán giận [ngài], cũng giống như [trước đây] không hề có tham dục.’

“Vua hỏi: ‘Đại đức! Làm sao tôi biết được rằng trong lòng ngài không sân hận?’

“Ta liền lập lời thề rằng: ‘Nếu tôi quả thật không có sân hận thì khiến cho thân tôi được bình phục như cũ!’ Phát nguyện vừa xong, toàn thân liền bình phục. Đó gọi là Bồ Tát *ma-ha-tát* nói về quả báo đời hiện tại.

“Thiện nam tử! Về quả báo đời kế tiếp và đời sau này của các nghiệp lành và nghiệp ác cũng đều như vậy. Khi Bồ Tát *ma-ha-tát* đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, tất cả các nghiệp đều sẽ có quả báo trong đời hiện tại. Về những nghiệp xấu ác có quả báo trong đời hiện tại, đó là như vị vua kia làm điều ác, liền thấy trời đổ mưa hung bạo, [toàn là cát với sỏi đá]; lại cũng như người kia chỉ cho thợ săn chỗ ở của con gấu trắng, con nai có màu sắc quý, cánh tay người ấy liền [tự nhiên] rơi rụng.¹ Đó gọi là nghiệp xấu ác chịu quả báo ngay trong đời hiện tại.

“Về quả báo đời kế tiếp, đó là như những kẻ *nhất-xiển-đề*, kẻ phạm *bốn giới cấm nặng* và những kẻ phạm *năm tội nghịch*.

“Về quả báo đời về sau, đó là như người trì giới phát lời thệ nguyện sâu rộng: ‘Nguyện trong các đời vị lai, thường được thân giới hạnh trong sạch như thế này. Vào lúc chúng sanh có đời sống kéo dài một trăm năm, hoặc tám mươi năm, ta sẽ làm bậc Chuyển luân Thánh vương để giáo hóa chúng sanh.’

“Thiện nam tử! Nếu nghiệp nhất định phải có quả báo trong đời hiện tại, ắt không thể có quả báo đời kế tiếp [hoặc] đời về sau. Bồ Tát *ma-ha-tát* tu tập các nghiệp [duyên lành] để được *Ba mươi hai tướng tốt* ắt không thể có quả báo trong đời hiện tại. Nếu nghiệp không [chắc chắn rơi vào một trong] ba loại quả báo [đời hiện tại, đời kế tiếp và đời về sau], đó gọi là *không nhất định*.

¹ Theo chuyện tiền thân của đức Phật, con gấu, con nai (là tiền thân của Phật) đều đã từng cứu mạng người kia. Thay vị trả ơn, ông ta lại dẫn thợ săn đến chỉ chỗ ở của gấu, nai. Ngay khi tên vong ân ấy vừa đưa tay chỉ, cánh tay liền đứt rời khỏi người mà rơi xuống đất.

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘Các nghiệp đều nhất định phải có quả báo nên không cần tu tập Phạm hạnh, [không cần] *Niết-bàn* giải thoát’, nên biết rằng [những ai nói như vậy] không phải là đệ tử của Phật, chính là quyền thuộc của ma.

“Nếu nói rằng: ‘Các nghiệp có khi nhất định có quả báo, cũng có khi không nhất định có quả báo. [Trường hợp] nhất định [có quả báo] là phải nhận lãnh quả báo trong đời hiện tại, đời kế tiếp hoặc đời về sau. [Trường hợp] không nhất định [có quả báo] là khi [có đủ] các duyên hợp lại thì phải nhận lãnh quả báo, nếu các duyên không hợp đủ thì không phải nhận lãnh quả báo. Vì nghĩa ấy cho nên phải tu Phạm hạnh, *Niết-bàn* giải thoát.’ Nên biết rằng những người ấy là đệ tử chân thật của Phật, không phải quyền thuộc của ma.

“Thiện nam tử! *Nghiệp không nhất định* của tất cả chúng sanh rất nhiều, *nghiệp nhất định* rất ít. Vì nghĩa ấy nên có việc tu tập [Chánh] đạo. Nhờ tu tập [Chánh] đạo mà có thể khiến cho những nghiệp nhất định nặng nề chỉ phải nhận lãnh quả báo nhẹ; những nghiệp không nhất định thì không phải nhận lãnh quả báo trong đời kế tiếp.

“Thiện nam tử! [Trong tất cả chúng sanh] có hai hạng người. Hạng người thứ nhất luôn làm cho những *nghiệp không nhất định* trở thành *có quả báo nhất định*; những quả báo *đời hiện tại* trở thành *quả báo đời kế tiếp*; những *quả báo nhẹ* trở thành *quả báo nặng*; [những quả báo] lẽ ra phải lãnh chịu trong kiếp người lại trở thành [quả báo] phải lãnh chịu trong địa ngục.

“Hạng người thứ hai có thể làm cho những *ngiệp nhất định* thành ra *không nhất định*; những quả báo lẽ ra phải lãnh chịu vào đời kế tiếp trở thành quả báo ngay trong đời hiện tại; những quả báo nặng thành ra quả báo nhẹ; [những quả báo] lẽ ra phải lãnh chịu trong địa ngục lại trở thành [quả báo] nhẹ trong kiếp người.

“Hai hạng người ấy, một hạng là ngu si, một hạng là có trí tuệ. Hạng có trí tuệ [có thể] làm cho [quả báo nặng] trở thành nhẹ; hạng ngu si khiến cho [quả báo nhẹ] trở thành nặng.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng đắc tội với vua. Người có đông quyền thuộc [xoay xử] thì tội ấy [dù nặng cũng] trở thành nhẹ; người có ít quyền thuộc thì tội [dù] nhẹ [cũng] sẽ trở thành nặng.

“Kẻ ngu si và người trí tuệ cũng giống như vậy. Người trí tuệ có *nhều nghiệp lành* nên tội nặng có thể chịu quả báo nhẹ; kẻ ngu si *ngiệp lành quá ít* nên tội nhẹ phải chịu quả báo nặng.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng sa xuống vũng lầy sâu. Một người to khỏe, một người gầy ốm. Người to khỏe có thể ra khỏi vũng lầy, còn người gầy ốm ắt phải lún sâu chìm mất.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng trúng thuốc độc. Một người có sức [trì niệm] thần chú và có thuốc *a-già-dà*;¹ người kia thì không có gì cả. Người có thần chú và thuốc hay ắt không bị tổn hại vì độc, người không có thần chú và thuốc, vừa uống thuốc độc vào phải chết ngay.

¹ A-già-dà, phiên âm từ Phạn ngữ là *agada*, dịch nghĩa là vô bệnh, chỉ một loại thuốc có công năng trị được bá bệnh và giải trừ được mọi thứ thuốc độc.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng uống quá nhiều nước gạo. Một người có [thể trạng] hỏa vượng, mạnh mẽ; người kia thì yếu ớt. Người có [thể trạng] mạnh mẽ ắt đủ sức tiêu hóa; còn người yếu ớt ắt [không tiêu hóa được] phải thành bệnh.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng bị vua bắt giữ. Một người có trí tuệ, một người thì ngu si. Người có trí tuệ ắt có thể thoát ra được; còn người ngu si không bao giờ thoát được!

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng đi trên con đường hiểm trở. Một người sáng mắt, một người mù lòa. Người sáng mắt thẳng đường đi qua không gặp tai nạn gì; người mù lòa phải bị té ngã, rơi xuống hố sâu hiểm trở.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng uống rượu. Một người ăn nhiều thức ăn, một người ăn rất ít. Người ăn nhiều thì uống rượu không có hại; người ăn quá ít ắt phải thành bệnh.

“Thiện nam tử! Ví như có hai người cùng ra trận đánh nhau với giặc. Một người trang bị đầy đủ khí giới, một người chỉ đi tay không. Người đầy đủ khí giới có thể đánh tan quân giặc; còn người đi tay không ắt không thể tự bảo vệ.

“Lại có hai người bị phần dơ dính vào áo. Một người biết vậy rồi liền đi giặt áo; một người tuy biết mà không đi giặt. Người đi giặt rồi thì áo được sạch sẽ; người không chịu giặt thì áo ngày càng dơ nhờn hơn.

“Lại như có hai người đều dùng xe để đi. Một xe có đủ trục bánh xe và nan hoa; một xe lại không có. Xe có đủ

trục và nan hoa thì tùy ý ra đi; còn xe không có trục và nan hoa ắt không thể di chuyển được.

“Lại như có hai người cùng nhau đi qua đường xa vắng vẻ. Một người mang theo lương thực, một người chỉ đi tay không. Người có lương thực ắt qua khỏi được chỗ hiểm trở; còn người đi tay không ắt không thể qua được.

“Lại như có hai người cùng bị giặc cướp. Một người có kho báu chôn giấu; một người không [có gì] chôn giấu. Người có kho báu đã chôn giấu ắt không phải lo buồn; người không [có gì] chôn giấu ắt phải sanh lòng sầu não. Kẻ ngu si và người trí tuệ cũng giống như vậy. Người có kho nghiệp lành chôn giấu thì dù nghiệp nặng cũng chỉ chịu quả báo nhẹ. Kẻ không có kho nghiệp lành thì dù nghiệp nhẹ mà phải chịu quả báo nặng.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa dạy đó, không phải tất cả các nghiệp đều có quả báo nhất định, cũng không phải tất cả chúng sanh đều nhất định phải chịu quả báo.

“Bạch Thế Tôn! Làm sao chúng sanh có thể khiến cho quả báo nhẹ trong đời hiện tại lại thành ra quả báo nặng trong địa ngục? Làm sao có thể khiến cho quả báo nặng trong địa ngục chuyển thành quả báo nhẹ lãnh chịu trong đời hiện tại?”

Phật dạy: “Trong tất cả chúng sanh có hai hạng người, một là những người có trí tuệ, hai là những kẻ ngu si.

“Những ai thường tu tập *thân, giới, tâm, tuệ*, đó gọi là người có trí tuệ. Những ai không thường tu tập *thân, giới, tâm, tuệ*, đó gọi là kẻ ngu si.

“Thế nào gọi là không tu *thân*? Nếu không thường nhiếp phục năm căn thì gọi là *không tu thân*. Nếu không thường giữ theo *bảy phần giới thanh tịnh*,¹ đó gọi là *không tu giới*. Nếu không điều phục tâm, đó gọi là *không tu tâm*. Không tu tập *Thánh hạnh* gọi là *không tu tuệ*.

“Lại nữa, người không tu *thân* thì không thể được đầy đủ giới thể thanh tịnh. Người không tu *giới* là thọ nhận và chứa trữ *tám thứ vật bất tịnh*. Người không tu *tâm* là vì không thường tu tập *ba loại tướng*.² Người không tu *tuệ* là vì không tu tập *Phạm hạnh*.

“Lại nữa, người không tu *thân* thì không thể quán xét thân; không thể quán xét *sắc* và tướng của *sắc*; không quán xét tướng của thân, không biết được số lượng thân; không biết được rằng thân này từ nơi đây đi đến nơi kia; đối với chỗ không thuộc về thân khởi lên ý tưởng cho là thân; đối với chỗ không thuộc về *sắc* khởi lên ý tưởng cho là *sắc*. Do đó mà tham muốn vướng mắc nơi thân và số lượng thân của mình. Đó gọi là *không tu thân*.

“Người không tu *giới* là nói những ai thọ nhận giới thấp kém, [như vậy] không gọi là tu *giới*. [Chẳng hạn] như thọ trì giới thiên lệch; giữ giới vì lợi riêng; giữ giới vì lo tính cho riêng mình, không thể làm cho khắp các chúng sanh đều được an vui; không vì sự giữ gìn bảo vệ *Chánh pháp vô thượng*, chỉ vì để được sanh lên cõi trời thọ hưởng khoái lạc *năm dục*. [Như vậy] không gọi là tu *giới*.

“Người không tu *tâm*, nếu tâm bị tán loạn thì không

¹ Giới luật do Phật chế định nhìn tổng quát có bảy phần, giữ gìn trọn vẹn không phạm vào gọi là bảy giới thanh tịnh. Bảy phần đó gồm có các giới: 1. Ba-la-di, 2. Tăng tàn, 3. Thân-lan-già, 4. Ba dật dề, 5. Đề-xá-ni, 6. Đột-kiết-la, 7. Ác thuyết.

² Ba loại tướng đã giảng ở trước, là tướng định, tướng trí tuệ và tướng buông xả.

thể tập trung về một mối để giữ lấy cảnh giới của mình. Cảnh giới của mình tức là *Bốn niệm xứ*. Cảnh giới bên ngoài là nói *năm món dục*. Nếu không thường tu tập *Bốn niệm xứ* thì gọi là *không tu tâm*. Đối với nghiệp ác không khéo gìn giữ tâm mình, đó gọi là *không tu tuệ*.

“Lại nữa, người không tu thân không thể quán xét sâu xa thân này là không thường tồn, không an trụ; là mong manh dễ mất, liên tục hoại diệt trong từng niệm tưởng, chính là cảnh giới của ma.

“Người không tu *giới* thì không thể thành tựu trọn vẹn *Trì giới Ba-la-mật*. Người không tu *tâm* thì không thể thành tựu trọn vẹn *Thiền Ba-la-mật*. Người không tu *tuệ* thì không thể thành tựu trọn vẹn *Bát-nhã Ba-la-mật*.

“Lại nữa, người không tu *thân* thì tham muốn vương mắc nơi [cái gọi là] thân ta và thân thuộc về của ta; [cho rằng] thân ta là thường hằng, không có sự biến đổi.

“Người không tu *giới*, vì [sự ham muốn của] tự thân mà tạo tác *mười nghiệp ác*. Người không tu *tâm*, đối với các nghiệp ác không thể thấu nhiếp [điều phục] được tâm. Người không tu *tuệ*, vì không thấu nhiếp [điều phục] được tâm nên không phân biệt được các pháp thiện, ác.

“Lại nữa, người không tu *thân* không dứt trừ được *kiến chấp về bản ngã*. Người không tu *giới* không dứt trừ được kiến chấp câu nệ về giới. Người không tu *tâm* [thường] tạo tác những nghiệp tham lam, sân hận, hướng về địa ngục. Người không tu *tuệ* không dứt trừ được tâm ngu si.

“Lại nữa, người không tu *thân* không thể quán xét rằng thân này tuy không tự có lầm lỗi, nhưng thường là kẻ thù của ta. Thiện nam tử! Ví như một chàng trai kia có kẻ thù

thường theo đuổi, luôn rình rập mong có cơ hội thuận tiện [để làm hại]. Người có trí khi biết như vậy liền chú tâm cẩn thận phòng vệ. Nếu không cẩn thận phòng vệ ắt sẽ bị kẻ thù làm hại. Cái thân của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, thường phải dùng sự ăn uống, sự [điều hòa] nóng lạnh để nuôi dưỡng, giữ gìn. Nếu không thận trọng giữ gìn như vậy, ắt [thân] sẽ bị tan rã hư hoại.

“Thiện nam tử! Như người *bà-la-môn* thờ thần lửa, thường dùng hương hoa ngợi khen xưng tán, lễ bái, cúng dường, phụng sự suốt cả trăm năm. Nhưng một khi chạm tay vào lửa thì bàn tay liền bị [lửa] thiêu đốt. Tuy lửa được sự cúng dường như vậy nhưng không hề có một chút ý niệm báo đáp ơn người phụng sự. Thân của chúng sanh cũng giống như vậy, tuy suốt trong nhiều năm [chúng sanh] luôn dùng những hương thơm hoa đẹp, chuỗi ngọc, áo quần, thức ăn uống, chỗ nằm ngò, thuốc thang trị bệnh... mà phục vụ cho nó, nhưng một khi gặp phải những nhân duyên xấu ác ở trong thân hoặc ngoài thân, thân ấy liền hư hoại diệt mất, không hề nhớ tưởng đến cái ơn cung cấp sự ăn mặc trong những ngày qua!

“Thiện nam tử! Ví như một vị vua nhốt bốn con rắn độc trong một cái giỏ tre, rồi giao cho một người lo việc trông nom, nuôi dưỡng. Trong bốn con rắn ấy, nếu có một con nổi giận ắt có thể hại người. Người nuôi rắn hết sức lo sợ, thường tìm đủ các thức ăn uống, tùy lúc mà giữ gìn, phòng vệ. Loài rắn độc *bốn đại* của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy. Nếu một *đại* trong *bốn đại* ấy nổi giận, ắt có thể làm hư hoại thân.

“Thiện nam tử! Như một người bệnh đã lâu, phải hết lòng cầu thầy chữa trị. Nếu không nỗ lực chữa trị thì chắc chắn phải chết. Thân này của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, phải thường nhiếp phục tâm, không để cho buông thả, lười nhác. Nếu buông thả, lười nhác ắt phải hư hoại.

“Thiện nam tử! Ví như cái bình đất chưa nung không chịu nổi gió mưa, đánh, ném, đẩy, ép... Thân của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, không chịu nổi đói khát, gió mưa lạnh nóng, đánh đập chửi mắng...

“Thiện nam tử! Ví như ung nhọt chưa muối phải thường khéo giữ gìn không để người khác chạm vào. Nếu có ai chạm vào ung nhọt ấy thì rất đau đớn. Thân của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Như con la mang thai là tự hại thân mình.¹ Thân của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy; bên trong có [bệnh] phong lạnh ắt phải bị hại.

“Thiện nam tử! Ví như cây chuối sau khi cho trái rồi thì thân cây phải khô rụi. Thân của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Lại như trong thân cây chuối không có gì cứng chắc. Thân của tất cả chúng sanh cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Như các loài rắn, chuột, chó sói, thường oán ghét lẫn nhau. *Bốn đại* của chúng sanh cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như con ngỗng chúa không thích

¹ Vì con la sau khi sanh con chắc chắn phải chết.

những bãi tha ma. Bồ Tát cũng vậy, đối với cái thân như bãi tha ma này không hề ham muốn, ưa thích.

“Thiện nam tử! Ví như hạng *chiên-đà-la*, qua bảy đời nối tiếp nhau không bỏ được nghiệp *chiên-đà-la* nên bị người khác khinh miệt. Mâm giống của thân này cũng vậy; mâm giống là tinh huyết xét cho cùng đều là bất tịnh. Vì bất tịnh nên bị chư Phật, Bồ Tát khinh chê, quở trách.

“Thiện nam tử! Thân này không như núi *Ma-la-da*¹ sanh cây *chiên-đàn*, cũng không sanh được hoa *ưu-bát-la*, hoa *phân-đà-ly*, hoa *chiêm-bà*, hoa *ma-ly-ca*, hoa *bà-sư-ca*. Trong thân này có chín lỗ² thường chảy ra máu mủ, những chất không sạch. [Thân này] sanh ra từ nơi hôi hám, xấu xa đáng ghét, lại thường sống chung với các loài trùng.³

“Thiện nam tử! Ví như trong thế gian này tuy có những cảnh vườn rừng tốt đẹp thanh tịnh, nhưng nếu đem xác chết ném vào thì trở thành ô uest, ai nấy đều bỏ đi, không còn tham muốn, vướng mắc. Trong cảnh giới hình sắc cũng vậy, tuy có những cảnh tốt đẹp thanh tịnh, nhưng vì có thân [bất tịnh] nên chư Phật, Bồ Tát đều buông bỏ.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BA MƯƠI MỐT

¹ Ma-la-da, phiên âm từ Phạn ngữ là Malaya, cũng đọc là Ma-la-diên, là tên một ngọn núi nằm ở miền nam Ấn Độ, thuộc nước Ma-la-da. Nơi đây có nhiều gỗ thơm *chiên-đàn*, đặc biệt là loại *chiên-đàn* trắng.

² Chín lỗ: chỉ 2 mắt, 2 tai, 2 mũi, 1 miệng và 2 lỗ đại tiểu tiện.

³ Trong thân người luôn có các loại trùng ký sanh, từ những con vi trùng cực nhỏ cho đến các loài giun sán...

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BA MƯƠI HAI

PHẨM BỒ TÁT SỬ TỬ HỒNG

Phẩm thứ mười một – Phần sáu

Thiện nam tử! Nếu ai không thể quán xét như vậy thì gọi là *không tu thân*.

“Thiện nam tử! Không tu giới là những ai không thể quán xét rằng: ‘Giới là nấc thang đi lên của tất cả pháp lành. Giới cũng là căn bản của tất cả các pháp lành, cũng như đất là nguồn gốc sanh ra tất cả cây cối. Giới là pháp đứng đầu dẫn dắt các căn lành, như vị thương chủ dẫn dắt đoàn người đi buôn. Giới là ngọn cờ chiến thắng của tất cả pháp lành, cũng như ngọn cờ chiến thắng của vị *Đế-thích* [vua] cõi trời dựng lên. Giới có thể dứt trừ mãi mãi tất cả các nghiệp ác và *ba đường ác*; có thể trị lành các bệnh dữ, giống như loại cây thuốc. Giới là lương thực để dùng trên con đường sanh tử hiểm trở. Giới là áo giáp và binh khí để phá trừ bọn giặc ác phiền não. Giới là thần chú linh nghiệm để diệt trừ rắn độc phiền não. Giới là cây cầu bắc ngang để đi qua các nghiệp ác.

“Những ai không thể quán xét như vậy gọi là *không tu giới*.

“Người *không tu tâm* là không thể quán xét rằng tâm luôn xao động nhanh nhẹ, khó nắm giữ, khó điều phục,

chạy đuổi buông lung như con voi lớn dữ tợn; niệm niệm nối nhau nhanh chóng như tia chớp điện; xao động không yên như loài khỉ vượn, như huyền hóa, như khí nóng; chính là nguồn gốc của tất cả mọi điều ác; năm món dục khó làm cho thỏa mãn, chỉ như lửa gặp củi, như biển cả nuốt hết các dòng sông, như núi *Mạn-đà* [ôm trọn] cây cỏ sum suê.

“[Người không tu tâm] không thể quán xét rằng sanh tử là hư vọng, say đắm mê lầm đến nỗi tai hại, như con cá nuốt lưỡi câu; [tâm] thường đi trước dẫn dắt các nghiệp theo sau, như con sò mẹ dẫn dắt bầy con;¹ [vọng tâm này] tham muốn vướng mắc *năm món dục*, chẳng ưa thích *Niết-bàn*, như con lạc đà ăn mật cho đến chết cũng không ngoái nhìn tới cỏ rơm; [vọng tâm này] đắm sâu trong sự vui sướng hiện tiền, không quán xét sự nguy hại về sau, như con trâu tham ăn lúa mạ chẳng sợ cái đau gậy đánh; [vọng tâm này] chạy đuổi lăng xăng khắp trong *hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*, như gió mạnh thổi tung những cánh hoa nhẹ; đối với những việc không nên mong cầu [thì vọng tâm này] lại mong cầu không chán, như kẻ ngu si mong được thứ lửa không nóng; [vọng tâm này] thường ưa thích sanh tử, chẳng mong giải thoát, như con sâu *nhâm-bà* ưa thích cây *nhâm-bà*;² [vọng tâm này] mê lầm tham luyến vướng mắc chốn sanh tử xấu xa nhơ nhớp, như kẻ tù nhân ưa thích con gái người cai ngục, lại như con lợn

¹ Nguyên bản Hán văn dùng bối mẫu (貝母), là cách nói tắt so với thí dụ được dẫn trong nhiều kinh luận khác là ngư vương bối mẫu (魚王貝母), đưa ra hình ảnh con cá đầu đàn hay con sò khi kiếm ăn dưới biển sâu, chúng đi đến đâu thì cả bầy theo sau đến đó, cũng như tâm ý dẫn dắt các nghiệp lành dữ theo sau.

² Nhâm-bà, phiên âm từ Phạn ngữ là *nimba*, cũng đọc là nhậm-bà, nhẫm-bà, là tên một loài cây hình dáng tương tự như cây xoan, có tên khoa học là *azadirachta indica*.

trong chuồng ư sổng chồ như nhớp. Những ai không thể quán xét như vậy gọi là *không tu tâm*.

“Người không *tu tuệ* là không quán xét rằng trí tuệ có thể lực mạnh mẽ như chim *kim sí*, có thể phá trừ nghiệp ác, phá trừ vô minh tăm tối, như ánh sáng mặt trời đẩy lùi bóng cây, như dòng nước cuốn phăng đi mọi vật. Trí tuệ như ngọn lửa mạnh đốt cháy tà kiến. Trí tuệ là căn bản của tất cả các pháp lành. Trí tuệ là hạt giống sanh ra chư Phật, Bồ Tát. Những ai không quán xét như vậy gọi là *không tu tuệ*.

“Thiện nam tử! Xét theo chân lý rốt ráo, nếu ai thấy rằng có thân, có tướng của thân, nhân của thân, quả của thân, thân tích tụ, một thân, hai thân... thân này, thân kia, thân diệt mất, thân bình đẳng, thân tu, người tu [thân]. Những ai có chỗ thấy như vậy gọi là *không tu thân*.

“Thiện nam tử! Nếu ai thấy rằng có giới, có tướng của giới, nhân của giới, quả của giới, giới cao thượng, giới thấp hèn, giới tích tụ, một giới, hai giới... giới này, giới kia, giới diệt mất, giới bình đẳng, giới tu, người tu [giới], *Giới Ba-la-mật*. Những ai có chỗ thấy như vậy gọi là *không tu giới*.

“Nếu thấy rằng có tâm, có tướng của tâm, nhân của tâm, quả của tâm, tâm tích tụ, tâm và tâm sở, một tâm, hai tâm... tâm này, tâm kia, tâm diệt mất, tâm bình đẳng, tâm tu, người tu [tâm], [thấy có] các tâm cao cả, trung bình, thấp kém, tâm thiện, tâm ác. Những ai có chỗ thấy như vậy gọi là *không tu tâm*.

“Thiện nam tử! Nếu ai thấy rằng có trí tuệ, có tướng trí tuệ, nhân của tuệ, quả của tuệ, tuệ tích tụ, một tuệ, hai

tuệ... tuệ này, tuệ kia, tuệ diệt mất, tuệ bình đẳng, tuệ cao trở, tuệ trung bình, tuệ thấp kém, tuệ chậm lụt, tuệ lanh lợi, tuệ tu, người tu [tuệ]. Những ai có chỗ thấy như vậy gọi là *không tu tuệ*.

“Thiện nam tử! Những ai không tu tập *thân, giới, tâm, tuệ* như vậy thì với nghiệp ác nhỏ cũng phải chịu quả báo xấu ác lớn lao. [Những người ấy] vì sợ sệt nên thường nghĩ rằng: ‘Ta [vốn] thuộc về địa ngục, [chỉ] làm những việc [khiến vào] địa ngục.’

“[Những người ấy] tuy nghe người có trí nói về sự khổ ở địa ngục nhưng lại thường tự nghĩ rằng: ‘Như sắt đập sắt, đá lại đập đá, cây tự đập vào cây, loài sâu lửa ưa thích ở trong lửa; thân địa ngục là tương tự với địa ngục. Nếu tương tự với địa ngục thì [vào địa ngục] có gì là khổ?’

“Ví như con nhặng xanh đeo dính vào bãi dằm, không tự thoát ra được; những người ấy cũng thế, tuy ở trong tội nhỏ cũng không thể tự thoát ra được, trong lòng không một chút ăn năn hối tiếc, không biết tu thiện, thường che giấu lỗi lầm. Tuy thưở quá khứ đã từng có đủ mọi nghiệp lành nhưng bị tội [nhỏ ngày nay] làm cho nhớ xấu.

“Những người không tu tập *thân, giới, tâm, tuệ*, tuy có quả báo nhẹ trong đời hiện tại nhưng lại chuyển thành quả báo xấu ác rất nặng phải đọa vào nơi địa ngục!

“Thiện nam tử! Ví như bình nước nhỏ cho vào một thăng¹ muối, nước liền trở nên quá mặn không thể uống được. Nghiệp tội của những người không tu tập *thân, giới, tâm, tuệ* cũng giống như vậy.

¹ Thăng: đơn vị đo lường ngày xưa, bằng một phần mười của đấu.

“Thiện nam tử! Ví như người [quá nghèo] thiếu nợ kẻ khác chỉ một đồng tiền nhưng không trả nổi, vì vậy phải chịu giam cầm, đủ mọi sự khổ. Nghiệp tội của những người không tu tập *thân, giới, tâm, tuệ* cũng giống như vậy.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà những người ấy lại khiến cho quả báo nhẹ trong đời hiện tại chuyển thành quả báo [nặng nề] phải lãnh chịu trong địa ngục?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh, nếu vướng đủ vào *năm việc* sẽ khiến quả báo nhẹ trong đời hiện tại chuyển thành quả báo [nặng nề] phải lãnh chịu trong địa ngục. Những gì là năm? Một là vì ngu si, hai là vì căn lành ít ỏi, ba là vì nghiệp ác sâu nặng, bốn là vì không biết sám hối, năm là vì không tu tập nghiệp lành căn bản.

“Lại có năm [nguyên nhân khác]. Một là vì quen học và làm theo nghiệp ác, hai là vì không hộ trì *năm giới* căn bản,¹ ba là vì xa lìa các căn lành, bốn là vì không tu tập *thân, giới, tâm, tuệ*, năm là vì gần gũi những kẻ xấu ác.

“Thiện nam tử! Vì [những nhân duyên như trên] nên [chúng sanh] có thể làm cho quả báo nhẹ trong đời hiện tại chuyển thành tội nặng phải lãnh chịu trong địa ngục.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Những ai có thể làm cho tội báo [nặng nề trong] địa ngục có thể trở thành quả báo nhẹ nhận chịu ngay trong đời này?”

¹ Hộ trì năm giới căn bản: nguyên bản Hán văn dùng giới tài (戒財), hàm ý “giới là tài sản quý giá của người tu tập”. *Tập dị môn luận* (集異門論) quyển 15, từ 13 giải thích rằng: “Những ai lìa xa sự giết hại, lìa xa sự trộm cắp, lìa xa tà hạnh dâm dục, lìa xa lời nói dối trá, lìa xa việc uống các loại rượu; đó gọi là *giới tài*.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những ai tu tập *thân, giới, tâm, tuệ* như vừa nói trên, thường quán xét các pháp đồng như hư không, không [phân biệt] thấy có trí tuệ cùng người có trí, chẳng thấy có sự ngu si cùng kẻ ngu si, chẳng thấy có sự tu tập cùng người tu tập. Đó gọi là bậc trí, có thể tu tập *thân, giới, tâm, tuệ*. Người như vậy có thể làm cho tội báo [nặng nề phải vào] địa ngục trở thành quả báo nhẹ nhận chịu ngay trong hiện tại.

“Người như vậy, ví như có tạo ra nghiệp ác hết sức nặng nề cũng tự suy niệm quán xét [thấy là] có thể khiến cho [nghiệp ác ấy] trở thành rất nhỏ nhặt. [Người ấy] suy nghĩ rằng: ‘Nghiệp [ác] của ta tuy nặng nhưng vẫn không bằng nghiệp [lành].’ Ví như bông vải dù nhiều đến trăm cân [giá trị] cũng không bằng một lượng vàng ròng. Như cho vào nước sông *Hằng* một thặng muối thì nước sông không hề có vị mặn, người uống không thể nhận biết được. Như người giàu có lớn, tuy có nợ nần kẻ khác rất nhiều, đến ngàn muôn thứ vật báu, nhưng [vẫn đủ sức trả, nên] không thể bị giam cầm hay phải chịu khổ. Như con voi to lớn đủ sức bứt đứt dây xích sắt mà ra đi tự do.

“Người có trí tuệ cũng giống như vậy, thường suy xét rằng: ‘Nghiệp lành của ta tăng thêm nhiều mạnh thì nghiệp ác phải suy tổn, yếu ớt. Ta có thể bộc lộ và sám hối để trừ đi nghiệp ác, có thể tu tập trí tuệ. [Nếu] trí tuệ tăng thêm nhiều mạnh thì vô minh tăm tối phải suy yếu đi.’

“Suy nghĩ như vậy rồi liền gạn gũi những bạn lành, tu tập *Chánh kiến*, thọ trì, tụng đọc, sao chép, giảng nói *Mười hai bộ kinh*; nếu thấy ai thọ trì, tụng đọc, sao chép,

giảng nói [*Mười hai bộ kinh*] liền sanh tâm cung kính, dùng đủ các thứ y phục, thức ăn uống, chỗ ngủ nghỉ, nằm ngò, thuốc men, hương hoa mà cúng dường, ngợi khen xưng tán, tôn trọng. Người ấy dù đi đến đâu cũng hết lời ngợi khen chỗ hay tốt, hiền thiện của người khác, không chê bai chỗ xấu dở, khiếm khuyết. Người ấy cúng dường *Tam bảo*, cung kính tin theo kinh *Phương đẳng Đại Niết-bàn*, rằng Như Lai là thường tồn, không hề biến đổi; rằng *tất cả chúng sanh đều có tánh Phật*. Người như vậy có thể khiến cho tội báo nặng [sẽ phải đọa] vào địa ngục trở thành quả báo nhẹ, nhận chịu ngay trong đời này.

“Thiện nam tử! Vì nghĩa ấy nên không phải tất cả các nghiệp đều có quả báo nhất định, cũng không phải tất cả chúng sanh đều nhất định phải nhận lãnh quả báo.”¹

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu tất cả các nghiệp đều không nhất định có quả, nếu tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, lẽ ra phải tu tập *Tám Thánh đạo*. Vậy do duyên có gì mà tất cả chúng sanh đều không đạt được Đại Niết-bàn?”

“Bạch Thế Tôn! Nếu như tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, nhất định rồi sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, vậy cần gì phải tu tập *Tám Thánh đạo*?”

“Bạch Thế Tôn! Như trong kinh này đã dạy, có những bệnh nhân dù gặp thầy gặp thuốc, có người chăm sóc, tùy bệnh mà cho ăn uống; hoặc không có được [những điều kiện ấy], rồi cũng đều khỏi bệnh. Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy; dù có được gặp hàng Thanh văn, Phật

¹ Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 29, bắt đầu quyển 30, phẩm Bồ Tát Sư Tử Hống phần thứ 6 (Sư Tử Hống Bồ Tát phẩm chi lục)

Bích-chi, Bồ Tát, các bậc thiện tri thức, được nghe thuyết pháp, tu tập *Thánh đạo*; hoặc không được gặp, không được nghe, không tu tập đạo, rồi cũng đều sẽ được thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì sao vậy? Vì [họ đều] có tánh Phật.

“Bạch Thế Tôn! Ví như không ai có thể ngăn chặn mặt trời, mặt trăng không cho đi về phía núi *Át-đa*; cũng không ai có thể ngăn chặn bốn con sông cái không cho chảy vào biển cả; cũng không ai có thể ngăn chặn hạng *nhất-xiển-đề* khiến họ không vào địa ngục. Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, không ai có thể ngăn chặn khiến họ không đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì sao vậy? Vì [họ đều] có tánh Phật.

“Bạch Thế Tôn! Vì nghĩa ấy, tất cả chúng sanh không cần tu tập đạo. Vì nhờ sức của tánh Phật mà có thể đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* chứ không cần đến sức tu tập *Thánh đạo*.

“Bạch Thế Tôn! Nếu như hạng *nhất-xiển-đề*, những kẻ phạm *Bốn trọng cấm*, phạm *Năm tội nghịch* đều không thể đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, thì mới nên tu tập. Nhưng nhờ có tánh Phật nên chắc chắn rồi bọn họ đều sẽ đạt được [*A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*]; không phải nhân nơi việc tu tập rồi sau mới đạt được.

“Bạch Thế Tôn! Ví như đá nam châm, tuy ở xa [mặt] sắt, nhưng do sức hút mà [mặt] sắt phải hướng theo nó. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, nên không cần phải tu tập [Thánh] đạo.”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Như ven bờ sông Hằng có bảy hạng người vì muốn tắm rửa,

hoặc vì sợ giặc cướp, hoặc vì hái hoa mà [nhảy] xuống nước [để qua] sông.

“*Hạng người thứ nhất* vừa nhảy xuống nước thì bị chìm hẳn. Vì sao vậy? Vì yếu ớt không sức lực, không luyện tập bơi lội.

“*Hạng người thứ nhì* tuy bị chìm xuống nhưng rồi lại nổi lên; nổi lên rồi lại chìm hẳn xuống. Vì sao vậy? Vì có sức lực mạnh mẽ nên nổi lên được, nhưng không luyện tập bơi lội nên nổi lên rồi lại chìm trở xuống.

“*Hạng người thứ ba* chìm xuống rồi nổi lên; nổi lên rồi thì không chìm xuống nữa. Vì sao vậy? Vì thân thể nặng nên [vừa xuống liền bị] chìm, nhưng có sức lực mạnh mẽ nên nổi lên được, và nhờ có luyện tập bơi lội nên nổi lên rồi thì có thể ở lại trên mặt nước.

“*Hạng người thứ tư* tuy bị chìm xuống nhưng rồi lại nổi lên; nổi lên rồi thì ở yên trên mặt nước; rồi sau đó quay nhìn khắp bốn hướng. Vì sao vậy? Vì thân thể nặng nên chìm; vì có sức lực mạnh nên nổi trở lên; vì có luyện tập bơi lội nên ở lại được trên mặt nước, nhưng vì không biết mình nổi lên ở chỗ nào nên quay nhìn khắp bốn hướng.

“*Hạng người thứ năm* xuống nước liền chìm, chìm rồi lại nổi; nổi lên rồi thì ở lại trên mặt nước; sau đó quay nhìn các hướng rồi bơi đi. Vì sao vậy? Vì có lòng sợ sệt.

“*Hạng người thứ sáu* rơi xuống nước rồi liền bơi đi, gặp chỗ cạn liền dừng lại. Vì sao vậy? Để nhìn xem giặc cướp ở gần hay ở xa.

“*Hạng người thứ bảy* bơi được đến bờ bên kia rồi liền đi lên núi cao, không còn lo sợ nữa, xa lìa khỏi bọn giặc thù, [an ổn nên] hưởng được niềm vui sướng lớn.

“Thiện nam tử! Dòng sông lớn sanh tử cũng giống như vậy. Ở đó có bảy hạng người vì sợ bọn giặc cướp phiến não nên khởi ý muốn vượt qua sông lớn sanh tử.

“[Có những người] xuất gia, cạo tóc, mặc y phục người tu. Nhưng xuất gia rồi lại gần gũi bạn xấu, làm theo lời dạy của những kẻ ấy, nghe và thọ nhận những tà pháp như là: ‘*Thân của chúng sanh tức là năm ám. Năm ám tức là năm đại. Nếu chúng sanh chết đi thì mãi mãi dứt bỏ năm đại. Vì năm đại đã dứt, cần gì phải tu tập các nghiệp thiện ác? Vì vậy nên phải biết rằng không có việc thiện, việc ác cùng những quả báo thiện, ác.*’ [Tin hiểu] như vậy gọi là *nhất-xiển-đề*. *Nhất-xiển-đề* gọi là dứt mất căn lành. Vì dứt mất căn lành nên chìm hẳn xuống dòng sông sanh tử không thể nổi lên. Vì sao vậy? Vì nghiệp ác nặng và không có sức mạnh của đức tin. Cũng giống như *hạng người thứ nhất* ở ven sông Hằng [vừa nói ở trên].

“Thiện nam tử! Hạng *nhất-xiển-đề* có sáu nhân duyên khiến cho phải chìm sâu trong *ba đường ác* không thể ra khỏi. Những gì là sáu? Một là vì tâm xấu ác quá mạnh; hai là vì không thấy [có] đời sau; ba là vì ưa thích tích tập phiến não; bốn là vì lìa xa các căn lành; năm là vì nghiệp ác ngăn che cách trở; sáu là vì gần gũi những kẻ xấu ác.

“Lại nữa, có năm việc khiến cho [chúng sanh] phải chìm sâu trong *ba đường ác*. Những gì là năm? Một là vì ở bên cạnh vị *tỳ-kheo* mà làm việc trái Chánh pháp; hai là vì ở bên cạnh vị *tỳ-kheo ni* mà làm việc trái Chánh

pháp; ba là vì tự do sử dụng những đồ vật cúng dường [cho chư Tăng],¹ bốn là vì ở bên cạnh mẹ mình mà làm việc trái Chánh pháp, năm là vì đối với *năm bộ Tăng*² gây ra những chuyện thị phi tranh cãi qua lại.

“Lại nữa, có năm việc khiến cho [chúng sanh] phải chìm sâu trong *ba đường ác*. Những gì là năm? Một là vì thường nói rằng *không có quả báo thiện ác*. Hai là vì giết hại những chúng sanh phát tâm *Bồ-đề*. Ba là vì vui thích nói ra những chuyện lầm lỗi của người thuyết pháp. Bốn là vì đối với việc đúng pháp mà nói là không đúng pháp, đối với việc không đúng pháp lại nói là đúng pháp. Năm là vì cầu tìm những pháp sai lầm để thọ nhận.

“Lại nữa, có ba việc khiến cho [chúng sanh] phải chìm sâu trong *ba đường ác*. Những gì là ba? Một là cho rằng Như Lai là vô thường, diệt mất mãi mãi. Hai là cho rằng Chánh pháp là vô thường, biến đổi. Ba là cho rằng *Tăng-già* thật có thể hoại diệt. Vì ba điều đó nên thường chìm sâu trong *ba đường ác*.

“*Hạng thứ nhì* là những người khởi ý muốn vượt qua dòng sông sanh tử, nhưng vì dứt mất căn lành nên phải chìm sâu không sao thoát ra được. Nói thoát ra được là chỉ cho việc gần gũi bạn lành, ắt sẽ có được lòng tin. Có lòng tin nghĩa là tin ở việc bố thí và quả báo [tốt đẹp] của việc bố thí, tin ở việc lành và quả báo [tốt đẹp] của việc lành,

¹ Nguyên bản Hán văn dùng “tăng-man vật” (僧鬘物), phiên âm từ Phạn ngữ, đời Đường dịch nghĩa là “đối diện thí”, được giải thích là “hiện tiền đối diện chi thí”. Từ điển Bách khoa Phật học xếp đây là một trong sáu loại “Tăng vật”, nghĩa là tài sản của Tăng-già. Vì thế, ở đây được hiểu là những đồ vật được trực tiếp cúng dường cho Tăng-già.

² Năm bộ Tăng: chỉ Tăng-già bao gồm Sa-di, Sa-di-ni, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni và Bồ Tát Tăng.

tin ở việc ác và quả báo [đáng sợ] của việc ác, tin rằng chốn sanh tử là khổ não, vô thường, bại hoại. Đó gọi là lòng tin. Có lòng tin rồi, lại tu tập theo giới hạnh thanh tịnh, thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói [*Mười hai bộ kinh*], thường ưa thích làm việc bố thí, khéo tu trí tuệ.

“[Những người này tuy đã được như vậy,] nhưng vì căn trí ngu độn, lại gặp những bạn xấu ác nên không thể tu tập *thân, giới, tâm, tuệ*; nghe nhận theo các pháp tà; hoặc khi gặp thời xấu ác, cõi nước xấu ác liền dứt mất các căn lành. Vì dứt mất các căn lành nên thường phải chìm sâu trong chốn sanh tử. Những người này cũng giống như *hạng người thứ nhì* ở ven sông Hằng [vừa nói ở trên].

“*Hạng thứ ba* là những người khởi ý muốn vượt qua dòng sông sanh tử, nhưng vì dứt mất các căn lành nên vẫn phải chìm đắm trong đó. Gần gũi với bạn lành nên được gọi là thoát ra khỏi. Những người này tin rằng Như Lai là bậc có trí rõ biết tất cả, thường hằng không biến đổi, vì chúng sanh nên mới thuyết diễn những lẽ cao trổi nhất của Chánh đạo; rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; rằng Như Lai không hề hoại mất, Pháp và Tăng cũng là như thế, không hề hoại mất; rằng bọn *nhất-xiển-đề* nếu không dứt bỏ pháp xấu ác tà kiến thì không bao giờ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, cần phải lìa xa những pháp xấu ác ấy thì sau đó mới đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Những người này sau khi khởi lòng tin rồi liền tu tập theo giới hạnh thanh tịnh. Tu tập giới thanh tịnh rồi liền thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói *Mười hai bộ kinh*, truyền bá rộng ra khắp nơi cho các chúng sanh; họ lại ưa

thích làm việc bố thí, tu tập trí tuệ. Nhờ căn trí lanh lợi nên họ [tuy chưa thoát khỏi sanh tử nhưng được] an trụ vững vàng trong đức tin và trí tuệ, tâm không còn thối chuyển. Những người này giống như *hạng người thứ ba* ở ven sông Hằng, [nổi lên rồi có thể ở lại trên mặt nước].

“*Hạng thứ tư* là những người khởi ý muốn vượt qua dòng sông sanh tử, nhưng vì dứt mất các căn lành nên vẫn phải chìm đắm trong đó. Nhờ gần gũi bạn lành nên có được lòng tin, gọi là thoát ra khỏi. Những người này có được lòng tin rồi liền thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói *Mười hai bộ kinh*, truyền rộng ra khắp nơi cho chúng sanh; họ lại ưa thích làm việc bố thí, tu tập trí tuệ. Nhờ căn trí lanh lợi nên họ an trụ vững vàng trong đức tin và trí tuệ, tâm không còn thối chuyển, [có thể] ngoái nhìn khắp bốn phương. Bốn phương đó tức là bốn quả *sa-môn*: [*Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm* và *A-la-hán*]. Những người này cũng giống như *hạng người thứ tư* ở ven sông Hằng [vừa nói ở trên].

“*Hạng thứ năm* là những người khởi ý muốn vượt qua dòng sông sanh tử, nhưng vì dứt mất các căn lành nên vẫn còn phải chìm đắm trong đó. Nhờ gần gũi bạn lành nên thay đổi có được lòng tin, gọi là thoát ra khỏi. Những người này có được lòng tin rồi liền thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói *Mười hai bộ kinh*, truyền rộng ra khắp nơi cho chúng sanh; họ lại ưa thích làm việc bố thí, tu tập trí tuệ. Nhờ căn trí lanh lợi nên họ an trụ vững vàng trong lòng tin và trí tuệ, tâm không còn thối chuyển. Nhờ không thối chuyển nên vượt lên phía trước. Vượt lên phía trước là nói [quả] Phật *Bích-chi*. Tuy có thể tự cứu độ

mình nhưng không thể cứu độ hết chúng sanh, nên gọi là ‘*bơi đi*’. Những người này cũng giống như *hạng người thứ năm* ở ven sông Hằng [vừa nói ở trên].

“*Hạng thứ sáu* là những người khởi ý muốn vượt qua dòng sông sanh tử, nhưng vì dứt mất các căn lành nên vẫn còn phải chìm đắm trong đó. Nhờ gần gũi bạn lành nên đạt được lòng tin, gọi là thoát ra khỏi. Những người này có được lòng tin rồi liền thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói *Mười hai bộ kinh*, truyền rộng ra khắp nơi cho chúng sanh; họ lại ưa thích làm việc bố thí, tu tập trí tuệ. Nhờ căn trí lanh lợi nên họ an trụ vững vàng trong lòng tin và trí tuệ, tâm không còn thoái chuyển. Nhờ không thoái chuyển nên vượt lên phía trước rồi đi đến chỗ cạn. Đi đến chỗ cạn rồi liền trụ yên không đi nữa. ‘*Trụ yên không đi nữa*’ là nói hàng Bồ Tát, vì muốn độ thoát chúng sanh nên trụ yên quán xét các phiền não. Những người này cũng giống như *hạng người thứ sáu* ở ven sông Hằng [vừa nói ở trên].

“*Hạng thứ bảy* là những người khởi ý muốn vượt qua dòng sông sanh tử, nhưng vì dứt mất các căn lành nên vẫn còn phải chìm đắm trong đó. Nhờ gần gũi bạn lành nên đạt được lòng tin. Đạt được lòng tin rồi, gọi là thoát ra khỏi. Vì có lòng tin nên liền thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng nói *Mười hai bộ kinh*, truyền rộng ra khắp nơi cho các chúng sanh; họ lại ưa thích làm việc bố thí, tu tập trí tuệ. Nhờ căn trí lanh lợi nên họ an trụ vững vàng trong lòng tin và trí tuệ, tâm không còn thoái chuyển. Nhờ không thoái chuyển nên vượt lên phía trước. Vượt lên phía trước rồi liền sang đến bờ bên kia, thẳng đường lên núi cao, lìa khỏi mọi sự sợ sệt, hưởng được nhiều sự an vui.

“Thiện nam tử! Núi ở bờ bên kia là ví với Như Lai; hưởng được nhiều sự an vui là ví với Phật thường an trụ. Đỉnh núi cao kia là ví với Đại *Niết-bàn*.”

“Thiện nam tử! Những người ở ven sông Hằng ấy đều có đủ tay chân nhưng không thể bơi qua khỏi sông. Tất cả chúng sanh cũng giống như vậy, quả thật sẵn có *Phật bảo*, *Pháp bảo*, *Tăng bảo*, những yếu nghĩa của các pháp mà Như Lai thường thuyết; có *Tám Thánh đạo*, *Đại Niết-bàn*, nhưng đều không thể đạt được những điều ấy. Đó không phải lỗi của Như Lai, cũng không phải lỗi nơi Thánh đạo, mà là lỗi của chúng sanh. Nên biết rằng đó đều là những tai hại xấu ác của phiền não. Vì nghĩa ấy nên tất cả chúng sanh không đạt đến *Niết-bàn*.”

“Thiện nam tử! Ví như vị lương y biết rõ bệnh, chỉ bày phương thuốc, nhưng người bệnh không uống, đó chẳng phải lỗi của lương y.”

“Thiện nam tử! Ví như có vị thí chủ, dùng những vật sở hữu của mình thí cho tất cả mọi người, nhưng nếu có kẻ không nhận thì đó chẳng phải lỗi của vị thí chủ.”

“Thiện nam tử! Ví như mặt trời mọc lên, những chỗ tối tăm đều trở nên sáng rõ, nhưng người mù không thấy đường đi, đó chẳng phải lỗi của mặt trời.”

“Thiện nam tử! Như nước sông Hằng trừ được sự khát, nhưng nếu kẻ khát không chịu uống, đó chẳng phải lỗi của nước sông Hằng.”

“Thiện nam tử! Ví như mặt đất sanh ra đủ mọi thứ quả, hạt, vốn là bình đẳng không phân biệt, nhưng nếu người nông phu không gieo trồng, đó chẳng phải lỗi của đất.”

“Thiện nam tử! Như Lai vì tất cả chúng sanh, mở bày phân biệt giảng giải *Mười hai bộ kinh*, nhưng nếu chúng sanh không thọ nhận, đó chẳng phải lỗi của Như Lai.

“Thiện nam tử! Nếu tu tập theo *Chánh đạo* tất nhiên sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Như lời ông nói: ‘Chúng sanh đều có tánh Phật, lẽ ra đều đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*; [vì] tánh Phật ấy cũng như đá nam châm [sắt] có tính chất hút magnet’.

“Lành thay, lành thay! Nhờ có sức nhân duyên tánh Phật mà đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, nhưng nếu nói rằng không cần tu *Thánh đạo* thì nghĩa ấy không đúng.

“Thiện nam tử! Ví như có một người đi qua vùng hoang vắng, đang khát nước và gặp được một cái giếng. Giếng ấy sâu tối, tuy không thấy được nước nhưng người ấy biết chắc rằng dưới giếng có nước, bèn dùng phương tiện tìm thùng, kiếm dây, móc lên và thấy được nước.

“Tánh Phật cũng như thế. Tất cả chúng sanh tuy có tánh Phật, nhưng cần phải tu tập *Thánh đạo vô lậu*, sau đó mới thấy được tánh Phật.

“Thiện nam tử! Ví như có mè ất được dầu mè. Nhưng nếu lìa bỏ các phương tiện [để ép dầu] thì không thấy được dầu. Ví như cây mía cũng vậy, [tuy sẵn có đường nhưng nếu không có phương tiện thì không có được đường.]

“Thiện nam tử! Như cõi trời *Ba mươi ba* và châu *Uất-đan-việt* ở phương bắc tuy là thật có, nhưng nếu không

có thiện nghiệp, thần thông, đạo lực thì không thể thấy được.

“Cũng như rễ cỏ dưới mặt đất và nước ngầm nằm sâu dưới đất, vì mặt đất che lấp nên chúng sanh không thấy được. Tánh Phật cũng vậy, vì chúng sanh không tu tập *Thánh đạo* nên không thể thấy được.

“Thiện nam tử! [Như ông có thắc mắc về nghĩa này]: ‘Có những bệnh nhân cho dù được gặp thầy thuốc, được người săn sóc, dùng thuốc tốt, tùy bệnh mà ăn uống [thích hợp], hoặc là không gặp được những điều kiện ấy cũng đều khỏi bệnh.’

“Thiện nam tử! Ta vì hàng Bồ Tát trụ ở sáu địa vị đầu tiên mà nói nghĩa như vậy.

“Thiện nam tử! Như đối với chúng sanh thì hư không chẳng phải ở trong, cũng chẳng phải ở ngoài. Vì chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài nên không có sự ngăn ngại. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như có người hiện cất giữ tiền bạc ở nơi xa; tuy hiện thời không thể tùy ý sử dụng, nhưng có người hỏi đến ắt có thể hứa cho. Vì sao vậy? Vì đã chắc chắn là có tiền. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, chẳng phải ở chỗ này, chẳng phải ở chỗ kia, nhưng vì chắc chắn sẽ có được nên ta nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Ví như chúng sanh tạo tác các nghiệp, hoặc thiện, hoặc ác, đều không phải ở trong, cũng không phải ở ngoài. Tánh của các nghiệp như thế là chẳng phải có, chẳng phải không, cũng chẳng phải trước không mà

sau có, lại chẳng phải không do nhân mà có; chẳng phải tạo tác thế này thọ nhận thế này, hoặc tạo tác thế này thọ nhận thế ấy; hoặc tạo tác thế ấy thọ nhận thế ấy, hoặc không tạo tác, không thọ nhận. Do có đủ các điều kiện hòa hợp và thời điểm thích hợp mà có quả báo.

“Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, cũng chẳng phải trước không mà sau có, chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài; chẳng phải có, chẳng phải không; chẳng phải chỗ này, chẳng phải chỗ kia, chẳng phải từ chỗ khác đến; chẳng phải không có nhân duyên; cũng chẳng phải tất cả chúng sanh đều không thấy. Có các vị Bồ Tát khi hội đủ các điều kiện nhân duyên hòa hợp liền thấy được tánh Phật. Các điều kiện, đó là nói hàng Đại Bồ Tát ở địa vị *Thập trụ*, tu tập *Tám Thánh đạo*, đạt được tâm bình đẳng đối với các chúng sanh, khi ấy thấy được tánh Phật, không gọi là tạo tác.

“Thiện nam tử! Như đưa ra ví dụ rằng [tánh Phật] giống như đá nam châm, nghĩa ấy chẳng đúng. Vì sao vậy? Đá không hút [mạt] sắt. Vì lý do gì? Vì nghiệp [của đá ấy] là không có tâm.

“Thiện nam tử! Có những pháp hiện hữu nên các pháp khác sanh ra; có những pháp không hiện hữu nên các pháp khác hoại diệt; [thật] không có ai làm cho chúng sanh ra, [cũng] không có ai làm cho chúng hoại diệt.

“Thiện nam tử! Như ngọn lửa mạnh thật không thể thiêu mất củi, chỉ vì khi lửa hiện ra, củi hoại mất, nên gọi là thiêu mất củi.

“Thiện nam tử! Ví như hoa hương dương xoay theo mặt trời, nhưng hoa ấy không hề có lòng cung kính, không có nhận thức, cũng không có nghiệp. Chỉ vì có tánh pháp riêng biệt nên tự nhiên xoay theo.

“Thiện nam tử! Như cây chuối, nhân tiếng sấm mà lớn lên. Nhưng loài cây này không có tai nghe, cũng không có tâm ý, nhận thức. Chỉ vì có pháp này hiện hữu mà pháp kia tăng trưởng; vì pháp này không hiện hữu mà pháp kia hoại diệt.

“Thiện nam tử! Như cây *a-thúc-ca*, khi có nữ nhân chạm vào thì hoa nó nở ra. Cây ấy không có tâm ý, cũng không có cảm giác về sự đụng chạm. Chỉ vì có pháp này hiện hữu mà pháp kia sanh ra; vì pháp này không hiện hữu mà pháp kia hoại diệt.

“Thiện nam tử! Như cây quít dùng xác thú vật làm phân bón thì rất sai trái. Nhưng cây quít ấy không có tâm ý, cũng không có cảm xúc. Chỉ vì có pháp này hiện hữu mà pháp kia sanh ra; vì pháp này không hiện hữu mà pháp kia hoại diệt.

“Thiện nam tử! Như cây *an-thạch-lộ*, nhờ dùng xương nung làm phân bón nên trái sai hạt nhiều. Nhưng cây *an-thạch-lộ* cũng không hề có tâm ý, cảm xúc. Chỉ vì có pháp này hiện hữu mà pháp kia sanh ra; vì pháp này không hiện hữu mà pháp kia hoại diệt.

“Thiện nam tử! Đá nam châm hút magnet cũng giống như vậy: vì có pháp này hiện hữu mà pháp kia sanh ra; vì pháp này không hiện hữu mà pháp kia hoại diệt. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, không thể do

sức cuốn hút [của tánh Phật] mà đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! *Vô minh* không thể hấp dẫn các *hành*; các *hành* cũng không thể hấp dẫn các *thức*; nhưng có thể nói là *vô minh* duyên với *hành*, *hành* duyên với *thức*. Dầu có hay không có Phật, cõi pháp vẫn là thường trụ [diễn tiến như vậy].

“Thiện nam tử! Pháp thường tồn là không có chỗ trụ. Nếu nói rằng tánh Phật trụ nơi chúng sanh, ấy là có chỗ trụ, tức là *vô thường*.

“Thiện nam tử! Như *Mười hai nhân duyên* không có chỗ trụ nhất định; nếu có chỗ trụ thì *Mười hai nhân duyên* ấy không gọi là *thường*. Pháp thân của Như Lai cũng không có chỗ trụ. Các pháp *giới, nhập, ám*¹ và hư không, chẳng đều không có chỗ trụ. Tánh Phật cũng thế, hoàn toàn không có chỗ trụ.

“Thiện nam tử! Ví như *bốn đại* tuy có năng lực cân bằng nhau, nhưng trong đó có chất cứng, có chất nóng, có chất ướt, có chất chuyển động; lại có nặng có nhẹ, có đỏ có trắng, có vàng có đen... Nhưng *bốn đại* ấy thật không có *nghiệp*, vì thuộc về các pháp khác nhau nên mỗi loại đều chẳng giống nhau. Tánh Phật cũng thế, vì thuộc về pháp khác nhau, nên đến lúc thích hợp ắt sẽ hiện ra.

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh vì không thối chuyển đối với tánh Phật nên gọi là có tánh Phật. Vì có trí tuệ không thối chuyển, nên sẽ có tánh Phật. Vì chắc chắn rồi

¹ Các pháp giới, nhập, ám: chỉ chung 18 giới (thập bát giới), 12 nhập (thập nhị nhập) và 5 ám (ngũ ám). Đây là tất cả các pháp hòa hợp thành sự hiện hữu của tất cả chúng sanh.

sẽ được, nhất định rồi sẽ thấy, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Ví như có vị vua sai quan đại thần: ‘Hãy dắt một con voi đến cho những người mù xem.’ Bấy giờ, viên quan nhận lệnh vua, tập trung nhiều người mù lại rồi đưa voi đến cho họ. Những người mù ấy đều dùng tay để sờ con voi. Viên quan đại thần trở về tâu lên vua rằng: ‘Thần đã cho họ xem voi rồi.’ Nhà vua liền cho gọi những người mù ấy đến, hỏi từng người rằng: ‘Các ông có thấy voi chẳng? Những người mù ấy trả lời: ‘Tôi đã thấy rồi.’ Vua liền hỏi: ‘Con voi giống như vật gì?’

“Người mù đã sờ ngà voi liền đáp: ‘Con voi có hình dạng như củ cải.’ Người mù đã sờ nhằm tai voi tâu: ‘Con voi có hình dạng [tròn dẹp] như cái nia.’ Người mù sờ đầu voi lại nói: ‘Con voi hình dạng [to và cứng] như khối đá.’ Người mù đã sờ vòi voi nói: ‘Con voi có hình dạng [tròn và dài] như cái chày. Người mù sờ chân voi lại nói: ‘Con voi có hình dạng như cái cối gỗ.’ Người mù đã sờ lưng voi lại nói: ‘Con voi có hình dạng như cái giường nằm.’ Người mù sờ bụng voi thì nói: ‘Con voi có hình dạng [tròn to] như cái lu. Kẻ sờ nhằm đuôi voi lại nói: ‘Con voi có hình dạng như sợi dây thừng lớn.’

“Thiện nam tử! Những người mù ấy thật không nói được [đủ] hình thể của con voi, nhưng cũng không phải là không nói được. Nếu là các tướng [như họ nói] thì chẳng phải voi, nhưng lìa khỏi các tướng trạng ấy cũng không riêng có voi.

“Thiện nam tử! Vị vua ấy ví với đức Như Lai, bậc *Chánh biến tri* vậy; viên quan đại thần là ví với kinh *Phương*

đẳng Đại Niết-bàn; con voi là ví với tánh Phật; những người mù là ví với tất cả chúng sanh còn mê muội.

“Các chúng sanh ấy sau khi nghe Phật thuyết dạy, có kẻ liền nói rằng: ‘*Hình sắc* là tánh Phật. Vì sao vậy? Hình sắc này tuy diệt nhưng vẫn tuần tự nối nhau không dứt, do đó mới đạt được *Ba mươi hai tướng* cao trở nhất của Như Lai. *Sắc* của Như Lai là thường, vì *sắc* của Như Lai là thường trụ, không dứt mất, cho nên nói rằng *hình sắc* là tánh Phật. Ví như vàng thật, tuy hình chất dời đổi nhưng màu sắc vẫn không đổi khác; hoặc dùng làm vòng đeo tay, làm lược, làm mâm... nhưng màu sắc vẫn không thay đổi. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, hình chất tuy là vô thường nhưng sắc vẫn là thường. Cho nên nói rằng *hình sắc là tánh Phật*.’

“Lại có người nói rằng: ‘*Cảm thọ* là tánh Phật. Vì sao vậy? Do nhân duyên là cảm thọ mới đạt được sự vui chân thật của Như Lai. Cảm thọ của Như Lai là cảm thọ rốt ráo, là cảm thọ chân thật đệ nhất. Cảm thọ của chúng sanh tuy tánh là vô thường nhưng tuần tự tiếp nối không dứt nên mới có thể đạt đến cảm thọ thường tồn của Như Lai. Ví như có người mang họ *Kiều-thi-ca*, người tuy vô thường nhưng họ ấy là thường, dù trải qua muôn đời vẫn không thay đổi. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, cho nên nói rằng *cảm thọ là tánh Phật*.’

“Lại có người nói rằng: ‘*Tướng* là tánh Phật. Tại sao vậy? Nhờ nhân duyên là niệm tướng mà có thể đạt được tướng chân thật của Như Lai. Cái tướng của Như Lai gọi là cái tướng không có niệm tướng. Cái tướng không có niệm tướng đó chẳng phải niệm tướng chúng sanh, chẳng

phải niệm tưởng nam nữ, cũng chẳng phải niệm tưởng thuộc về *sắc, thọ, tưởng, hành, thức*; cũng chẳng thuộc về những niệm tưởng dứt đoạn. Niệm tưởng của chúng sanh tuy là vô thường, nhưng nhờ niệm tưởng ấy tuần tự nối tiếp không dứt nên mới có thể đạt được cái tưởng thường tồn của Như Lai.¹ Ví như *Mười hai nhân duyên* của chúng sanh; chúng sanh tuy diệt mất nhưng nhân duyên vẫn là thường. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy; cho nên nói rằng *tưởng là tánh Phật.*'

“Lại có người nói rằng: ‘*Hành* là tánh Phật. Vì sao vậy? *Hành* gọi là thọ mạng. Do nhân duyên là thọ mạng này mà đạt được thọ mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng của chúng sanh tuy là vô thường nhưng tuần tự nối tiếp không dứt, nên [nhờ đó] mới đạt được cái thọ mạng thường trụ, chân thật của Như Lai.² Ví như *Mười hai bộ kinh*, tuy kẻ nghe kinh và người giảng kinh đều là vô thường, nhưng kinh điển ấy vẫn là thường tồn, không biến đổi. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, cho nên nói rằng *hành là tánh Phật.*'

“Lại có người nói rằng: ‘*Thức* là tánh Phật. Vì sao vậy? Do nhân duyên là thức mà đạt được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sanh tuy là vô thường nhưng tuần tự tiếp nối không dứt, nên mới có thể đạt được tâm thường hằng và chân thật của Như Lai. Ví như tính chất của lửa là nóng ấm. Lửa ấy tuy vô thường nhưng tánh

¹ Bản Hán văn có ba chữ “Thiện nam tử” ở vị trí này, nhưng xét văn cảnh không thích hợp nên chúng tôi đã bỏ đi, vì thấy không có ảnh hưởng gì đến ý nghĩa đoạn văn.

² Chỗ này trong bản Hán văn cũng có ba chữ “Thiện nam tử”, nhưng cũng như đoạn trên, vì đây không phải lời Phật dạy trực tiếp nên những chữ này có lẽ là thừa.

nóng chẳng phải vô thường. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy, cho nên nói rằng *thức là tánh Phật.*'

“Lại có người nói rằng: ‘Lìa các ấm thì có *ngã*, *ngã* ấy là tánh Phật. Vì sao vậy? Do nhân duyên là *ngã* mà đạt được cái *ngã* có *Tám đức tự tại* của Như Lai. Có những ngoại đạo nói rằng: Những sự đi lại, thấy nghe, buồn vui, nói năng giảng thuyết... là *ngã*. Những tướng *ngã* ấy tuy là vô thường, nhưng cái *ngã* của Như Lai chân thật là thường.¹ Như *ám*, *nhập*, *giới* tuy là vô thường nhưng cũng gọi là *thường*. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy.’

“Thiện nam tử! Như những người mù kia, mỗi người đều nói về con voi. Tuy chưa đạt đến sự thật, nhưng quả thật đều là nói về con voi. Những kẻ nói về tánh Phật [như trên] cũng giống như vậy. Tánh Phật không phải là sáu pháp [*sắc*, *thọ*, *tướng*, *hành*, *thức* và *ngã*], nhưng cũng không lìa ra ngoài sáu pháp ấy.

“Thiện nam tử! Cho nên ta có dạy rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh chẳng phải *sắc*, chẳng lìa *sắc*... cho đến chẳng phải *ngã*, chẳng lìa *ngã*.’²

“Thiện nam tử! Có những ngoại đạo tuy nói có *ngã* nhưng thật là *vô ngã*. Cái *ngã* [giả tạm] của chúng sanh tức là *năm ấm*; lìa ra ngoài *năm ấm* không riêng có *ngã*.

“Thiện nam tử! Ví như cọng sen, cánh sen, tua sen, gương sen cùng hợp lại thành đóa hoa sen; lìa khỏi các thứ này thì *không riêng có hoa sen nào khác*. Cái *ngã* của chúng sanh cũng giống như vậy.

¹ Ở đây cũng thừa ba chữ “Thiện nam tử”, trong khi ở đoạn ngay trên không có. Vì thế chúng tôi đã bỏ đi khi dịch.

² Câu này nói tóm lược về cả sáu pháp trên đều như vậy.

“Thiện nam tử! Ví như những tường vách, cây cột, cỏ lợp [thành mái]... cùng hợp lại gọi là cái nhà; lia khỏi những thứ ấy không riêng có cái nhà nào khác!

“Như các loại cây *khư-đà-la*, *ba-la-xa*, *ni-câu-đà*, *uất-đàm-bát*... cùng hợp lại thành khu rừng, lia khỏi các thứ cây ấy không riêng có khu rừng nào khác.

“Ví như các loại quân dùng xe, quân cưỡi voi, quân cưỡi ngựa, quân đánh bộ cùng hợp thành quân đội; lia khỏi các loại quân ấy không riêng có quân đội nào khác.

“Ví như những sợi chỉ dệt xen lẫn năm màu hòa hợp gọi là tấm lụa thêu; lia khỏi những sợi chỉ năm màu ấy không riêng có tấm lụa thêu nào khác.

“Như cả *bốn chủng tánh*¹ hợp lại gọi là đại chúng; lia khỏi các chủng tánh ấy không riêng có đại chúng nào khác.

“Cái *ngã* của chúng sanh cũng giống như vậy; lia khỏi *năm ám* thì không riêng có cái *ngã* nào khác!

“Thiện nam tử! Đấng Như Lai thường trụ, ắt gọi là *ngã*. Pháp thân Như Lai không giới hạn, không ngăn ngại, không sanh, không diệt, có *Tám đức tự tại*, đó gọi là *ngã*. Chúng sanh quả thật không có cái *ngã* [chân thật] và những đức thuộc về *ngã* như vậy, chỉ vì chắc chắn họ sẽ đạt được *ngã không chân thật* rất ráo dẽ nhất, cho nên gọi là [có] tánh Phật.

“Thiện nam tử! *Đại từ*, *đại bi* gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì *đại từ*, *đại bi* thường theo Bồ Tát như bóng theo

¹ Tức là bốn giai cấp của Ấn Độ vào thời Phật tại thế, gồm các giai cấp Sát-đế-ly, Bà-la-môn, Thủ-đà-la và Phệ-xá.

hình. Tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được *đại từ, đại bi*, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. *Đại từ, đại bi* gọi là tánh Phật. Tánh Phật gọi là Như Lai.

“*Đại hỷ, đại xả* gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì nếu Bồ Tát *ma-ha-tát* không thể buông xả *Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu* ắt không thể đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được quả ấy nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. *Đại hỷ, đại xả* tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“*Đức tin lớn lao* gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì nhờ đức tin mà Bồ Tát *ma-ha-tát* thể đạt được đầy đủ từ *Bố thí Ba-la-mật* cho đến *Bát-nhã Ba-la-mật*. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ có được đức tin nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. *Đức tin lớn lao* tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“*Địa vị Nhất tử* [của hàng Bồ Tát]¹ gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì nhờ nhân duyên là địa vị này, Bồ Tát đạt được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt đến địa vị *Nhất tử*, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. *Địa vị Nhất tử* tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“*Trí lực thứ tư* [trong *Thập lực*]² gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì nhờ nhân duyên là trí lực này, Bồ Tát có thể

¹ Địa vị Nhất tử: địa vị chứng đắc của hàng Bồ Tát, đạt được tâm bình đẳng thương yêu tất cả chúng sanh như con một của mình. Cũng được đề cập đến trước đây với tên Cực ái nhất tử địa.

² Trí lực thứ tư (đệ tứ lực) trong Thập lực, tức Trí chúng sanh tâm tánh trí lực. Đạt được trí lực này, vị Bồ Tát có thể rõ biết tâm tánh của tất cả chúng sanh, nhờ đó mà dễ dàng tùy duyên hóa độ.

giáo hóa chúng sanh. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được *trí lực thứ tư* này, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. *Trí lực thứ tư* tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“*Mười hai nhân duyên* gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì nhờ những nhân duyên ấy mà Như Lai thường trụ. Vì tất cả chúng sanh chắc chắn đều có *Mười hai nhân duyên* như vậy nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. *Mười hai nhân duyên* tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“*Bốn trí không ngăn ngại*¹ gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì nhờ nhân duyên là *Bốn trí không ngăn ngại* mà có thể giảng nói ý nghĩa từ ngữ một cách không ngăn ngại. Nhờ không ngăn ngại đối với ý nghĩa của từ ngữ nên có thể giáo hóa chúng sanh. *Bốn trí vô ngại* tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là Như Lai.

“*Đỉnh tam-muội*² gọi là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì tu tập pháp *Đỉnh tam-muội* ấy ắt có thể tổng nhiếp tất cả pháp Phật. Cho nên nói rằng *Đỉnh tam-muội* gọi là tánh Phật. Hàng Bồ Tát *Thập trụ* tu tập phép *tam-muội* ấy nhưng chưa đạt được đầy đủ, nên tuy thấy được tánh Phật mà chưa được sáng rõ. Vì lẽ tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được phép *Đỉnh tam-muội* nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Như trên ta vừa giảng qua đủ mọi pháp

¹ Bốn trí không ngăn ngại (Tứ vô ngại trí), gồm Pháp vô ngại trí, Nghĩa vô ngại trí, Từ vô ngại trí và Nhạo thuyết vô ngại trí.

² Đỉnh tam-muội: phép tam-muội cao trội nhất của hàng Bồ Tát Thập địa, thâm nhiếp tất cả các phép tam-muội khác.

khác nhau, [những pháp ấy] tất cả chúng sanh chắc chắn đều sẽ đạt được, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.

“Thiện nam tử! Nếu ta dạy rằng *sắc* là tánh Phật, chúng sanh nghe vậy ắt khởi sanh lòng tà vạy điên đảo. Vì tà vạy điên đảo nên khi mạng chung ắt phải sanh vào địa ngục A-tỳ. Như Lai thuyết pháp là muốn trừ dứt trừ [nghiệp] địa ngục, cho nên không nói rằng *sắc* là *tánh Phật*, cho đến [cũng không] nói *thức* [là tánh Phật].¹

“Thiện nam tử! Nếu các chúng sanh thấy rõ tánh Phật ắt không cần tu tập *Chánh đạo*. [Nhưng] hàng Bồ Tát *Thập trụ* tu tập *Tám Thánh đạo* còn chỉ thấy được đôi chút tánh Phật, huống chi những kẻ không tu tập lẽ nào lại thấy được hay sao?

“Thiện nam tử! Như *Văn-thù-sư-lợi* và các vị Bồ Tát đã trải qua vô lượng kiếp tu tập *Thánh đạo* mới rõ biết tánh Phật, làm sao hàng Thanh văn và Phật *Bích-chi* có thể biết được tánh Phật? Nếu chúng sanh muốn rõ biết tánh Phật, cần phải hết lòng thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng thuyết, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán kinh *Niết-bàn* này. Như thấy ai thọ trì, đọc tụng... cho đến tôn trọng, tán thán kinh này thì nên dùng những thứ tốt đẹp như phòng ốc, y phục, thực phẩm, giường nằm, thuốc men... để cung cấp cho người ấy, cũng như phải ngợi khen xưng tán, lễ bái, thường đến thăm hỏi.

“Thiện nam tử! Những ai đã từng trải qua vô lượng vô biên kiếp quá khứ gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật,

¹ Câu này nói tóm ý từ *sắc* cho đến *thức*, nghĩa là gồm cả năm ấm: *sắc*, *thọ*, *tưởng*, *hành* và *thức*. Tóm lại, Phật không dạy rằng năm ấm là tánh Phật.

trồng sâu căn lành, mới có thể được nghe đến danh hiệu kinh này.

“Thiện nam tử! Tánh Phật là không thể nghĩ bàn; *Phật bảo, Pháp bảo* và *Tăng bảo* cũng là không thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật nhưng không biết được, việc này cũng là không thể nghĩ bàn. Các pháp *thường, lạc, ngã, tịnh* của Như Lai cũng là không thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sanh có thể tin vào kinh Đại *Niết-bàn* này, điều đó cũng là không thể nghĩ bàn.”

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật vừa nói: ‘Tất cả chúng sanh có thể tin vào kinh Đại *Niết-bàn* này, điều đó cũng là không thể nghĩ bàn.’”

“Thế Tôn! Trong đại chúng này có tám vạn năm ngàn ức người không sanh lòng tin đối với kinh này. Cho nên nếu ai có thể tin vào kinh này, đó gọi là không thể nghĩ bàn.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những người [không sanh lòng tin] như vậy, trong đời vị lai chắc chắn rồi cũng sẽ có được lòng tin đối với kinh này, sẽ thấy được tánh Phật, đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.”

Bồ Tát Sư Tử Hống lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Làm sao vị Bồ Tát không thôi chuyển tự biết chắc chắn rằng mình có tâm không thối chuyển?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* nên dùng sự khổ hạnh mà tự nghiệm biết tâm mình. Mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, trải qua bảy ngày; rồi tiếp đến là gạo, đậu xanh, hạt gai, lúa nếp, đậu trắng, mỗi thứ như vậy cũng chỉ ăn mỗi ngày một hạt trong suốt bảy ngày. Trong

mỗi một giai đoạn bảy ngày như vậy đều giống như trong khi ăn mỗi ngày một hạt mè, Bồ Tát thường suy nghĩ rằng: ‘Khổ hạnh như thế này hoàn toàn không có lợi ích gì cả. Việc không lợi ích mà [ta] còn làm được, hướng chi những việc có lợi ích lẽ nào lại không làm? Đối với việc không lợi ích mà tâm [ta] có thể nhẫn chịu, không hề thoái chuyển, cho nên nhất định [ta] sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Những ngày tu hành khổ hạnh như vậy, tất cả da thịt Bồ Tát đều gầy tóp, nhăn nheo, như trái bầu tươi cắt đem phơi nắng; hố mắt lõm sâu vào [chỉ còn lớp lánh] như ngôi sao [nhìn thấy] dưới đáy giếng; thân không còn thịt, xương sườn lộ ra, như căn nhà tranh mục nát [bày ra các sườn tre]; các đốt xương sống liền nhau hiện ra, trông như một sợi dây thừng lớn xoắn lại; khi ngồi nơi nào thì [xương bàn tọa] lún vào mặt đất như hình móng chân ngựa; khi muốn ngồi thì gục xuống, khi muốn đứng lại ngã lăn. Tuy chịu đựng những nỗi khổ không lợi ích như vậy, nhưng Bồ Tát không hề thoái mất tâm *Bồ-đề*.

“Lại nữa, Bồ Tát *ma-ha-tát* vì muốn phá trừ mọi sự khổ não, ban phát sự an vui, nên có thể xả bỏ hết mọi thứ quý giá ở trong và ngoài thân, cho đến cả thân mạng, như người ta vất bỏ nắm cỏ rơm. Nếu có thể không tham tiếc thân mạng, thì Bồ Tát tự biết rằng mình chắc chắn có tâm không thoái chuyển, biết chắc rằng mình sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Lại nữa, Bồ Tát, vì nhân duyên *Chánh pháp* mà khoét thân mình làm đèn, dùng da thịt đắp quanh nhiều lớp, tưới dầu vào mà đốt, dùng thân mình làm tim đèn. Bấy

giờ, Bồ Tát nhận chịu sự khổ não lớn lao như vậy lại tự quả trách lòng mình rằng: ‘Sự khổ này so với sự khổ ở địa ngục chưa được một phần trong trăm ngàn muôn phần. Dù ta có chịu khổ não lớn lao trong vô lượng trăm ngàn kiếp cũng hoàn toàn không có lợi ích gì, nhưng nếu không chịu đựng được nỗi khổ nhỏ này, làm sao có thể ở trong địa ngục mà cứu khổ cho chúng sanh?’

“Bồ Tát *ma-ha-tát* quán niệm như vậy rồi, tự thân không còn thấy khổ; tâm không thoái lui, không lay động, không chuyển đổi. Khi ấy Bồ Tát nên tự rõ biết sâu xa rằng chắc chắn mình sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Lúc bấy giờ, vì Bồ Tát chưa trừ dứt được nên vẫn còn đủ các phiền não, nhưng vì nhân duyên *Chánh pháp* mà Bồ Tát có thể dùng đầu mắt, tủy não, tay chân, máu thịt của mình để bố thí cho kẻ khác; hoặc dùng đing nhọn đóng vào thân, hoặc nhảy vào lửa đỏ. Lúc ấy, tuy Bồ Tát chịu đựng vô lượng khổ não, nhưng nếu tâm không thoái lui, không lay động, không chuyển đổi thì Bồ Tát nên biết chắc rằng đã có được tâm không thoái chuyển, chắc chắn sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* vì muốn trừ hết khổ não cho tất cả chúng sanh nên nguyện [sanh] làm thân súc vật to lớn thô kệch để dùng máu thịt của chính thân mình mà bố thí cho chúng sanh. Khi chúng sanh bắt được mình, Bồ Tát lại sanh lòng thương xót họ, liền tự mình nín thở, hiện tướng như đã chết, để những kẻ bắt giữ Bồ Tát không phải sanh tâm lo ngại rằng đã phạm tội giết hại. Tuy Bồ Tát thọ thân súc sanh nhưng thật không hề

có tạo nghiệp súc sanh. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Bồ Tát đã được tâm không thối chuyển rồi thì không bao giờ tạo tác nghiệp [để phải sanh vào] trong *ba đường ác*.

“Nếu trong đời vị lai Bồ Tát *ma-ha-tát* có những quả báo của nghiệp ác nhiều như số hạt bụi nhỏ, cũng không nhất định phải thọ nhận, nhưng Bồ Tát dùng sức nguyện lớn, vì tất cả chúng sanh mà thọ nhận tất cả. Ví như người bệnh bị loài quỷ mị nhập vào, ẩn nấp trong thân [không ai thấy được]. Nhờ sức chú thuật liền hiện ra các tướng, hoặc nói năng, hoặc vui mừng, hoặc giận dữ, hoặc chửi mắng, hoặc kêu khóc. Những nghiệp [ác phải sanh] trong *ba đường ác* vào đời vị lai của Bồ Tát *ma-ha-tát* cũng giống như vậy.

“Bồ Tát *ma-ha-tát*, khi thọ thân loài gấu vẫn thường giảng thuyết *Chánh pháp* với chúng sanh; hoặc thọ thân loài chim trĩ¹ cũng là vì để giảng thuyết *Chánh pháp* với chúng sanh; hoặc thọ thân *cô-đà*, thân hươu, thân thỏ, thân voi, thân dê đen, thân khỉ, thân bồ câu trắng, thân chim *kim sí*, các thân rồng, rắn... Đang khi thọ các thân súc sanh như vậy nhưng Bồ Tát không hề tạo tác các nghiệp ác của súc sanh, thường vì những chúng sanh súc sanh khác mà giảng thuyết *Chánh pháp*, khiến họ nghe pháp rồi liền được nhanh chóng chuyển hóa, lia bỏ thân súc sanh. Bấy giờ, tuy Bồ Tát thọ thân súc sanh nhưng không hề tạo tác các nghiệp ác nên biết chắc rằng đã có được tâm không thối chuyển.

¹ Nguyên bản Hán văn dùng ca-tân-xà-la, là tên phiên âm từ Phạn ngữ *kapiñjara*. Danh nghĩa tập, quyển 2 có đoạn viết: “Ca-tân-xà-la, thứ vượn trĩ.” (迦頻闍羅，此云雉。 - Ca-tân-xà-la, xứ này gọi là [chim] trĩ.)

“Gặp thời đói kém, Bồ Tát *ma-ha-tát* nhìn thấy chúng sanh đói khổ bèn sanh làm thân rùa, thân cá, dài đến vô lượng *do-diên*; lại phát nguyện rằng: ‘Nguyện khi chúng sanh cắt lấy thịt trong thân ta, liền ngay khi ấy sanh ra thịt khác; nhờ ăn thịt ta mà thoát được nỗi khổ đói khát, rồi tất cả đều phát tâm *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*!’

“Bồ Tát phát nguyện rằng: ‘Những ai nhờ ta mà được lìa khỏi đói khát, nguyện cho về đời vị lai cũng sẽ nhanh chóng được lìa xa nạn đói khát trong *Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu*!’

“Bồ Tát *ma-ha-tát* thọ khổ như vậy mà tâm không thối chuyển, nên biết chắc chắn rằng sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Lại nữa, gặp thời có dịch bệnh lan tràn, Bồ Tát nhìn thấy những kẻ bệnh khổ liền suy nghĩ rằng: ‘Như cây thuốc chúa, nếu người bệnh được dùng rễ, thân hay cành lá, hoa, quả của cây ấy đều được khỏi bệnh. Nguyện cho thân ta đây cũng giống như vậy! Nếu người có bệnh nghe được tiếng ta, chạm vào thân ta, hoặc ăn thịt, uống máu ta, cho đến dùng xương tủy của ta đều sẽ được khỏi bệnh. Nguyện cho các chúng sanh trong khi ăn thịt ta không sanh tâm độc ác, [thương xót] như ăn thịt con mình! Ta trị bệnh cho chúng sanh rồi lại thường vì họ thuyết pháp, nguyện cho họ sẽ tin nhận, suy xét và mang giáo pháp dạy cho những người khác!

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát vẫn còn đủ các phiền não, tuy thân chịu khổ nhưng tâm không thối lui, không lay động, không chuyển đổi, nên biết chắc rằng đã được

tâm không thối chuyển, sẽ thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Nếu có những chúng sanh bị quỷ mị làm cho mắc bệnh, Bồ Tát thấy vậy rồi liền nói: ‘Ta nguyện làm thân quỷ to lớn, dũng kiện, có nhiều quyền thuộc, khiến những người kia hoặc nghe hoặc thấy [thân ta] liền được khỏi bệnh!’ Bồ Tát *ma-ha-tát* vì chúng sanh mà siêng tu khổ hạnh, tuy có phiền não nhưng không hề bị nhiễm ô trong tâm.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* tuy cũng tu hành sáu pháp *ba-la-mật* nhưng không cầu được [hưởng] quả của sáu pháp *ba-la-mật*. Trong khi tu hành sáu pháp *ba-la-mật* không gì hơn được, Bồ Tát phát nguyện rằng: ‘Nay ta dùng sáu pháp *ba-la-mật* này bố thí cho tất cả chúng sanh. Nguyện cho mỗi chúng sanh sau khi thọ nhận bố thí của ta rồi đều được thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Chính ta cũng thực hành sáu pháp *ba-la-mật*, siêng tu khổ hạnh, nhận chịu các khổ não. Đang khi thọ nhận khổ não, ta nguyện không thối chuyển tâm *Bồ-đề*!’ Thiện nam tử! Khi Bồ Tát *ma-ha-tát* quán tưởng như thế thì gọi là tướng *Bồ-đề* không thối chuyển.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* là không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Bồ Tát *ma-ha-tát* rõ biết sâu xa rằng cuộc sanh tử có nhiều tai hại, nhìn thấy Đại *Niết-bàn* có công đức lớn. Dù vậy, Bồ Tát vì chúng sanh mà thường ở chốn sanh tử, nhận chịu mọi thứ khổ não nhưng tâm không hề thối chuyển. Cho nên gọi là Bồ Tát không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* không cần có nhân duyên gì mà vẫn sanh lòng thương xót [tất cả chúng sanh]; Bồ Tát không chịu [ơn] mà thường làm ơn [với kẻ khác]. Tuy Bồ Tát làm ơn nhưng không cầu sự báo đáp. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, thiện nam tử! Hoặc có những chúng sanh vì lợi ích riêng mình mà tu hành khổ hạnh. Bồ Tát *ma-ha-tát* chỉ vì lợi ích cho người khác mà tu hành khổ hạnh, xem đó là lợi ích cho chính mình. Cho nên cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, Bồ Tát tuy còn đủ mọi phiền não, nhưng vì muốn phá trừ sự khổ não cho cả kẻ oán lẫn người thân, liền tu tập tâm bình đẳng. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, nếu Bồ Tát thấy những chúng sanh độc ác, không hiền lành, liền quở trách nặng nề, hoặc dùng lời dịu ngọt [khuyên răn], hoặc xua đuổi cách ly, hoặc bỏ mặc. Đối với kẻ tánh tình độc ác thì dùng lời dịu ngọt; đối với kẻ kiêu mạn thì tỏ vẻ kiêu mạn hơn [cả họ], nhưng trong lòng thật không có chút kiêu mạn nào. Đó gọi là phương tiện của Bồ Tát không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, Bồ Tát tuy còn đủ mọi phiền não, trong khi chỉ có ít tài vật mà kẻ đến xin lại rất nhiều, lòng cũng không hẹp hòi. Đó gọi là Bồ Tát không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, vào lúc có Phật ra đời, Bồ Tát rõ biết công đức của Phật. Bồ Tát lại vì chúng sanh mà sanh ra ở những nơi không có Phật, thọ thân ở những vùng xa vắng tối

tâm; hoặc làm những người đui, điếc, què, cụt... Đó gọi là Bồ Tát không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, Bồ Tát rõ biết sâu xa những tội lỗi, sai lầm của chúng sanh, nhưng vì muốn độ thoát chúng sanh nên thường cùng họ làm việc. Tuy thường tùy theo ý chúng sanh nhưng không bị tội lỗi xấu ác làm ô nhiễm. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, Bồ Tát thấy biết rõ ràng là không có tướng chúng sanh, không có phiền não nhiễm ô, không có kẻ tu tập *Chánh đạo* lìa xa phiền não. Tuy tu tập *Bồ-đề* nhưng không có hạnh *Bồ-đề*, cũng không có người thành tựu *Bồ-đề*; không có người chịu khổ và không có người phá trừ sự khổ. Dù vậy, Bồ Tát vẫn có thể vì chúng sanh mà phá trừ sự khổ, thực hành hạnh *Bồ-đề*. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Lại nữa, Bồ Tát thọ thân gần cuối¹ ở cõi trời *Đâu-suất*, đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Cõi trời *Đâu-suất* là tốt đẹp hơn hết trong *Dục giới*.² Những cõi trời thấp hơn thì có tâm buông thả, lừa nhác; những cõi trời cao hơn thì các căn ám độn. Cho nên cõi trời *Đâu-suất* là hơn hết. Những ai tu tập *bố thí, trì giới* sẽ được sanh về những cõi trời ở bên trên hoặc bên dưới. Những ai tu tập *bố thí, trì giới, thiền định* mới được sanh về cõi trời *Đâu-suất*. Hết thấy Bồ Tát đều đã trừ bỏ những cảnh hiện hữu ấy, dứt hết các cảnh hiện hữu, không hề tạo

¹ Thân gần cuối (hậu biên thân): là thân gần kề với thân tối hậu, sau chót của một vị Bồ Tát. Bồ Tát sau khi thọ thân này rồi mới thọ thân tối hậu và thành Phật.

² Sáu cõi trời trong *Dục giới* được kể từ dưới lên như sau: 1. Tứ thiên vương thiên, 2. Đao-ly thiên, 3. Tô-dạ-ma thiên, 4. Đâu-suất thiên, 5. Hóa lạc thiên, 6. Tha hóa Tự tại thiên.

tác những nghiệp sanh về cõi trời *Đâu-suất* [nhưng vẫn] thọ thân chư thiên ở cõi trời ấy. Vì sao vậy? Bồ Tát dù ở các cảnh giới hiện hữu khác cũng có thể giáo hóa thành tựu cho chúng sanh. Bồ Tát thật không có lòng tham dục nhưng vẫn sanh ra ở *Dục giới*, đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Bồ Tát *ma-ha-tát* sanh ở cõi trời *Đâu-suất* có ba việc vượt trội [hơn chư thiên ở đó]: một là *thọ mạng*, hai là *hình sắc*, ba là *danh xưng*. Bồ Tát *ma-ha-tát* thật không mong cầu được thọ mạng, hình sắc, danh xưng. Tuy không có tâm mong cầu nhưng vẫn có được những sự vượt trội ấy. Bồ Tát *ma-ha-tát* chỉ hết lòng ưa thích *Niết-bàn*, nhưng khi có nhân duyên thì cũng có ba việc vượt trội ấy. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Tuy Bồ Tát *ma-ha-tát* vượt trội hơn hẳn chư thiên về ba việc ấy, nhưng chư thiên đối với Bồ Tát không hề sanh tâm sân hận, đố kỵ, kiêu mạn, chỉ thường sanh tâm hoan hỷ. Bồ Tát đối với chư thiên cũng không có lòng kiêu mạn. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Bồ Tát *ma-ha-tát* không tạo nghiệp dẫn đến thọ mạng nhưng cũng hưởng trọn thọ mạng ở cõi trời kia, gọi là *thọ mạng vượt trội*. Bồ Tát cũng không có các nghiệp [tạo thành] hình sắc, nhưng được thân hình tốt đẹp kỳ diệu, tỏa sáng khắp nơi, gọi là *hình sắc vượt trội*. Bồ Tát *ma-ha-tát* ở nơi cung điện của cõi trời *Đâu-suất* không hề ưa thích *năm món dục*, chỉ vì thực hành những việc thuộc về *Chánh pháp* mà thôi, vì thế mà danh xưng đầy khắp mười phương, gọi là *danh xưng vượt trội*. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Khi Bồ Tát *ma-ha-tát* từ cõi trời *Đâu-suất* giáng hạ thì cõi đất *chấn động sáu cách*, nên cũng gọi là không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vào lúc Bồ Tát giáng hạ, chư thiên các cõi trời [thuộc] *Dục giới* và *Sắc giới* đều đến tiên đưa, phát ra những âm thanh lớn xung tán ngợi khen Bồ Tát; hơi gió phát ra từ miệng [chư thiên] làm cho cõi đất phải chấn động. Lại có vị Bồ Tát là bậc [cao quý nhất như] voi chúa giữa loài người. Bậc cao quý nhất như voi chúa giữa loài người được tôn xưng là *Long vương*. Khi [Bồ Tát] Long vương ấy mới nhập thai thì có các vị long vương ở bên dưới cõi đất ấy, hoặc kinh sợ, hoặc vui mừng. Vì thế mà cõi đất *chấn động sáu cách*. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Bồ Tát *ma-ha-tát* tự rõ biết lúc nhập thai, lúc ở trong thai, lúc ra khỏi thai; rõ biết cha, mẹ; không trong sạch cũng không ô nhiễm, như hạt châu quý màu xanh trên búi tóc của *Đế-thích*. Đó cũng gọi là không thể nghĩ bàn.

“Thiện nam tử! Kinh Đại bát *Niết-bàn* cũng giống như vậy, cũng là không thể nghĩ bàn.

“Thiện nam tử! Ví như biển cả có *tám điều* không thể nghĩ bàn. Những gì là tám? Một là từ [trong bờ] cạn mà [ra xa bờ] dần dần sâu thêm.¹ Hai là đáy sâu khôn dò. Ba là [khắp trong biển] đều cùng một vị mặn. Bốn là thủy triều [lên xuống đều đặn] không bao giờ trễ hạn. Năm là chứa đủ mọi thứ kho báu. Sáu là có những loài chúng sanh

¹ Tuy bản Hán văn chỉ nói “tiệm tiệm chuyển thâm” (漸漸轉深) nhưng nếu hiểu là “dần dần sâu thêm” thì rất tối nghĩa. So sánh thêm với đoạn ví dụ được nêu ra tiếp theo thì hiểu ở đây ý nói “biển sâu dần từ trong bờ ra ngoài khơi”, cũng như giới luật từ ưu-bà-tắc cho đến tỳ-kheo, như quả vị từ Thanh văn, Duyên giác cho đến quả Phật.

thân hình to lớn sống trong đó. Bảy là không chứa giữ xác chết.¹ Tám là tất cả những dòng nước chảy, những cơn mưa lớn đều đổ vào trong biển cả, nhưng biển cũng không tăng thêm hay giảm bớt.

“Thiện nam tử! Có ba việc gọi là *dần dần sâu thêm*. Những gì là ba? Một là phước lực của chúng sanh. Hai là [thuyền buồm] thuận gió mà đi [ra xa bờ]. Ba là nước sông chảy vào [biển cả].

“Đối với những điều [khác, từ *đáy sâu khôn dò*] cho đến *không tăng thêm hay giảm bớt*, mỗi điều cũng đều có ba việc như thế.

“Kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này cũng giống như vậy, cũng có *tám điều* không thể nghĩ bàn.

“Điều thứ nhất: *dần dần sâu thêm* là nói [tuần tự từ] các giới *ưu-bà-tắc*, giới *sa-di*, giới *tỳ-kheo*, cho đến giới Bồ Tát; từ quả *Tu-đà-hoàn*, quả *Tư-đà-hàm*, quả *A-na-hàm*, quả *A-la-hán*, quả Phật *Bích-chi*, quả Bồ Tát, cho đến quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Kinh Đại Niết-bàn này dạy đủ các pháp như thế, gọi là *dần dần sâu thêm*. Cho nên kinh này gọi là [có tánh chất] *dần dần sâu thêm*.

“Điều thứ hai: *đáy sâu khôn dò* là [ví như] Như Lai Thế Tôn không sanh không diệt, không chúng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, không chuyển *Pháp luân*, không ăn uống, không thọ nhận, không thực hành bố thí; cho nên gọi là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Tất cả chúng sanh đều

¹ Nguyên bản Hán văn là “bất túc tử thi” (不宿死屍), nhưng nếu hiểu là “không chứa tử thi” thì rất mơ hồ. Ở đây thật ra muốn nói là “không chứa giữ lại”, vì tất cả những xác chết rơi xuống biển đều có khuynh hướng bị sóng xô đẩy dần vào bờ, nên nói là biển “không chứa giữ lại”.

có tánh Phật. Tánh Phật không phải *sắc*, cũng không lìa ngoài *sắc*; không phải *thọ*, *tướng*, *hành*, *thức*; cũng không lìa ngoài *thọ*, *tướng*, *hành*, *thức*; là thường có thể thấy, là *nhân thành tựu*, không phải *nhân tạo tác*. Từ hàng *Tu-đà-hoàn* cho đến hàng Phật *Bích-chi* đều sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*; cũng không có phiền não, cũng không có chỗ trụ. Tuy không có phiền não nhưng không gọi là thường. Vì thế nên gọi là sâu xa.

“Lại nữa, có chỗ rất sâu xa. Trong kinh này khi thì nói *ngã*, khi lại nói *vô ngã*; khi thì nói *thường*, có lúc lại nói *vô thường*; có khi nói *tịnh*, có khi lại nói *bất tịnh*; có khi nói *lạc*, có khi lại nói *khổ*; hoặc khi nói *không*, hoặc khi nói *chẳng phải không*; hoặc nói tất cả là *có*, hoặc nói tất cả là *không*; hoặc nói *Hai thừa*, hoặc nói *Nhất thừa*; hoặc nói *năm ấm* là tánh Phật; hoặc thuyết *tam-muội Kim cang* cùng với *Trung đạo*, *tam-muội Thủ-lăng-nghiêm*, *Mười hai nhân duyên*, *Đệ nhất nghĩa không*, từ bi, bình đẳng đối với tất cả chúng sanh; hoặc thuyết *đỉnh trí*, *tín tâm*, rõ biết các *căn*, *lực*, *trí tuệ* không vướng ngại đối với tất cả các pháp. Tuy nói có tánh Phật nhưng không nói nhất định. Vì vậy nên gọi là sâu xa.

“Điều thứ ba: *cùng một vị* [*mạn* là ví với] tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, đều cùng một giáo pháp, cùng một sự giải thoát, một nhân, một quả, cùng một [*vị*] *cam lộ*; tất cả đều sẽ đạt được *thường*, *lạc*, *ngã*, *tịnh*. Đó gọi là *cùng một vị*.

“Điều thứ tư: *thủy triều* [*lên xuống*] *không bao giờ trễ hạn* [*là ví*] như trong kinh này chế định các *tỳ-kheo* không được thọ nhận và tích chứa *tám vật bất tịnh*, nếu trong các

đệ tử của ta, những ai có thể thọ trì, đọc tụng, sao chép, giảng giải phân biệt kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này, thà chịu mất thân mạng chứ không bao giờ phạm vào sự cấm chế ấy. Đó gọi là *thủy triều không bao giờ trở hạn*.

“Điều thứ năm: chứa *đủ mọi thứ kho báu* [là ví như] kinh này tức là kho báu vô lượng. Của báu [trong kho] ấy là nói *Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy phần giác, Tám phần Thánh đạo, Anh nhi hạnh, Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh*, các phương tiện thiện xảo, tánh Phật của chúng sanh, công đức của Bồ Tát, công đức của Thanh văn, công đức của Duyên giác, *Sáu pháp Ba-la-mật*, vô số *tam-muội*, vô lượng trí tuệ. Đó gọi là [*chứa đủ mọi thứ*] kho báu.

“Điều thứ sáu: *chúng sanh thân hình to lớn sống trong đó*. Chúng sanh thân hình to lớn là ví với Phật và Bồ Tát. Vì các ngài có trí tuệ lớn nên gọi là chúng sanh to lớn. Lại vì các ngài có thân lớn lao, có tâm lớn lao, vì [các ngài] trang nghiêm rất mực, vì [các ngài] điều phục mạnh mẽ, vì [các ngài có] phương tiện to lớn, vì [các ngài] thuyết pháp rộng khắp, vì [các ngài có] thế lực mạnh mẽ, vì [các ngài có] đồ chúng rộng lớn, vì [các ngài có] thần thông lớn mạnh, vì [các ngài có] lòng từ bi trải khắp, vì [các ngài] là thường trụ không biến đổi, vì [các ngài] không vương ngại đối với tất cả chúng sanh, vì [các ngài] bao dung thọ nhận tất cả chúng sanh, cho nên gọi là *chúng sanh thân hình to lớn sống trong đó*.

“Điều thứ bảy: [biển cả] *không chứa giữ xác chết*. Xác chết là ví với những kẻ *nhất-xiển-đề*, phạm vào bốn giới

cấm nặng,¹ *năm tội vô gián*,² phỉ báng kinh *Phương đẳng*, điều không đúng *Chánh pháp* mà nói là *Chánh pháp*, điều đúng *Chánh pháp* lại nói là không đúng *Chánh pháp*, thu nhận và tích chứa *tám thứ vật bất tịnh*, tùy ý sử dụng tài sản [được cúng dường] Phật, [cúng dường] chúng tăng, làm những việc không đúng Chánh pháp đối với các vị *tỳ-kheo* hoặc *tỳ-kheo ni*. [Những kẻ như thế] gọi là *xác chết*. Kinh *Niết-bàn* này lia khỏi những kẻ ấy nên gọi là *không chứa giữ xác chết*.

“Điều thứ tám: *không tăng thêm hay giảm bớt* [là ví như kinh này] vì không có giới hạn, vì không có điểm khởi đầu hay kết thúc, vì không thuộc về hình sắc, vì không do tạo tác, vì là thường trụ, vì không sanh diệt, vì tất cả chúng sanh đều bình đẳng, vì tất cả tánh Phật là cùng một tánh; cho nên gọi là *không tăng thêm hay giảm bớt*.”

“Vì [tất cả những ý nghĩa như] thế, kinh này cũng giống như biển cả, có đủ *tám điều* không thể nghĩ bàn.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BA MƯỜI HAI

¹ Bốn giới *cấm nặng* (tứ trọng *cấm*): gồm các tội giết người, trộm cắp, dâm dục và nói dối rằng mình đã chứng quả thánh.

² Năm tội vô gián (ngũ vô gián tội), tức năm tội nghịch (ngũ nghịch tội): giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán, phá hòa hợp tăng và làm thân Phật chảy máu. Vì năm tội này chắc chắn sẽ phải đọa vào địa ngục Vô gián (tức địa ngục A-tỳ) nên gọi là năm tội vô gián.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BA MƯƠI BA

PHẨM BỒ TÁT SƯ TỬ HỔNG

Phẩm thứ mười một – Phần bảy

Bồ Tát Sư Tử Hống bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu nói Như Lai *không sanh không diệt* là sâu xa, còn tất cả chúng sanh đều có đủ bốn cách sanh ra: sanh ra từ trứng, sanh ra từ bào thai, sanh ra từ sự ẩm thấp, sanh ra từ sự biến hóa.¹ Trong loài người cũng có đủ bốn cách sanh ấy. Như *tỳ-kheo Thi-bà-la*, *tỳ-kheo Ưu-bà-thi-bà-la*; lại như các bà mẹ của trưởng giả *Di-ca-la*, trưởng giả *Ni-câu-đà*, trưởng giả *Bán-xà-la*, mỗi bà này đều có năm trăm đứa con sanh ra từ trứng. Vậy nên biết rằng trong loài người cũng có cách sanh ra từ trứng. Nói về việc sanh ra từ sự ẩm thấp, thì như Phật có kể chuyện thuở xưa khi còn làm Bồ Tát từng là vua *Đỉnh Sanh* và vua *Thủ Sanh*; hoặc như hiện nay Phật có nói về cô *Am-la* và cô *Ca-bát-đa*. Vậy nên biết rằng trong loài người cũng có cách sanh ra từ sự ẩm thấp. Vào thuở *Kiếp sơ*,² tất cả chúng sanh đều sanh ra từ sự biến hóa. Như Lai Thế Tôn đã đạt được *Tám đức tự tại*, do nhân duyên gì không chọn cách hóa sanh?”

¹ Bốn cách sanh này được gọi là noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh.

² Kiếp sơ: thuở ban sơ, kiếp sơ khai của một thế giới.

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh được sanh ra do bốn cách sanh. Nhưng sau khi đã chứng đắc *Thánh pháp* rồi thì không còn sanh ra bằng những cách *noãn sanh, thấp sanh...* như trước.

“Thiện nam tử! Vào thuở *Kiếp sơ* chúng sanh đều là *hóa sanh*; thuở ấy không có Phật ra đời.

“Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh mang bệnh khổ mới cần đến thầy thuốc. Vào thuở *Kiếp sơ* chúng sanh đều do sự biến hóa mà sanh ra, tuy có phiền não nhưng bệnh chưa bộc phát, vì thế nên Như Lai không ra đời vào thuở ấy. Thuở *Kiếp sơ*, thân tâm chúng sanh không chứa đựng [được Phật pháp] nên Như Lai không ra đời vào thời ấy.

“Thiện nam tử! Những gì liên quan đến Như Lai Thế Tôn bao giờ cũng thù thắng hơn tất cả chúng sanh, chẳng hạn như dòng họ, quyến thuộc, cha mẹ... Do có sự thù thắng hơn nên những giáo pháp do ngài thuyết giảng đều được mọi người tin nhận. Vì [thù thắng hơn] nên Như Lai không chọn cách *hóa sanh* [giống như chúng sanh].

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều tạo nghiệp theo cách cha con trong gia đình noi theo nhau. Nếu Thế Tôn chọn cách hóa thân thì không có cha mẹ. Nếu không có cha mẹ thì làm sao có thể khiến cho tất cả chúng sanh [noi theo để] làm mọi nghiệp lành? Vì thế nên Như Lai không chọn cách hóa thân.

“Thiện nam tử! Trong *Chánh pháp* của Phật có hai sự phòng hộ, một là sự phòng hộ từ bên trong, hai là sự phòng hộ bên ngoài. Sự phòng hộ từ bên trong là nói các giới cấm; sự phòng hộ bên ngoài là [nhờ vào] thân tộc,

quyển thuộc. Nếu Như Lai chọn cách hóa thân thì không có sự phòng hộ bên ngoài. Vì thế nên Như Lai không chọn cách hóa thân.

“Thiện nam tử! Có những người cậy nơi dòng họ [cao quý] của mình mà sanh ra kiêu mạn. Như Lai vì muốn phá trừ sự kiêu mạn như thế nên sanh ra trong dòng họ cao quý, không chọn cách hóa thân.

“Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn thật có cha mẹ, cha tên Tịnh Phạn, mẹ tên *Ma-da*, thế mà có chúng sanh còn gọi [Như Lai] là huyền hóa,¹ vậy sao có thể chọn thân hóa sanh? Nếu Như Lai chọn cách hóa thân, làm sao [sau khi diệt độ] có thể để lại *xá-lợi* [cho chúng sanh]? Như Lai vì muốn cho chúng sanh được tăng thêm phước đức nên [thị hiện có] thân tan rã [để lại *xá-lợi*] cho chúng sanh cúng dường. Vì thế nên Như Lai không chọn cách hóa thân.

“Tất cả chư Phật đều không *hóa sanh*, vì sao riêng ta lại có thể chọn cách hóa thân?”

Lúc ấy, Bồ Tát Sư Tử Hống liền chấp tay quỳ xuống, đầu gối phải sát đất, đọc kệ xưng tán Phật rằng:

*Công đức Như Lai nhiều vô lượng,
Nay con không thể nói cho cùng;
Xin vì chúng sanh lược đôi nét,
Nguyện Phật từ bi, mở lòng nghe.*

*Chúng sanh đi giữa màn tăm tối,
Nhận chịu vô vàn trăm nỗi khổ;
Thế Tôn cứu giúp xa lìa hết,
Nên đời xưng ngài bậc Đại bi.*

¹ Đây nói đến sự gièm pha của ngoại đạo, dựa vào tên của hoàng hậu *Ma-da* (*Māyā*) có nghĩa là “huyền ảo, không thật” nên nói với mọi người rằng Phật chỉ là một nhà ảo thuật giỏi, chuyên làm ra những sự huyền hóa không thật mà thôi.

*Chúng sanh trời buộc trong sanh tử,
Buông thả, mê lầm, không an vui;
Như Lai mang an vui rộng thí,
Khiến mãi dứt lìa sợi tử sanh.*

*Vì Phật mang an vui rộng thí,
Không chuộng niềm vui cho riêng mình;
Vì khắp chúng sanh, tu khổ hạnh,
Nên người thế gian vui cúng dường.*

*Thấy người chịu khổ, lòng rung động,
Dù vào địa ngục không đốn đau;
Vì khắp chúng sanh, chịu khổ lớn,
Nên chẳng ai hơn, thật khôn lường!*

*Như Lai vì chúng, tu khổ hạnh,
Thành tựu đủ sáu ba-la-mật;
Tâm giữa gió tà không lay động,
Nên hơn cả đại sĩ thế gian.*

*Chúng sanh thường muốn được an vui,
Nhưng chẳng biết tu nhân an vui;
Như Lai dạy dỗ khiến tu tập,
Như đấng cha lành yêu con một!*

*Phật thấy nạn phiền não chúng sanh,
Lòng khổ như mẹ lo con bệnh;
Thường nghĩ đủ mọi cách trị liệu,
Nên [biết] thân hệ thuộc ngoài thân.*

*Chúng sanh tạo tác mọi sự khổ,
Tâm thường điên đảo ngỡ là vui;
Như Lai dạy: khổ, vui chân thật,
Nên tôn xưng Phật là Đại bi.*

*Thế gian bọc giữa trứng vô minh,
Không sức trí tuệ phá vỏ bọc,
Trí tuệ Như Lai phá vỡ trứng,
Nên xưng là Mẹ cao quý nhất.*

*Không còn hệ thuộc trong ba đời,
Chẳng có tên gọi, danh xưng giả;
Rõ biết nghĩa Niết-bàn sâu thẳm,
Nên tôn xưng Phật là Đại giác.*

*Chúng sanh chìm đắm sông luân hồi,
Vô minh mù tối không vượt thoát;
Phật tự sang sông, đưa người sang,
Nên tôn xưng Phật: Đại thuyền sư.*

*Phật rõ biết hết mọi nhân quả,
Lại cũng thông đạt đạo tịch diệt;
Ban cho chúng sanh thuốc trị khổ,
Nên đời xưng là Đại y vương.*

*Ngoại đạo tà kiến nói khổ hạnh,
Bảo rằng nhờ đó được vui nhất;
Như Lai giảng hạnh vui chân thật,
Khiến chúng sanh được sự vui thích.*

*Như Lai phá dẹp đường sai lệch,
Chỉ bày chúng sanh đường chân chánh;
Đi theo đường ấy được an vui,
Nên tôn xưng Phật là Đạo sư.*

*Ta không, người cũng không tạo tác,
Không cùng tạo tác hoặc không nhân,
Như Lai giảng thuyết việc chịu khổ,
Vượt hơn tất cả các ngoại đạo.*

*Thành tựu đầy đủ giới, định, tuệ,
Lại đem pháp ấy dạy chúng sanh;*

*Rộng ban giáo pháp không tiếc giũ,
Nên tôn xưng Phật: Vô duyên từ.*

*Không chỗ tạo tác, không nhân duyên,
Đạt thấu không nhân, không quả báo;
Cho nên tất cả bậc trí giả,
Tôn xưng Như Lai: Bất cầu báo.*

*Thường sống cùng những kẻ buông thả,
Nhưng tự thân không hề buông thả;
Nên gọi là: không thể nghĩ bàn,
Tám pháp thế gian không ô nhiễm.*

*Như Lai Thế Tôn không oán, thân,
Nên tâm bình đẳng không phân biệt;
Nay con, Sư Tử Hống tán Phật,
Muôn tiếng rền vang, sư tử rống.¹*

PHẨM BỒ TÁT CA DIẾP

Phẩm thứ mười hai – Phần một

Đồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai thương xót tất cả chúng sanh, những kẻ chưa điều phục có thể khiến cho điều phục; những kẻ chưa thanh tịnh có thể khiến cho thanh tịnh; những kẻ không quy y có thể khiến cho quy y; những kẻ chưa giải thoát có thể khiến cho giải thoát. Ngài đã đạt được *Tám đức tự tại*, làm bậc *Đại y sư*, làm *Đại dục vương*.”

¹ Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 30, bắt đầu quyển 31, phẩm Bồ Tát Ca-diếp thứ 24, phần đầu tiên (Ca-diếp Bồ Tát phẩm đệ nhị thập tứ chi nhất).

“Khi Phật còn là Bồ Tát, *tỳ-kheo* Thiện Tinh từng là con trai của Phật,¹ sau khi xuất gia liền thọ trì, đọc tụng, phân biệt giảng thuyết được *Mười hai bộ kinh*, phá trừ hết phiền não *Dục giới*, tu tập chứng đắc *Bốn thiên*. Vì sao Như Lai có lời báo trước rằng Thiện Tinh là *nhất-xiển-đề*, là người hèn kém trọn kiếp sống trong địa ngục, là kẻ không thể sửa trị? Vì sao Như Lai không vì Thiện Tinh mà diễn thuyết *Chánh pháp* trước tiên, sau mới vì các Bồ Tát? Nếu Như Lai Thế Tôn không thể cứu độ *tỳ-kheo* Thiện Tinh, làm sao có thể xưng là có lòng từ bi lớn lao, có phương tiện lớn lao?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ví như cha mẹ có ba người con. Người thứ nhất biết tin nhận và vâng lời, cung kính cha mẹ, trí tuệ căn tánh lạnh lợi, đối với mọi việc ở đời đều có thể nhanh chóng rõ biết. Người thứ nhì không cung kính, không tin nhận và vâng lời cha mẹ, nhưng trí tuệ căn tánh lạnh lợi, đối với mọi việc ở đời cũng đều có thể nhanh chóng rõ biết. Người thứ ba không cung kính, cũng không tin nhận và vâng lời cha mẹ, lại là kẻ ngu si đần độn. Vậy khi cha mẹ muốn dạy bảo thì trước nhất nên dạy bảo đứa con nào? Nên gần gũi thương yêu đứa con nào trước? Trước nhất nên dạy bảo cho đứa con nào cho rõ biết mọi việc đời?”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Trước nhất nên dạy bảo người con biết tin nhận và vâng lời, cung kính cha mẹ, trí tuệ căn tánh lạnh lợi, hiểu biết việc đời. Kế đó nên dạy cho người con thứ nhì; sau rốt mới dạy người

¹ Pháp Hoa huyền tán, quyển 1, dẫn kinh văn nói rằng (vào thuở ấy) Phật có 3 người con trai, một là Thiện Tinh, hai là Ưu-bà-ma-da và người thứ ba là La-hầu.

con thứ ba. Tuy hai đứa con này không biết tin nhận và vâng lời, không cung kính cha mẹ, nhưng vì lòng thương con nên sau đó cũng [từ từ] dạy bảo chúng.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đức Như Lai cũng vậy. Trong ba người con ấy, người thứ nhất ví với hàng Bồ Tát, người thứ nhì ví với hàng Thanh văn, người thứ ba ví với hạng *nhất-xiển-đề*. Như kinh *Tu-đa-la* trong *Mười hai bộ kinh*, trước tiên Phật dùng những nghĩa vi tế giảng nói với hàng Bồ Tát; sau lại dùng những nghĩa cạn hơn để giảng nói với hàng Thanh văn; cuối cùng mới dùng những nghĩa thế tục để giảng nói với hạng *nhất-xiển-đề*, những kẻ phạm *năm tội nghịch*. Tuy trong đời hiện tại không có lợi ích gì, nhưng Phật vì thương xót mà gieo trồng hạt giống lành cho họ trong những đời sau.

“Thiện nam tử! Ví như có ba loại ruộng. Thứ nhất là ruộng dẫn nước ra vào dễ dàng, không có cát, phèn, sỏi đá, gai góc, có thể gặt hái gấp trăm lần số giống gieo trồng. Thứ hai là ruộng không có cát, phèn, sỏi đá, gai góc, nhưng khó khăn trong việc dẫn nước ra vào nên chỉ có thể gặt hái được phân nửa so với loại ruộng thứ nhất. Thứ ba là ruộng dẫn nước ra vào khó khăn, có nhiều cát, phèn, sỏi đá, gai góc, chỉ có thể gặt hái bằng với số giống đã gieo, vì xen lẫn rất nhiều cây khô, cỏ dại.

“Thiện nam tử! Đến thời vụ gieo trồng mùa xuân, người nông dân trước hết nên gieo trồng loại ruộng nào?”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa: “Bạch Thế Tôn! Trước hết nên gieo trồng ở loại ruộng thứ nhất. Kế đó gieo trồng ở loại ruộng thứ nhì. Sau chót mới tới loại ruộng thứ ba.”

Phật dạy: “Loại ruộng thứ nhất ví với hàng Bồ Tát, loại ruộng thứ nhì ví với hàng Thanh văn, loại ruộng thứ ba ví với hạng *nhất-xiển-đề*.”

“Thiện nam tử! Ví như có ba cái bát. Cái thứ nhất nguyên vẹn, cái thứ nhì rỉ chảy, cái thứ ba đã vỡ. Nếu muốn dùng đựng sữa, kem sữa, bơ hay nước, trước hết nên chọn dùng cái bát nào?”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa: “Bạch Thế Tôn! Trước hết nên dùng cái bát nguyên vẹn. Kế đó mới dùng cái bát rỉ chảy. Cuối cùng mới phải dùng đến cái bát đã vỡ.”

Phật dạy: “Cái bát nguyên vẹn ví với hàng Bồ Tát Tăng, cái bát rỉ chảy ví với hàng Thanh văn, cái bát đã vỡ ví với hạng *nhất-xiển-đề*.”

“Thiện nam tử! Ví như có ba người bệnh cùng đến chỗ một vị lương y. Người thứ nhất có bệnh dễ trị. Người thứ nhì có bệnh khó trị. Người thứ ba mang bệnh không thể trị.

“Thiện nam tử! Vị lương y nếu điều trị thì nên chọn người nào trước?”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa: “Bạch Thế Tôn! Trước nhất nên điều trị người dễ nhất. Kế đó đến người thứ nhì. Sau cùng mới trị cho người thứ ba. Vì sao vậy? Là vì những người thân thuộc [của họ].”

Phật dạy: “Bệnh nhân dễ trị là ví với hàng Bồ Tát Tăng. Bệnh nhân khó trị là ví với hàng Thanh văn Tăng. Bệnh nhân không thể trị là ví với hạng *nhất-xiển-đề*. Tuy không có quả lành trong đời hiện tại, nhưng Phật

vì thương xót mà gieo trồng hạt giống lành cho họ trong những đời sau.

“Thiện nam tử! Ví như vị đại vương có ba loại ngựa. Loại thứ nhất đã thuần phục, còn đang non tơ, sức lực mạnh mẽ. Loại thứ nhì chưa thuần phục, trẻ khỏe, sức lực mạnh mẽ. Loại thứ ba chưa thuần phục, lại già yếu, không có sức lực. Như vua muốn cưới ngựa thì trước hết nên chọn loại ngựa nào?”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa: “Bạch Thế Tôn! Trước hết nên chọn cưới loại ngựa đã thuần phục, còn đang non tơ, sức lực mạnh mẽ. Kế đó đến loại ngựa thứ nhì. Sau cùng mới dùng đến loại ngựa thứ ba.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ngựa đã thuần phục, còn đang non tơ, sức lực mạnh mẽ là ví với hàng Bồ Tát Tăng. Loại ngựa thứ nhì ví với hàng Thanh văn Tăng. Loại ngựa thứ ba ví với hạng *nhất-xiển-đề*. Tuy trong đời hiện tại không có lợi ích gì, nhưng Phật vì thương xót mà gieo trồng hạt giống lành cho họ trong những đời sau.

“Thiện nam tử! Như khi mở hội lớn bố thí cúng dường, có ba người đến thọ nhận. Người thứ nhất thuộc dòng quý tộc, thông minh, tu hành trì giới. Người thứ hai thuộc dòng trung lưu, ngu độn, nhưng cũng tu hành trì giới. Người thứ ba thuộc dòng dãi thấp kém hạ tiện, lại ngu độn, hủy phạm giới cấm. Thiện nam tử! Vị đại thí chủ mở hội ấy nên cúng dường trước tiên cho người nào?”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa: “Bạch Thế Tôn! Trước tiên nên cúng dường cho người thuộc dòng quý tộc, căn tánh lành lợi, tu hành trì giới. Kế đó cúng dường người thứ nhì. Sau cùng mới đến người thứ ba.”

Phật dạy: “Người thứ nhất là ví với hàng Bồ Tát Tăng. Người thứ nhì ví với hàng Thanh văn Tăng. Người thứ ba ví với hạng *nhất-xiển-đề*.”

“Thiện nam tử! Như sư tử lớn những khi giết con voi to phải cố hết sức, nhưng khi giết con thỏ cũng vậy, không hề có ý khinh thường. Chư Phật Như Lai cũng thế, cho dù thuyết pháp với hàng Bồ Tát hay với hạng *nhất-xiển-đề*, sự dụng công cũng không khác gì nhau.

“Thiện nam tử! Khi ta ở tại thành *Vương Xá, tỳ-kheo* Thiện Tinh làm thị giả. Lúc đầu hôm, ta vì Thiên *Đế-thích* diễn thuyết yếu nghĩa của *Chánh pháp*. Theo phép tắc thì đệ tử [thị giả] phải chờ đi nghỉ sau thầy. Bấy giờ, Thiện Tinh thấy ta ngồi lâu liền sanh lòng xấu ác. Thuở ấy, mỗi khi trẻ con ở thành *Vương Xá* khóc mãi không dỗ nín được thì cha mẹ thường dọa rằng: ‘Nếu còn khóc nữa ta sẽ đem giao mày cho quỷ *Bạc-câu-la*.’ Bấy giờ, Thiện Tinh bị bó buộc [theo phép tắc không đi nghỉ được], liền bảo ta rằng: ‘Thầy mau vào thiên thất đi, quỷ *Bạc-câu-la* đến kia!’

“Ta đáp: ‘Ông thật là si mê! Ông chẳng thường nghe rằng Như Lai Thế Tôn là bậc không còn sợ hãi điều gì cả hay sao?’

“Bấy giờ, *Đế-thích* bạch rằng: ‘Thế Tôn! Những người như vậy mà cũng được vào trong pháp Phật hay sao?’ Ta đáp: ‘*Kiều-thi-ca*! Những người như vậy được vào pháp Phật, cũng có tánh Phật, rồi sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’

“Tuy ta vì Thiện Tinh thuyết pháp, nhưng ông ấy hoàn toàn không có lòng tin nhận!

“Thiện nam tử! Khi ta ở tại thành *Thi-bà-phú-la*, nước *Ca-thi, tỳ-kheo* Thiện Tinh cũng làm thị giả. Lúc ấy, ta muốn vào thành khát thực. Vô số chúng sanh ở đó đều hết lòng khát ngưỡng, muốn được nhìn thấy dấu chân ta. *Tỳ-kheo* Thiện Tinh đi theo sau liền cố ý xóa hết những dấu chân của ta đi. Nhưng rồi ông ta cũng không thể xóa hết, chỉ làm cho chúng sanh khởi tâm bất thiện.

“Ta vào thành rồi, thấy ở một nhà nấu rượu có người ngoại đạo *Ni-kiền* ngồi xổm dưới đất mà ăn hèm rượu.

“*Tỳ-kheo* Thiện Tinh thấy vậy liền nói: ‘Thế Tôn! Nếu thế gian có bậc *A-la-hán* thì người này là vị *A-la-hán* cao trở nhất. Vì sao vậy? Vì người này dạy rằng không có nhân, không có quả.’

“Ta quả trách rằng: ‘Ông thật là si mê! Ông chẳng thường nghe rằng vị *A-la-hán* không uống rượu, không hại người, không dối trá, không trộm cướp, không dâm dục hay sao? Người này giết hại cha mẹ, mê ăn hèm rượu, sao có thể gọi là *A-la-hán*? Người này sau khi chết chắc chắn sẽ đọa vào địa ngục *A-tỳ*. Vị *A-la-hán* đã dứt trừ mãi mãi ba đường ác, sao có thể gọi người này là *A-la-hán*?’

“Thiện Tinh liền nói ngay: ‘Tánh của *bốn đại* còn có thể thay đổi, nhưng nếu muốn cho người này chắc chắn phải đọa địa ngục *A-tỳ* là điều không thể có!’

“Ta bảo: ‘Ông thật si mê! Ông chẳng thường nghe rằng lời nói của chư Phật Như Lai là thành thật không thay đổi hay sao?’

“Tuy ta vì Thiện Tinh thuyết pháp, nhưng ông ấy tuyệt nhiên không có lòng tin nhận!

“Thiện nam tử! Khi ta cùng với *tỳ-kheo* Thiện Tinh ở thành *Vương Xá*, trong thành có một người ngoại đạo *Ni-kiền* tên là *Khổ Đắc* thường nói rằng: ‘Phiền não của chúng sanh không có nhân, không có duyên; sự giải thoát của chúng sanh cũng không có nhân, không có duyên.’

“*Tỳ-kheo* Thiện Tinh lại nói rằng: ‘Thế Tôn! Nếu thế gian có *A-la-hán* thì *Khổ Đắc* là bậc cao nhất!’

“Ta quả trách rằng: ‘Ông thật si mê! *Ni-kiền* *Khổ Đắc* ấy thật không phải *A-la-hán*, không thể hiểu rõ được đạo *A-la-hán*.’

“Thiện Tinh lại nói rằng: ‘Vì sao *A-la-hán* lại sanh lòng tật đố với *A-la-hán*?’

“Ta đáp: ‘Ông thật si mê! Ta đối với *A-la-hán* không hề sanh lòng tật đố, chỉ là do ông tự sanh ra chỗ thấy biết xấu ác, tà vạy. Nếu nói rằng *Khổ Đắc* là *A-la-hán* thì [hãy chờ xem,] sau bảy ngày nữa [ông ấy] sẽ bị trúng thực, đau bụng mà chết; sau khi chết sẽ sanh vào loài quỷ ăn đồ nôn mửa; những bạn đồng học của ông ta sẽ khiêng xác chết bỏ vào trong rừng tha ma.’¹

“Bấy giờ, Thiện Tinh liền đến chỗ người *Ni-kiền* *Khổ Đắc*, bảo rằng: ‘Trưởng lão! Nay ông đã biết việc này chưa? *Sa-môn Cô-đàm* nói trước rằng sau bảy ngày nữa ông sẽ bị trúng thực, đau bụng mà chết, sau khi chết sanh vào loài quỷ ăn đồ nôn mửa, các bạn cùng học một thầy

¹ Rừng tha ma: khu rừng ở ngoài thành Vương Xá được dùng làm bãi tha ma vất xác người chết. Bản Hán văn dùng *hàn lâm* (寒林), nghĩa là khu rừng lạnh lẽo, dịch ý từ Phạn ngữ là *Sítavana*, thường phiên âm là Thi-dà hay Thi-da-bà-na.

sẽ khiêng xác ông bỏ vào trong rừng tha ma. Trưởng lão! Ông hãy khéo suy tư quán xét, dùng đủ các phương tiện [thay đổi sự việc], khiến cho *Cô-đàm* phải rơi vào chỗ nói lời hư dối.’

“Lúc ấy, Khổ Đắc nghe lời ấy rồi liền nhịn ăn từ ngày thứ nhất cho đến ngày thứ sáu. Vào cuối ngày thứ bảy mới ăn đường đen vào, sau đó lại uống nước lạnh. Sau khi uống nước lạnh liền bị đau bụng mà chết. Sau khi chết rồi, các bạn đồng học liền khiêng xác ông ta đem vất trong rừng tha ma. Khi ấy ông liền thọ thân của loài quỷ đói ăn đồ nôn mửa, ở kề bên xác chết ấy.

“*Tỳ-kheo* Thiện Tinh nghe biết việc ấy rồi liền đi vào rừng tha ma, nhìn thấy Khổ Đắc thọ thân quỷ đói ăn đồ nôn mửa, đang ngồi xồm dưới đất bên cạnh xác chết. Thiện Tinh liền hỏi: ‘Đại đức đã chết rồi sao?’

“Khổ Đắc đáp: ‘Tôi đã chết rồi.’

“Lại hỏi: ‘Vì sao chết?’

“Đáp: ‘Vì đau bụng mà chết.’

“Lại hỏi: ‘Ai mang xác ông đi?’

“Đáp: ‘Các bạn đồng học.’

“Lại hỏi: ‘Mang bỏ nơi nào?’

“Khổ Đắc nói: ‘Đồ ngu! Ông chẳng biết đây là rừng tha ma hay sao?’

“Thiện Tinh lại hỏi: ‘Ông [chết rồi] thọ thân gì?’

“Đáp: ‘Tôi thọ thân quỷ đói ăn đồ nôn mửa. Nay Thiện Tinh! Ông hãy nghe cho kỹ đây: Đức Như Lai khéo nói ra những lời chân thật, đúng lúc, có ý nghĩa, đúng Chánh pháp. Thiện Tinh! Đức Như Lai nói ra lời chân thật như

vậy, vì sao lúc ấy ông lại không tin? Nếu chúng sanh nào không tin lời chân thật của Như Lai, rồi sẽ phải thọ thân [quỷ đói] như tôi đây.’

“Lúc ấy, Thiện Tinh liền trở về chỗ ta, nói rằng: ‘Thế Tôn! Người *Ni-kiền Khổ Đắc* sau khi mạng chung đã sanh lên cõi trời *Ba mươi ba*.’

“Ta liền quả trách rằng: ‘Ông thật ngu si! Bậc *A-la-hán* không có chỗ sanh ra, sao ông nói rằng *Khổ Đắc* sanh lên cõi trời *Ba mươi ba*?’¹

“Thiện Tinh liền thú thật: ‘Bạch Thế Tôn! Quả như lời Phật dạy, người *Ni-kiền Khổ Đắc* thật chẳng sanh lên cõi trời *Ba mươi ba*. Hiện ông ấy đã thọ thân quỷ đói ăn đồ nôn mửa.’

“Phật dạy: ‘Ông thật si mê! Chư Phật Như Lai nói ra lời thành thật, không thay đổi. Nếu bảo rằng Như Lai nói hai lời, thật không thể có.’

“Thiện Tinh liền nói: ‘Lúc ấy tuy Như Lai đã nói như vậy, nhưng đối với việc ấy tôi hoàn toàn không sanh lòng tin.’

“Thiện nam tử! Ta cũng thương vì *tỳ-kheo* Thiện Tinh giảng nói pháp chân thật, nhưng ông ấy tuyệt nhiên không có lòng tin theo.

“Thiện nam tử! *Tỳ-kheo* Thiện Tinh tuy cũng đọc tụng *Mười hai bộ kinh*, chứng đắc *Bốn thiên*, nhưng thậm chí

¹ Ở đây đức Phật chỉ rõ Thiện Tinh vì nói dối nên đã tự mâu thuẫn với chính mình. Trước đó ông ta tin rằng *Khổ Đắc* là bậc *A-la-hán*, nay lại nói dối rằng *Khổ Đắc* đã sanh lên cõi trời *Ba mươi ba* (*Tam thập tam thiên*, tức *Đao-lợi thiên*), nhưng thật là bậc *A-la-hán* đã đoạn dứt phiền não thì không còn phải tái sanh, làm sao có chỗ sanh ra?

không hiểu được ý nghĩa của một bài kệ hay một câu, một chữ [trong kinh]. Vì gần gũi những bạn xấu nên dần sa sút mất cả *Bốn thiên*. Mất cả *Bốn thiên* rồi liền sanh tà kiến xấu ác, nói rằng: ‘Không có Phật, không có Pháp, không có *Niết-bàn*. *Sa-môn Cồ-đàm* chỉ nhờ khéo biết được tướng pháp nên rõ được tâm ý người khác đó thôi.’

“Lúc đó, ta bảo Thiện Tinh rằng: ‘Những pháp do Như Lai thuyết, dù là ban đầu, khoảng giữa hay về sau đều là hiền thiện, tốt lành. Lời của Như Lai là khéo léo, nhiệm mầu, từ ngữ chân chánh, chỗ thuyết giảng không lẫn lộn, thành tựu trọn vẹn *Phạm hạnh* thanh tịnh.’

“*Tỳ-kheo* Thiện Tinh lại nói rằng: ‘Tuy Như Lai vì tôi thuyết pháp, nhưng tôi thật lòng cho rằng không có nhân quả.’

“Thiện nam tử! Nếu ông không tin có những việc như vậy, thì hiện nay *tỳ-kheo* Thiện Tinh đang ở gần đây, nơi bờ sông *Ni-liên-thiên*, chúng ta hãy cùng đến đó mà hỏi.”

Lúc đó, đức Như Lai cùng với *Ca-diếp* đi đến chỗ Thiện Tinh. *Tỳ-kheo* Thiện Tinh từ xa đã trông thấy Phật. Vừa thấy rồi liền sanh lòng xấu ác, tà vạy. Vì lòng xấu ác đó mà lập tức sa vào địa ngục *A-tỳ* ngay trong khi đang sống!

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tuy *tỳ-kheo* Thiện Tinh được vào trong pháp Phật có vô lượng món báu, nhưng không thu hoạch được gì, thậm chí không có được lợi ích của một pháp nào cả! Đó là do sự buông thả, lười nhác; do [gần gũi] những bạn bè xấu ác, hiểu biết sai lầm.

“Ví như người đi vào biển cả, nhìn thấy nhiều thứ trân bảo, nhưng không lấy được gì cả chỉ vì lười nhác. Lại ví

như người đi vào biển cả, tuy nhìn thấy trên bảo chất đồng, nhưng vì đuối sức nên chết, hoặc bị ác quỷ *la-sát* giết chết. Thiện Tinh cũng vậy, tuy vào được trong pháp Phật rồi nhưng lại bị quỷ *la-sát* lớn là những bạn hữu xấu ác giết hại.

“Thiện nam tử! Cho nên Như Lai vì lòng thương xót thường dạy rằng: ‘Thiện Tinh có nhiều sự buông thả, lười nhác.’

“Thiện nam tử! Như người vốn dĩ bần cùng nghèo khó, người khác nhìn thấy tuy có đem lòng thương xót nhưng không sâu đậm. Với kẻ vốn xưa hết sức giàu có, sau bị mất hết tài sản, người khác nhìn thấy ắt sanh lòng thương xót rất sâu đậm.

“*Tỳ-kheo* Thiện Tinh cũng vậy. Ông ấy đã từng thọ trì, đọc tụng *Mười hai bộ kinh*, đạt được *Bốn thiên*, nhưng về sau lại sa sút mất đi, thật đáng thương thay! Cho nên ta nói: ‘*Tỳ-kheo* Thiện Tinh có nhiều sự buông thả, lười nhác. Vì có nhiều sự buông thả, lười nhác nên dứt mất các căn lành. Đối với ông ấy, những đệ tử của ta nghe biết đến thấy đều đem lòng thương xót một cách sâu đậm, cũng như người ta thương xót kẻ hết sức giàu có lại trở nên nghèo khổ.

“Thiện Tinh đi theo ta trong suốt nhiều năm, nhưng ông ấy tự sanh lòng tà vạy, xấu ác. Vì lòng tà vạy, xấu ác, ông ấy không buông bỏ được chỗ thấy biết xấu ác.

“Thiện nam tử! Từ trước tới nay ta luôn thấy căn lành của Thiện Tinh rất ít ỏi, chỉ như mảy lông, sợi tóc mà thôi, nhưng ta chưa hề nói rằng ông ấy đã dứt hẳn căn

lành, rơi vào hạng *nhất-xiển-đê*, là kẻ hèn hạ thấp kém, sẽ đọa vào địa ngục trọn kiếp. Chỉ vì ông ấy nói ra thuyết không nhân không quả, không có nghiệp tạo tác, nên ta mới nói rằng Thiện Tinh đã dứt hẳn căn lành, rơi vào hạng *nhất-xiển-đê*, là kẻ hèn hạ thấp kém, sẽ đọa vào địa ngục trọn kiếp.

“Thiện nam tử! Ví như có người ngã xuống hố xí, có bậc thiện tri thức đưa tay xuống dò tìm [để cứu lên]. Nếu sờ chạm được tóc trên đầu người ấy mới kéo lên được; như tìm lâu không được sẽ từ bỏ ý định cứu vớt.

“Như Lai cũng thế, nếu tìm thấy Thiện Tinh có chút ít căn lành mới có thể cứu vớt ông ta, nhưng tìm kiếm mãi cũng không thấy được chút căn lành nào, dù chỉ như mảy lông, sợi tóc; cho nên không thể cứu vớt ông ấy thoát khỏi địa ngục.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch rằng: “Thế Tôn! Vì sao Như Lai phải nói trước rằng ông ấy sẽ đọa địa ngục A-tỳ?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Tỳ-kheo* Thiện Tinh có nhiều quyền thuộc. Những người ấy đều cho rằng Thiện Tinh là *A-la-hán*, đã chứng đắc đạo quả. Vì muốn phá trừ lòng tà vạy xấu ác như thế nên ta mới phải nói trước rằng: ‘Vì buông thả, lười nhác, Thiện Tinh sẽ đọa vào địa ngục.’

“Thiện nam tử! Nay ông nên biết rằng lời nói của đức Như Lai là chân thật, không thay đổi. Vì sao vậy? Nếu Phật đã nói trước là sẽ đọa địa ngục mà không đúng thật như vậy là điều vô lý!

“Hàng Thanh văn, Duyên giác khi nói trước điều gì thì có hai khả năng: hoặc sai, hoặc đúng. Như *Mục-kiền-liên*

khi ở nước *Ma-già-đà* nói với mọi người rằng: ‘Bảy ngày nữa trời sẽ đổ mưa.’ Thời hạn ấy đã trôi qua nhưng chẳng có mưa! Lại có lần, *Mục-kiền-liên* nói trước việc con bò sẽ sanh con màu trắng. Đến khi sanh ra lại là bò có lông nhiều màu! Lại có lần nói trước việc sanh con trai, nhưng sau người mẹ ấy lại sanh ra con gái!

“Thiện nam tử! *Tỳ-kheo* Thiện Tinh thường giảng nói với vô số chúng sanh rằng: ‘Hoàn toàn không có quả lành, quả dữ.’ Vào lúc giảng nói như vậy, tất cả căn lành của ông ấy đều dứt hẳn, không còn chút nào, dù chỉ như mảy lông, sợi tóc.

“Thiện nam tử! Ta đã biết trước từ lâu rằng *tỳ-kheo* Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, nhưng ta vẫn sống chung với ông ấy. Trong suốt hai mươi năm ta vẫn nuôi dưỡng, cùng làm mọi việc với ông ấy. Nếu ta xa lìa không gần gũi bên cạnh thì ông ấy sẽ [có điều kiện để] dạy bảo cho vô số chúng sanh tạo tác các nghiệp xấu ác. Đó gọi là *Giải lực thứ năm*¹ của Như Lai.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà hạng *nhất-xiển-đề* không có các pháp lành?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì hạng *nhất-xiển-đề* đã dứt mất căn lành. Mọi chúng sanh đều có đủ *năm căn* như *tín căn, tinh tấn căn...*² nhưng hạng *nhất-xiển-đề* thì vĩnh

¹ Giải lực thứ năm (Đệ ngũ giải lực), tức Tri chủng chủng giải trí lực, là trí lực thứ năm trong mười trí lực của Phật, có thể rõ biết căn trí của tất cả chúng sanh và biết cách giáo hóa thích hợp.

² Năm căn được nói ở đây bao gồm: tín căn (tức lòng tin, đức tin), tinh tấn căn (lòng tinh tấn, chuyên cần), niệm căn (năng lực nhớ nghĩ, tưởng niệm), định căn (năng lực tập trung tư tưởng, định tâm không tán loạn) và tuệ căn (năng lực trí tuệ sáng suốt).

viễn dứt mất cả năm căn ấy. Vì nghĩa ấy nên giết một con kiến cũng mang tội giết hại, nhưng giết kẻ *nhất-xiển-đề* không mang tội giết hại!”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Có phải vì hạng *nhất-xiển-đề* mãi mãi chẳng bao giờ có được pháp lành nên mới gọi họ là *nhất-xiển-đề* hay chăng?”

Phật đáp: “Đúng vậy, đúng vậy.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sanh có ba loại giống lành. Đó là giống lành trong quá khứ, tương lai và hiện tại. [Dù là] hạng *nhất-xiển-đề* cũng không thể dứt mất pháp lành trong tương lai, sao có thể nói rằng dứt hết pháp lành nên gọi là *nhất-xiển-đề*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có hai cách dứt mất. Một là dứt mất ngay trong hiện tại, hai là do sự việc hiện tại làm ngăn trở tương lai. Hạng *nhất-xiển-đề* có đủ hai cách dứt mất ấy, cho nên ta nói rằng họ đã dứt hết các căn lành.

“Thiện nam tử! Ví như có người ngã xuống hố xí, đã chìm hẳn chỉ còn mỗi một sợi tóc trên đầu nhô lên. Tuy còn lại một sợi tóc trên đầu nhô lên, nhưng sợi tóc ấy không chịu nổi sức nặng toàn thân. Hạng *nhất-xiển-đề* cũng vậy, tuy trong đời vị lai cũng sẽ có chút căn lành nhưng không cứu nổi sự khổ địa ngục. Tuy trong đời vị lai có thể được cứu vớt, nhưng trong đời hiện tại thật chẳng biết làm sao [để cứu vớt]. Cho nên gọi là không thể cứu vớt. Do nhân duyên là tánh Phật thì có thể cứu được, vì tánh Phật không phải quá khứ, không phải vị lai, không phải hiện tại, cho nên không thể dứt mất. Nhưng cũng

giống như hạt giống đã hư mất thì không thể nảy mầm, hạng *nhất-xiển-đề* cũng giống như vậy đó!”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Hạng *nhất-xiển-đề* không dứt mất tánh Phật, nhưng tánh Phật cũng là [pháp] lành, vì sao nói rằng hạng *nhất-xiển-đề* dứt mất tất cả [pháp] lành?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu chúng sanh nào trong đời hiện tại có tánh Phật thì không gọi là *nhất-xiển-đề*. Cũng như tánh *ngã* của chúng sanh trong thế gian, tánh Phật là *thường*, không thuộc về ba đời. Nếu thuộc về ba đời [hiện tại, quá khứ và vị lai] thì gọi là *vô thường*. Vì trong tương lai chúng sanh sẽ thấy được tánh Phật, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật. Vì nghĩa ấy, hàng Bồ Tát *Thập trụ* đầy đủ [công hạnh] trang nghiêm mới thấy được đôi chút tánh Phật.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch rằng: “Thế Tôn! Tánh Phật là thường, cũng như hư không, vì sao Như Lai lại nói đến tương lai? Nếu Như Lai nói rằng hạng *nhất-xiển-đề* không có pháp lành, nhưng hạng *nhất-xiển-đề* ấy đối với những bạn bè cùng học một thầy, đối với cha mẹ, thân tộc, vợ con, lẽ nào không sanh lòng thương yêu? Nếu có sanh lòng thương yêu, đó chẳng phải là pháp lành hay sao?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Ông đã nêu được câu hỏi thú vị thay! Tánh Phật dường như hư không, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Tất cả chúng sanh đều có ba loại thân: thân quá khứ, thân vị lai và thân hiện tại. Trong đời vị lai, nếu chúng sanh có được thân đầy đủ [công hạnh] trang

nghiêm và thanh tịnh thì sẽ thấy được tánh Phật. Cho nên ta nói tánh Phật trong tương lai.

“Thiện nam tử! Như Lai vì chúng sanh nên có khi dạy rằng nhân là quả, có khi dạy rằng quả là nhân. Cho nên trong kinh có nói mạng sống là vật thực, hoặc nói nhìn thấy hình sắc tức là xúc chạm; vì thân trong tương lai sẽ thanh tịnh nên ta nói tánh Phật [trong tương lai].”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch rằng: “Thế Tôn! Như Phật vừa nói nghĩa như vậy, vì sao nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh tuy hiện tại không có, nhưng *không thể nói là không có*. Cũng như tánh của hư không tuy hiện tại là không có, nhưng không thể nói là không có. Tất cả chúng sanh tuy là *vô thường*, nhưng tánh Phật này là *thường trụ*, không biến đổi. Cho nên trong kinh này ta có nói: ‘Tánh Phật của chúng sanh chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, cũng như hư không chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài. Nếu hư không có ở trong, ở ngoài, thì hư không không gọi là một, là thường, cũng không nói rằng hư không ở khắp mọi nơi. Tuy hư không chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, nhưng chúng sanh đều có hư không. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy.’

“Như lời ông vừa nói, rằng ‘hạng *nhất-xiển-đề* có pháp lành’, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Hạng *nhất-xiển-đề* nếu như có những nghiệp của thân, của miệng, của ý; những nghiệp nắm giữ, mong cầu; những nghiệp bố thí, giải thoát... tất cả những nghiệp như thế của họ đều là

nghiệp tà vạy. Vì sao vậy? Vì họ [dụng tâm] không cầu nhân quả.

“Thiện nam tử! Như cây *ha-lê-lặc*, từ trái cây, rễ cây, thân cây, cành lá, hoa quả đều có vị đắng; nghiệp của hạng *nhất-xiển-đề* cũng giống như vậy, [tất cả đều là tà vạy].

“Thiện nam tử! Như Lai có đầy đủ sức rõ biết các hạng căn tánh, nên khéo phân biệt được những căn tánh bậc cao, bậc vừa, bậc thấp của chúng sanh; biết được những người [như thế] này có thể chuyển từ bậc thấp lên bậc vừa; người [như thế] này có thể chuyển từ bậc vừa lên bậc cao; người [như thế] này sẽ phải chuyển từ bậc cao xuống bậc vừa; người [như thế] này sẽ phải chuyển từ bậc vừa xuống bậc thấp.

“Nên phải biết rằng căn tánh của chúng sanh không nhất thiết là cố định. Vì không cố định nên có khi dứt mất căn lành, nhưng dứt rồi vẫn có thể sanh ra lại. Nếu căn tánh của chúng sanh nhất thiết là cố định thì không thể có sự dứt mất trước đó rồi sau lại sanh ra; cũng không thể nói rằng hạng *nhất-xiển-đề* sẽ đọa vào địa ngục, đời sống kéo dài mãi mãi trong đó.

“Thiện nam tử! Cho nên Như Lai dạy rằng tất cả các pháp không có tướng nhất định.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai có đầy đủ sức rõ biết các hạng căn tánh, biết chắc rằng Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, vậy do nhân duyên gì lại cho phép ông ấy xuất gia?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ngày xưa, khi ta mới xuất gia, em ta là *Nan-đà*, em họ ta là *A-nan*, *Đê-bà-đạt-đa*,¹ con ta là *La-hầu-la*... thấy đều theo ta xuất gia tu hành. Nếu ta không cho phép Thiện Tinh xuất gia, ông ấy sẽ nối ngôi vua, có được thế lực tùy ý rồi sẽ phá hoại Phật pháp. Vì nhân duyên ấy, ta liền cho phép ông ấy xuất gia tu hành.

“Thiện nam tử! Nếu *tỳ-kheo* Thiện Tinh không xuất gia, ông ấy cũng dứt mất căn lành, trong vô lượng kiếp không được lợi ích gì! Nay ông ấy đã xuất gia rồi, dù dứt mất căn lành nhưng có thể thọ nhận và giữ giới, cúng dường cung kính những bậc kỳ cựu tôn túc, những người đức độ; rồi tu tập từ *Sơ thiên* cho đến *Tứ thiên*. Đó gọi là [gieo] nhân lành. Nhân lành ấy có thể sanh ra pháp lành. Pháp lành đã sanh thì có thể tu tập *Chánh đạo*. Đã tu tập *Chánh đạo* thì sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì thế ta cho phép Thiện Tinh xuất gia.

“Thiện nam tử! Nếu ta không cho phép Thiện Tinh xuất gia thọ giới thì không xứng đáng được tôn xưng là bậc Như Lai có đủ *Mười trí lực*.

“Thiện nam tử! Phật quán xét thấy chúng sanh có đủ pháp lành và pháp chẳng lành. Thấy rõ được những người như thế này tuy có đủ hai pháp ấy, nhưng không bao lâu nữa sẽ dứt mất tất cả căn lành, chỉ còn toàn những căn chẳng lành mà thôi. Vì sao vậy? Vì những chúng sanh này không gần gũi bạn lành, không nghe *Chánh pháp*, không khéo suy xét thực hành theo đúng *Chánh pháp*. Vì nhân

¹ Bản Hán văn dùng *Điêu-bà-đạt-đa*, phiên âm từ Phạn ngữ *Devadatta*, chúng tôi chuyển dịch dùng cách đọc *Đê-bà-đạt-đa* quen thuộc và phổ biến hơn.

duyên ấy nên sẽ dứt hết căn lành, chỉ còn lại tất cả những căn chẳng lành.

“Thiện nam tử! Như Lai lại cũng rõ biết được những người như thế này, trong đời hiện tại hoặc đời vị lai, lúc còn nhỏ tuổi hoặc khi trưởng thành, già cả, rồi sẽ gần gũi bạn hữu tốt lành, lắng nghe và thọ nhận Chánh pháp: *Khổ, Tập, Diệt, Đạo*. Vào lúc ấy, các căn lành sẽ có thể sanh ra lại.

“Thiện nam tử! Ví như có một con suối ở cách thôn xóm không xa, nước suối ấy ngon ngọt, đầy đủ *tám công đức*. Có người nóng khát muốn đi đến chỗ con suối. Gần đó có bậc trí giả quan sát người khát nước ấy, liền biết chắc rằng sẽ đi tới chỗ con suối. Vì sao vậy? Vì không còn con đường nào khác. Như Lai Thế Tôn quán sát chúng sanh cũng giống như vậy. Cho nên tôn xưng Như Lai là Bậc có đầy đủ sức rõ biết các hạng căn tánh.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn lấy một chút đất để trên móng tay, hỏi Bồ Tát *Ca-diếp*: “*Ca-diếp*! Chút đất này là nhiều hay đất ở khắp các thế giới trong mười phương là nhiều?”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Đất trên móng tay không thể so với đất trong khắp mười phương.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có những người sau khi bỏ thân này rồi được sanh trở lại làm người; hoặc sau khi bỏ thân trong *ba đường ác* được thọ thân người, có đủ các căn, được sanh ra giữa nơi văn minh tiến bộ, đầy đủ đức tin chân chánh, có thể tu tập đạo. Tu tập đạo rồi có thể [nhận ra được để] tu theo *Chánh đạo*. Tu theo *Chánh đạo*

rồi có thể đạt được giải thoát. Được giải thoát rồi có thể nhập *Niết-bàn*. Số người như vậy [rất ít], chỉ như chút đất trên móng tay này.

“Lại có những kẻ sau khi bỏ thân người rồi phải sanh vào *ba đường ác*; bỏ thân trong *ba đường ác* rồi lại sanh trở lại vào đó nữa; [hoặc sanh làm người thì] các căn không đầy đủ, sanh ra nơi những vùng xa xôi hẻo lánh, tối tăm chậm tiến; đặt niềm tin vào những kiến giải sai lầm, điên đảo; tu tập *tà đạo*, không đạt được những đức: *giải thoát, thường, lạc, Niết-bàn*. Số người như vậy [rất nhiều], cũng như đất trong các thế giới ở khắp mười phương.

“Thiện nam tử! [Có những người] bảo vệ giữ gìn giới cấm, tinh tấn chuyên cần không biếng nhác, không phạm vào *bốn giới cấm nặng*, không làm *năm tội nghịch*, không sử dụng tài vật cúng dường *Tam bảo*, không làm kẻ *nhất-xiển-đề*, không dứt mất căn lành, có lòng tin vào những kinh điển như kinh *Niết-bàn* này. Số người như vậy [rất ít], chỉ như chút đất trên móng tay này.

“[Lại có những người] phá hủy giới cấm, biếng nhác trì trệ, phạm vào *bốn giới cấm nặng*, làm *năm tội nghịch*, sử dụng tài vật cúng dường Tam bảo, làm kẻ *nhất-xiển-đề*, dứt mất căn lành, không có lòng tin nơi kinh [*Đại Bát Niết-bàn*] này. Số người như vậy [rất nhiều], cũng như đất trong các thế giới ở khắp mười phương.

“Thiện nam tử! Như Lai khéo léo rõ biết những căn tánh bậc cao, bậc vừa, bậc thấp như vậy của chúng sanh, nên tôn xưng Phật là bậc đầy đủ sức rõ biết các căn tánh.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai có đủ sức rõ biết các căn tánh nên biết được căn tánh bậc cao, bậc vừa, bậc thấp của tất cả chúng sanh; rõ biết sự khác biệt giữa căn tánh lành lợi và ngu độn; rõ biết các căn của chúng sanh đời hiện tại, cũng rõ biết các căn của chúng sanh đời vị lai.

“[Như Lai rõ biết] những chúng sanh [như thế này thì] sau khi Phật diệt độ sẽ nói: ‘Như Lai đã dứt bỏ tất cả mà vào *Niết-bàn*’; hoặc [những chúng sanh như thế này] sẽ nói: ‘Như Lai không dứt bỏ tất cả mà vào *Niết-bàn*’; hoặc [những chúng sanh như thế này] sẽ nói: ‘Có ngã’; hoặc [những chúng sanh như thế này] sẽ nói: ‘Không có ngã’. Hoặc nói: ‘Có thân trung ấm’; hoặc nói: ‘Không có thân trung ấm’; hoặc nói: ‘Có thối chuyển’; hoặc nói: ‘Không có thối chuyển’; hoặc nói: ‘Thân Như Lai là hữu vi’; hoặc nói: ‘Thân Như Lai là vô vi’; hoặc nói: ‘*Mười hai nhân duyên* là pháp hữu vi’; hoặc nói: ‘Nhân duyên là pháp vô vi’; hoặc nói: ‘Tâm là vô thường’; hoặc nói: ‘Sự hưởng thụ *năm món dục lạc* có thể ngăn trở Thánh đạo’; hoặc nói: ‘Không hề ngăn trở’; hoặc nói: ‘Pháp cao nhất trong thế gian chỉ là *Dục giới* mà thôi’; hoặc nói: ‘Là cả *Tam giới*’; hoặc nói: ‘Bố thí chỉ là nghiệp của ý mà thôi’; hoặc nói: ‘[Bố thí] tức là *năm ấm*’; hoặc nói: ‘Có ba pháp vô vi’;¹ hoặc nói: ‘Không có ba pháp vô vi’; hoặc nói: ‘Có sắc được

¹ Ba pháp vô vi (Tam vô vi): 1. Trạch diệt vô vi: hay Sở diệt vô vi, do năng lực trí tuệ phân biệt giản trạch tất cả các pháp hữu vi mà đạt đến Diệt đế, thể của tịch diệt tức là Niết-bàn, nên gọi là Trạch diệt vô vi; 2. Phi trạch diệt vô vi: hay Phi sở diệt vô vi, quán chiếu tất cả các pháp hữu vi do nhân duyên mà có, không dùng đến trí tuệ phân biệt giản trạch, chỉ y theo lý nhân duyên, nhân duyên diệt thì tất cả các pháp hữu vi đều diệt, đạt đến chỗ thực thể hiển bày, các tướng hữu vi đều tịch diệt, nên gọi là Phi trạch diệt vô vi; 3. Hư không vô vi, là vượt ngoài cả hai pháp vô vi nói trên, lấy vô ngại làm thể tánh, vốn không bị ngăn ngại

tạo thành’; hoặc nói: ‘Không có sắc được tạo thành’; hoặc nói: ‘Có hình sắc không do tạo tác mà có’; hoặc nói: ‘Tất cả hình sắc đều do tạo tác mà có’; hoặc nói: ‘Có pháp là đối tượng của tâm’; hoặc nói: ‘Không có pháp là đối tượng của tâm’; hoặc nói: ‘Có năm cách hiện hữu’; hoặc nói: ‘Có sáu cách hiện hữu’; hoặc nói: ‘Phải thọ đủ giới *ưu-bà-tắc* mới được truyền pháp *Bát [quan] trai*’; hoặc nói: ‘Không thọ đủ cũng truyền được’; hoặc nói: ‘*Tỳ-kheo* sau khi phạm *Bốn giới cấm nặng* rồi, giới *tỳ-kheo* vẫn còn’; hoặc nói: ‘Không còn nữa’; hoặc nói: ‘Các vị *Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán* đều đạt đến Phật đạo’; hoặc nói: ‘Không đạt đến’; hoặc nói: ‘Tánh Phật do nơi chúng sanh mà có’; hoặc nói: ‘Không có chúng sanh cũng có tánh Phật’; hoặc nói: ‘Những kẻ phạm *Bốn giới cấm nặng*, làm *Năm tội nghịch*, cùng hạng *nhất-xiển-đê*, thấy đều có tánh Phật’; hoặc nói: ‘Không có’; hoặc nói: ‘Có chư Phật trong mười phương’; hoặc nói: ‘Không có chư Phật trong mười phương’...

“Bạch Thế Tôn! Nếu đức Như Lai đã thành tựu đầy đủ sức rõ biết các hạng căn tánh [của chúng sanh], vì sao hôm nay không giảng thuyết rõ ràng xác định [những nghĩa như trên]?”

Phật dạy Bồ Tát *Ca-diếp*: “Thiện nam tử! Những nghĩa như vậy không phải dùng *nhãn thức* [mà có thể] rõ biết, cho đến cũng không phải dùng *ý thức* [mà có thể] rõ biết,¹ chính là chỗ rõ biết của trí tuệ. Đối với người có trí ta

cũng không ngăn ngại pháp khác; thể tánh vô vi này đầy khắp như hư không của thể gian nên gọi là Hư không vô vi.

¹ Câu này nói tóm cả sáu thức, gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

không bao giờ nói ra hai nghĩa; người ấy cũng [tự] biết rằng ta không nói hai nghĩa. Với người không có trí ta phải nói nghĩa không xác định, mà người không có trí cũng biết là ta nói nghĩa không xác định.

“Thiện nam tử! Tất cả hạnh lành của Như Lai đều là để điều phục chúng sanh, cũng như các phương thuốc của Bậc y vương đều là để điều trị tất cả bệnh khổ.

“Thiện nam tử! Đức Như Lai Thế Tôn do [sự khác biệt về] quốc độ, tùy theo điều kiện nhân duyên, vì lời nói của kẻ khác, vì muốn hóa độ người, vì [thích hợp với] nhiều hạng căn tánh nên đối với một pháp mà giảng nói hai thuyết [khác nhau], đối với một tên gọi của pháp mà nói ra vô số tên gọi, đối với một nghĩa mà giảng nói vô số tên gọi, đối với vô số nghĩa cũng nói ra vô số tên gọi.

“Thế nào là đối với một tên gọi mà nói ra vô số tên gọi? Ví dụ như *Niết-bàn*, vừa gọi là *Niết-bàn*, vừa gọi là *vô sanh*, cũng gọi là *vô xuất*, cũng gọi là *vô tác*, cũng gọi là *vô vi*, cũng gọi là *quy y*, cũng gọi là *nơi nương náu*, cũng gọi là *giải thoát*, cũng gọi là *quang minh*, cũng gọi là *đèn sáng*, cũng gọi là *bờ bên kia*, cũng gọi là *không sợ hãi*, cũng gọi là *không thối chuyển*, cũng gọi là *trụ yên*, cũng gọi là *rỗng không vắng lặng*, cũng gọi là *vô tướng*, cũng gọi là *vô nhị*, cũng gọi là *một hạnh duy nhất*, cũng gọi là *trong trẻo mát mẻ*, cũng gọi là *không tối tăm*, cũng gọi là *không ngăn ngại*, cũng gọi là *không tranh chấp*, cũng gọi là *không ướ trước*, cũng gọi là *rộng lớn*, cũng gọi là *cam lộ*, cũng gọi là *tốt đẹp an lành...* Đó là do một tên gọi mà tạo ra vô số tên gọi.

“Thế nào là đối với một nghĩa mà giảng nói vô số tên gọi? Ví như *Đế-thích*, vừa gọi là *Đế-thích*, vừa gọi là *Kiều-thi-ca*, cũng gọi là *Bà-sa-bà*, cũng gọi là *Phú-lan-đà-la*, cũng gọi là *Ma-pháp-bà*, cũng gọi là *Nhân-đà-la*, cũng gọi là *Thiên nhân*, cũng gọi là *Xá-chỉ-phu*, cũng gọi là *Kim cang*, cũng gọi là *Bảo đỉnh*, cũng gọi là *Bảo tràng*... Đó gọi là đối với một nghĩa mà giảng nói vô số tên gọi.

“Thế nào là đối với vô số nghĩa nói ra vô số tên gọi? Như đức Phật Như Lai cũng gọi là Như Lai, nghĩa khác, danh xưng khác; cũng gọi là *A-la-ha*, nghĩa khác, danh xưng khác; cũng gọi là *Tam-miệu Tam-phật-đà*, nghĩa khác, danh xưng khác; cũng gọi là *Thuyền sư*, cũng gọi là *Đạo sư*, cũng gọi là *Chánh giác*, cũng gọi là *Minh hạnh túc*, cũng gọi là *Đại Sư tử vương*, cũng gọi là *Sa-môn*, cũng gọi là *Bà-la-môn*, cũng gọi là *Tịch tịnh*, cũng gọi là *Thí chủ*, cũng gọi là *Đáo bỉ ngạn*, cũng gọi là *Đại y vương*, cũng gọi là *Đại tượng vương*, cũng gọi là *Đại long vương*, cũng gọi là *Thí nhân*, cũng gọi là *Đại lực sĩ*, cũng gọi là *Đại vô úy*, cũng gọi là *Bảo tỳ*, cũng gọi là *Thương chủ*, cũng gọi là *Đắc thoát*, cũng gọi là *Đại trượng phu*, cũng gọi là *Thiên nhân sư*, cũng gọi là *Đại phân-đà-lỵ*, cũng gọi là *Độc vô đẳng lữ*, cũng gọi là *Đại phước điền*, cũng gọi là *Đại trí tuệ*, cũng gọi là *Vô tướng*, cũng gọi là *Cụ túc bát trí*... Như vậy là tất cả nghĩa đều khác, danh xưng cũng khác.

“Thiện nam tử! Đó gọi là đối với vô số nghĩa nói ra vô số tên gọi.

“Lại có khi đối với một nghĩa mà nói ra vô số tên gọi. Như nói về *ám*, vừa gọi là *ám*, vừa gọi là *điên đảo*, cũng gọi là *sự thật*, cũng gọi là *Bốn niệm xứ*, cũng gọi là *Bốn*

cách ăn, cũng gọi là *Chỗ trụ của bốn thức*, cũng gọi là *hiện hữu*, cũng gọi là *đạo*, cũng gọi là *thời*, cũng gọi là *chúng sanh*, cũng gọi là *thế gian*, cũng gọi là *đệ nhất nghĩa*, cũng gọi là *Ba pháp tu*, là nói *tu thân, tu giới, tu tâm*; cũng gọi là *nhân quả*, cũng gọi là *phiền não*, cũng gọi là *giải thoát*, cũng gọi là *Thập nhị nhân duyên*; cũng gọi là *Thanh văn, Phật Bích-chi, Phật*; cũng gọi là *địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, thiên*; cũng gọi là *quá khứ, hiện tại, vị lai*...

“Đó gọi là đối với một nghĩa mà nói ra vô số tên gọi.

“Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn vì chúng sanh nên [có khi] đối với việc [có nghĩa] rộng mà diễn thuyết sơ lược; đối với việc [có nghĩa] sơ lược mà diễn thuyết mở rộng; [có khi] đối với *Đệ nhất nghĩa đế* mà nói là *Thế đế*,¹ đối với pháp *Thế đế* lại nói là *Đệ nhất nghĩa đế*.

“Thế nào là đối với việc rộng diễn thuyết sơ lược? Như Phật bảo các *tỳ-kheo* rằng: ‘Hôm nay ta giảng nói *Mười hai nhân duyên*. Thế nào gọi là *Mười hai nhân duyên*? Đó là nói nhân quả.’

“Thế nào là đối với việc sơ lược, diễn thuyết mở rộng? Như Phật bảo các *tỳ-kheo* rằng: ‘Hôm nay ta giảng nói về *khổ, tập, diệt, đạo*. *Khổ* là nói vô lượng các khổ... *Tập* là nói vô lượng phiền não... *Diệt* là nói vô lượng giải thoát... *Đạo* là nói vô lượng phương tiện...’

“Thế nào là đối với *Đệ nhất nghĩa đế* nói là *Thế đế*? Như Phật bảo các *tỳ-kheo* rằng: ‘*Thân này của ta hiện nay có đủ già, bệnh, chết*.’

“Thế nào là đối với *Thế đế* nói là *Đệ nhất nghĩa đế*?

¹ Thế đế: chỉ chân lý tương đối nằm trong phạm trù suy luận, khái niệm của thế gian.

Như Phật bảo *Kiêu-trần-như*: ‘Vì ông đã đắc pháp nên gọi tên là *A-nhã Kiều-trần-như*.’¹

“Như vậy là [Như Lai thuyết pháp] tùy nơi người [nghe], tùy ý [muốn nói], tùy thời điểm [thích hợp], đó gọi là sức rõ biết các hạng căn tánh của Như Lai.

“Thiện nam tử! Nếu đối với các nghĩa như trên mà giảng nói một cách cứng nhắc thì không thể tôn xưng là Như Lai, có sức rõ biết đủ các hạng căn tánh.

“Thiện nam tử! Người có trí nên biết rằng sức chuyên chở của con lừa không thể hơn được sức con voi tơ. Hành vi [tạo tác] của tất cả chúng sanh là vô lượng, nên Như Lai cũng vì chúng sanh mà thuyết giảng đủ mọi pháp vô lượng. Vì sao vậy? Vì chúng sanh có nhiều phiền não. Nếu Như Lai chỉ giảng nói một công hạnh duy nhất thì không thể gọi là Như Lai thành tựu trọn vẹn sức rõ biết các hạng căn tánh. Cho nên trong những kinh khác ta có dạy rằng: ‘Có năm hạng chúng sanh không nên giảng nói năm việc. Đó là: Với kẻ không có lòng tin không ngợi khen lòng tin chân chánh; với kẻ hủy phạm giới cấm không ngợi khen việc trì giới; với kẻ tham tiếc keo lặt không ngợi khen sự bố thí; với kẻ lười nhác biếng trễ không ngợi khen sự nghe nhiều học rộng; với kẻ ngu si không ngợi khen trí tuệ.’

“Vì sao vậy? Nếu người có trí giảng nói năm việc trên với năm hạng người ấy, thì nên biết rằng người giảng nói như vậy là không đạt được đầy đủ sức rõ biết các hạng

¹ A-nhã Kiều-trần-như: phiên âm từ Phạn ngữ *Ājñāta Kauṇḍinya*. Kiều-trần-như là họ của vị này, nên theo đây mà xét thì tên A-nhã là do đức Phật đặt cho sau khi vị này hiểu đạo. Chữ A-nhã được dịch sang chữ Hán là giải, dĩ tri hay liễu bốn tế, đều có nghĩa là “người đã thấu rõ, đã hiểu biết”.

căn tánh, cũng không gọi là người thương xót chúng sanh. Vì sao vậy? Năm hạng người ấy khi nghe những việc như vậy rồi ắt sẽ đánh mất lòng tin, sanh tâm xấu ác, sân hận. Vì nhân duyên ấy mà trong vô lượng kiếp sẽ phải chịu quả báo khổ não. Cho nên người giảng nói như vậy không thể gọi là thương xót chúng sanh, [không gọi] là có sức rõ biết đủ các căn tánh.

“Vì thế, trước đây trong một kinh khác ta có dạy *Xá-lợi-phát*: ‘Ông phải thận trọng, đối với người căn tánh lạnh lợi đừng thuyết pháp mở rộng; đối với kẻ ngu độn chậm lụt đừng thuyết pháp sơ lược.’ *Xá-lợi-phát* bạch rằng: ‘Thế Tôn! Con vì lòng thương xót nên thuyết pháp, không phải vì có sức rõ biết đủ các hạng căn tánh mà thuyết pháp.’

“Thiện nam tử! [Việc tùy nghi] thuyết pháp mở rộng hay sơ lược là cảnh giới của chư Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể rõ biết được.

“Thiện nam tử! Như lời ông nói, sau khi Phật vào *Niết-bàn*, các đệ tử mỗi người đều sẽ thuyết giảng khác nhau. Những người ấy đều do nhân duyên điên đảo, không có *Chánh kiến*, nên không thể làm lợi ích cho mình và người khác.

“Thiện nam tử! Chúng sanh không phải chỉ có một tánh, một hạnh, một căn, một loại quốc độ, một thiện tri thức. Cho nên Như Lai vì chúng sanh mà tuyên thuyết mọi thứ pháp yếu. Do nhân duyên ấy mà ba đời chư Phật Như Lai trong mười phương đều vì chúng sanh mở bày diễn giảng *Mười hai bộ kinh*.

“Thiện nam tử! Như Lai thuyết giảng *Mười hai bộ kinh* chẳng phải vì sự lợi ích cho mình, chỉ vì lợi ích cho chúng

sinh mà thôi. Cho nên *trí lực thứ năm* của Như Lai gọi là *Giải lực*. Lại do *trí lực thứ hai* [là *Tri tam thế nghiệp báo trí lực*] nên Như Lai rõ biết sâu xa rằng những người [như thế] này trong hiện tại có thể dứt mất căn lành; những người [như thế] này trong đời tương lai sẽ dứt mất căn lành; những người [như thế] này trong đời hiện tại có thể đạt được giải thoát; những người [như thế] này trong đời tương lai có thể đạt được giải thoát... Cho nên Như Lai được tôn xưng là *Đấng Vô thượng Lực sĩ*.

“Thiện nam tử! Nếu ai nói rằng Như Lai dứt hết tất cả mà vào *Niết-bàn*, hoặc Như Lai không dứt tất cả mà vào *Niết-bàn*, những người ấy đều không hiểu được ý Như Lai nên mới nói ra những thuyết như vậy.

“Thiện nam tử! Trong Hương sơn có năm mươi ba ngàn vị tiên nhân, đều là những người vào thuở quá khứ đã tu các công đức nơi chỗ đức Phật *Ca-diếp*. Họ chưa chứng đắc Thánh đạo, chưa được gần gũi chư Phật để nghe và thọ nhận *Chánh pháp*. Như Lai vì những người này mới bảo *A-nan* rằng: ‘*Sau ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn.*’ Chư thiên nghe được rồi bèn truyền tin ấy đến tận Hương sơn. Các vị tiên nhân kia nghe được tin ấy liền sanh lòng hối tiếc rằng: ‘*Vì sao chúng ta được sanh trong loài người mà không được gần gũi Phật? Chư Phật Như Lai ra đời là việc rất khó gặp, cũng như hoa Ưu-đàm.* Nay chúng ta nên đến chỗ Phật Thế Tôn để nghe và thọ nhận *Chánh pháp.*’

“Thiện nam tử! Bây giờ, năm mươi ba ngàn tiên nhân liền đến chỗ ta. Ta liền thuyết pháp thích hợp với họ: ‘*Chư đại sĩ! Sắc là vô thường. Vì sao vậy? Vì nhân duyên của sắc là vô thường. Do nhân duyên vô thường sanh ra*

nên sắc làm sao có thể là thường?... Cho đến *thức*¹ cũng giống như vậy.” Bấy giờ, các tiên nhân nghe pháp ấy rồi tức thời chứng đắc quả *A-la-hán*.

“Thiện nam tử! Ở thành *Câu-thi-na* có tộc họ *Lực-sĩ*² khoảng ba trăm ngàn người. Họ không chịu phụ thuộc ai, thường tự thị, kiêu căng với hình sắc, sức mạnh, thân mạng và tài sản mà họ có được; tâm ý họ rối loạn, cuồng say. Thiện nam tử! Vì muốn điều phục những người họ *Lực-sĩ* ấy, ta bảo *Mục-kiền-liên* rằng: ‘Ông nên điều phục những người họ *Lực-sĩ* ấy.’

“Bấy giờ, *Mục-kiền-liên* kính vâng lời dạy của ta, trong suốt năm năm trời cố dùng mọi cách để giáo hóa họ, nhưng không thể khiến cho một người nào [trong số họ] thọ pháp, được điều phục. Cho nên, ta lại vì những người họ *Lực-sĩ* ấy mà bảo *A-nan* rằng: ‘Còn ba tháng nữa ta sẽ nhập *Niết-bàn*.’

“Thiện nam tử! Bấy giờ, nghe được lời ấy, những người họ *Lực-sĩ* liền rủ nhau tụ tập, sửa dọn đường sá. Qua ba tháng rồi, ta bèn từ giã thành *Tỳ-xá-ly*, đi đến thành *Câu-thi-na*. Giữa đường, trông thấy những người họ *Lực-sĩ* từ xa, ta liền tự hóa thân làm một thầy *sa-môn*, đi thẳng đến chỗ bọn họ nói rằng: ‘Bọn trẻ các con đang làm việc chi đó?’ Nghe hỏi như vậy, những người họ *Lực-sĩ* đều sanh tâm sân hận, trách mắng rằng: ‘*Sa-môn*! Sao

¹ Câu này nói tóm cả năm ấm, gồm từ sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm cho đến thức ấm.

² *Lực-sĩ*: danh xưng này là tên riêng của một tộc họ thuộc giai cấp Sát-đế-ly, phiên âm từ tiếng Phạn là *Licchavi*, đã được giải thích rõ ở phần mở đầu kinh này (Tập 1, quyển 1). Một số nơi khác cũng phiên âm là *Ly-xa*. Vì thế, nó không thực sự mang ý nghĩa “lực sĩ” (người có sức mạnh).

nay ông dám gọi chúng tôi là bọn trẻ?’ Ta liền đáp rằng: ‘Các con số đông đến ba trăm ngàn người, cùng đem hết sức mình mà chẳng đời được hòn đá nhỏ này, chẳng đáng gọi là bọn trẻ hay sao?’ Những người họ *Lục-sĩ* nói rằng: ‘Nếu ông dám gọi chúng tôi là bọn trẻ, hẳn ông phải là một bậc đại nhân!’

“Thiện nam tử! Bấy giờ, ta chỉ dùng hai ngón chân hất văng hòn đá lên. Thấy việc ấy rồi, những người họ *Lục-sĩ* ấy liền đối với thân mình tự sanh lòng chê trách là yếu ớt. Họ lại hỏi rằng: ‘*Sa-môn!* Nay ông có thể dẹp hòn đá này ra khỏi đường đi chăng?’ Ta nói: ‘Này các con! Do nhân duyên gì mà các con sửa dọn đường này?’ Những người họ *Lục-sĩ* thưa rằng: ‘*Sa-môn!* Ông chẳng biết gì sao? Đức *Thích-ca* Như Lai sẽ theo con đường này đi đến rừng *Sa-la* để nhập *Niết-bàn*. Vì nhân duyên ấy nên chúng tôi dọn dẹp đường sá cho cho bằng phẳng.’

“Ta liền ngợi khen họ: ‘Lành thay! Các con đã phát lòng lành như vậy, ta sẽ giúp trừ bỏ hòn đá này cho các con.’ Ta bèn dùng tay nhắc hòn đá, ném lên tận cõi trời *A-ca-ni-trá*.¹

“Bấy giờ, thấy hòn đá còn đang lơ lửng trên không, những người họ *Lục-sĩ* đều lấy làm kinh sợ, muốn bỏ chạy. Ta liền bảo họ rằng: ‘Những người họ *Lục-sĩ* các con, nay chớ sanh lòng hoảng hốt muốn chạy trốn.’ Những người họ *Lục-sĩ* thưa rằng: ‘*Sa-môn!* Nếu ngài có thể cứu giúp bảo vệ chúng tôi, chúng tôi mới dám đứng yên nơi đây.’

“Bấy giờ, ta liền đưa tay ra đón lấy hòn đá, đặt trên lòng bàn tay mặt. Thấy vậy rồi, những người họ *Lục-sĩ*

¹ Tức cõi trời Sắc Cứu Cánh, tên gọi A-ca-ni-trá là phiên âm từ Phạn ngữ *Akaniṣṭha*.

sanh lòng hoan hỷ, hỏi rằng: ‘*Sa-môn!* Hòn đá này là thường còn chẳng? Là vô thường chẳng?’

“Lúc ấy, ta dùng miệng thổi vào hòn đá. Tức thời, hòn đá tan nát thành bụi nhỏ. Thấy vậy rồi, những người họ *Lực-sĩ* cùng nói rằng: ‘*Sa-môn!* Đá này là *vô thường.*’ Họ liền sanh lòng hổ thẹn, tự trách mình rằng: ‘Tại sao chúng ta lại dựa vào sự tự tại, hình sắc, sức lực, mạng sống, tài sản của chúng ta mà sanh lòng kiêu mạn?’

“Biết rõ tâm ý của họ rồi, ta liền bỏ thân biến hóa, hiện nguyên hình [Phật] và thuyết pháp với họ. Những người họ *Lực-sĩ* được thấy nghe như vậy rồi, tất cả đều phát tâm *Bồ-đề.*

“Thiện nam tử! Tại thành *Câu-thi-na,*¹ có một người thợ khéo tên là *Thuần-đà.* Người này thuở trước từng ở chỗ đức Phật *Ca-diếp* phát lời thệ nguyện lớn rằng: ‘Đến khi đức *Thích-ca* Như Lai nhập *Niết-bàn,* tôi sẽ là người sau cùng phụng thí ẩm thực!’ Vì vậy nên khi còn ở thành *Tỳ-xá-ly,* ta có bảo *tỳ-kheo Ưu-bà-ma-na* rằng: ‘Thiện nam tử! Còn ba tháng nữa ta sẽ đến thành *Câu-thi-na,* trong rừng cây *sa-la* mọc đôi đôi mà nhập *Niết-bàn.* Ông nên đến báo cho *Thuần-đà* được biết.’

“Thiện nam tử! Tại thành *Vương Xá* có một vị tiên nhân ngũ thông² tên là *Tu-bạt-đà,* được một trăm hai mươi tuổi, thường tự xưng là bậc *Nhất thiết trí* [rõ biết tất cả], sanh lòng kiêu mạn lớn. Người ấy đã từng gieo trồng thiện căn vào thuở quá khứ, đối trước vô lượng chư Phật. Vì muốn

¹ Trong một số đoạn văn, nguyên bản dùng *Câu-thi-na-kiệt,* cũng là cách phiên âm khác của *Câu-thi-na,* từ Phạn ngữ là *Kuśinagara.* Để đọc giả tiện theo dõi, chúng tôi dùng một tên thống nhất là *Câu-thi-na.*

² Tiên nhân ngũ thông: người tu theo tiên đạo đã đạt được năm phép thần thông.

điều phục người ấy, ta có bảo *A-nan* rằng: ‘Còn ba tháng nữa ta sẽ nhập *Niết-bàn*.’ Nghe được lời ấy, *Tu-bạt-đà* ắt sẽ tìm đến chỗ ta, sanh tâm tín kính. Ta sẽ vì ông ấy mà thuyết giảng đủ mọi pháp lành. Nghe pháp rồi, người ấy sẽ được dứt hết phiền não [chứng quả *A-la-hán*].

“Thiện nam tử! Ở thành *La-duyệt-kỳ* có vị vua là *Tần-bà-sa-la*. Thái tử con vua tên là Thiện Kiến,¹ vì nghiệp nhân duyên nên sanh lòng ác nghịch, muốn làm hại cha, nhưng chưa có cơ hội thuận tiện. Bấy giờ, kẻ xấu ác là *Đê-bà-đạt-đa* cũng do nghiệp nhân duyên quá khứ nên sanh lòng dữ, muốn làm hại ta. *Đê-bà-đạt-đa* liền tu *Ngũ thông*, chẳng bao lâu liền đạt được năm phép thần thông ấy. Sau đó, *Đê-bà-đạt-đa* kết thân với thái tử Thiện Kiến, vì thái tử mà biến hóa mọi phép thần thông: không đi qua cửa mà vẫn ra ngoài được, lại theo cửa mà vào; hoặc đi qua cửa mà ra, lại không qua cửa mà vẫn vào được; hoặc thị hiện thân voi, thân ngựa, thân bò, thân dê, thân nam, thân nữ...

“Thấy vậy, thái tử Thiện Kiến liền sanh lòng yêu mến, vui vẻ, kính tin theo [*Đê-bà-đạt-đa*]. Vì thế, thái tử Thiện Kiến liền bày biện nghiêm trang các món phẩm vật mà dâng hiến cho *Đê-bà-đạt-đa*, lại thưa rằng: ‘Đại sư Thánh nhân! Tôi muốn được thấy hoa *mạn-đà-la*.’

Đê-bà-đạt-đa tức thời hiện lên cõi trời *Đao-lợi* hỏi xin hoa ấy. Nhưng *Đê-bà-đạt-đa* là người đã hết phước nên chư thiên ở đó chẳng ai cho. Xin hoa không được, *Đê-bà-đạt-đa* bèn suy nghĩ rằng: ‘Cây *mạn-đà-la* vốn là không có

¹ Vị này về sau là vua *A-xà-thế* đã nói trong phần trước đây. Xem lại chuyện vua *A-xà-thế* bắt đầu từ trang 609 của Tập 3 và kéo dài đến trang 207 của Tập 4, vừa hết phẩm Hạnh thanh tịnh.

tự ngã, ngã sở; nếu ta tự lấy hoa ấy cũng không có tội gì.’ *Đề-bà-đạt-đa* liền bước tới toan hái hoa, tức thời mất hết thần thông, nhìn lại thấy mình [đã rơi xuống] đang ở giữa thành *Vương Xá*. Lòng sanh hổ thẹn, *Đề-bà-đạt-đa* không dám đến viếng thái tử *Thiện Kiến*, lại nảy ra ý nghĩ rằng: ‘Nay ta nên đến chỗ *Như Lai*, xin ngài giao lại đại chúng [chư tăng] cho ta. Nếu Phật ưng thuận, ta sẽ có thể tùy ý dạy bảo, sai khiến những người như *Xá-lợi-phất*.’

“Bấy giờ, *Đề-bà-đạt-đa* đi đến chỗ ta, nói rằng: ‘Xin *Như Lai* đem đại chúng này mà phó chúc cho tôi. Tôi sẽ dùng mọi cách thuyết pháp giáo hóa, khiến họ được điều phục.’ Ta đáp: “Ông thật ngu si! Đến cả người thông minh đại trí, được người đời tin phục như *Xá-lợi-phất* ta còn chưa đem cả đại chúng mà phó chúc, huống chi ông là kẻ ngu si, chỉ biết lặp lại những lời người khác đã nói?”¹

“Bấy giờ, *Đề-bà-đạt-đa* đối với ta càng sanh tâm xấu ác, liền nói: ‘*Cô-dàm!* Nay tuy ông điều phục được đại chúng, nhưng thế lực chẳng tồn tại được lâu, chắc chắn rồi sẽ tàn diệt.’ *Đề-bà-đạt-đa* vừa nói ra lời ấy, toàn cõi đất này liền chấn động sáu lần. *Đề-bà-đạt-đa* đứng trơ trên đất, bên thân ông ấy có luồng gió cực mạnh thổi qua, làm cho bụi bặm, đất cát bám dơ cả người. *Đề-bà-đạt-đa* thấy tướng dữ ấy rồi lại nói rằng: ‘Nếu thân đời này của ta phải vào địa ngục *A-tỳ*, thế nào ta cũng phải trả mối oán thù sâu nặng này!’

“Liền đó, *Đề-bà-đạt-đa* đến chỗ thái tử *Thiện Kiến*. Vừa

¹ Nguyên bản dùng chữ “thực thóa”, nghĩa đen là “ăn dờm dãi, nước miếng”, được dùng để chỉ kẻ chỉ biết lặp lại lời người xưa mà hoàn toàn không hiểu được ý nghĩa trong đó.

thấy người, thái tử hỏi rằng: ‘Thánh nhân! Tại sao dung nhan ngài tiêu tụy, ưu sầu?’ *Đê-bà-đạt-đa* nói rằng: ‘Tôi thường như vậy, thái tử há chẳng biết sao?’ Thiện Kiến đáp rằng: ‘Xin ngài nói rõ ý, vì nhân duyên chi vậy?’

Đê-bà-đạt-đa liền nói: ‘Nay tôi với ngài rất thân thiết, người bên ngoài nói xấu ngài, thật là vô lý. Tôi nghe biết việc ấy, há có thể không ưu sầu hay sao?’ Thái tử Thiện Kiến lại hỏi rằng: ‘Người trong nước nói xấu tôi như thế nào?’ *Đê-bà-đạt-đa* đáp: ‘Người trong nước nói xấu ngài, gọi ngài là *Vị sanh oán*, [nghĩa là kẻ oán thù từ lúc chưa sanh].’¹ Thái tử Thiện Kiến lại hỏi: ‘Tại sao họ gọi tôi là *Vị sanh oán*? Ai đã đặt tên ấy?’

“*Đê-bà-đạt-đa* đáp: ‘Khi ngài chưa sanh ra, tất cả các thầy tướng đều nói rằng: ‘Đứa trẻ ấy về sau sẽ giết cha nó.’ Vì vậy, nên người bên ngoài đều gọi ngài là *Vị sanh oán*. Tất cả người trong cung vì muốn được lòng ngài nên gọi ngài là Thiện Kiến. Phu nhân *Vi-đề* nghe lời thầy tướng rồi, sau khi sanh ra liền từ trên lầu cao ném ngài rơi xuống đất, làm ngài gãy mất một ngón tay. Vì nhân duyên ấy, người ta lại gọi ngài là *Bà-la-lưu-chi*.² Tôi nghe những điều như vậy lấy làm buồn rầu lộn xộn, nhưng không thể mang ra nói thẳng với ngài.’

“*Đê-bà-đạt-đa* đem những việc xấu ác như vậy kể ra để xúi giục thái tử giết cha, nói rằng: ‘Nếu cha ngài đã chết, tôi cũng có thể giết chết *sa-môn Cồ-đàm*.’

¹ *Vị sanh oán*: kẻ oán thù từ lúc chưa sanh, dịch nghĩa từ Phạn ngữ *Ajātasatru*, phiên âm là A-xà-thế, sau là vương hiệu khi vị thái tử này lên ngôi.

² *Bà-la-lưu-chi*, phiên âm từ Phạn ngữ *Balaruci*, dịch nghĩa là ‘chiết chỉ’ (gãy ngón tay).

“Thái tử Thiện Kiến liền hỏi một đại thần tên Vũ Hành:¹ ‘Đại thần! Tại sao Đại vương đặt tên cho tôi là *Vị sanh oán*?’ Đại thần liền kể nguồn gốc câu chuyện, cũng giống y như *Đề-bà-đạt-đa* đã nói, không khác chi cả.

“Nghe rồi, Thiện Kiến liền sai đại thần ấy đi bắt vua cha, giam ở ngoài thành, sai bốn loại quân² canh giữ cẩn thận. Phu nhân *Vi-đề*³ nghe việc ấy rồi, liền đi đến chỗ giam giữ vua. Những người canh giữ ngăn cản không cho bà vào. Khi ấy, phu nhân nổi giận, liền quở mắng bọn họ.

“Bấy giờ, những người canh giữ liền đến báo với thái tử Thiện Kiến: ‘Đại vương! Nay phu nhân *Vi-đề* muốn vào thăm vua, chẳng biết có nên cho vào hay không?’ Thiện Kiến vừa nghe liền sanh lòng giận tức, đi thẳng đến chỗ mẹ, nắm tóc bà kéo lên, vung đao muốn chém.

“Lúc ấy, [đại thần ngự y là] *Kỳ-bà*⁴ tâu rằng: ‘Đại vương! Từ khi lập quốc đến nay, dù tội rất nặng cũng không hại đến phụ nữ, huống chi là mẹ ruột của mình!’

“Nghe lời ấy rồi, thái tử Thiện Kiến liền vì *Kỳ-bà* mà buông tha mẹ, nhưng ra lệnh cấm tuyệt không cho bà đem áo quần, mũng mền, đồ ăn uống, thuốc thang cho vua cha.

¹ Đại thần Vũ Hành, tên Phạn ngữ là *Varsakāra*, dịch âm là Bà-lợi-ca, cũng đọc là Bà-lợi-sa-ca-la.

² Bốn loại quân ở đây là quân dùng ngựa (kỵ binh), quân dùng voi (tượng binh), quân dùng xe (xa binh) và quân đánh bộ (bộ binh).

³ Phu nhân *Vi-đề*, tức phu nhân *Vi-đề-hy*, phiên âm từ Phạn ngữ *Vaidehī*, dịch nghĩa là Tư Thắng hay Thắng Thân, Thắng Diệu Thân. Vị phu nhân này là mẹ vua A-xà-thế (tức thái tử Thiện Kiến), hoàng hậu của vua Tân-bà-sa-la. Bà có tín tâm mãnh liệt, cảm được đức Phật thuyết kinh Quán Vô lượng thọ, dạy 16 phép quán về cõi Tịnh độ phương Tây của đức Phật A-di-đà. Bà nhờ đó được vãng sanh Tịnh độ.

⁴ *Kỳ-bà*, tên Phạn ngữ là *Jivakajiva*, cũng đọc là Kỳ-vực, là một vị ngự y rất tài ba lúc đó. Ông vốn là con không chính thức của vua Tân-bà-sa-la với một kỹ nữ.

Sau bảy ngày, vua liền mạng chung. Thái tử Thiện Kiến khi ấy mới sanh lòng hối hận.

“Đại thần Vũ Hành lại dùng đủ mọi pháp tà ác mà tâu lên: ‘Đại vương! Tất cả các hành vi tạo nghiệp đều không có tội, nay vì sao ngài lại sanh lòng hối hận?’

“Ngự y Kỳ-bà [nghe như thế] liền tâu: ‘Đại vương! Ngài nên biết rằng việc [ngài đã làm] như vậy phạm vào hai tội: một là giết hại vua cha, hai là giết vị *Tu-đà-hoàn*.¹ Những tội nặng như vậy, trừ đức Phật ra thì không ai có thể trừ diệt được.’

“Vua Thiện Kiến liền hỏi: ‘Như Lai là bậc thanh tịnh, không chút bợn nhơ; ta là người có tội, làm sao có thể gặp ngài?’

“Thiện nam tử! Ta biết rõ việc ấy nên bảo *A-nan*: ‘Còn ba tháng nữa ta sẽ nhập *Niết-bàn*.’ Thiện Kiến nghe được lời ấy rồi liền tức thời tìm đến chỗ ta. Ta vì vua ấy thuyết pháp, khiến tội nặng được thành nhẹ, đạt được đức tin *vô căn*.²

“Thiện nam tử! Các đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta nên cho rằng: ‘Như Lai đã nói chắc sẽ buông bỏ tất cả mà nhập *Niết-bàn*.’

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BA MƯỚI BA

¹ Vua Tân-bà-sa-la nghe Phật thuyết pháp đã được chứng Sơ quả Tu-đà-hoàn.

² Đức tin vô căn (vô căn tín): đức tin phát khởi ban đầu nhờ sức gia trì của Phật, không có bất cứ nền tảng, cội rễ nào trước đó nên gọi là “vô căn”. Vua A-xà-thế sau khi nghe Phật thuyết pháp sinh khởi đức tin, liền bạch Phật rằng: “Nói không có cội rễ là vì [trước đây] con không biết cung kính Như Lai, không tin Chánh pháp, Chư tăng. Như vậy gọi là không có cội rễ [của lòng tin].”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BA MƯƠI BỐN

PHẨM BỒ TÁT CA-DIỆP

Phẩm thứ mười hai – Phần hai

Thiện nam tử! Có hai hạng Bồ Tát: một là hạng Bồ Tát đúng nghĩa chân thật, hai là hạng Bồ Tát giả danh.

“Hạng Bồ Tát giả danh nghe nói rằng còn ba tháng nữa ta sẽ nhập *Niết-bàn*, thấy đều sanh lòng thối chuyển, nói rằng: ‘Đức Như Lai còn là vô thường, chẳng trụ, thì chúng ta đây làm được gì? Vì sự vô thường ấy mà trong vô số kiếp chúng ta phải chịu khổ não lớn; nay Như Lai Thế Tôn thành tựu đầy đủ vô lượng công đức còn không trừ được ma chết, huống chi bọn ta lại trừ nổi hay sao?’

“Thiện nam tử! Cho nên vì hạng Bồ Tát ấy mà ta nói rằng: ‘*Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi.*’

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta liền bảo rằng: ‘Như Lai rốt cùng không hề buông bỏ tất cả mà nhập *Niết-bàn.*’

“Thiện nam tử! Có những chúng sanh sinh khởi quan điểm *đoạn diệt*, nói rằng: ‘*Tất cả chúng sanh sau khi thân mạng dứt rồi thì không có ai thọ nhận các nghiệp thiện,*

ác.’ Ta vì những người ấy ta nên nói rằng: ‘*Quả báo thiện ác thật có người thọ nhận.*’

“Vì sao biết là có? Thiện nam tử! Vào thuở quá khứ, tại thành *Câu-thi-na* có một vị vua tên là Thiện Kiến. Thời niên thiếu của vua ấy kéo dài đến tám mươi bốn ngàn năm. Đến thời gian ngài làm thái tử cũng kéo dài tám mươi bốn ngàn năm. Cho đến khi ngài lên ngôi vua, thời gian trị nước cũng kéo dài tám mươi bốn ngàn năm.

“Đức vua ấy trong khi ngồi một mình ở nơi vắng vẻ tự suy xét rằng: ‘Chúng sanh phước mỏng, sống đời ngắn ngủi, thường có bốn mối oán thù đeo đuổi mà không tự biết nên mãi buông thả, lười nhác. Vì thế ta nên xuất gia tu hành, trừ dứt bốn mối oán thù là sanh, già, bệnh, chết.’

“Vua liền sai quan *hữu tư*¹ làm một tòa nhà bằng thất bảo ở phía ngoài thành. Sau khi làm xong, vua liền tuyên cáo với tất cả quần thần, bá quan, hậu phi trong cung, cùng với con cái và quyến thuộc rằng: ‘Mọi người nên biết rằng, nay ta muốn xuất gia. Mọi người có thuận ý hay không?’

“Bấy giờ, tất cả đại thần và quyến thuộc của vua thấy đều tâu lên rằng: ‘Lành thay, Đại vương! Nay chính là lúc thích hợp.’

“Vua Thiện Kiến liền cùng với một người hầu đến ở tòa nhà ấy, trải qua suốt tám mươi bốn ngàn năm tu tập tâm từ. Nhờ nhân duyên của đức từ ấy mà về sau ngài được liên tiếp làm Chuyển Luân Thánh vương trong tám mươi bốn ngàn đời; lại làm *Thích-đề-hoàn-nhân* trong ba mươi đời; và làm tiểu vương trong vô số kiếp.

¹ Hữu tư: cũng đọc là hữu ty, chỉ chức quan được giao phó chuyên trách một việc gì.

“Thiện nam tử! Vua Thiện Kiến thuở ấy nào phải ai xa lạ? Cũng không cần quán tưởng [tìm hiểu] việc ấy, [vì] chính là ta ngày nay đây.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo rằng: ‘Như Lai nói chắc rằng có *ngã* và *ngã sở*.’¹

“Lại có lần ta vì chúng sanh mà nói rằng: ‘*Ngã* tức là *tánh*. Chẳng hạn như: nhân duyên trong và ngoài, *Mười hai nhân duyên*, *năm ấm* của chúng sanh, cảnh giới tâm thức của thế gian, mọi công đức, hạnh nguyện, tác nghiệp, đời sống ở cõi trời *Tự tại*... đó gọi là *ngã*.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy không hiểu được ý ta, liền bảo rằng: ‘Như Lai nói chắc rằng có *ngã*.’

“Thiện nam tử! Lại một lần khác, có vị *tỳ-kheo* đi đến chỗ ta hỏi rằng: ‘Thế Tôn! Sao gọi là *ngã*? *Ngã* đó là ai? Vì duyên có gì mà có *ngã*?’ Ta liền vì *tỳ-kheo* ấy mà dạy rằng: ‘*Tỳ-kheo*! Thật không có *ngã* và *ngã sở*. Nói *ngã* đó tức là vốn trước *không* mà sau thành *có*; rồi từ *có* trở lại thành *không*. Khi cái *ngã* ấy sanh ra, chẳng từ đâu đến; khi nó diệt đi, cũng chẳng về đâu. Tuy có nghiệp quả nhưng không có người tạo tác. Không có người lìa bỏ *năm ấm* [cũ] và thọ nhận *năm ấm* [mới]. Như lời ông hỏi: Sao gọi là *ngã*? *Ngã* đó chính là các giai đoạn, thời kỳ [chuyển biến khác nhau].’ Lại hỏi: ‘*Ngã* đó là ai?’ ‘Chính là các nghiệp [thiện ác đã tạo].’ Lại hỏi: ‘Vì duyên có gì mà có *ngã*?’ ‘Chính là do nơi tham ái.’

¹ Ngã và ngã sở: kiến chấp mê lầm cho rằng có một bản ngã tồn tại độc lập (ngã) và các đối tượng thuộc về bản ngã ấy (ngã sở).

“*Tỳ-kheo!* Ví như hai bàn tay vỗ lại, âm thanh do nơi đó mà sanh ra; cái *ngã* cũng vậy, do ba nhân duyên là *chúng sanh*, *nghiệp [lực]* và *tham ái* nên gọi đó là *ngã*.”

“*Tỳ-kheo!* Hình sắc của tất cả chúng sanh chẳng phải *ngã*; trong *ngã* không có sắc, trong sắc không có *ngã*; cho đến đối với *thức* cũng vậy.¹”

“*Tỳ-kheo!* Những người ngoại đạo tuy nói rằng có *ngã*, nhưng rốt cùng không lìa khỏi *năm ấm*. Nếu nói rằng lìa khỏi *năm ấm* mà riêng có *ngã* thì thật là vô lý! Hành vi [tạo tác] của tất cả chúng sanh đều như huyễn hóa, như những gợn sóng lung linh hiện ra khi trời nắng gắt.”

“*Tỳ-kheo!* *Năm ấm* đều là *vô thường*, *vô lực*, *vô ngã*, *vô tịnh*.”

“Thiện nam tử! Lúc bấy giờ có vô số *tỳ-kheo* quán xét lẽ *năm ấm* là không có *ngã* và *ngã sở*, nhờ đó chứng đắc quả vị *A-la-hán*.”

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy không hiểu được ý ta, liền bảo rằng: ‘Như Lai nói chắc rằng không có *ngã*.’”

“Thiện nam tử! Trong các kinh ta lại có dạy rằng: ‘Có ba việc hòa hợp nên thọ thân này: một là cha, hai là mẹ, ba là thân *trung ấm*.’ Có đủ ba việc ấy hòa hợp mới được thân này. Có khi ta lại dạy rằng bậc *A-na-hàm* nhập *Niết-bàn* ngay trong đời hiện tại; hoặc nói là nhập *Niết-bàn* với thân *trung ấm*; hoặc lại nói rằng: ‘Thân căn trung ấm’”

¹ Câu này nói tóm gọn từ sắc ấm cho đến thức ấm, tức là chỉ chung cả năm ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức đều như vậy.

được sáng tỏ trọn vẹn, đều do nơi nghiệp đời trước trong sạch tinh khiết như chất *đề-hồ*.’

“Thiện nam tử! Có lúc ta dạy rằng: ‘Thân *trung ấm* mà những chúng sanh xấu ác nhận lấy giống như cái áo vải thô cũ rách; thân *trung ấm* mà chúng sanh thuần thiện nhận lấy giống như lụa trắng tốt được làm ra ở *Ba-la-nại*.’ Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng có [thân] *trung ấm*.’

“Thiện nam tử! Ta lại vì những chúng sanh phạm [*năm*] *tội nghịch* mà dạy rằng: ‘Những kẻ tạo *năm tội nghịch*, khi bỏ thân này liền vào thẳng địa ngục *A-tỳ*.’ Ta lại dạy rằng: ‘*Tỳ-kheo Đàm-ma-lưu-chi* vừa xả thân liền vào thẳng trong địa ngục *A-tỳ*, khoảng giữa không có một chút thời gian ngừng nghỉ.’ Ta lại vì ông *Phạm-chí Độc Tử*¹ mà dạy rằng: ‘*Phạm-chí*! Nếu có thân *trung ấm*, ắt có sáu cảnh giới hiện hữu.’² Ta lại có dạy rằng: ‘Chúng sanh cõi *Vô sắc* không có thân *trung ấm*.’

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng không có *trung ấm*.’

“Thiện nam tử! Trong các kinh ta lại dạy rằng có sự thối chuyển. Vì sao vậy? Do nơi vô số những *tỳ-kheo* biếng nhác, trì trệ, không tu tập *Chánh đạo*, nên ta thuyết dạy rằng có năm loại [nhân duyên] thối chuyển: một là ưa thích nhiều việc, hai là ưa bàn nói việc đời, ba là ưa thích

¹ Phạm chí Độc Tử: một tu sĩ ngoại đạo, tên Phạn ngữ là *Vātsī*, dịch âm là Bà-tư. Vị này về sau quy y Phật, nên cũng gọi là *tỳ-kheo Độc Tử*.

² Sáu cảnh giới hiện hữu: chỉ sáu cảnh giới thọ sanh là cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

ngủ nghỉ, bốn là ưa thích gần gũi người thế tục, năm là ưa thích việc đi chơi đây đó. Do những nhân duyên này mà vị *tỳ-kheo* sanh ra thối chuyển.

“Ta cũng dạy rằng nhân duyên thối chuyển có hai loại, một là nhân duyên bên trong, hai là nhân duyên bên ngoài. Bậc *A-la-hán* tuy lìa khỏi nhân duyên bên trong nhưng chưa lìa dứt nhân duyên bên ngoài. Do nhân duyên bên ngoài nên sanh phiền não. Vì sanh phiền não, nên phải thối chuyển.

“Lại có vị *tỳ-kheo* tên là *Cồ-đàn*, sáu lần thối chuyển. Sau mỗi lần thối chuyển đều lấy làm hổ thẹn, trở lại tinh tấn tu tập. Đến lần thứ bảy thì chứng đắc. Chứng đắc rồi lại sợ thối chuyển nên dùng dao mà tự hại [mạng sống]. Có khi ta [phân biệt] nói [các quả vị] giải thoát tùy thời,¹ hoặc nói về sáu hạng *A-la-hán*.² Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng có sự thối chuyển.’

“Thiện nam tử! Trong kinh lại có dạy rằng: ‘Ví như đốt cây thành than, than ấy không thể trở lại thành cây; như

¹ Chỉ các quả vị giải thoát nhưng chưa đủ tự lực, tùy theo những lúc có thuận duyên thì được giải thoát, nếu gặp nghịch duyên thì phải thối chuyển, đánh mất đạo tâm. Phật dạy trong sáu hạng *A-la-hán* thì có đến năm hạng thuộc về loại này.

² Sáu hạng *A-la-hán*: 1. Thối pháp *A-la-hán*: khi gặp nghịch duyên có thể sanh phiền não, thối chuyển đạo tâm, đánh mất chỗ sở đắc; 2. Tư pháp *A-la-hán*: tuy được giải thoát nhưng thường lo sợ sự thối chuyển, thường nghĩ cách tự đoạn dứt mạng sống; 3. Hộ pháp *A-la-hán*: được giải thoát rồi thì hoan hỷ phòng hộ chỗ chứng đắc của mình; 4. An trụ pháp *A-la-hán*: đạt được giải thoát và trụ yên vững vàng, không cần phòng hộ cũng không có thối chuyển, nhưng không được tăng tiến; 5. Kham đạt pháp *A-la-hán*: đạt được giải thoát và đủ sức nhận lãnh giáo pháp cao siêu, tu tập tinh tấn để đạt đến quả vị rốt ráo; 6. Bất động pháp *A-la-hán*: đạt được giải thoát rốt ráo và vững vàng không thể xao động, không thể lay chuyển, thối thất.

cái bình đã vỡ không thể dùng được nữa. Phiền não cũng vậy, khi vị *A-la-hán* đã dứt trừ rồi thì phiền não không bao giờ sanh khởi trở lại.’

“Trong kinh cũng có dạy: ‘Các nhân sanh ra phiền não của chúng sanh có ba loại, một là chưa dứt trừ phiền não, hai là không dứt nhân duyên, ba là không khéo suy xét. Nhưng vị *A-la-hán* không có hai [trong số ba] nhân duyên vừa nói, vì [vị ấy] đã dứt trừ phiền não và biết khéo suy xét.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng không có sự thối chuyển.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta dạy rằng: ‘Thân Như Lai có hai loại, một là thân được sanh ra, hai là *Pháp thân*.

“Nói thân được sanh ra tức là thân phương tiện ứng hóa. Thân này có thể nói là có sanh, già, bệnh, chết, cao, thấp, đen, trắng; có cái này, cái kia; có học hỏi, có vô học.

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng thân Phật là pháp *hữu vi*.’

“Còn *Pháp thân* là *thường, lạc, ngã, tịnh*, vĩnh viễn là khỏi mọi điều sanh, già, bệnh, chết; chẳng phải trắng, chẳng phải đen; chẳng phải cao, chẳng phải thấp; chẳng phải cái này, chẳng phải cái kia; chẳng phải *học hỏi*, chẳng phải *vô học*. Dù Phật có ra đời hay không, thân ấy vẫn là thường trụ không lay động, không có sự biến đổi.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng thân Phật là pháp vô vi.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Thế nào gọi là *Mười hai nhân duyên*? Do *vô minh* sanh ra *hành*; do *hành* sanh ra *thức*; do *thức* sanh ra *danh sắc*; do *danh sắc* sanh ra *sáu nhập*; do *sáu nhập* sanh ra *xúc chạm*; do *xúc chạm* sanh ra *cảm thọ*; do *cảm thọ* sanh ra *tham ái*; do *tham ái* sanh ra *chấp thủ*; do *chấp thủ* sanh ra *hiện hữu*; do *hiện hữu* mà có *sanh*; do *sanh* mà có già, có chết, các mối lo khổ.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng *Mười hai nhân duyên* nhất định là pháp *hữu vi*.’

“Lại có lần ta dạy bảo các *tỳ-kheo* rằng: ‘Dù có Phật hay không có Phật, tánh và tướng của *Mười hai nhân duyên* vẫn là thường trụ.’

“Thiện nam tử! Có [pháp thuộc về] *Mười hai duyên*, không do *duyên* sanh ra; lại có [pháp] do *duyên* sanh ra, không thuộc về *Mười hai duyên*; lại có [pháp] do *duyên* sanh ra, cũng thuộc về *Mười hai duyên*; lại có [pháp] không do *duyên* sanh ra, cũng không thuộc về *Mười hai duyên*.

“[Các pháp thuộc về] *Mười hai duyên*, không do *duyên* sanh ra, đó là nói *Mười hai chi* của đời vị lai. [Các pháp] do *duyên* sanh ra, không thuộc về *Mười hai duyên*, đó là nói *năm ám* của vị *A-la-hán*. [Các pháp] do *duyên* sanh ra, cũng thuộc về *Mười hai duyên*, đó là nói *năm ám*, *Mười hai nhân duyên* của phàm phu. [Các pháp] không do *duyên* sanh ra, cũng không thuộc về *Mười hai duyên*, đó là nói hư không, *Niết-bàn*.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng *Mười hai duyên* nhất định là pháp *vô vi*.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Tất cả chúng sanh tạo ra những nghiệp lành, dữ; khi vừa bỏ thân thì *bốn đại* liền tan rã. Những người tạo toàn nghiệp lành thì tâm đi lên [cảnh giới] cao; những kẻ tạo toàn nghiệp dữ thì tâm đi xuống [cảnh giới] thấp.¹

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng tâm thức nhất định là thường tồn.’

“Thiện nam tử! Có lần ta bảo vua *Tần-bà-sa-la* rằng: ‘Đại vương nên biết, *sắc* là vô thường. Vì sao vậy? Vì *sắc* ấy do nhân vô thường sanh ra. Nếu *sắc* ấy do nhân vô thường sanh ra, người có trí làm sao có thể nói rằng đó là thường? Nếu *sắc* là thường, hẳn nó không thể hoại diệt, sanh các khổ não. Nay thấy rằng *sắc* ấy là tiêu tan, hư hoại, nên biết rằng *sắc* là *vô thường*... Cho đến *thức* cũng giống như vậy.’²

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng tâm thức nhất định là đoạn diệt.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Đệ tử Phật tuy thọ nhận các món hương hoa, vàng bạc, châu báu, vợ con, tôi tớ, tám thứ vật bất tịnh... nhưng vẫn đạt được

¹ Nội dung này được giảng rất rõ trong kinh Thủ Lăng Nghiêm.

² Cho đến thức cũng giống như vậy: Câu này nói tóm ý từ sắc đến thức, nghĩa là gồm cả sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

Chánh đạo; đạt được Chánh đạo rồi cũng chẳng lìa bỏ những thứ ấy.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng sự hưởng thụ *năm món dục* không trở ngại *Thánh đạo*.’

“Lại có lần ta dạy rằng: ‘Người tại gia không có lý nào lại đạt được *Chánh đạo*.’ Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng sự hưởng thụ *năm món dục* nhất định là ngăn trở che chướng *Chánh đạo*.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Lìa xa phiền não nhưng chưa đạt được giải thoát cũng giống như tu tập *Thế đệ nhất pháp*.’ Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng *Đệ nhất pháp* chỉ ở tại *Dục giới*.’

“Ta lại có dạy rằng: ‘*Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhãn pháp, Thế đệ nhất pháp* đều ở từ *Sơ thiên* cho đến *Đệ tứ thiên*. Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Những pháp Như Lai nói đó đều ở tại *Sắc giới*.’

“Ta lại có dạy rằng: ‘Những người ngoại đạo trước đã dứt trừ phiền não trong cảnh giới *Tứ thiên*, tu tập *Noãn pháp, Đỉnh pháp, Nhãn pháp, Thế đệ nhất pháp*, quán xét *Bốn chân đế*, chứng đắc quả *A-na-hàm*.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng *Đệ nhất pháp* ở tại *Vô sắc giới*.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Trong bốn trường hợp bố thí, có ba trường hợp được thanh tịnh. Bốn trường hợp bố thí gồm có: Một là người bố thí tin vào nhân quả và sự bố thí, nhưng người nhận bố thí không tin vào nhân quả và sự bố thí; hai là người nhận bố thí tin vào nhân quả và sự bố thí nhưng người bố thí không tin vào nhân quả và sự bố thí; ba là cả người bố thí và người nhận bố thí đều có lòng tin [vào nhân quả và sự bố thí]; và bốn là cả người bố thí và người nhận bố thí đều không có lòng tin [vào nhân quả và sự bố thí].’

“Trong bốn trường hợp bố thí ấy, ba trường hợp trước là thanh tịnh. Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng việc bố thí chỉ do nơi tâm ý.’

“Thiện nam tử! Có lần ta dạy rằng: ‘Người thực hành bố thí dùng đến năm món để bố thí. Những gì là năm? Một là bố thí vật chất; hai là bố thí công sức; ba là bố thí sự an ổn; bốn là bố thí mạng sống; năm là dùng biện tài để bố thí. Do [năm] nhân duyên này, người bố thí có được năm loại quả báo.’

“Những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng bố thí tức là *năm ấm*.’

“Thiện nam tử! Có lần ta dạy rằng: ‘*Niết-bàn* là xa lìa [tất cả], vĩnh viễn dứt trừ phiền não, không còn chút vết tích nào. Như ngọn đèn đã tắt, không còn pháp nào sanh ra nữa; *Niết-bàn* cũng vậy. Nói *hư không* tức là không có gì cả. Ví như người thế gian, vì không có gì cả nên gọi là hư không. Không phải do dứt mất đối tượng nhận biết mà gọi là *không có*. Nếu đã là *có*, ắt phải có nhân duyên. Vì

có nhân duyên nên phải có sự diệt mất. Vì không có nhân duyên nên không có sự diệt mất.

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng không có *Ba vô vi*.’¹

“Thiện nam tử! Có lần ta vì *Mục-kiền-liên* thuyết dạy rằng: ‘*Mục-kiền-liên! Niết-bàn* đó chính là theo kinh văn giảng giải, là dấu tích [của bậc giải thoát], là nơi đến rốt ráo [của người tu tập], là không còn sợ sệt, là bậc thầy lớn [để nương theo], là kết quả lớn lao, là trí tuệ rốt ráo trọn vẹn, là sức kham nhẫn lớn, là pháp *tam-muội* không ngăn ngại, là cõi pháp mênh mông, là vị *cam lộ* [bất tử],² là rất khó thấy biết.

“*Mục-kiền-liên!* Nếu nói rằng không có *Niết-bàn*, vì sao những kẻ phỉ báng *Niết-bàn* lại đọa vào địa ngục?”

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng thật có *Niết-bàn*.’

¹ Ba vô vi (Tam vô vi), Phạn ngữ *tri-asamṣkṛta*, là ba nhận thức chân thật về thực tại, bao gồm: 1. Hư không vô vi (*ākāśasamṣkṛta*): hư không không có sự ngăn ngại, không có sự nhiễm ô, là tánh thật của tất cả các pháp, có thể dung nhiếp được vạn vật mà vẫn biến hiện khắp mọi nơi; 2. Trạch diệt vô vi (*pratisamkhyā-nirodhāsamṣkṛta*): hàng Thanh văn tu tập dùng trí tuệ giản trạch, phân biệt, xa lìa được tất cả phiền não trói buộc, chứng đắc lý tịch diệt chân không; 3. Phi trạch diệt vô vi (*aprisamkhyā-nirodhāsamṣkṛta*), cũng gọi là Phi sở diệt vô vi hay Phi trí duyên diệt vô vi: vị Thanh văn sau khi chứng quả, các phiền não đã dứt sạch không còn khởi lên trở lại, tự nhiên khế ngộ được lý chân không tịch diệt, không cần đến sự tư duy giản trạch. Ba vô vi này thuộc về pháp Tiểu thừa, được đề cập đến trong Câu-xá luận (quyển 1), Thành Duy thức luận (quyển 2), Đại Tỳ-bà-sa luận (quyển 32), Nhập A-tỳ-đạt-ma luận (quyển hạ), vốn không đồng nhất với những điều Phật vừa giảng về Niết-bàn ở đoạn này, chỉ vì người nghe không hiểu được ý Phật nên nhầm lẫn.

² Cam lộ (*amṛta*), phiên âm là a-mật-lý-đa (阿密哩多), chỉ loại nước mà chư thiên dùng để uống, nên cũng gọi là thiên tửu. Cam lộ có vị ngọt, được tin là uống vào sẽ được sống lâu, thân thể an ổn khỏe mạnh, nên cũng gọi là bất tử dược.

“Lại có lần ta vì *Mục-kiền-liên* thuyết dạy rằng: ‘*Mục-kiền-liên*! Con mắt không bền chắc..., cho đến thân¹ cũng đều không bền chắc. Vì không bền chắc nên gọi là hư không, chỉ là chỗ để thức ăn đi vào xoay chuyển tiêu hóa. Tất cả âm thanh đều gọi là hư không.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng có hư không vô vi.’

“Lại có lần ta vì *Mục-kiền-liên* thuyết dạy rằng: ‘*Mục-kiền-liên*! Có người khi chưa đắc quả *Tu-đà-hoàn*, đang trụ ở *Nhãn pháp*, dứt trừ được vô lượng quả báo trong *ba đường ác*, nên biết rằng [người ấy] không do nhân duyên trí tuệ mà diệt [được vô lượng quả báo xấu ác].’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng có *Phi trí duyên diệt*.’²

“Thiện nam tử! Lại có lần ta vì *tỳ-kheo Bát-ba* thuyết dạy rằng: ‘*Bát-ba*! Vị *tỳ-kheo* [khi] quán xét hình sắc, như hình sắc trong quá khứ, vị lai hoặc hiện tại; như hình sắc ở gần hoặc ở xa; như hình sắc thô ráp hoặc tinh tế; [thì thấy rằng] mọi thứ hình sắc như thế đều không phải là *ngã, ngã sở*. Nếu *tỳ-kheo* quán xét như vậy rồi thì có thể dứt trừ sự tham ái đối với hình sắc.’

“*Bát-ba* lại thưa hỏi rằng: “Thế nào gọi là *danh* và *sắc*?”

¹ Câu này nói tóm ý từ mắt cho đến thân, bao gồm: mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, tức năm căn, giúp tâm ý giao tiếp với ngoại cảnh.

² Phi trí duyên diệt: pháp thứ ba trong Ba vô vi (Tam vô vi) vừa đề cập ở một đoạn trước. Cần chú ý khái niệm này của Tiểu thừa không đồng nhất với ý nghĩa đức Phật đang giảng giải ở đây.

Ta đáp: ‘*Bốn đại* gọi là *sắc*; *bốn ấm* [còn lại] gọi là *danh*.¹ Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói chắc rằng *sắc* là *bốn đại*.’

“Thiện nam tử! Ta lại có dạy rằng: ‘Ví như nhân có gương soi ắt phải có hình bóng hiện ra [trong đó]. Hình *sắc* cũng như vậy, nhân nơi *bốn đại* tạo nên; chẳng hạn như: thô, mịn, nhám, trơn; xanh, vàng, đỏ, trắng; dài, ngắn, vuông, tròn; tà, nhọn, nhẹ, nặng; lạnh, nóng, đói, khát; khói mây, bụi bặm, mù sương... Đó gọi là hình *sắc* được tạo ra, cũng giống như tiếng dội [của âm thanh], hình bóng [hiện trong gương].’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng có *bốn đại* ắt có tạo ra hình *sắc*, thật không có *bốn đại* thì không tạo ra hình *sắc*.’

“Thiện nam tử! Trước đây có lần Vương tử *Bồ-đề* nói rằng: ‘Như có vị *tỳ-kheo* hộ trì cấm giới mà phát khởi tâm xấu ác, nên biết rằng ngay khi ấy liền mất giới *tỳ-kheo*.’ Ta liền dạy: ‘Vương tử *Bồ-đề*! Giới có bảy loại, do nơi thân và miệng, có hình *sắc* không biểu lộ.² Do nhân duyên là hình *sắc* không biểu lộ, nên dù tâm xấu ác, trong chỗ *vô ký* cũng không gọi là mất giới, vẫn là trì giới. Do nhân

¹ *Sắc* chỉ tất cả hình thể vật chất nhận biết được bằng các giác quan; danh chỉ các tên gọi được hình thành để chuyển tải khái niệm nhận biết phân biệt về từng đối tượng trong thực tại. Do đó, trong năm ấm thì *sắc* thuộc về hình thể vật chất, *bốn ấm* còn lại là thọ, tưởng, hành, thức đều không có hình thể vật chất, nên thuộc về *danh*.

² Hình *sắc* không biểu lộ: nguyên bản Hán văn dùng 無作色 (vô tác sắc), dịch từ Phạn ngữ là *avijñapti-rūpa*, cũng dịch là vô biểu sắc, vô biểu nghiệp; vì là không có biểu hiện bằng hình thể vật chất, người ngoài không thể nhận biết được nên gọi là vô biểu. Dựa theo ý nghĩa được giảng giải từ Phạn ngữ nên chúng tôi dịch là hình *sắc* không biểu lộ.

duyên gì gọi là *hình sắc không biểu lộ*? Vì không có nhân từ những hình sắc khác, không tạo thành quả là những hình sắc khác.

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng có hình sắc không biểu lộ.’

“Thiện nam tử! Trong các kinh khác ta có dạy rằng: ‘Giới tức là ngăn cấm, chế ngự các pháp xấu ác. Nếu không làm việc ác thì gọi là *trì giới*.’ Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai giảng thuyết nhất định rằng không có hình sắc không biểu lộ.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘*Sắc ám* cho đến *thức ám* của bậc thánh nhân cũng đều do nhân duyên là *vô minh* sanh ra. Tất cả phạm phu cũng vậy; từ nơi *vô minh* sanh ra *tham ái*, nên biết rằng *tham ái* tức là *vô minh*. Từ nơi *tham ái* sanh ra *chấp thủ*, nên biết rằng *chấp thủ* tức là *vô minh, tham ái*. Từ nơi *chấp thủ* sanh ra *hữu*; *hữu* ấy tức là *vô minh, tham ái, chấp thủ*. Từ nơi *hữu* sanh ra *thọ*, nên biết rằng *thọ* ấy tức là *hành, hữu*. Do nhân duyên là *thọ* mà sanh ra *danh sắc, vô minh, ái, thủ, hữu, hành, thọ, xúc, thức, sáu nhập*... các thứ, cho nên *thọ* đó chính là *Mười hai nhân duyên*.¹ Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng không có các *tâm sở*.’²

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: “Từ nơi bốn yếu tố là con mắt, hình sắc, ánh sáng và sự tham muốn

¹ Nguyên bản Hán văn ở đây dùng Thập nhị chi, cũng là tên khác của Mười hai nhân duyên.

² Nguyên bản Hán văn dùng 心數 (tâm số), dịch từ Phạn ngữ là *caitasikā*, cách dịch mới (tân dịch) về sau dịch là tâm sở (心所), đều chỉ các trạng thái khác nhau của tâm. Vì tâm có rất nhiều trạng thái nên gọi là tâm số. Các thuật ngữ tâm vương, tâm sở... hiện quen thuộc với nhiều người hơn nên chúng tôi chọn dùng thay cho tâm số.

xấu, ắt phải sanh ra *nhãn thức*. Nói ham muốn xấu đó tức là *vô minh*. Đang khi ham muốn mong cầu gọi là *tham ái*. *Tham ái* làm nhân duyên cho *chấp thủ*. *Chấp thủ* gọi là *nghiệp*. *Nghiệp* làm nhân duyên cho *thức*. *Thức* làm duyên cho *đanh sắc*. *Đanh sắc* làm duyên cho *sáu nhập*. *Sáu nhập* làm duyên cho *xúc*. *Xúc* làm duyên cho *tưởng, thọ, ái*. Các pháp như *tín, tinh tấn, định, tuệ* đều nhân nơi *xúc* mà sanh ra, nhưng không phải là *xúc*.’

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo rằng: ‘Như Lai nói rằng thật có các *tâm sở*.’

“Thiện nam tử! Có khi ta dạy rằng: ‘Chỉ có duy nhất một cảnh giới hiện hữu.’ Lại có khi ta dạy là có hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín... cho đến hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu. Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo rằng: ‘Như Lai nói rằng có năm cảnh giới hiện hữu, hoặc nói rằng có sáu cảnh giới hiện hữu...’

“Thiện nam tử! Có một lần ta đang ở trong rừng *Ni-câu-đà* tại *Ca-tỳ-la-vệ*. Lúc ấy, *Thích-ma-nam*¹ đến chỗ ta thưa hỏi rằng: ‘Thế nào gọi là *ưu-bà-tắc*?’² Ta liền vì ông ấy thuyết giảng: ‘Nếu có thiện nam tử³ đầy đủ các căn, thọ

¹ Thích-ma-nam: một vị tỳ-kheo trước vốn là vương tử dòng họ Thích, là con người chú ruột của thái tử Tất-đạt-đa. Vị này cũng là một trong số năm tỳ-kheo thuộc nhóm ông Kiều-trần-như, được nghe Phật thuyết pháp trước tiên tại Lộc Uyển.

² Ưu-bà-tắc (*upāsaka*): cư sĩ nam, cũng gọi là cận sự nam, chỉ người nam giới quy y Phật và tu tập tại gia, trong điều kiện sống với gia đình.

³ Nguyên bản Hán văn dùng 善男子, 善女人 (thiện nam tử, thiện nữ nhân). Chúng tôi e là người khắc bản theo quán tính đã khắc thừa, vì ở đây đang giảng về cư sĩ nam, không thể có ‘thiện nữ nhân’. Danh xưng dùng cho vị cư sĩ nữ là ưu-bà-di (*upāsikā*).

Tam quy y thì gọi là *ưu-bà-tắc*.¹ *Thích-ma-nam* lại thưa hỏi: ‘Thế Tôn! Thế nào gọi là *ưu-bà-tắc* không trọn vẹn?’ Ta đáp: ‘*Ma-nam*! Nếu ai thọ *Tam quy* và chỉ thọ trì một giới thì gọi là *ưu-bà-tắc* không trọn vẹn.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng giới *ưu-bà-tắc* có thể không cần thọ đủ.’

“Thiện nam tử! Có lần ta đang ở bên bờ sông *Hằng*, *Ca-chiên-diên*¹ tìm đến chỗ ta thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Con giáo hóa chúng sanh, khiến họ thọ *Tám giới trai*² trong một ngày, hoặc trong một đêm, hoặc trong một lúc, hoặc chỉ trong một niệm. Những người như vậy có thành tựu *Tám giới trai* hay không?’ Ta đáp: ‘*Tỳ-kheo*! Những người như vậy làm được điều lành chứ không thành tựu *Tám giới trai*.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng *Tám giới trai* buộc phải thọ đủ mới được.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘*Tỳ-kheo* nào đã phạm *Bốn trọng cấm*³ rồi thì không nên gọi là *tỳ-*

¹ Ca-chiên-diên (*Kātyāyana*): một trong Thập đại đệ tử của Phật, là vị có danh xưng Luận nghị đệ nhất (論議第一).

² Tám giới trai (Bát trai giới hoặc Bát quan trai giới): pháp tu do Phật chế định dành cho người Phật tử tại gia, người tu có thể được truyền giới và trì giới trong suốt một ngày một đêm. Tám giới trai bao gồm Năm giới (không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối) và ba giới khác nữa là: không dùng các loại hương thơm, đồ trang sức để tô điểm thân thể; không ca múa và xem người khác ca múa; không ngồi nằm trên giường ghế cao đẹp. Cần lưu ý, giới thứ ba trong Năm giới của người cư sĩ là không tà dâm (không hành dâm với người không phải vợ hoặc chồng mình) nhưng khi thọ trì Tám giới trai sẽ chuyển thành không dâm dục, nghĩa là dứt hẳn sự hành dâm.

³ Bốn trọng cấm: bốn giới cấm nặng: 1. Giết người; 2. Trộm cắp; 3. Dâm dục; 4. Nói dối rằng mình đã chứng thánh quả.

kheo nữa, nên gọi đó là *tỳ-kheo* phá giới, *tỳ-kheo* hư hỏng, không thể trở lại sanh khởi hạt giống lành. Ví như hạt giống đã bị cháy thì không sanh quả hạt, như cây *đa-la*¹ bị chặt ngọn không thể sanh trái. *Tỳ-kheo* phạm vào các *trọng cấm* cũng giống như vậy.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng các *tỳ-kheo* đã phạm các *trọng cấm* thì mất giới *tỳ-kheo*.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có vì *Thuần-đà* nói về bốn hạng *tỳ-kheo*. Một là các *tỳ-kheo* rốt cùng sẽ đạt được *Chánh đạo*; hai là các *tỳ-kheo* chỉ bày *Chánh đạo* [cho chúng sanh]; ba là các *tỳ-kheo* thọ nhận *Chánh đạo*; bốn là các *tỳ-kheo* làm ô uế *Chánh đạo*. *Tỳ-kheo* phạm vào *Bốn trọng cấm* chính là hạng làm ô uế *Chánh đạo*.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng các *tỳ-kheo* đã phạm vào *Bốn trọng cấm* không mất giới *cấm*.’

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy các *tỳ-kheo* về *một thừa duy nhất, một đạo, một hạnh, một duyên*. Từ *một thừa* cho tới *một duyên* ấy, có thể vì chúng sanh mà tạo ra sự vắng lặng an tĩnh, dứt trừ vĩnh viễn mọi sầu khổ trôi buộc, khổ và nguyên nhân của khổ, khiến cho tất cả chúng sanh đều đạt đến *một thừa duy nhất*. Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng từ hàng *Tu-đà-hoàn* cho đến *A-la-hán*, thấy đều đạt được *đạo* của Phật.’

¹ Cây *đa-la* (*tāla*) là loại cây khi bị chặt đứt ngọn thì không thể mọc lên được nữa, cũng như cây dừa, cây cau... Trong giới luật, đức Phật dùng cây này để ví dụ những trường hợp phạm tội không thể cải hối.

“Thiện nam tử! Trong kinh ta có dạy rằng: ‘Hàng *Tu-đà-hoàn* sau bảy lần tái sinh trong cõi người và cõi trời sẽ nhập *Niết-bàn*. Hàng *Tu-đà-hàm* chỉ còn thọ thân một lần trong cõi người hoặc cõi trời, rồi sẽ nhập *Niết-bàn*. Hàng *A-na-hàm* có năm hạng:¹ hoặc ở trong khoảng trung gian mà nhập *Niết-bàn*, cho đến sanh lên những cõi cao nhất của *Sắc giới*² mà nhập *Niết-bàn*.³ Hàng *A-la-hán* có hai hạng, một là hiện tại, hai là vị lai. *A-la-hán* hiện tại dứt phiền não *năm ấm*, *A-la-hán* vị lai cũng dứt phiền não *năm ấm*.’

“Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng từ hàng *Tu-đà-hoàn* cho đến *A-la-hán* đều không đạt được đạo của Phật.’

“Thiện nam tử! Trong kinh này ta có dạy rằng: ‘Tánh Phật có đủ sáu đức: *thường còn, đúng thật, chân chánh, hiền thiện, thanh tịnh và có thể thấy*.’ Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng tánh Phật của chúng sanh lìa khỏi chúng sanh vẫn có.’

“Thiện nam tử! Ta lại có dạy rằng: ‘Tánh Phật của

¹ A-na-hàm (*anāgāmin*) dịch nghĩa là Bất hoàn hoặc Bất lai, vì người chứng đắc quả vị này không còn tái sinh trong Dục giới, sau khi xả thân này liền thọ thân ở Sắc giới hoặc Vô sắc giới rồi nhập Niết-bàn. Người chứng đắc quả vị A-na-hàm tùy theo trạng thái sẽ nhập Niết-bàn mà phân ra năm hạng, gọi chung là Ngũ chủng Bất hoàn (五種不還), gồm có: Trung bát (中般 - *antara-pariṇirvāyin*), Sanh bát (生般 - *up-apādyā-pa*), Hữu hành bát (有行般 - *sabhisamkāra-pa*), Vô hành bát (無行般 - *anabhisamkāra-pa*) và Thượng lưu bát (上流般 - *ūrdhvasrota-pa*).

² Đây chỉ các cõi trời Sắc cứu cánh hoặc Hữu định, là những cõi cao nhất của Sắc giới. Vị A-na-hàm sanh lên các cõi này rồi mới nhập Niết-bàn được gọi là Thượng lưu bát (上流般 - *ūrdhvasrota-pa*).

³ Câu này nói tóm ý về cả năm hạng A-na-hàm, từ hạng Trung bát cho đến Thượng lưu bát như vừa chú giải ở trên.

chúng sanh như hư không. Hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại; chẳng phải trong, chẳng phải ngoài; không chịu sự chi phối bởi hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm. Tánh Phật cũng như thế.’ Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng tánh Phật của chúng sanh là khỏi chúng sanh vẫn có.’

“Thiện nam tử! Ta lại có dạy rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh như của báu chôn giấu trong nhà người đàn bà nghèo; như hạt châu kim cương quý ẩn giữa trán người lực sĩ; như suối nước *cam lộ* của vị *Chuyển Luân Thánh vương*.’ Những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng tánh Phật của chúng sanh là khỏi chúng sanh vẫn có.’

“Thiện nam tử! Ta lại có nói: ‘Những kẻ phạm *bốn trọng cấm, nhất-xiển-đề*, phỉ báng kinh *Phương đẳng*, làm *năm tội nghịch* đều có tánh Phật. Những chúng sanh như vậy đều không có pháp lành. Tánh Phật là lành.’ Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng tánh Phật của chúng sanh là khỏi chúng sanh vẫn có.’

“Thiện nam tử! Ta lại có dạy: ‘Chúng sanh tức là tánh Phật. Vì sao vậy? Là khỏi chúng sanh thì không có sự chúng đắc quả *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Cho nên ta đưa ra ví dụ *người mù sờ voi* với vua *Ba-tư-nặc*. Như những người mù mô tả con voi, tuy [người nghe] không nhận ra được con voi, nhưng cũng không ra ngoài [hình thể] con voi. Chúng sanh nói rằng *sắc* là tánh Phật, cho đến *thức* là tánh Phật, cũng giống như vậy; tuy không

phải tánh Phật nhưng cũng không ra ngoài tánh Phật. Như ta vì nhà vua nói ví dụ về cây đàn *không hâu*.¹ Tánh Phật cũng như thế.’

“Thiện nam tử! Có những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền đưa ra đủ mọi thuyết. Cũng như người mù hỏi về sữa;² tánh Phật cũng thế. Vì nhân duyên ấy, có người nói rằng: ‘Những kẻ phạm *bốn trọng cấm*, phỉ báng kinh *Phương đẳng*, làm *năm tội nghịch*, hạng *nhất-xiển-đề*, thấy đều có tánh Phật.’ Hoặc có người nói rằng: ‘Những người như vậy không có tánh Phật.’

“Thiện nam tử! Ở nhiều nơi trong các kinh điển ta có nói rằng: ‘Một người ra đời mà nhiều người được lợi ích, một quốc độ mà có hai *Chuyển luân vương*, một thế giới mà có hai vị Phật ra đời; những việc như vậy đều không thể có. Trong một cõi *Tứ thiên hạ* mà có tám vị *Tứ thiên vương*, cho đến có hai cõi trời *Tha hóa tự tại*; cũng là không thể có.’ Nhưng ta có đề cập đến từ địa ngục *A-tỳ* [bên dưới] cõi *Diêm-phù-đề* lên đến cõi trời *A-ca-ni-trá*.³ Những đệ tử của ta nghe nói như vậy, không hiểu được ý ta, liền bảo: ‘Như Lai nói rằng không có mười phương chư

¹ Không hâu (箏篋), tên Phạn ngữ là *vinā*, một loại nhạc khí thời cổ đại có 23 dây, nay không còn nữa. Ví dụ đàn không hâu được nêu ra trong quyển 26, phẩm 10, phần 6. Xem lại từ trang 179 của Tập 5.

² Ví dụ về mô tả sữa được đưa ra để so sánh với sự mô tả tánh Phật ở quyển 29, phẩm 11, phần 3. Trong ví dụ này, hình thể và tính chất của sữa được mô tả với một người “chưa từng thấy sữa” (sơ bất kiến nhũ) chứ không dùng “người mù hỏi về sữa” (manh vấn nhũ) như trong nguyên bản Hán văn ở đoạn này. Tuy nhiên, ý nghĩa sai lệch này cũng không quan trọng. Xin xem lại ở phần đã dẫn bắt đầu từ trang 493 của Tập 5.

³ Cõi trời A-ca-ni-trá (*Akaniṣṭha*), dịch nghĩa là Sắc cứu cánh thiên, là cõi trời cao nhất trong Sắc giới.

Phật.’ [Nhưng] trong các kinh *Đại thừa* ta thật có nói đến mười phương chư Phật.¹

“Thiện nam tử! Những chỗ sai khác phân biệt biện giải như vậy là cảnh giới của Phật, không phải chỗ biết của hàng Thanh văn, Duyên giác. Như ai đối với những điều [sai lầm] nói trên sanh tâm nghi ngờ, may ra còn có thể phá hoại được phiền não như núi *Tu-di*. Nếu ai sanh tâm quyết định tin chắc những điều ấy thì gọi là *chấp trước*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Thế nào là *chấp trước*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những người [sanh tâm quyết định tin chắc] như vậy, dù được nghe biết [những điều ấy] từ người khác, hoặc tự tìm học trong kinh điển, hoặc được người khác ra công dạy bảo, nhưng đối với những điều [đã tin chắc thì] vướng mắc không thể buông xả, đó gọi là *chấp trước*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Chấp trước như vậy là *thiện* hay *bất thiện*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chấp trước như vậy không thể gọi là *thiện*. Vì sao vậy? Vì không thể phá tan được các mối nghi ngờ.”

Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Những người [sanh tâm quyết định tin chắc] như vậy, vốn không có lòng nghi, sao nói rằng không thể phá tan các mối nghi ngờ?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Phàm người không có lòng nghi, chính là đang nghi [mà không biết] đó thôi.”

¹ Theo Nam bản thì từ đây hết quyển 31, bắt đầu quyển 32, phẩm Bồ Tát Ca-diếp phần thứ hai (Ca-diếp Bồ Tát phẩm chi nhị).

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa: “Bạch Thế Tôn! [Như vậy] nếu có người bảo rằng vị *Tu-đà-hoàn* không đọa vào *ba đường ác*, hẳn phải gọi đó là người vương mắc, có lòng nghi?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đó gọi là có lòng [tin] quyết định, không phải là có lòng nghi. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Ví như có người trước đã nhìn thấy người ta và cây cối; về sau khi đi đêm trông thấy ở xa có một cái cây đã bị đốn ngang, bèn sanh lòng nghi hoặc: ‘Không biết đó là hình người hay thân cây?’

“Thiện nam tử! Như người trước đã được thấy các vị *tỳ-kheo*, *Phạm chí*.¹ Về sau, khi đi đường trông thấy một vị *tỳ-kheo* từ xa liền sanh lòng nghi hoặc: ‘Không biết đó là *tỳ-kheo* hay *Phạm chí*?’

“Thiện nam tử! Như người trước đã nhìn thấy bò và trâu. Về sau, khi thấy một con bò từ đằng xa liền sanh lòng nghi hoặc: ‘Không biết đó là bò hay trâu?’

“Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh, trước có được nhìn thấy hai vật [khác nhau] thì sau đó mới sanh lòng nghi. Vì sao vậy? Vì trong lòng không biết rõ. Ta không hề nói [phân biệt hai điều khác nhau] rằng vị *Tu-đà-hoàn* có đọa vào *ba đường ác* và không đọa vào *ba đường ác*.² Như vậy, người mà ông nói đó làm sao lại sanh lòng nghi?”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch rằng: “Thế Tôn! Như lời Phật dạy, trước phải được nhìn thấy [hai vật khác nhau] rồi sau mới

¹ Tu sĩ Phật giáo vào thời đức Phật được gọi là *tỳ-kheo* hoặc *sa-môn*, còn các tu sĩ đạo *Bà-la-môn* được gọi là *Phạm chí*.

² Về điểm này, trong tất cả các kinh điển Phật chỉ nói chắc chắn một điều: ‘Vị *Tu-đà-hoàn* không đọa vào *ba đường ác*.’ Vì thế, người tin vào điều này không thể gọi là có lòng nghi như lời Bồ Tát *Ca-diếp* vừa nói trước đó.

sanh lòng nghi. Nhưng có những người khi chưa được thấy hai vật [khác nhau] cũng sanh lòng nghi. Đó là nói điều gì? Chẳng hạn như *Niết-bàn*.

“Bạch Thế Tôn! Ví như có người đi đường gặp dòng nước đục, dù trước đó chưa từng thấy nhưng cũng sanh lòng nghi: ‘Không biết dòng nước này sâu hay cạn?’ Người ấy chưa từng thấy, vì sao lại sanh lòng nghi?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Niết-bàn* là dứt khổ. Không phải *Niết-bàn* tức là khổ. Chỗ thấy của tất cả chúng sanh đều có hai loại: thấy khổ và thấy không khổ. Khổ và không khổ đó là: đói, khát, lạnh, nóng, hờn giận, vui mừng, ốm bệnh, an ổn, già nua, trai tráng, sanh ra, chết đi, trói buộc, giải thoát, lìa xa người yêu thương luyến mến, gần gũi kẻ oán ghét thù nghịch. Chúng sanh thấy vậy rồi liền sanh lòng nghi: ‘Liệu có sự xa lìa rốt ráo những khổ não ấy chăng?’ Vì thế mà chúng sanh đối với *Niết-bàn* có sanh lòng nghi.

“Như ông hỏi rằng: ‘Người ấy từ trước chưa từng thấy dòng nước đục, sao lại sanh lòng nghi?’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Người ấy đã từng thấy [sự việc tương tự] ở nơi khác rồi, nên ở nơi chưa từng đến mới sanh lòng nghi.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Trước đây khi thấy chỗ sâu, chỗ cạn, người ấy đã không sanh lòng nghi; vì sao nay nhìn thấy lại sanh lòng nghi?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì là nơi chưa từng đi qua nên mới sanh nghi. Vì vậy ta có nói: ‘Không biết rõ nên nghi.’”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Theo như lời Phật dạy, nghi tức là vướng mắc, vướng mắc tức là nghi. Đó là nói hạng người nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đó là những kẻ dứt mất căn lành.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Những hạng người nào có thể dứt mất căn lành?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Có những người thông minh lanh lợi, trí tuệ sáng suốt, khéo biết phân biệt, nhưng lìa xa bạn tốt, không nghe *Chánh pháp*, không khéo suy xét, không thực hành đúng pháp; những người như vậy có thể dứt mất căn lành.

“Ngoài bốn điều vừa nói,¹ [những người này] trong lòng còn tự suy xét rằng: ‘Không có vật bố thí. Vì sao vậy? Bố thí tức là lìa bỏ tài vật. Nếu việc bố thí có quả báo, nên biết rằng người bố thí thường phải nghèo khổ. Vì sao vậy? Vì hạt giống và quả [của nó] là tương tự như nhau. Cho nên nói rằng không có nhân, không có quả.’ Nếu người nói không có nhân quả theo cách như vậy, đó gọi là dứt mất căn lành.

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Người bố thí, người nhận bố thí và tài vật bố thí, ba điều ấy là vô thường, không lúc nào trụ yên. Nếu không trụ yên, sao có thể nói được đâu là người bố thí, là người nhận bố thí, là tài vật bố thí? Nếu không có người nhận bố thí, làm sao có được quả báo? Vì nghĩa ấy nên không có nhân, không có quả.’

¹ Bốn điều vừa nói là: 1. Lìa xa bạn tốt; 2. Không nghe Chánh pháp; 3. Không khéo suy xét; 4. Không thực hành đúng pháp.

Nếu người nói không có nhân quả theo cách như vậy, nên biết rằng người ấy có thể dứt mất căn lành.

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Trong khi người thực hành việc bố thí, dùng đến năm sự bố thí.¹ Người nhận bố thí rồi, có khi làm điều thiện, có khi làm điều bất thiện, nhưng người đã bố thí lại không nhận được quả *thiện* hoặc quả *bất thiện*. Như lẽ thường ở thế gian, do hạt giống sanh ra quả, quả ấy lại tạo thành hạt giống. Nhân tức là người bố thí; quả tức là người nhận bố thí. Nhưng người nhận bố thí không thể dùng những pháp *thiện* hoặc *bất thiện* để làm cho thí chủ đạt được [quả báo]. Vì nghĩa ấy nên không có nhân, không có quả.’ Nếu người nói không có nhân quả theo cách như vậy, nên biết rằng người ấy có thể dứt mất căn lành.

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Không có vật bố thí. Vì sao vậy? Vì vật bố thí là *vô ký*.² Nếu là *vô ký*, làm sao có thể được quả báo *thiện*? Không có quả báo *thiện*, tức là *vô ký*. Nếu tài vật là *vô ký*, nên biết rằng không có quả báo *thiện*, ác. Cho nên không có việc bố thí, không có nhân, không có quả.’ Nếu người nói không có nhân quả theo cách như vậy, nên biết rằng người ấy có thể dứt mất căn lành.

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Bố thí là ý niệm. Nếu là ý niệm thì không nhìn thấy, không có đối tượng, không

¹ Năm sự bố thí (ngũ sự thí): đã có nói ở đoạn trước, gồm: 1. Dùng vật chất bố thí (thí sắc); 2. Dùng công sức bố thí (thí lực); 3. Dùng sự an ổn bố thí, tức là bảo vệ người khác (thí an); 4. Dùng mạng sống để bố thí (thí mạng); 5. Dùng tài biện luận bố thí, nghĩa là dùng khả năng biện luận để giúp người được lợi lạc (thí biện).

² Vô ký: không thuộc về thiện, cũng không thuộc về bất thiện.

thuộc pháp hình sắc. Nếu không phải là hình sắc, làm sao có thể bố thí? Cho nên không có việc bố thí, không có nhân, không có quả.’ Nếu người nói không có nhân quả theo cách như vậy, nên biết rằng người ấy có thể dứt mất căn lành.

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Nếu người bố thí vì hình tượng Phật, thiên thần, hoặc vì cha mẹ đã qua đời mà làm việc bố thí, ắt không có người thọ nhận. Nếu không có người thọ nhận, lẽ ra không có quả báo. Nếu không có quả báo, tức là không có nhân. Nếu không có nhân, tức là không có quả.’ Nếu người nói không có nhân quả theo cách như vậy, nên biết rằng người ấy có thể dứt mất căn lành.

“Hoặc lại suy xét rằng: ‘Không có cha mẹ. Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sanh, là bậc sanh ra chúng sanh, thì theo lý phải thường sanh mãi, không có sự dứt mất. Vì sao vậy? Vì nhân là thường có. Nhưng vì không thường sanh mãi, nên biết rằng không có cha mẹ.’

“Hoặc lại suy xét rằng: ‘Không có cha mẹ. Vì sao vậy? Nếu thân của chúng sanh là nhân nơi cha mẹ mà có, lẽ ra mỗi người đều phải có đủ hai căn¹ nam, nữ. Nhưng vì không có đủ [hai căn] nên biết rằng chúng sanh chẳng phải nhân nơi cha mẹ mà có.’

“Hoặc lại suy xét rằng: ‘Chẳng phải nhân nơi cha mẹ sanh ra chúng sanh. Vì sao vậy? Trước mắt nhìn thấy chúng sanh không giống hệt cha mẹ, như về thân thể, hình sắc, tâm tánh, cách đi đứng... Cho nên cha mẹ chẳng phải là nhân sanh ra chúng sanh.’

¹ Hai căn: ở đây chỉ bộ phận sanh dục nam và nữ.

“Hoặc lại suy xét rằng: ‘Tất cả những thứ thế gian gọi là *không* được phân làm bốn loại. Một là vì chưa sanh ra nên gọi là không, như khi đất sét mới nhồi thành khối, chưa có công dụng của cái bình. Hai là diệt mất rồi nên gọi là không, như khi cái bình đã bể nát thì gọi là không [có cái bình]. Ba là khác biệt nhau nên có cái này thì không cái kia, như trong con bò không có con ngựa, trong con ngựa không có con bò. Bốn là hoàn toàn không có nên gọi là không, như sừng thỏ, như lông rùa... Cha mẹ của chúng sanh cũng vậy, đồng với bốn loại không có ấy. Nếu nói rằng cha mẹ là nhân của chúng sanh, khi cha mẹ chết sao con không nhất định chết theo? Cho nên cha mẹ chẳng phải là nhân sanh ra chúng sanh.’

“Hoặc lại suy xét rằng: ‘Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sanh, lẽ ra phải thường nhân nơi cha mẹ sanh ra chúng sanh. Nhưng lại có những loài do biến hóa sanh ra, do ẩm ướt sanh ra, vì thế nên biết rằng chẳng phải nhân nơi cha mẹ sanh ra chúng sanh.’

“Hoặc lại suy xét rằng: ‘Chúng sanh là tự có, chẳng phải nhân nơi cha mẹ mà sanh ra, lớn lên. Ví như loài chim *khổng tước*¹ nghe tiếng sấm mà sanh chim con; như loài chim *thanh tước*, chim mái uống nước mắt chim trống mà sanh chim con; như loài chim *mạng mạng*,² chim mái nhìn thấy chim trống múa mà sanh chim con.’

“Đang khi suy nghĩ [những điều] như thế, nếu không gặp được bậc thiện tri thức, nên biết rằng người như thế có thể dứt mất căn lành.’

¹ Khổng tước: tên một loài chim, dịch từ Phạn ngữ là *mayūra*, dịch âm là ma-do-la (摩由羅).

² Mạng mạng: tên một loài chim, dịch từ Phạn ngữ *jīvajīvaka*, dịch âm là kì-bà-kì-bà-ca (耆婆耆婆迦).

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Thế gian hoàn toàn không có quả báo thiện, ác. Vì sao vậy? Vì [trước mắt thấy] có những chúng sanh thực hành đầy đủ *mười điều lành*, vui thích làm việc bố thí, siêng tu công đức, nhưng lại mang nhiều tật bệnh nơi thân, tuổi trung niên chết yểu, hoặc hao tổn tài vật, vướng phải nhiều sự lo âu buồn khổ. Lại [thấy] có những chúng sanh làm đủ *mười điều ác*, tham lam bủn xỉn, ganh ghét đố kỵ, lừa dối trù trệ, chẳng tu mọi pháp lành, nhưng lại được thân thể an ổn không bệnh, mạng sống dài lâu, được nhiều tiền của, không gặp phải những lo âu sầu khổ. Vì thế nên biết rằng không hề có quả báo thiện, ác.’

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Ta từng nghe các bậc thánh nhân dạy: Có người tu thiện, khi mạng chung thì phần nhiều đọa vào *ba đường ác*. Có những kẻ làm ác, khi mạng chung lại sanh vào cõi người, cõi trời. Vì thế nên biết rằng không hề có quả báo thiện, ác.’

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Lời dạy của tất cả thánh nhân phân làm hai loại: Một là nói rằng kẻ sát sanh được quả báo *thiện*; hai là nói rằng kẻ sát sanh chịu quả báo ác. Vì thế nên biết rằng lời dạy của bậc thánh là không nhất định. Nếu [lời dạy của] bậc thánh đã không nhất định, ta làm sao [tin tưởng] nhất định? Vì thế nên biết rằng không hề có quả báo thiện, ác.’

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Trong khắp thế gian không có bậc thánh nhân. Vì sao vậy? Nếu là thánh nhân ắt phải đạt được *Chánh đạo*. Tất cả chúng sanh đang khi có đủ phiền não, tu tập *Chánh đạo*, nên biết rằng những người ấy cùng lúc có cả *Chánh đạo* và phiền não. Nếu

cùng lúc có cả hai, nên biết rằng *Chánh đạo* không thể phá trừ phiền não. Nếu không có phiền não mà tu *Chánh đạo*, thì *Chánh đạo* ấy có tác dụng gì? Như vậy, với người có đầy đủ phiền não thì *Chánh đạo* không thể phá trừ; với người không có phiền não thì *Chánh đạo* ắt là vô dụng. Vì thế nên biết rằng trong khắp thế gian không có bậc thánh nhân!

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘*Vô minh* làm duyên cho *hành*, cho đến *sanh* làm duyên cho *già, chết*. *Mười hai nhân duyên* ấy, tất cả chúng sanh đều có đủ. Tánh của *Tám Thánh đạo* là bình đẳng, nên lẽ ra [tất cả chúng sanh cũng đều có đủ] như vậy; khi một người đạt được, lẽ ra tất cả mọi người cũng được; khi một người tu tập, lẽ ra tất cả mọi người đều diệt được khổ. Vì sao vậy? Vì phiền não là như nhau. Nhưng nay không được [như vậy], nên biết rằng không có *Chánh đạo*.’

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Thánh nhân đều có những pháp đồng với phàm phu, như là: ăn uống, đi đứng, nằm ngồi, ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, lạnh nóng, lo sầu, sợ sệt... Nếu đồng với phàm phu những việc như vậy thì nên biết rằng thánh nhân không đạt được *Thánh đạo*. Nếu đạt được *Thánh đạo*, lẽ ra phải vĩnh viễn dứt hẳn những việc như vậy. Những việc như vậy nếu không dứt trừ thì nên biết rằng không có *Thánh đạo*.’

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Thánh nhân có thân, hưởng thụ *năm món dục lạc*, lại cũng nhục mạ, đánh đập người khác, cũng ganh ghét đố kỵ, kiêu mạn, thọ nhận mọi sự khổ, vui, tạo tác các nghiệp thiện, ác. Vì nhân duyên ấy nên biết rằng không có thánh nhân. Nếu

là người có đạo, lẽ ra phải mãi mãi dứt hẳn những việc ấy. Những việc ấy không dứt trừ nên biết rằng không có *Thánh đạo*.’

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Người giàu lòng thương xót thì gọi là thánh nhân. Do nhân duyên gì gọi là thánh nhân? Do nhân duyên là *Thánh đạo* nên gọi là thánh nhân. Nếu tánh của *Thánh đạo* là thương xót, lẽ ra phải thương xót, nhớ nghĩ đến tất cả chúng sanh, chẳng đợi tu tập rồi mới có được sự thương xót ấy. Nếu là không có lòng thương xót, vì sao thánh nhân do nơi việc đạt được *Thánh đạo* rồi mới có lòng thương xót? Vì thế nên biết rằng thế gian không có thánh nhân.’

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Tất cả *bốn đại* không do nhân mà sanh ra, chúng sanh đều có đủ như nhau. Tánh của *bốn đại* ấy không phân biệt chúng sanh, bên này nên tới, bên kia chẳng nên tới... Nếu có *Thánh đạo*, lẽ ra cũng phải có tánh [không phân biệt] như vậy; nhưng nay không phải thế, [vì có kẻ được người không,] vì thế nên biết rằng trong thế gian không có thánh nhân.’

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Nếu như các bậc thánh nhân chỉ có [chung] một *Niết-bàn*, nên biết như vậy ắt là không có thánh nhân. Vì sao vậy? Vì [*Niết-bàn* ấy] không thể đạt được! Theo lý thì pháp thường trụ là không thể đạt được, không thể nắm bắt, không thể buông bỏ. Nếu các bậc thánh nhân có nhiều *Niết-bàn* thì đó là *vô thường*. Vì sao vậy? Vì là pháp có thể tính đếm. Nếu *Niết-bàn* là một thì khi một người đạt được, lẽ ra hết thảy mọi người đều đạt được. Nếu *Niết-bàn* là nhiều, ắt có ranh giới phân biệt. Nếu có ranh giới, làm sao gọi là

thường? Nếu như nói rằng thể của *Niết-bàn* là một nhưng giải thoát là nhiều, cũng như đầu người là một nhưng răng, lưỡi là nhiều. Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Chỗ đạt được của mỗi người không phải chỗ đạt được của tất cả mọi người. Vì có ranh giới phân biệt nên lẽ ra là *vô thường*. Nếu là *vô thường*, sao có thể gọi là *Niết-bàn*? Nếu không có *Niết-bàn* thì ai là thánh nhân? Vì thế nên biết rằng không có thánh nhân.’

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Đạo của thánh nhân không phải do nhân duyên mà đạt được. Nếu đạo của thánh nhân không phải do nhân duyên đạt được, vì sao tất cả mọi người không làm thánh nhân? Nếu tất cả mọi người không phải thánh nhân, thì nên biết rằng không có thánh nhân cũng như *Thánh đạo*.’

“Hoặc [người ấy] lại suy xét rằng: ‘Thánh nhân dạy rằng sự thấy biết chân chánh có hai nhân duyên. Một là được nghe *Chánh pháp* từ người khác, hai là tự trong lòng mình suy xét [biết được]. Hai nhân duyên này nếu là do duyên [khác] sanh ra, thì duyên [khác] ấy cũng lại là do duyên khác nữa sanh ra. Cứ xoay vần tiếp nối mãi như thế, không bao giờ dứt. Nhưng nếu hai [nhân duyên thấy biết chân chánh] ấy không phải do duyên sanh, thì tại sao tất cả chúng sanh lại không [tự nhiên] đạt được sự thấy biết chân chánh?’

“[Người ấy] trong khi quán xét những điều như trên thì có thể dứt mất căn lành.

“Thiện nam tử! Nếu chúng sanh nào thấy biết sâu xa những lý không nhân quả [theo cách] như vậy, thì người

ấy có thể dứt mất năm căn lành như tín căn, [tinh tấn căn]...¹

“Thiện nam tử! Những kẻ dứt mất căn lành không phải là hạng người hèn hạ thấp kém, ngu độn; cũng không phải hàng chư thiên cõi trời hay những chúng sanh trong ba đường ác. Những kẻ phá hoại Tăng đoàn cũng vậy.”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Những người như vậy, đến khi nào sẽ có thể sanh trở lại căn lành?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những người ấy có hai thời điểm [có thể] sanh trở lại căn lành, một là khi vừa mới vào địa ngục, hai là khi ra khỏi địa ngục.

“Thiện nam tử! Pháp lành có ba loại: quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu là quá khứ thì tánh tự diệt mất; [nguyên] nhân tuy diệt mất nhưng quả báo chưa chín muồi, vì thế nên không gọi là dứt mất quả của quá khứ. [Chỉ người] dứt hết cả nhân [lành] trong quá khứ, hiện tại và vị lai mới gọi là dứt mất [căn lành].”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu dứt hết cả nhân [lành] trong ba đời gọi là dứt mất căn lành, thì người dứt căn lành tức nhiên có tánh Phật. Tánh Phật như vậy là quá khứ, là hiện tại, là vị lai, hay là khắp trong ba đời?

“Nếu [tánh Phật] là quá khứ, làm sao gọi là thường? Tánh Phật là thường, nên biết là không phải quá khứ.

¹ Năm căn lành: tín căn (信根), có lòng tin vào Tam bảo, vào giáo pháp Tứ đế...; tinh tấn căn (精進根) cũng gọi là cần căn (勤根), là chuyên cần tu học và thực hành các pháp lành; niệm căn (念根), thường nhớ nghĩ Chánh pháp; định căn (定根), thường giữ tâm an định, không mất chánh niệm; và tuệ căn (慧根) thường dùng trí tuệ suy xét chân lý. Vì các pháp này là cội nguồn sanh ra tất cả các pháp lành nên gọi chúng là căn (根), nghĩa là cội gốc.

“Nếu [tánh Phật] là vị lai, làm sao gọi là thường? Vì sao Phật nói rằng tất cả chúng sanh nhất định sẽ đạt được [tánh Phật]? Nếu nhất định sẽ đạt được, sao lại nói là [có thể] dứt mất?”

“Nếu [tánh Phật] là hiện tại, làm sao lại gọi là thường? Vì sao Phật nói rằng nhất định có thể thấy được?”

“Như Lai cũng dạy rằng tánh Phật có sáu đức: *thường tồn, chân chánh, đúng thật, hiền thiện, thanh tịnh và có thể thấy*. Nếu những kẻ dứt mất căn lành mà có tánh Phật, ắt không thể gọi là dứt mất căn lành. Còn nếu họ không có tánh Phật, vì sao nói rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật? Nếu nói rằng tánh Phật lại khi có khi mất thì tại sao Như Lai nói rằng [tánh Phật là] thường?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn vì chúng sanh nên dùng đến bốn phương thức trả lời. Một là trả lời bằng cách xác định chắc chắn, [gọi là *định đáp*]; hai là trả lời bằng cách phân biệt giải thích, [gọi là *phân biệt đáp*]; ba là trả lời [thích hợp] tùy theo câu hỏi, [gọi là *tùy vấn đáp*]; bốn là trả lời bằng cách phớt lờ, xem như không nghe, [gọi là *trí đáp*].¹

“Thiện nam tử! Thế nào là trả lời bằng cách xác định chắc chắn? Như hỏi rằng: “Tạo nghiệp ác sẽ được quả

¹ Nguyên bản Hán văn dùng 置答 (trí đáp), các bản trước đây đều dịch là đáp bằng cách yên lặng, không đúng với ý nghĩa ở đây. Có rất nhiều trường hợp đức Phật dùng cách yên lặng mà đáp (默然而答 - mặc nhiên nhi đáp), nhưng sự yên lặng ấy có thể biểu lộ sự đồng ý, tán thành, khác với nghĩa dùng ở đây. Chữ 置 (trí) hoàn toàn không mang nghĩa “yên lặng”, mà có nghĩa là phớt lờ, gạt sang một bên, không quan tâm đến, xem như không có... Và đây mới chính là ý nghĩa của cách đáp này, vì vấn đề nêu lên có thể là không cần thiết phải giải đáp, chỉ nằm trong phạm trù hí luận mà không giúp ích gì cho sự giải thoát. Như vậy, tuy cũng là yên lặng không nói, nhưng ý nghĩa không nằm ở sự yên lặng, mà ở chỗ là không lưu tâm đến sự việc nêu ra, vì biết đó là việc vô bổ.

thiện hay quả *bất thiện*?' Như vậy nên đáp một cách chắc chắn rằng: 'Sẽ phải chịu quả *bất thiện*.' Đối với việc tạo nghiệp lành cũng [nên trả lời chắc chắn] như vậy: 'Sẽ được quả *tốt lành*.'

"Như hỏi rằng: 'Như Lai có phải là bậc *Nhất thiết trí* [rõ biết tất cả] hay chẳng? Như vậy nên đáp một cách chắc chắn rằng: 'Đúng là bậc *Nhất thiết trí*.' Như hỏi rằng: 'Phật pháp có thanh tịnh chẳng?' Như vậy nên đáp một cách chắc chắn rằng: 'Nhất định là thanh tịnh.' Như hỏi rằng: 'Đệ tử của Như Lai có làm theo đúng pháp chẳng?' Như vậy nên đáp một cách chắc chắn rằng: 'Có làm theo đúng pháp.'

"Như thế gọi là *trả lời bằng cách xác định chắc chắn*.

"Thế nào là *trả lời bằng cách phân biệt giải thích*? Như ta có giảng về giáo pháp *Bốn chân đế*. Thế nào là bốn? Đó là *khổ, tập, diệt, đạo*. Thế nào là *Khổ đế*? Vì có *tám nỗi khổ*¹ nên gọi là *Khổ đế*. Thế nào là *Tập đế*? Vì năm ấm là nhân [hợp lại] nên gọi là *Tập đế*. Thế nào là *Diệt đế*? Vì *tham, sân, si* đều dứt hết nên gọi là *Diệt đế*. Thế nào là *Đạo đế*? Vì có *Ba mươi bảy pháp trợ đạo* nên gọi là *Đạo đế*...

"Như thế gọi là *trả lời bằng cách phân biệt giải thích*.

"Thế nào là *trả lời [thích hợp] tùy theo câu hỏi*? Như ta có dạy rằng: 'Tất cả các pháp đều *vô thường*.' Lại có người hỏi: 'Như Lai Thế Tôn vì những pháp gì mà nói lý *vô thường*?' Liền đáp rằng: 'Vì pháp *hữu vi* nên Như Lai nói lý *vô thường*.' Đối với lý *vô ngã* cũng thế.

¹ Tám nỗi khổ (Bát khổ): gồm có 1. Sinh là khổ; 2. Già là khổ; 3. Bệnh là khổ; 4. Chết là khổ; 5. Mong cầu không được là khổ; 6. Năm ấm phát triển bất thường là khổ; 7. Xa lìa người thương yêu là khổ; 8. Gặp gỡ, gần gũi kẻ oán ghét là khổ.

“Như Phật có dạy: ‘Tất cả các pháp [thế gian] đều như lửa dữ thiêu đốt.’ Kẻ khác lại hỏi: ‘Như Lai Thế Tôn vì những pháp gì mà nói rằng tất cả các pháp [thế gian] như lửa dữ thiêu đốt?’ Liên đáp rằng: ‘Vì tham, sân, si nên Như Lai nói rằng tất cả pháp [thế gian] đều như lửa dữ thiêu đốt.’”

“Như thế gọi là trả lời [thích hợp] tùy theo câu hỏi.

“Thiện nam tử! Như Lai có đủ các pháp như Mười lục, Bốn vô sở úy, Đại từ, Đại bi, Ba niệm xứ, tám vạn ức các môn tam-muội như [tam-muội] Thủ-lăng-nghiêm, Ba mươi hai tướng tốt, Tám mươi vẻ đẹp, ba mươi lăm ngàn các môn tam-muội như tam-muội Ngũ trí ấn, bốn ngàn hai trăm các môn tam-muội như tam-muội Kim cang, tam-muội Phương tiện... Vô lượng vô biên các pháp như vậy đều là tánh Phật của Phật. Tánh Phật ấy có bảy đức: thường, ngã, lạc, tịnh, chân, thật và thiện. Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Thiện nam tử! Tánh Phật của vị Bồ Tát thọ thân sau cùng¹ có sáu đức: thường, tịnh, chân, thật, thiện, thấy được phân nhỏ. Như thế gọi là trả lời bằng cách phân biệt giải thích.

“Theo như câu hỏi của ông trước đây: ‘Những kẻ dứt mất căn lành có tánh Phật hay không? Những kẻ ấy cũng có tánh Phật của Như Lai, cũng có tánh Phật của [Bồ Tát] thọ thân sau cùng. Vì hai tánh Phật ấy bị che lấp ở đời vị lai nên gọi là không; vì rốt cùng rồi sẽ đạt được tánh

¹ Bồ Tát thọ thân sau cùng: tức vị Bồ Tát dẫn sanh để thành Phật, không còn thọ thân sau nữa. Nguyên bản dùng ‘hậu thân Bồ Tát’, nói đủ là ‘tối hậu thân Bồ Tát’, cũng gọi là ‘Bồ Tát Nhất sanh bố xứ’.

Phật nên gọi là *có*. Như thế gọi là *trả lời bằng cách phân biệt giải thích*.

“Tánh Phật của Như Lai không thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai. Tánh Phật của vị Bồ Tát thọ thân sau cùng là thuộc về hiện tại và vị lai. Vì thấy được một phần nhỏ tánh Phật nên gọi là hiện tại; vì chưa thấy được trọn vẹn nên gọi là vị lai. Nhân tánh Phật của Như Lai khi chưa chứng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai; nhưng quả thì không như vậy, *có thuộc về ba đời, cũng có không thuộc về ba đời*. Nhân tánh Phật của vị Bồ Tát thọ thân sau cùng cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai; và quả cũng giống như vậy. Như thế gọi là *trả lời bằng cách phân biệt giải thích*.

“Với hàng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ chín, tánh Phật có sáu đức: *thường, thiện, chân, thật, thanh tịnh, có thể thấy*. Nhân tánh Phật của vị này cũng thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai; và quả cũng giống như vậy. Như thế gọi là *trả lời bằng cách phân biệt giải thích*.

“Từ hàng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ tám xuống đến hàng trụ ở địa vị thứ sáu, tánh Phật có năm đức: *chân, thật, tịnh, thiện, có thể thấy*. Nhân tánh Phật của các vị này cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai; và quả cũng giống như vậy. Như thế gọi là *trả lời bằng cách phân biệt giải thích*.

“Từ hàng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ năm xuống đến hàng sơ trụ, tánh Phật có năm đức: một là *chân*, hai là *thật*, ba là *tịnh*, bốn là *có thể thấy*, năm là *thiện và bất thiện*.

“Thiện nam tử! Tánh Phật có năm đức, sáu đức, hoặc bảy đức ấy, những kẻ dứt mất căn lành cuối cùng rồi cũng

sẽ đạt được, vì vậy nên có thể nói rằng họ có tánh Phật. Như thế gọi là *trả lời bằng cách phân biệt giải thích*.

“Như có người nói rằng: ‘Kẻ dứt mắt căn lành nhất định là có tánh Phật’, hoặc nói rằng: ‘Nhất định là không có tánh Phật.’ Đó là [trường hợp cần phải] *trả lời bằng cách phớt lờ, xem như không nghe*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Con nghe nói rằng: Không đưa ra câu trả lời mới gọi là trả lời bằng cách phớt lờ. Nay vì nhân duyên gì Như Lai thật có trả lời mà gọi là phớt lờ?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta cũng không nói rằng gạt sang một bên không trả lời mới gọi là trả lời bằng cách phớt lờ. Thiện nam tử! Trả lời bằng cách phớt lờ có hai ý nghĩa: Một là ngăn chặn [vấn đề, không cho phát triển thêm]; hai là không vướng mắc [vào vấn đề ấy]. Do những nghĩa đó nên mới gọi là trả lời bằng cách phớt lờ.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BA MƯƠI BỐN

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BA MƯƠI LĂM

PHẨM BỒ TÁT CA-DIỆP

Phẩm thứ mười hai – Phần ba

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Theo lời Phật dạy thì thế nào là nhân cũng thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai; quả cũng thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai; lại cũng không thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Năm ấm* có hai loại, một là nhân, hai là quả. Nhân của *năm ấm* này là thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai; quả của *năm ấm* này cũng thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai; mà cũng không thuộc về quá khứ, hiện tại, vị lai.

“Thiện nam tử! Hết thấy *vô minh*, phiền não trói buộc... đều là tánh Phật. Vì sao vậy? Vì là nhân của tánh Phật. Do nơi *vô minh*, hành... và các phiền não mà được *năm ấm* hiện thiện, gọi là tánh Phật. Do nơi *năm ấm* hiện thiện [mà tu tiến] cho đến đạt được quả vị *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Cho nên trước đây, trong kinh ta có dạy rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh như máu lẫn với sữa.’ Máu, đó là *vô minh*, hành... tất cả phiền não. Sữa, đó là *năm ấm* hiện thiện. Cho nên ta dạy rằng: ‘Do nơi phiền não và *năm ấm* hiện thiện mà đạt được *A-nậu-đa-*

la *Tam-miêu Tam-bồ-đề*.’ Như thân của chúng sanh đều do nơi tinh huyết mà thành. Tánh Phật cũng vậy. Hàng *Tu-đà-hoàn* và *Tư-đà-hàm* dứt trừ được một ít phiền não, tánh Phật [nơi họ] ví như sữa tươi. Tánh Phật ở hàng *A-na-hàm* ví như kem sữa. Tánh Phật ở các vị *A-la-hán* ví như bơ sống. Từ các vị Phật *Bích-chi* lên đến Bồ Tát trụ ở địa vị thứ mười, tánh Phật ví như bơ chín. Tánh Phật ở Như Lai ví như *đề-hồ*.

“Thiện nam tử! Vì phiền não hiện tại làm chướng ngại nên chúng sanh không thấy được tánh Phật. Ví như ở Hương sơn có loài cỏ *nhân nhục* nhưng không phải tất cả bò đều được ăn cỏ ấy. Tánh Phật cũng vậy.

“Như thế gọi là *trả lời bằng cách phân biệt giải thích*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Tánh Phật có năm đức, sáu đức, bảy đức, nếu đến đời vị lai mới có, vì sao nói rằng những kẻ dứt mất căn lành có tánh Phật?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như các chúng sanh đều có nghiệp quá khứ. Do nghiệp ấy làm nhân nên trong hiện tại phải chịu quả báo; lại có nghiệp vị lai, nhưng vì nghiệp ấy chưa sanh nên chưa có quả báo; lại có phiền não trong hiện tại, nếu không có phiền não ấy thì lẽ ra tất cả chúng sanh đều thấy rõ được tánh Phật ngay trước mắt. Vì thế, những kẻ dứt mất căn lành là do nhân duyên phiền não trong đời hiện tại khiến cho dứt mất căn lành. Nhờ sức của tánh Phật trong đời vị lai làm nhân duyên nên căn lành [có thể] được sanh trở lại.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Làm thế nào mà [những kẻ đã dứt mất căn lành] trong đời vị lai có thể sanh lại căn lành?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ví như ngọn đèn và mặt trời tuy chưa xuất hiện nhưng tính chất của chúng vẫn là có thể phá trừ sự tối tăm. Tự tánh trong tương lai có thể sanh ra tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy.

“Nhu thế gọi là *trả lời bằng cách phân biệt giải thích*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu nói rằng *năm ám* là tánh Phật, vì sao lại dạy rằng tánh Phật của chúng sanh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Do nhân duyên gì mà ông lại có sự sơ ý đến thế? Trước đây ta chẳng đã nói rằng tánh Phật của chúng sanh là *trung đạo* đó sao?”

Bồ Tát *Ca-diếp* thưa: “Bạch Thế Tôn! Con thật không phải sơ ý, chỉ vì những chúng sanh đối với nghĩa *trung đạo* không hiểu nổi nên con mới phải thưa hỏi lại.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Chỗ mà chúng sanh không hiểu đó tức là *trung đạo*. Hoặc có lúc có người hiểu được, có người không hiểu được.

“Thiện nam tử! Ta vì những chúng sanh có thể hiểu được nên nói rằng tánh Phật chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Vì sao vậy? Những chúng sanh phạm phu, hoặc nói rằng tánh Phật ở *trong năm ám*, như trong cái bát có đựng trái cây; hoặc nói rằng [tánh Phật] *lìa khỏi năm ám*, như hư không. Do đó Như Lai thuyết dạy lý *trung đạo*: Tánh Phật của chúng sanh không ở trong *sáu nhập*, không ở ngoài *sáu nhập*; trong ngoài hợp nhau nên gọi là *trung đạo*. Vì thế Như Lai dạy rằng: ‘Tánh Phật tức là *trung đạo*.’ Chẳng phải trong, chẳng phải ngoài nên gọi là *trung đạo*.

“Nhu thế gọi là *trả lời bằng cách phân biệt giải thích*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Thế nào gọi là *chẳng phải trong, chẳng phải ngoài*?

“Thiện nam tử! Có người nói: ‘Tánh Phật tức là ngoại đạo. Vì sao vậy? Vì Bồ Tát *ma-ha-tát* trải qua vô lượng kiếp ở trong ngoại đạo, dứt trừ các phiền não, điều phục tự tâm, giáo hóa chúng sanh, sau đó mới đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì vậy, tánh Phật tức là ngoại đạo.’

“Hoặc có người nói: ‘Tánh Phật tức là ở trong *Chánh đạo*. Vì sao vậy? Vì Bồ Tát tuy trải qua vô lượng kiếp tu tập ngoại đạo, nhưng nếu lìa ngoài *Chánh đạo* ắt không thể đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì vậy, tánh Phật tức là ở trong *Chánh đạo*.’

“Do đó, Như Lai vì ngăn chặn cả hai ý kiến sai lệch như thế mà nói rằng: ‘Tánh Phật *chẳng phải trong, chẳng phải ngoài*, cũng là *trong, ngoài*; đó gọi là *trung đạo*.’

“Nhu thế gọi là *trả lời bằng cách phân biệt giải thích*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có người nói: ‘Tánh Phật tức là thân kim cang của Như Lai, có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vì sao vậy? Vì [thân Phật] không hư dối.’

“Hoặc có người nói: ‘Tánh Phật tức là *Mười sức, Bốn vô sở úy, Đại từ, Đại bi, Ba niệম xứ, Thủ-lăng-nghiêm* và tất cả *tam-muội*... Vì sao vậy? Vì nhân nơi các *tam-muội* ấy sanh ra thân [Phật] kim cang, có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.’

“Do đó, Như Lai vì ngăn chặn cả hai ý kiến sai lệch như thế mà nói rằng: “Tánh Phật chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng là trong, ngoài; đó gọi là *trung đạo*.”

“Như thế gọi là *trả lời bằng cách phân biệt giải thích*.

“Lại nữa, thiện nam tử! Có người nói: “Tánh Phật là sự suy xét khéo léo trong lòng. Vì sao vậy? Vì nếu lìa khỏi sự suy xét khéo léo thì Bồ Tát không thể đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì thế, tánh Phật là sự suy xét khéo léo trong lòng.”

“Hoặc có người nói: “Tánh Phật là được nghe pháp từ người khác. Vì sao vậy? Vì được nghe pháp từ người khác ắt có thể suy xét khéo léo trong lòng. Nếu không được nghe pháp ắt không thể suy xét. Vì thế, tánh Phật là được nghe pháp từ người khác.”

“Do đó, Như Lai vì ngăn chặn cả hai ý kiến sai lệch như thế mà nói rằng: “Tánh Phật chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng là trong, ngoài; đó gọi là *trung đạo*.”

“Lại nữa, thiện nam tử! Có người nói: “Tánh Phật là bên ngoài, ấy là *Bố thí Ba-la-mật*. Nhờ pháp *Bố thí Ba-la-mật* mà đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Cho nên nói rằng: *Bố thí Ba-la-mật* tức là tánh Phật.”

“Hoặc có người nói: “Tánh Phật là bên trong, ấy là năm pháp *Ba-la-mật* còn lại.¹ Vì sao vậy? Vì lìa khỏi năm pháp này không có nhân và quả của tánh Phật. Vì thế nên nói rằng: Năm pháp *Ba-la-mật* này tức là tánh Phật.”

¹ Tức là các pháp Trì giới Ba-la-mật, Nhẫn nhục Ba-la-mật, Tinh tấn Ba-la-mật, Thiên định Ba-la-mật và Trí tuệ Ba-la-mật. Vì năm pháp Ba-la-mật này thuộc về sự hành trì nội tâm nên ở đây gọi là bên trong.

“Do đó, Như Lai vì ngăn chặn cả hai ý kiến sai lệch như thế mà nói rằng: ‘Tánh Phật chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng là trong, ngoài; đó gọi là *trung đạo*.’

“Lại nữa, thiện nam tử! Có người nói: ‘Tánh Phật ở bên trong, như hạt bảo châu ẩn nơi trán của người lực sĩ. Vì sao vậy? Vì *thường, lạc, ngã, tịnh* [của tánh Phật] giống như bảo châu. Vì thế nên nói rằng: Tánh Phật ở bên trong.’

“Hoặc có người nói: ‘Tánh Phật ở bên ngoài, như kho báu của người đàn bà nghèo. Vì sao vậy? Vì nhờ có phương tiện mới thấy được [kho báu ấy]. Tánh Phật cũng như thế, ở bên ngoài chúng sanh, nhờ dùng phương tiện mới có thể thấy được.’

“Do đó, Như Lai vì ngăn chặn cả hai ý kiến sai lệch như thế mà nói rằng: ‘Tánh Phật chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng là trong, ngoài; đó gọi là *trung đạo*.’

“Thiện nam tử! Tánh Phật của chúng sanh chẳng phải có, chẳng phải không. Vì sao vậy? Tánh Phật tuy là có, nhưng chẳng phải như hư không. Vì sao vậy? Vì hư không ở thế gian, dù có dùng đến vô lượng phương tiện khéo léo cũng không nhìn thấy được; còn tánh Phật là có thể thấy.

“Vì thế, tuy tánh Phật là có nhưng chẳng phải như hư không. Tánh Phật tuy là không, nhưng chẳng giống như sừng thỏ. Vì những thứ như lông rùa, sừng thỏ, dù có vô lượng phương tiện khéo léo cũng chẳng sanh ra được. Tánh Phật thì có thể sanh ra, nên tuy là không nhưng chẳng giống với [lông rùa,] sừng thỏ.

“Cho nên, tánh Phật là chẳng phải có, chẳng phải không, lại cũng có, cũng không.

“Sao gọi là có? Vì tất cả chúng sanh đều có. [Tánh Phật nơi] các chúng sanh đều không dứt đoạn, không diệt mất; như ngọn đèn cháy mãi cho tới khi đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì thế nên gọi là có.

“Sao gọi là không? Vì tất cả chúng sanh hiện tại chưa có tất cả những đức *thường, lạc, ngã, tịnh* của pháp Phật. Vì thế nên gọi là không.

“Có và không hợp với nhau tức là *trung đạo*. Cho nên Phật dạy rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh chẳng phải có, chẳng phải không.’

“Thiện nam tử! Như có người hỏi: ‘Trong hạt giống có quả hay không có quả?’ Nên đáp một cách chắc chắn rằng: *Cũng có, cũng không*. Vì sao vậy? Vì nếu lìa ngoài hạt giống thì không thể có quả nên *gọi là có*; vì hạt giống thật chưa nảy mầm nên *gọi là không*. Vì nghĩa ấy nên nói rằng: *Cũng có, cũng không*.’

“Vì sao nói như vậy? Vì cho dù hoàn cảnh có khác nhưng thể chất của hạt giống vẫn là một. Tánh Phật của chúng sanh cũng giống như vậy. Nếu nói: ‘Trong chúng sanh riêng có những người có tánh Phật.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Vì chúng sanh tức là tánh Phật; tánh Phật tức là chúng sanh. Chỉ là hoàn cảnh, thời điểm khác nhau nên có *tịnh* và *bất tịnh*.

“Thiện nam tử! Như có người hỏi: ‘Hạt giống có thể sanh quả chăng? Quả có thể sanh hạt giống chăng?’ Nên đáp một cách chắc chắn rằng: ‘*Cũng sanh, cũng không sanh*.’”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Như người đời nói rằng: ‘*Trong sữa có kem sữa.*’ Nghĩa ấy là thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu nói rằng trong sữa có kem sữa, đó gọi là vướng chấp; nếu nói rằng không có kem sữa thì đó là hư dối. Lìa khỏi hai việc ấy, nên nói chắc chắn rằng: ‘*Cũng có, cũng không.*’

“Vì sao gọi là có? Vì từ nơi sữa sanh ra kem sữa; sữa là nhân, kem sữa là quả, cho nên gọi là có.

“Vì sao gọi là không? Vì hình sắc và mùi vị của hai thứ khác nhau, công dụng cũng không giống nhau. Bệnh nhiệt dùng sữa, bệnh hàn dùng kem sữa; sữa gây bệnh hàn, kem sữa gây bệnh nhiệt.

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘*Trong sữa sẵn có tánh kem sữa. Sữa tức là kem, kem tức là sữa.*’ Vậy tánh ấy vẫn là một, do nhân duyên gì mà sữa xuất hiện trước, còn kem chẳng sanh ra trước? Nếu có nhân duyên, vì sao tất cả người đời lại không nói được? Nếu không có nhân duyên, vì sao kem sữa không xuất hiện trước? Nếu kem sữa không xuất hiện trước, vậy ai đã tạo ra thứ tự [xuất hiện]: sữa, kem sữa, bơ sống, bơ chín, *đề-hồ*? Vậy nên biết rằng kem sữa vốn trước là không, sau mới có. Nếu là trước không sau có thì là pháp *vô thường*.

“Thiện nam tử! Nếu có kẻ nói: ‘*Sữa có tánh kem sữa nên có thể sanh ra kem sữa; như nước không có tánh kem sữa nên không thể sanh ra kem sữa.*’ Nghĩa ấy cũng chẳng đúng. Vì sao vậy? Vì nước và cỏ đều có tánh của sữa, kem sữa. Vì sao? Vì nước và cỏ là nhân sanh ra sữa và kem

sữa. Nếu nói rằng: ‘Trong sữa nhất định có tánh của kem sữa; trong nước và cỏ không có tánh của kem sữa.’ Đó là lời nói hư dối. Vì sao vậy? Vì tâm [phán xét] không bình đẳng nên gọi là hư dối.

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘Trong sữa nhất định có tánh của kem, trong kem nhất định có tánh của sữa.’ Vậy do nhân duyên gì mà sữa tạo thành kem nhưng *kem không tạo thành sữa*? Nếu không có nhân duyên thì nên biết rằng kem sữa ấy vốn trước là không mà sau mới có. Vì thế, người có trí nên nói rằng: ‘Trong sữa *chẳng phải* có tánh kem, cũng *chẳng phải không* có tánh kem.’

“Thiện nam tử! Cho nên trong kinh này Như Lai có dạy rằng: ‘Nếu nói rằng tất cả chúng sanh nhất định đều *có tánh Phật*, đó là vướng chấp; nếu nói rằng *không có tánh Phật*, đó là hư dối.’ Người có trí nên nói rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh *cũng là có, cũng là không*.’

“Thiện nam tử! Có bốn điều hợp lại sanh ra *nhãn thức*. Những gì là bốn? Một là con mắt, hai hình sắc, ba là ánh sáng, bốn là ý muốn [thấy]. Nhưng tánh của *nhãn thức* ấy không phải mắt, không phải hình sắc, không phải ánh sáng, cũng không phải ý muốn [thấy]. Do có sự hợp lại nên mới có *nhãn thức*. Nhãn thức ấy vốn trước là không, sau mới có; có rồi lại trở thành không. Vậy nên biết rằng không sẵn có tánh. Tánh kem trong sữa cũng là giống như vậy.

“Nếu nói rằng: ‘Vì trong nước không có tánh kem nên không sanh ra kem; vì thế nên trong sữa nhất định là có tánh kem.’ Nghĩa ấy cũng không đúng. Vì sao vậy? Thiện nam tử! Tất cả các pháp, nhân khác thì quả khác; cũng

không phải một nhân sanh tất cả quả, không phải tất cả quả đều do một nhân sanh ra.

“Thiện nam tử! Cũng như do nơi bốn điều kiện [hợp lại] sanh ra *nhãn thức*, nhưng lại không thể nói rằng do nơi bốn điều kiện ấy sanh ra *nhĩ thức*.

“Thiện nam tử! Nếu không có các phương tiện [thích hợp] thì sữa không thể thành kem sữa, kem sữa không thể thành bơ... Cần phải có các phương tiện. Thiện nam tử! Người có trí không thể nhận thức rằng không có các phương tiện mà sữa có thể thành kem sữa. Về việc sanh ra bơ sống cũng vậy, không thể lìa bỏ phương tiện mà có.

“Thiện nam tử! Cho nên trong kinh này ta nói rằng: ‘Do nhân sanh nên pháp có; do nhân diệt nên pháp không.’

“Thiện nam tử! Như muối có tánh mặn, có thể làm cho những vật không mặn trở nên mặn. Nếu những vật không mặn trước đã sẵn có tánh mặn, sao người đời chẳng gọi những vật ấy là muối? Nếu không có tánh mặn, thì nên biết rằng trước vốn không, sau mới có; vì có duyên bên ngoài nên mới thành mặn.

“Nếu nói rằng: ‘Tất cả những vật không mặn đều có tánh mặn, nhưng vì quá vi tế nên không biết được. Do tánh [mặn] vi tế ấy nên muối mới có thể làm cho vật trở nên mặn. Nếu vật không có tánh mặn, dù cho có muối cũng không thể làm cho thành mặn. Ví như hạt giống tự có *bốn đại*, lại nhờ *bốn đại* là duyên bên ngoài nên có thể tăng trưởng từ mầm mộng thành thân, cành, lá cây... Tánh của muối cũng như thế.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu vật không mặn vốn sẵn có tánh mặn, thì

muối lẽ ra cũng sẵn có tánh vi tế không mặn. Nếu muối có hai tánh như vậy, vì nhân duyên gì mà ngoài những vật không mặn ra, không dùng riêng [chất muối]? Vì thế nên biết rằng muối vốn không có hai tánh. Cũng giống như muối, tất cả những vật không mặn đều không có hai tánh [mặn và không mặn].

“Nếu nói rằng: ‘Sức của *bốn đại* bên ngoài có thể làm tăng trưởng *bốn đại* bên trong.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Vì [nói như vậy chỉ] là theo thứ tự, không do nơi phương tiện. Do nơi sữa mà được kem sữa, bơ sống... cho đến tất cả các pháp cũng đều như vậy, không phải do nơi phương tiện mà được, [nghĩa ấy thật không đúng]. *Bốn đại* cũng giống như vậy.

“Nếu nói: ‘Do nơi *bốn đại* bên ngoài làm tăng trưởng *bốn đại* bên trong, không thấy việc do nơi *bốn đại* bên trong làm tăng trưởng *bốn đại* bên ngoài.’ Vậy [vì sao] trái *thi-ly-sa*¹ trước không có hình thể tính chất gì, nhưng khi sao *Mão* hiện thì trái ấy sanh ra, dài đến năm tấc. Như loại trái này thật không nhân nơi *bốn đại* bên ngoài mà tăng trưởng.

“Thiện nam tử! Như ta có nói: ‘*Mười hai bộ kinh*, [có khi] ta tự ý thuyết giảng, hoặc [có khi] tùy theo ý chúng sanh mà thuyết giảng, hoặc [cũng có khi] vừa là tự ý ta và cũng tùy theo ý chúng sanh mà thuyết giảng.’

“Sao gọi là ta tự ý thuyết? Như có năm trăm vị *tỳ-kheo* hỏi *Xá-lợi-phát* rằng: ‘Đại đức! Phật nói nhân sanh ra thân này là gì?’ *Xá-lợi-phát* đáp: ‘Các vị đại đức! Các vị

¹ Thi-ly-sa (*Sīriṣa*), dịch nghĩa là hợp hôn thọ (合昏樹), cũng dịch là hợp hoan thọ (合歡樹).

mỗi người đều đạt được sự giải thoát chân chánh, lẽ ra phải tự biết việc ấy. Vì duyên cớ gì mà hỏi như vậy?’ Có một *tỳ-kheo* nói: ‘Đại đức! Khi tôi chưa đạt được giải thoát chân chánh, ý tôi cho rằng *vô minh* là nhân sanh ra thân này. Trong khi quán xét như vậy thì tôi chứng đắc quả *A-la-hán*.’ Lại có người nói: ‘Đại đức! Khi tôi chưa đạt được giải thoát chân chánh, ý tôi cho rằng *thọ* và *vô minh* là nhân sanh ra thân này. Trong khi quán xét như vậy thì tôi chứng đắc quả *A-la-hán*.’ Cũng có người nói rằng: ‘*Hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, ẩm thực, ngoạ cụ...* là nhân sanh ra thân này.’

“Bấy giờ, trong năm trăm *tỳ-kheo*, mỗi người tự nói chỗ hiểu của mình rồi, cùng nhau đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ dưới chân Phật, rồi đi quanh ba vòng về bên phải. Lễ bái xong liền ngồi xuống một bên theo thứ tự. Ai nấy đều đem chỗ hiểu của mình như trên mà trình lên Phật.

“*Xá-lợi-phất* bạch Phật: “Thế Tôn! Trong những vị này, ai nói đúng, ai nói không đúng?”

“Phật bảo *Xá-lợi-phất*: ‘Lành thay, lành thay! Trong các *tỳ-kheo* này, không ai nói sai cả.’

“*Xá-lợi-phất* thưa hỏi: “Thế Tôn! Ý Phật là thế nào?”

“Phật dạy: ‘*Xá-lợi-phất*! Ta vì chúng sanh *Dục giới* nên mới nói rằng: Cha mẹ là nhân sanh ra thân này.’

“Những [trường hợp nói] kinh như vậy gọi là do ta tự ý thuyết giảng.

“Sao gọi là tùy theo ý chúng sanh mà thuyết giảng? Như có lần trưởng giả *Bà-trá-la* đến chỗ ta nói rằng: ‘*Cồ-đàm!*

Ông có biết sự huyền hóa chăng? Nếu ông biết huyền thì ông là kẻ đại huyền; nếu ông không biết huyền thì không phải bậc *Nhất thiết trí*.’

“Ta liền hỏi: ‘Trưởng giả! Người biết được sự huyền hóa có phải là kẻ huyền hóa chăng?’

“Trưởng giả nói: ‘Đúng vậy, đúng vậy! Người biết sự huyền hóa tức là kẻ huyền hóa.’

“Ta liền hỏi: ‘Trưởng giả! Trong thành *Xá-vệ* của vua *Ba-tư-nặc* có một người *chiên-đà-la* tên là Khí Hư, ông có biết [người ấy] chăng?’

“Trưởng giả đáp: ‘*Cô-đàm*! Tôi đã biết người ấy từ lâu.’

“Ta liền nói: ‘Ông biết [người *chiên-đà-la* ấy] đã lâu, vậy ông có phải là *chiên-đà-la* chăng?’

“Trưởng giả đáp: ‘*Cô-đàm*! Tuy tôi có biết người *chiên-đà-la*, nhưng chính thân tôi đây không phải *chiên-đà-la*.’

“Phật dạy: ‘Vậy ông đã hiểu được rằng: [Người] biết *chiên-đà-la* không phải là *chiên-đà-la*. Nay vì sao ta lại không thể biết được sự huyền hóa nhưng không phải kẻ huyền hóa?’

“Trưởng giả! Ta quả thật rõ biết sự huyền hóa, rõ biết kẻ huyền hóa, biết quả báo của huyền hóa, biết phương thức kỹ xảo của huyền thuật. Ta biết sự giết hại, biết kẻ giết hại, biết quả báo của việc giết hại, biết [cách] giải thoát khỏi sự giết hại; cho đến biết cả những quan điểm sai lầm tà vạy, biết những người có quan điểm sai lầm tà vạy, biết quả báo của những quan điểm sai lầm tà vạy, biết [cách] giải thoát khỏi những quan điểm sai lầm tà

vạy. Trưởng giả! Nếu người không phải huyễn mà gọi là huyễn, người không có tà kiến mà gọi là tà kiến, ắt phải mang tội rất lớn.’

“Trưởng giả bạch rằng: ‘*Cồ-đàm!* Theo như ngài nói thì tôi đã mắc tội rất lớn, tài sản sở hữu của tôi ắt phải nộp cả lên quan trên. Mong sao ngài [giấu đi] đừng cho vua *Ba-tu-nặc* biết việc [thưa hỏi] này.’

“Phật dạy: ‘Trưởng giả! Nhân duyên tội này không phải mất hết tài sản, nhưng do tội này sẽ phải đọa vào *ba đường ác*.’

“Bấy giờ, trưởng giả vừa nghe nói đến *ba đường ác* thì kinh khiếp hoảng sợ, liền bạch Phật rằng: ‘Thánh nhân! Nay con vô ý mắc vào tội lớn, ngài là bậc *Nhất thiết trí*, ắt phải biết rõ cách để giải thoát. [Xin dạy cho biết] con phải làm sao mới thoát khỏi được những cảnh *địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh?*’

“Lúc ấy, ta vì trưởng giả ấy mà thuyết dạy *Bốn chân đế*. Nghe rồi, trưởng giả chứng đắc quả *Tu-đà-hoàn*, sanh lòng hổ thẹn, hướng Phật sám hối: ‘Con vốn thật ngu si, Phật chẳng phải kẻ huyễn hóa mà con gọi là huyễn. Từ nay con xin quy y *Tam bảo*.’ Phật dạy: ‘Lành thay! Lành thay đó, trưởng giả!’

“Như thế gọi là tùy theo ý chúng sanh mà thuyết.

“Sao gọi là vừa tự ý ta và cũng tùy theo ý chúng sanh mà thuyết?

“Như Phật có dạy: ‘Tất cả những người có trí ở thế gian nói có, ta cũng nói có; người trí nói không, ta cũng nói không. Người trí ở thế gian nói: Trong *năm món dục*

lạc có vô thường, khổ, vô ngã, nên dứt trừ đi; ta cũng nói là có, giống như họ. Người trí ở thế gian nói: Trong năm món dục lạc không thể có thường, lạc, ngã, tịnh; ta cũng nói là không, giống như họ.'

“Đó gọi là vừa tự ý ta và cũng tùy theo ý chúng sanh mà thuyết.

“Thiện nam tử! Như Phật có dạy: ‘Hàng Bồ Tát trụ ở địa vị thứ mười thấy được đôi chút tánh Phật.’ Đó gọi là tùy theo ý chúng sanh mà thuyết. Thế nào gọi là thấy được đôi chút? Bồ Tát trụ ở địa vị thứ mười đạt được các pháp tam-muội như Thủ-lăng-nghiêm..., ba ngàn pháp môn, cho nên tự mình rõ biết là chắc chắn sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nhưng lại không thấy được rằng tất cả chúng sanh chắc chắn sẽ đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì thế nên ta nói rằng: ‘Bồ Tát trụ ở địa vị thứ mười thấy được đôi chút tánh Phật.’

“Thiện nam tử! Ta thường giảng nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật.’ Đó gọi là do ta tự ý thuyết.

“[Hoặc ta có nói: ‘Phật tánh của] tất cả chúng sanh không dứt đoạn, không diệt mất, cho đến khi đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.’ Đó gọi là do ta tự ý thuyết.

“[Hoặc ta có nói:] ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, vì phiền não che lấp nên không thể thấy.’ Ta nói như vậy, ông cũng nói như vậy. Đó gọi là vừa tự ý ta và cũng tùy theo ý chúng sanh mà thuyết.

“Thiện nam tử! Có khi vì một pháp, Như Lai thuyết vô lượng pháp. Như trong kinh có nói: [Sự gần gũi] bậc thiện

tri thức là nhân của tất cả Phạm hạnh.’ *Tất cả Phạm hạnh* tuy có vô số nhân, nhưng [chỉ] nói đến [sự gần gũi] bậc thiện tri thức là bao gồm tất cả.

“Hoặc như ta có dạy: ‘Tà kiến là nhân của tất cả các hạnh xấu ác.’ Tuy tất cả các hạnh xấu ác có vô số nguyên nhân, nhưng [chỉ] nói đến tà kiến là bao gồm được tất cả.

“Hoặc ta có dạy: ‘Lòng tin là nhân của *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’ Nhân của *Bồ-đề* tuy là vô số, nhưng [chỉ] nói đến lòng tin là bao gồm được tất cả.

“Thiện nam tử! Tuy Như Lai giảng nói vô lượng các pháp, gọi đó là tánh Phật, nhưng không hề lìa khỏi *ám, nhập, giới*.

“Thiện nam tử! Đức Như Lai thuyết pháp, vì chúng sanh nên dùng đến bảy cách nói: một là nói dựa vào nguyên nhân, hai là nói dựa vào kết quả, ba là nói dựa vào cả nguyên nhân và kết quả, bốn là nói dẫn dụ, năm là nói những điều không thật [có nhưng] ứng hợp, sáu là nói những điều dùng rộng rãi trong thế tục, bảy là theo đúng ý mà nói.

“Thế nào gọi là *nói dựa vào nguyên nhân*? Đối với nhân hiện tại, nói quả trong tương lai. Như ta có dạy: ‘Thiện nam tử! Khi thấy chúng sanh ưa giết hại... cho tới ưa làm việc tà kiến,¹ nên thấy rằng đó là những chúng sanh địa ngục. Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh không ưa giết hại... cho tới không ưa tà kiến, nên thấy rằng đó là chư thiên cõi trời.’ Đó gọi là *nói dựa vào nguyên nhân*.

¹ Câu này nói tóm ý cả Mười điều ác: 1. Giết hại, 2. Trộm cắp, 3. Tà dâm, 4. Nói dối, 5. Nói lời vô nghĩa, 6. Nói hai lưỡi, dâm thọc, 7. Nói lời ác độc, 8. Tham lam, 9. Sân hận, 10. Tà kiến.

“Thế nào gọi là *nói dựa vào kết quả*? Đối với quả hiện tại, nói nhân trong quá khứ. Như trong kinh có nói: “Thiện nam tử! Nếu thấy những chúng sanh nghèo khổ, dung mạo thô xấu, không được tự do thanh thản, nên biết rằng những người ấy nhất định [đời trước đã từng] phá giới, có lòng ganh ghét đố kỵ, sân hận, không biết hổ thẹn [đối với việc xấu]. Nếu thấy những chúng sanh giàu có, nhiều tài sản, các căn đầy đủ, oai đức tự tại, nên biết rằng những người ấy nhất định [đời trước đã từng] trì giới, bố thí, tinh cần, có lòng hổ thẹn [đối với việc xấu], không ganh ghét đố kỵ, sân hận.’

“Đó gọi là *nói dựa vào kết quả*.”

“Thế nào gọi là *nói dựa vào cả nguyên nhân và kết quả*? Như trong kinh có nói: “Thiện nam tử! *Sáu nhập, xúc* là nhân của chúng sanh trong hiện tại, đó là nghiệp quả của quá khứ. Như Lai cũng nói đó là *nghiệp*. Do nhân duyên là *nghiệp* đó mà có *quả* trong đời vị lai. Đó gọi là *nói dựa vào cả nguyên nhân và kết quả*.”

“Thế nào gọi là *nói dẫn dụ*? Như nói sư tử chúa là ví dụ để chỉ thân Phật. Trong kinh lại có các ví dụ như Đại tượng vương, Đại long vương, cây *ba-ly-chất-đa-la*, núi bảy báu, biển cả, núi *Tu-di*, cõi đất, cơn mưa lớn, Thuyền sư, Đạo sư, Điều ngự trượng phu, lực sĩ, ngu vương, *bà-la-môn*, *sa-môn*, thành lớn, cây *đa-la*... Những ví dụ như vậy gọi là *nói dẫn dụ*.”

“Thế nào gọi là *nói những điều không thật [có nhưng] ứng hợp*? Như ta có nói trong kinh rằng trời và đất có thể hợp lại; sông không chảy vào biển... Hoặc như ta có vì vua *Ba-tu-nặc* mà nói việc núi lớn từ bốn phương đi đến. Hoặc

như ta vì bà *ưu-bà-di Lộc mẫu* mà nói rằng: ‘Nếu cây *sa-la* có thể thọ *Tám giới* ắt cũng sẽ được hưởng khoái lạc ở hai cõi trời, người.’ Hoặc nói: ‘Thà cho rằng hàng Bồ Tát trụ ở *địa vị thứ mười* có tâm thối chuyển, không nên bảo rằng Như Lai có nói hai lời.’ Hoặc nói: ‘Thà cho rằng hàng *Tu-đà-hoàn* đọa vào *ba nẻo ác*, không nên bảo rằng Bồ Tát trụ ở *địa vị thứ mười* có tâm thối chuyển.’ Đó gọi là *nói những điều không thật [có nhưng] ứng hợp*.

“Thế nào gọi là *nói những điều được dùng rộng rãi trong thế tục*? Như Phật có nói đến những điều như nam nữ, lớn nhỏ, đi đứng nằm ngồi, xe cộ, phòng xá, bình bát, y phục, chúng sanh, *thường, lạc, ngã, tịnh*, quân binh, rừng rú, thành ấp, tăng phường, tan hợp... Đó gọi là *nói những điều được dùng rộng rãi trong thế tục*.

“Thế nào gọi là *theo đúng ý mà nói*? Như Phật có quở trách người hủy phạm cấm giới, khiến người ấy tự trách mà [trở lại] hộ trì cấm giới. Như ta khen ngợi hàng *Tu-đà-hoàn*, khiến các phàm phu sanh khởi lòng lành; ta khen ngợi Bồ Tát vì những chúng sanh phát tâm *Bồ-đề*; ta nói các khổ não trong *ba đường ác*, vì khiến [chúng sanh] tu tập các pháp lành. Ta nói tất cả [pháp thế gian đều] như lửa dữ thiêu đốt, đó chỉ là nói tất cả các pháp *hữu vi*. [Ta nói lý] *vô ngã* cũng vậy, [đều là nói các pháp *hữu vi*]. Ta nói chúng sanh đều có tánh Phật, là vì khiến cho tất cả đều không buông thả, biếng nhác. Đó gọi là *theo đúng ý mà nói*.

“Thiện nam tử! Như Lai lại có những lời tự ý nói ra. Như nói: ‘Tánh Phật của Như Lai có hai loại: một là *có*, hai là *không*.’

“Nói *có*, đó là như: ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, *Mười lục*, *Bốn vô sở úy*, *Ba niệm xứ*, *Đại từ*, *Đại bi*, vô lượng *tam-muội* như *tam-muội Thủ-lăng-nghiêm...*, vô lượng *tam-muội* như *tam-muội Kim cang...*, vô lượng *tam-muội* như *tam-muội Phương tiện...*, vô lượng *tam-muội* như *tam-muội Ngũ trí ấn...* Như vậy gọi là *có*.

“Nói *không*, đó là như những nghiệp nhân *thiện*, *bất thiện* và *vô ký*, cùng những quả báo, phiền não, *năm ám*, *Mười hai nhân duyên* của Như Lai trong quá khứ. Như vậy gọi là *không*.

“Thiện nam tử! Như [những pháp] *có*, *không*; *thiện*, *bất thiện*; *hữu lậu*, *vô lậu*; *thế gian*, *chẳng phải thế gian*; *thánh*, *chẳng phải thánh*; *hữu vi*, *vô vi*; *thật*, *chẳng thật*; *vắng lặng*, *không vắng lặng*; *tranh chấp*, *không tranh chấp*; *thế giới*, *chẳng phải thế giới*; *phiền não*, *chẳng phải phiền não*; *chấp giữ*, *không chấp giữ*; *thọ ký*, *không thọ ký*; *hiện hữu*, *không hiện hữu*; *ba đời*, *chẳng phải ba đời*; *hợp thời*, *không hợp thời*; *thường*, *vô thường*; *ngã*, *vô ngã*; *lạc*, *vô lạc*; *tịnh*, *vô tịnh*; *sắc*, *thọ*, *tưởng*, *hành*, *thức*; *chẳng phải sắc*, *thọ*, *tưởng*, *hành*, *thức*; các *nhập bên trong*, *chẳng phải các nhập bên trong*;¹ các *nhập bên ngoài*, *chẳng phải các nhập bên ngoài*;² *Mười hai nhân duyên*, *chẳng phải Mười hai nhân duyên...*

“[Những pháp] đó gọi là hai loại *có*, *không* trong tánh Phật của Như Lai. Thậm chí hai loại *có*, *không* trong tánh Phật của hạng *nhất-xiển-đề* cũng là như vậy.

¹ Các nhập bên trong: tức nhãn nhập, nhĩ nhập... cho đến ý nhập.

² Các nhập bên ngoài: tức sắc nhập, thanh nhập... cho đến pháp nhập.

“Thiện nam tử! Tuy Phật dạy rằng tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, nhưng chúng sanh không hiểu được những điều Phật tự ý nói ra như vậy.

“Thiện nam tử! Lời nói như vậy, vị Bồ Tát thọ thân sau cùng còn chưa hiểu nổi, huống chi hàng *Nhị thừa* và các Bồ Tát khác?

“Thiện nam tử! Có lần, tại núi *Kỳ-xà-quật*, ta cùng với Bồ Tát *Di-lặc* luận bàn chân lý tương đối của thế gian. *Xá-lợi-phất* và năm trăm vị Thanh văn nghe những điều ấy mà không hiểu gì cả, huống chi là chân lý tuyệt đối xuất thế?

“Thiện nam tử! Có tánh Phật mà kẻ *nhất-xiển-đề* có, nhưng người có căn lành lại không có; hoặc có tánh Phật mà người có căn lành có, nhưng kẻ *nhất-xiển-đề* lại không có; hoặc có tánh Phật mà cả hai hạng này đều có; hoặc có tánh Phật mà cả hai hạng này đều không có.

“Thiện nam tử! Các đệ tử của ta nếu hiểu được nghĩa của bốn trường hợp ấy thì không nên cật vấn rằng: ‘Hạng *nhất-xiển-đề* nhất định có tánh Phật hay nhất định không có tánh Phật?’ Nếu nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật’, đó là lời của Như Lai tự ý nói ra. Lời của Như Lai tự ý nói ra, làm sao chúng sanh lại cứ một mực muốn hiểu thấu?

“Thiện nam tử! Như dưới sông Hằng có bảy loài chúng sanh: một là loài thường chìm sâu, hai là loài tạm nổi lên rồi lại chìm, ba là loài nổi lên rồi ở yên [trên mặt nước], bốn là loài nổi lên rồi nhìn quanh bốn phía, năm là loài

[nổi lên,] nhìn quanh rồi đi, sáu là loài đi rồi đứng lại, bảy là loài đi cả dưới nước và trên cạn.

“Loài thường chìm sâu là những cá lớn, thọ nghiệp ác lớn, thân thể nặng nề nên ở dưới sâu; vì thế thường chìm.

“Tạm nổi lên rồi lại chìm là những loài cá lớn ấy, vì thọ nghiệp ác nên thân nặng nề phải ở chỗ cạn, tạm thấy ánh sáng; nhân ánh sáng mà tạm nổi lên, nhưng vì thân thể nặng nề nên chìm trở lại.

“Nổi lên rồi ở yên [trên mặt nước] là loài cá *trì-di*, ở chỗ nước cạn, ưa thấy ánh sáng, cho nên nổi lên rồi ở yên.

“Nhìn quanh bốn phía là loài cá tích, vì tìm thức ăn mắt nhìn bốn hướng, cho nên nhìn quanh bốn phía.

“Nhìn khắp rồi đi là loài cá tích ấy, khi nhìn thấy những vật đằng xa cho rằng đó là vật có thể ăn, liền nhanh chóng đi đến, cho nên nhìn khắp rồi đi.

“Đi rồi lại đứng là loài cá ấy khi đi tới nơi và đã tìm được món ăn liền dừng lại, cho nên đi rồi lại đứng.

“Đi cả dưới nước và trên cạn là loài rùa.

“Thiện nam tử! Trong dòng sông Đại Niết-bàn vi diệu này cũng có bảy loài chúng sanh, từ loài thứ nhất thường chìm sâu cho đến loài thứ bảy khi chìm khi nổi.

“Thường chìm sâu là chỉ những người nghe được trong kinh Đại Niết-bàn này [có những điều như]: Như Lai là thường trụ, không hề biến đổi, *thường, lạc, ngã, tịnh*, không dứt bỏ tất cả mà vào Niết-bàn; tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; những kẻ *nhất-xiển-đề*, phỉ báng kinh

Phương đẳng, làm tội năm nghịch, phạm bốn trọng cấm, thầy đều sẽ thành đạo *Bồ-đề*; hàng *Tu-đà-hoàn*, *Tu-đà-hàm*, *A-na-hàm*, *A-la-hán* và Phật *Bích-chi*, thầy đều sẽ được thành tựu *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Nghe được những điều ấy rồi, [những người ấy] sanh lòng chẳng tin, liền khởi lên suy nghĩ rồi nói ra rằng: ‘Kinh điển *Niết-bàn* này là sách ngoại đạo, không phải kinh Phật.’

“Bấy giờ, những người ấy lìa xa bạn lành, không được nghe *Chánh pháp*; hoặc có khi được nghe nhưng không thể suy xét; hoặc có suy xét nhưng không suy xét pháp lành. Vì không suy xét pháp lành nên sống theo pháp ác. Người sống theo pháp ác ắt có *sáu điều*: một là xấu ác, hai là không có điều thiện, ba là pháp ô nhiễm, bốn là tăng thêm [nghiệp] hiện hữu, năm là phiền não nóng nảy, sáu là nhận chịu quả ác. Như thế gọi là chìm sâu.

“Vì sao gọi là chìm sâu? Vì không có tâm lành, thường làm việc ác, không tu tập các pháp đối trị [tâm ác] nên gọi là chìm sâu.

“Gọi là xấu ác vì [làm những việc] bị thánh nhân quở trách; vì lòng sanh lo lắng sợ sệt; vì bị người hiền lành tránh xa; vì không làm lợi ích gì cho chúng sanh. Vì thế nên gọi là xấu ác.

“Gọi là không có điều thiện vì [làm những việc] có thể sanh ra vô số quả báo xấu ác; vì thường bị vô minh vây phủ che lấp trói buộc; vì ưa thích làm bạn với kẻ xấu ác; vì không hề tu tập các phương tiện lành; vì tâm điên đảo thường sai lầm lẫn lộn. Vì thế gọi là không có điều thiện.

“Gọi là ô nhiễm pháp vì thường làm ô nhiễm thân và miệng; vì làm ô nhiễm những chúng sanh trong sạch; vì

làm tăng thêm những nghiệp *bát thiện*; vì lìa xa các pháp lành. Vì thế nên gọi là ô nhiễm pháp.

“Gọi là tăng thêm [nghiệp] hiện hữu [vì] những việc làm thuộc ba điều trên có thể làm tăng thêm [các nghiệp hiện hữu trong các cảnh giới] *địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ*; không thể tu tập giáo pháp giải thoát; ba nghiệp thân, miệng, ý không biết chán lìa mọi cảnh hiện hữu. Vì thế nên gọi là tăng thêm [nghiệp] hiện hữu.

“Gọi là phiền não nóng nảy vì làm tất cả những việc thuộc bốn điều như trên có thể khiến cho thân tâm đều sanh ra phiền não nóng nảy; lìa xa cảnh vắng lặng an tĩnh nên gọi là nóng nảy; lãnh chịu quả báo địa ngục nên gọi là nóng nảy; thiêu cháy chúng sanh nên gọi là nóng nảy; thiêu cháy các pháp lành nên gọi là nóng nảy.

“Thiện nam tử! Những người như thế không có đủ lòng tin trong sạch mát mẻ nên gọi là nóng nảy.

“Gọi là nhận chịu quả ác vì những người này đã làm đủ những việc thuộc *năm điều* vừa nói trên, sau khi chết phải đọa vào các cảnh giới *địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*.

“Thiện nam tử! Có *ba việc ác* cũng gọi là quả ác:¹ một là việc ác do phiền não, hai là việc ác do nghiệp lực,² ba là việc ác do quả báo.³

¹ Việc ác cũng gọi là quả báo ác: gọi là việc ác vì sẽ dẫn đến quả báo ác, nhưng bản thân việc ác đó vốn là quả báo của việc làm xấu ác trong quá khứ. Như người tạo nghiệp ác phải chịu quả báo phiền não; phiền não đó lại tiếp tục tạo thành nghiệp ác, dẫn đến phải nhận chịu quả báo ác trong tương lai. Vì thế nên nói đây là những “việc ác cũng gọi là quả báo ác”.

² Việc ác do nghiệp lực: như người sanh trong gia đình đồ tể, đánh cá, thợ săn... do nghiệp ấy mà tiếp tục làm việc giết hại để mưu sanh, rồi sự giết hại đó lại tiếp tục dẫn đến quả xấu ác trong tương lai.

³ Việc ác do quả báo: như người tạo nghiệp phải sanh làm thân súc sanh, như hổ, báo... lại do quả báo đó mà chỉ có một cách sống duy nhất là phải giết hại các

“Như thế gọi là nhận chịu quả báo xấu ác.

“Thiện nam tử! Những người này đã làm đủ những việc thuộc sáu điều như trên, có thể dứt mất căn lành, làm năm tội nghịch, phạm bốn trọng cấm, phỉ báng Tam bảo, lạm dụng tài vật cúng dường trực tiếp cho Tam bảo, làm mọi việc trái với Chánh pháp. Vì nhân duyên ấy, phải chìm đắm trong địa ngục A-tỳ, thọ thân hình [to lớn] ngang dọc đến tám mươi bốn ngàn do-diên! Vì nghiệp thân, khẩu, tâm của những người này rất nặng nên không thể ra khỏi [địa ngục]. Vì sao vậy? Vì tâm họ không sanh pháp lành, dù có vô lượng chư Phật ra đời, họ cũng không nghe, không thấy. Như thế gọi là thường chìm sâu, cũng như những con cá lớn dưới sông Hằng.

“Thiện nam tử! Tuy ta có nói rằng những kẻ nhất-xiển-đề thường chìm sâu, nhưng cũng có những người thường chìm sâu mà không phải nhất-xiển-đề. Đó là những người nào? Đó là những người vì [tham đắm] các cảnh giới hiện hữu mà tu tập bố thí, trì giới, làm lành. Như thế [cũng] gọi là thường chìm sâu.

“Thiện nam tử! Có bốn việc lành mang lại quả ác. Những gì là bốn? Một là vì muốn hơn người khác nên đọc tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng nên thọ trì cấm giới, ba là vì muốn kẻ khác lệ thuộc mình nên làm việc bố thí, bốn là vì [cầu được] cảnh giới Phi tướng phi phi tướng nên chú tâm suy xét.

“Đó là bốn việc lành mang lại quả báo ác. Nếu ai tu tập theo bốn việc ấy thì gọi là chìm rồi lại nổi, nổi rồi lại chìm.

loài chúng sanh khác; rồi do việc ác giết hại này lại tiếp tục phải chịu quả báo xấu ác trong tương lai.

“Vì sao gọi là chìm? Vì ưa thích *ba cảnh giới* hiện hữu.¹
Vì sao gọi là nổi? Vì thấy được ánh sáng. Ánh sáng đây là
được nghe biết các pháp *trì giới, bố thí, thiền định*. Vì sao
chìm trở lại? Vì tăng trưởng *tà kiến*, sanh lòng kiêu mạn.

“Cho nên trong kinh ta có thuyết kệ rằng:

*Nếu chúng sanh tham đắm hiện hữu,
Vì tham đắm gây mọi ác nghiệp;
Kẻ ấy lạc mất đường Niết-bàn,
Gọi là tạm thoát lại chìm đắm.*

*Lang thang trong biển tối sanh tử,
Tuy được giải thoát, nhiều phiền não;
Kẻ ấy lại chịu quả báo ác,
Gọi là tạm thoát lại chìm đắm.*

“Thiện nam tử! Như cá lớn kia, nhờ thấy ánh sáng nên
tạm ra khỏi nước; nhưng vì thân thể nặng nề phải chìm
đắm trở lại. Hai hạng người vừa nói trên² cũng giống như
vậy.

“Thiện nam tử! Lại như có người tham đắm vương mắc
trong *Ba cõi*, đó gọi là chìm sâu. Nhưng nhờ được nghe
kinh Đại *Niết-bàn* này liền sanh lòng tin, đó gọi là ra
khỏi. Do nhân duyên gì mà gọi rằng được ra khỏi? Vì nghe
kinh này rồi liền lìa xa các pháp xấu ác, tu tập pháp lành,
nên gọi là ra khỏi.

“Những người này tuy có lòng tin nhưng không đầy đủ.
Vì nhân duyên gì mà lòng tin không đầy đủ? Vì những

¹ Ba cảnh giới hiện hữu, tức Tam giới, gồm Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.
Chúng sanh do nghiệp lực nên xoay vần thọ thân trong ba cõi này. Vì thế, người
không khởi tâm chán lìa ba cảnh giới này thì không thể tu tập đạt đến giải thoát.

² Tức hai hạng người thường chìm sâu: hạng nhất-xiển-đề và không phải nhất-
xiển-đề nhưng tham đắm các cảnh giới hiện hữu.

người này tuy tin rằng Đại Bát *Niết-bàn* là *thường, lạc, ngã, tịnh*, nhưng lại nói rằng thân Như Lai là *vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh*; rằng Như Lai có hai loại *Niết-bàn*, một là hữu vi, hai là vô vi; *Niết-bàn* hữu vi là *vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh*; *Niết-bàn* vô vi là *thường, lạc, ngã, tịnh*. Những người này tuy tin rằng chúng sanh có tánh Phật, nhưng lại cho rằng không phải tất cả chúng sanh đều có. Vì thế nên gọi là lòng tin không đầy đủ.

“Thiện nam tử! Lòng tin có hai phần, một là tin tưởng, hai là tìm cầu. Những người này tuy có tin mà không nỗ lực tìm cầu. Vì thế nên gọi là lòng tin không đầy đủ.

“Lòng tin lại có hai loại, một là do nghe rồi tin, hai là do suy xét rồi tin. Lòng tin của những người này do nghe mà sanh ra chứ không do suy xét mà sanh ra. Vì thế nên gọi là lòng tin không đầy đủ.

“Lòng tin lại có hai phần, một là tin có *Chánh đạo*, hai là tin có người đạt được *Chánh đạo*. Những người này chỉ tin có *Chánh đạo* mà không tin có người đạt được *Chánh đạo*. Vì thế nên gọi là lòng tin không đầy đủ.

“Lòng tin lại có hai loại, một là *chân chánh*, hai là *tà vạy*. Nói rằng có nhân quả, có *Phật, Pháp, Tăng*; đó gọi là *tin chân chánh*. Nói rằng không có nhân quả, rằng tánh của *Tam bảo* là khác nhau; tin theo những lời *tà vạy*, những kẻ như [ngoại đạo] *Phú-lan-na...*; đó gọi là *tin tà vạy*. Tuy những người này tin vào *Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo*, nhưng không tin rằng *Tam bảo* đồng một tánh tướng; tuy tin vào nhân quả, nhưng không tin có người nhận lãnh [quả báo]. Vì thế nên gọi là lòng tin không đầy đủ.

“Những người này đã không có lòng tin đầy đủ, lại thọ trì giới cấm cũng không đầy đủ. Vì nhân duyên gì gọi là giới cấm không đầy đủ? Do nhân không đầy đủ nên chỗ nhận được giới cấm cũng không đầy đủ.

“Lại do nhân duyên gì gọi là giới cấm không đầy đủ? Giới có hai loại, một là *giới oai nghi [hình thức]*, hai là *giới [chân thật] vâng làm*.¹ Những người này tuy có giới đầy đủ các oai nghi, nhưng không có giới là sự vâng làm theo giới luật. Vì thế nên gọi là giới không đầy đủ.

“Lại nữa, giới có hai loại, một là *giới tạo tác*, hai là *giới không tạo tác*. Những người này tuy có đủ *giới tạo tác* nhưng không có đủ *giới không tạo tác*. Vì thế nên gọi là giới không đầy đủ.

“Giới lại có hai loại, một là do nơi thân, miệng mà đạt được *Chánh mạng*;² hai là do nơi thân, miệng mà không đạt được *Chánh mạng*. Những người này do nơi thân, miệng không đạt được *Chánh mạng*, vì thế nên gọi là giới không đầy đủ.

“Lại nữa, giới có hai loại, một là *giới tìm cầu*, hai là *giới buông xả*.³ Những người này tuy có đủ những *giới tìm*

¹ Nguyên bản dùng “oai nghi giới” và “tùng giới giới”. Từ điển Phật Quang giải thích về hai danh xưng này như sau: 威儀戒，雖受戒，唯外現威儀，但為名利，欲受人尊敬。從戒戒，順從佛制，清淨三業，內外相稱，如實受持戒行。（Oai nghi giới, tuy thọ giới, tuy ngoại hiện oai nghi, dẫn vị danh lợi, dục thọ nhân tôn kính. Tùng giới giới, thuận tùng Phật chế, thanh tịnh tam nghiệp, nội ngoại tương xứng, như thật thọ trì giới hạnh. – *Giới oai nghi, tuy thọ giới, bên ngoài hiện tướng oai nghi, chỉ là vì danh lợi, muốn được người khác tôn kính. Giới vâng làm, thuận theo lời Phật dạy, làm thanh tịnh ba nghiệp, trong ngoài đều tương xứng, thọ trì giới hạnh đúng thật.*)

² Chánh mạng: một trong Tám chánh đạo. Chánh mạng là sanh sống bằng nghề nghiệp chân chánh, không làm tổn hại đến người khác.

³ Giới tìm cầu: đây chỉ sự mong cầu quả báo tốt đẹp trong Ba cõi, do động lực này mà trì giới; giới buông xả, tức buông xả sự hiện hữu trong Ba cõi, dựa trên sự buông xả này mà trì giới.

câu, nhưng không đạt được *giới buông xả*, vì thế nên gọi là giới không đầy đủ.

“Lại nữa, giới có hai loại, một là hướng theo các cảnh giới hiện hữu, hai là hướng theo *Chánh đạo*. Những người này tuy có đủ giới hướng theo các cảnh giới hiện hữu, nhưng không đầy đủ việc hướng theo *Chánh đạo*. Vì thế nên gọi là giới không đầy đủ.

“Giới lại có hai loại, một là giới hiền thiện, hai là giới xấu ác. Thân, miệng và ý đều hiền thiện, đó gọi là giới hiền thiện. Các giới [tà vạy] như giới trâu, giới chó... đó gọi là giới xấu ác. Những người này tin chắc rằng hai loại giới ấy đều có quả lành. Vì thế nên gọi là giới không đầy đủ.

“Những người này đã không có đủ hai điều là lòng tin và giới luật, chỗ tu tập nghe nhiều của họ cũng không đầy đủ.

“Thế nào gọi là nghe không đầy đủ?

“Trong *Mười hai bộ kinh* mà Như Lai đã thuyết, chỉ tin vào sáu bộ, còn không tin sáu bộ, vì thế nên gọi là nghe không đầy đủ.

“Tuy thọ trì được sáu bộ kinh nhưng không thể tụng đọc, vì người khác giảng nói, nên không được lợi ích gì cả. Vì thế nên gọi là nghe không đầy đủ.

“Lại nữa, tuy đã có thọ nhận sáu bộ kinh, nhưng chỉ vì sự tranh luận, vì muốn vượt hơn người khác, vì muốn được lợi dưỡng, vì [tham đắm] các cảnh giới hiện hữu nên mới giữ gìn, tụng đọc, giảng nói. Vì thế nên gọi là nghe không đầy đủ.

“Thiện nam tử! Trong kinh, ta có nói về việc tu tập *đa văn* đầy đủ. Sao là đầy đủ? Như có vị *tỳ-kheo* thân, miệng, ý hiện thiện, trước hết thường cúng dường các vị hòa thượng, các bậc thầy, những vị có đức độ. Các bậc thầy ấy liền sanh lòng thương tưởng đến *tỳ-kheo* ấy. Do nhân duyên này, các ngài liền truyền dạy kinh điển, giáo pháp. Vị *tỳ-kheo* ấy hết lòng thọ trì, tụng đọc, làm theo. Sau khi thọ trì, tụng đọc, làm theo liền đạt được trí tuệ. Đạt được trí tuệ rồi, thường khéo suy xét, sống theo *Chánh pháp*. Nhờ khéo suy xét nên đạt được nghĩa lý chân chánh. Đạt được nghĩa lý chân chánh rồi, thân tâm trở nên vắng lặng, an tĩnh. Thân tâm vắng lặng, an tĩnh rồi, liền sanh lòng hoan hỷ. Do nhân duyên hoan hỷ, tâm đạt được sự định tĩnh. Nhân nơi tâm an định liền đạt được sự thấy biết chân chánh. Được sự thấy biết chân chánh rồi, liền sanh lòng nhàm chán đối với các cảnh giới hiện hữu. Nhờ nhàm chán các cảnh giới hiện hữu nên đạt được giải thoát.

“Nhưng những người này không hề có được những việc như vậy. Vì thế nên gọi là nghe không đầy đủ.

“Những người này không có đủ *lòng tin, trì giới, đa văn*, lại cũng không đầy đủ hạnh *bố thí*.

“Bố thí có hai loại, một là bố thí tài vật, hai là bố thí *Chánh pháp*. Tuy những người này bố thí tài vật, nhưng là vì mong cầu [những điều trong] các cảnh giới hiện hữu. Tuy bố thí *Chánh pháp* nhưng cũng không đầy đủ. Vì sao vậy? Vì che giấu không nói ra hết, sợ kẻ khác hơn mình. Vì thế nên gọi là bố thí không đầy đủ.

“Trong hai cách bố thí tài vật và *Chánh pháp*, mỗi cách lại có hai loại, một là theo cách như bậc thánh, hai là không phải [như bậc] thánh. Bậc thánh bố thí tài vật rồi thì không cầu quả báo. Không phải bậc thánh thì bố thí rồi ắt mong cầu được quả báo. Bậc thánh bố thí *Chánh pháp* vì muốn tăng trưởng pháp. Không phải bậc thánh thì bố thí *Chánh pháp* vì muốn tăng thêm [nghiệp trong] các cảnh giới hiện hữu.

“Những người này vì muốn được thêm tài vật nên làm việc bố thí tài vật; vì muốn tăng thêm [nghiệp trong] các cảnh giới hiện hữu nên làm việc bố thí *Chánh pháp*. Vì thế nên gọi là bố thí không đầy đủ.

“Lại nữa, những người này đã thọ nhận sáu bộ kinh, khi gặp người thọ pháp thì cung cấp cho, gặp người không thọ pháp thì không cung cấp. Vì thế nên gọi là bố thí không đầy đủ.

“Những người này không có đủ *lòng tin, trì giới, đa văn, bố thí*, mà chỗ tu tập *trí tuệ* cũng không đầy đủ.

“Tánh của trí tuệ là có khả năng phân biệt. Những người này không có khả năng phân biệt Như Lai là *thường* hay *vô thường*.

“Trong kinh *Niết-bàn* này, Như Lai dạy rằng: ‘Như Lai tức giải thoát; giải thoát tức Như Lai. Như Lai tức *Niết-bàn*; *Niết-bàn* tức giải thoát.’ Đối với các nghĩa ấy, những người này không thể phân biệt.

“[Hoặc nói:] ‘Phạm hạnh tức Như Lai; Như Lai tức *từ, bi, hỷ, xả*; *từ, bi, hỷ, xả* tức giải thoát; giải thoát tức *Niết-bàn*; *Niết-bàn* tức *từ, bi, hỷ, xả*.’ Đối với các nghĩa ấy,

những người này cũng không thể phân biệt. Vì thế nên gọi là trí tuệ không đầy đủ.

“Lại nữa, những người này không thể phân biệt tánh Phật. Tánh Phật tức Như Lai; Như Lai tức pháp không chung đồng với hết thảy các pháp; pháp không chung đồng với hết thảy các pháp tức là giải thoát; giải thoát tức là *Niết-bàn*; *Niết-bàn* tức là pháp không chung đồng với hết thảy các pháp. Đối với các nghĩa ấy, những người này không thể phân biệt. Vì thế nên gọi là trí tuệ không đầy đủ.

“Lại nữa, những người này không thể phân biệt *Bốn chân đế: khổ, tập, diệt, đạo*. Vì không phân biệt được *Bốn chân đế* nên không hiểu rõ *Thánh hạnh*. Vì không hiểu rõ *Thánh hạnh* nên không rõ biết Như Lai. Vì không rõ biết Như Lai nên không rõ biết giải thoát. Vì không rõ biết giải thoát nên không rõ biết *Niết-bàn*. Vì thế nên gọi là trí tuệ không đầy đủ.

“Trong số những người không đầy đủ lòng tin, trì giới, đa văn, bố thí và trí tuệ, lại chia làm hai hạng: một là những người tăng trưởng pháp xấu ác, hai là những người tăng trưởng pháp lành.

“Thế nào là [những người] tăng trưởng pháp xấu ác? Những người này không tự biết là mình không đầy đủ, luôn tự cho mình là đầy đủ, bèn sanh lòng vướng mắc, đối với bạn hữu đồng tu thường tự cho mình là hơn hết. Vì vậy nên chỉ gần gũi những bạn xấu ác giống như mình. Vì gần gũi bạn xấu nên chỉ nghe được những pháp không đầy đủ. Nghe rồi lại sanh lòng vui vẻ, tâm bị ô nhiễm, vướng mắc, khởi sanh kiêu mạn, thường buông thả, phóng túng và

lười nhác. Vì buông thả phóng túng nên thường gần gũi với người tại gia thế tục, lại ưa thích nghe những chuyện của người thế tục, lia xa pháp xuất gia thanh tịnh.

“Do những nhân duyên ấy nên pháp xấu ác tăng trưởng. Vì pháp xấu ác tăng trưởng nên thân, miệng, ý cùng sanh khởi những nghiệp *bất tịnh*. Vì ba nghiệp thân, miệng, ý *bất tịnh* nên làm tăng trưởng [nghiệp dẫn đến các cảnh giới] *địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ*.”

“Như thế gọi là tạm nổi lên rồi lại chìm xuống.

“Những ai trong giáo pháp của ta thuộc hạng tạm nổi lên rồi lại chìm xuống? Đó là như: *Đê-bà-đạt-đa*, các *tỳ-kheo Cù-già-ly*,¹ *Uyển-thủ*, *Thiện Tinh*, *Tri-xá*, *Mãn Túc*, các *tỳ-kheo ni* Từ Địa, Khoáng Dã, Phương, Mạn, cùng với trưởng giả Tịnh Khiết, *ưu-bà-tắc* Cầu Hữu, ông *Xá-lặc* trong dòng họ Thích, trưởng giả Tượng, các *ưu-bà-di* Danh Xung, Quang Minh, *Nan-đà*, Quân, Linh... Những người như thế gọi là tạm nổi lên rồi chìm xuống.

“Họ ví như con cá lớn kia, thấy ánh sáng liền nổi lên khỏi nước, nhưng vì thân thể nặng nề nên chìm sâu trở lại.

“Hạng người thứ hai là tăng trưởng pháp lành, luôn tự rõ biết kiến giải, công hạnh của mình chưa đầy đủ. Vì chưa đầy đủ nên luôn tìm cầu gần gũi bạn lành. Nhờ gần gũi bạn lành nên ưa thích được nghe những điều chưa nghe. Nghe rồi vui thích thọ nhận. Thọ nhận rồi vui thích suy xét kỹ. Suy xét kỹ rồi liền sống theo đúng *Chánh pháp*.”

¹ Tên vị tỳ-kheo này được phiên âm từ Phạn ngữ là *Kokālika*, cũng đọc là Câu-già-lợi, là đệ tử di theo Đê-bà-đạt-đa.

Nhờ sống theo đúng *Chánh pháp* nên tăng trưởng pháp lành. Nhờ tăng trưởng pháp lành nên không bị chìm trở lại. Như thế gọi là [nổi lên] rồi ở yên [trên mặt nước].

“Những ai trong giáo pháp của ta thuộc về hạng này? Đó là như: *Xá-lợi-phất*, *Đại Mục-kiền-liên*, nhóm ông *A-nhã Kiều-trần-như* có năm *tỳ-kheo*, nhóm ông *Da-xá* có năm mươi *tỳ-kheo*, *Đồng tử A-nậu-lâu-đà*, *Ca-diếp*, *Ma-ha Ca-diếp*, *Thập Lực Ca-diếp*, các *tỳ-kheo* ni *Sáu Cù-đàm-di*, *Ba-trá-la-hoa*, *Thắng*, *Thật Nghĩa*, *Hải Ý*, *Bạt-đà*, *Tịnh*, *Bát Thối Chuyển*... vua *Tần-bà-sa-la*, các trưởng giả *Úc-già*, *Tu-đạt-đa*, *Thích Ma-ha-nam*, *Bần Tu-đạt-đa* *Thử Lang*, *Danh Xung*, *Cụ Túc*, *Ưu-ba-ly*, *Đao*, cùng với tướng quân *Sư Tử*, các *ưu-bà-di* *Vô Úy*, *Thiện Trụ*, *Ái Pháp*, *Dũng Kiện*, *Thiên Đắc*, *Thiện Sanh*, *Cụ Thân*, *Ngưu Đắc*, *Khoáng Dã*, *Ma-ha-tư-na*. Những *tỳ-kheo*, *tỳ-kheo* ni, *ưu-bà-tắc*, *ưu-bà-di* như thế gọi là [nổi lên rồi] ở yên.

“Thế nào là ở yên? Vì thường ưa thích nhìn ánh sáng lành. Do nhân duyên ấy, cho dù có gặp Phật ra đời hay

không thì những người này cũng không bao giờ làm các nghiệp ác. Đó gọi là ở yên. Cũng như loài cá *tri-di* ưa nhìn ánh sáng nên không chìm đắm. Những người này cũng vậy. Cho nên trong kinh ta có thuyết kệ rằng:

*“Nếu ai khéo biết phân biệt nghĩa,
Chỉ tâm cầu được quả sa-môn;
Chê chán mọi cảnh giới hiện hữu,
Vị ấy gọi là sống đúng pháp.*

*Nếu ai cúng dường vô số Phật,
Sẽ được nhiều kiếp tu Thánh đạo;
Hưởng vui thế tục, không buông thả,
Vị ấy gọi là sống đúng pháp.*

*Gần gũi bạn lành nghe Chánh pháp,
Suy xét nội tâm, sống đúng pháp.
Thích nhìn chỗ sáng, tu tập đạo,
Đạt được giải thoát, sống an ổn.”*

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

HẾT QUYỂN BA MƯƠI LĂM

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

QUYỂN BA MƯƠI SÁU

PHẨM BỒ TÁT CA-DIỆP

Phẩm thứ mười hai – Phần bốn¹

Thiện nam tử! Trí tuệ không đầy đủ thường có năm điều. Người này đã biết vậy, liền tìm cầu gần gũi những bạn tốt hiền thiện. Người bạn tốt hiền thiện ấy sẽ quán sát những sự tham dục, sân khuể, ngu si, nhiều lo nghĩ hay vương chấp bản ngã của người này.

“Trong năm điều ấy, [phải xét xem] người này có khuynh hướng nghiêng về điều gì nhiều nhất? Nếu biết người này có nhiều tham dục, người bạn hiền ấy liền giảng cho nghe về pháp quán *bất tịnh*. Nếu có nhiều sân khuể, người bạn hiền ấy sẽ thuyết dạy pháp *từ bi*. Nếu có nhiều lo nghĩ lăng xăng, người bạn hiền ấy sẽ dạy pháp quán *đếm hơi thở*. Nếu vương chấp [nhiều nơi] *bản ngã*, bạn hiền ấy sẽ phân tích cho nghe những pháp như *Mười tám giới*...²

“Người này được nghe [những điều từ bạn hiền] rồi liền hết lòng thọ trì. Hết lòng thọ trì rồi liền theo đúng pháp mà tu hành. Tu hành đúng pháp rồi, lần lượt đạt được các

¹ Theo Nam bản thì từ đây bắt đầu quyển 33, phẩm Bồ Tát Ca-diếp thứ 24, phần thứ ba (Ca-diếp Bồ Tát phẩm đệ nhị thập tứ chi tam).

² Mười tám giới (Thập bát giới): gồm sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) trong cơ thể, gọi là nội giới; sáu trần (hình sắc, âm thanh, mùi hương, vị nếm, sự xúc chạm, các pháp) bên ngoài, gọi là ngoại giới; sáu thức (nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức) ở giữa giúp sáu căn nhận biết sáu trần, gọi là trung giới.

phép quán *Tứ niệm xứ: thân, thọ, tâm, pháp*. Đạt được các phép quán ấy rồi, lại lần lượt quán xét *Mười hai nhân duyên*. Quán như vậy rồi, tiếp đó đạt được *Noãn pháp*.¹

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Tất cả chúng sanh đều có *Noãn pháp*. Vì sao vậy? [Vì *noãn* là hơi ấm,] theo lời Phật dạy thì có ba pháp hòa hợp gọi là chúng sanh, một là *tuổi thọ*, hai là *hơi ấm*, ba là *thần thức*. Nếu theo nghĩa ấy thì tất cả chúng sanh lẽ ra trước đã sẵn có *hơi ấm*, [tức là *noãn pháp*]. Vì sao Như Lai nói rằng nhờ [nhân duyên] bạn tốt hiền thiện mới sanh ra *Noãn pháp*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Theo như câu hỏi của ông thì tất cả chúng sanh, thậm chí hạng *nhất-xiển-đề*, đều có *Noãn pháp*. Nhưng *Noãn pháp* mà ta giảng nói hôm nay trước phải nhân nơi phương tiện, sau mới có được, cho nên trước vốn không, sau mới có. Vì nghĩa ấy nên không phải tất cả chúng sanh đều sẵn có từ trước. Do đó, ông không nên cật vấn rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều có *Noãn pháp*.’

“Thiện nam tử! *Noãn pháp* [ta dạy đó] là pháp ở *Sắc giới*, không có ở *Dục giới*. Nếu nói rằng tất cả chúng sanh đều có, thì chúng sanh *Dục giới* lẽ ra cũng có. Nhưng vì chúng sanh *Dục giới* không có *Noãn pháp*, nên biết rằng không phải tất cả chúng sanh đều có.

“Thiện nam tử! *Sắc giới* tuy có *Noãn pháp* nhưng cũng không phải tất cả [chúng sanh cõi ấy] đều có. Vì sao vậy?

¹ *Noãn pháp (uṣmagata)*: Địa vị đầu tiên trong bốn thiện căn, tương đương với ngôi vị thứ nhất trong Tứ gia hành (Noãn gia hành). Hành giả khi đạt được pháp này bắt đầu có khả năng trừ diệt các kiến giải mê lầm, như Thánh trí thiêu đốt mọi tà kiến. Như lửa trước khi bốc cháy bắt đầu có hơi nóng, địa vị tu tập này bắt đầu có được hơi nóng của Thánh trí nên gọi là *Noãn pháp*.

Chỉ đệ tử Phật mới có *Noãn pháp*, ngoại đạo không có. Vì nghĩa ấy, không phải tất cả chúng sanh đều có *Noãn pháp*.

“Thiện nam tử! Tất cả ngoại đạo chỉ theo pháp quán *sáu hạnh*,¹ đệ tử Phật quán đủ *mười sáu hạnh*.² Mười sáu hạnh ấy không phải tất cả chúng sanh đều có.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Gọi là *Noãn pháp* đó, [*noãn* là *nóng ấm*,] vì sao gọi là *nóng ấm*? Vì tự tánh *nóng ấm* hay do [tác động] bên ngoài mà *nóng ấm*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Noãn pháp* này tự tánh là *nóng ấm*, không phải do [tác động] bên ngoài mà *nóng ấm*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch: “Thế Tôn! Trước đây Như Lai có nói rằng *Mã Sư* và *Mãn Túc*³ không có *Noãn pháp*. Tại

¹ Pháp quán sáu hạnh (Lục hạnh quán): pháp quán của trí hữu lậu dùng để đoạn trừ mê lầm. Theo phép quán này, Ba cõi có chín phần (cửu địa), được phân thành Hạ địa và Thượng địa. Hành giả quán những phần thuộc về Hạ địa là thô xấu, khổ não, chướng ngại nên sanh lòng chán lìa (yếm); quán những phần thuộc về Thượng địa là an tịnh, mẫu nhiệm, xa lìa, từ đó sanh lòng vui thích, ham muốn (hân). Do năng lực của sự chán lìa và vui thích được khởi lên trong phép quán này mà lần lượt dứt trừ được các mối mê lầm thuộc về Hạ địa. Vì thế cũng gọi phép quán này là yếm hân quán (厭欣觀).

² Mười sáu hạnh (Thập lục hạnh): còn có các tên gọi khác như Thập lục hạnh quán (十六行觀), Thập lục hạnh tướng quán (十六行相觀), Thập lục thánh hạnh (十六聖行), Thập lục đế (十六諦), Tứ đế thập lục hạnh tướng (四諦十六行相). Hành giả khi tu tập quán xét Tứ đế thấy được mỗi chân đế đều có bốn hình tướng khác nhau, tổng cộng là 16 tướng. Nhờ quán xét rõ ràng 16 tướng này mà dứt trừ được mọi mối mê lầm, đạt được giải thoát. Cụ thể, theo Câu-xá luận quyển 26 thì Khổ đế có 4 tướng: một là vô thường (*anitya*), hai là khổ (*duḥkha*), ba là không (*sūnya*), bốn là vô ngã (*anātman*); Tập đế có 4 tướng: một là nhân (*hetu*), hai là tập (*samudaya*), ba là sanh (*prabhava*), bốn là duyên (*pratya*); Diệt đế có 4 tướng: một là diệt (*nirodha*), hai là tĩnh (*sānta*), ba là diệu (*pranīta*), bốn là ly (*nihsaraṇa*); Đạo đế có 4 tướng: một là đạo (*mārga*), hai là như (*nyāya*), ba là hạnh (*pratipad*), bốn là xuất (*nairyāṇika*).

³ Mã Sư (tức Mã Túc - 馬宿) và Mãn Túc (滿宿): là hai vị tỳ-kheo đứng đầu trong Lục quần tỳ-kheo. Nhóm sáu tỳ-kheo này thường làm nhiều việc sai trái, quấy nhiễu Phật pháp, phạm vào cấm giới.

sao vậy? Vì đối với *Tam bảo* không có lòng tin nên không đạt được *Noãn pháp*. Như vậy có thể biết rằng lòng tin chính là *Noãn pháp*.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Lòng tin không phải là *Noãn pháp*. Vì sao vậy? Vì [điều đó chỉ có nghĩa là] nhân nơi lòng tin mà đạt được *Noãn pháp*.”

“Thiện nam tử! *Noãn pháp* tức là *trí tuệ*. Vì sao vậy? Vì quán xét *Bốn chân đế*, cho nên gọi là *Mười sáu hạnh*. *Hạnh* đó chính là *trí tuệ*.”

“Thiện nam tử! Như lời ông vừa hỏi: Do nhân duyên gì mà gọi là *nóng ấm*? Thiện nam tử! *Noãn pháp* đó tức là tướng lửa của *Tám Thánh đạo*, cho nên gọi là *nóng ấm*.”

“Thiện nam tử! Ví như khi cọ xát để lấy lửa, trước hết phải có hơi nóng, kế đó mới sanh ra lửa, sau hết thì bốc khói. *Thánh đạo vô lậu* cũng giống như vậy. *Hơi nóng* đó tức là *Mười sáu hạnh*, *lửa* tức là thánh quả *Tu-đà-hoàn*, *khói* tức là việc tu *Chánh đạo* dứt trừ phiền não trói buộc.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! *Noãn pháp* như vậy cũng là pháp hiện hữu, cũng là [pháp] *hữu vi*. [Vi] pháp này được quả báo là *năm ấm ở Sắc giới*, nên gọi là hiện hữu. [Do] nhân duyên [mà được] nên gọi là *hữu vi*. Nếu là [pháp] *hữu vi*, sao có thể là tướng của đạo *vô lậu*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đúng vậy, đúng vậy! Quả đúng như lời ông nói. Nhưng *Noãn pháp* ấy tuy là pháp *hữu vi*, là pháp *hiện hữu*, nhưng có thể ngược lại phá trừ các pháp *hữu vi*, các pháp *hiện hữu*, vì thế vẫn có thể là tướng của đạo *vô lậu*.”

“Thiện nam tử! Như người cưỡi ngựa, tuy yêu mến ngựa nhưng cũng quất đánh ngựa. Tâm *noãn* cũng thế, vì có yêu mến tham ái nên phải *thọ sanh*, nhưng có sự chán lìa nên [tu tập] *quán hạnh*. Vì thế, tuy là pháp *hiện hữu*, pháp *hữu vi* nhưng cũng có thể là tướng của *Chánh đạo*.

“Những chúng sanh đạt được *Noãn pháp* có bảy mươi ba hạng. *Dục giới* có mười hạng, là những người có đủ tất cả phiền não, từ dứt trừ một phần cho đến chín phần [trong mười phần] phiền não. Cũng như *Dục giới*, từ cõi *Sơ thiên* cho tới cõi *Vô sở hữu xứ* đều là như vậy. Đó gọi là bảy mươi ba hạng [chúng sanh đạt được *Noãn pháp*].

“Những người đạt được *Noãn pháp* rồi thì không còn dứt mất căn lành, không làm *năm tội nghịch*, không phạm *bốn giới cấm nặng*. Những người như vậy lại có hai hạng: một là gặp được bạn tốt hiền thiện, hai là gặp phải bạn xấu ác. Những người gặp bạn xấu ác thì *tạm nổi lên rồi lại chìm xuống*; những người gặp được bạn tốt hiền thiện thì [*nổi lên rồi*] *nhìn quanh bốn phía*.

“Nhìn quanh bốn phía tức là [đạt được] *Đỉnh pháp*. Pháp này tuy tánh [của nó] là *năm ám* nhưng cũng duyên với *Bốn chân đế*. Cho nên gọi là *nhìn quanh bốn phía*.

“Đạt được *Đỉnh pháp* rồi, tiếp đó đạt được *Nhẫn pháp*. Pháp *nhẫn* này cũng vậy, tánh [của nó] cũng là *năm ám*, cũng duyên với *Bốn chân đế*.

“Tiếp đó đạt được *Thế đệ nhất pháp*. Tánh của pháp này cũng là *năm ám*, cũng duyên với *Bốn chân đế*.

“Tiếp đó nữa là đạt được *Khổ pháp nhẫn*. Tánh của pháp *nhẫn* này là *trí tuệ*, duyên với một *chân đế*. Pháp

nhân này duyên với một *chân đế* rồi, cho tới thấy biết dứt trừ phiền não, chứng đắc quả *Tu-đà-hoàn*. Đó gọi là hạng chúng sanh thứ tư,¹ nhìn quanh bốn phía. Bốn phía đó tức là *Bốn chân đế*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Trước đây Phật có dạy: ‘Chỗ phiền não đã dứt trừ của hàng *Tu-đà-hoàn* ví như vùng nước ngang dọc đến bốn mươi dặm, mà phiền não còn sót lại chỉ như giọt nước trên đầu sợi lông. Trong [đoạn này] sao lại nói rằng dứt trừ ba thứ phiền não trói buộc gọi là *Tu-đà-hoàn*? Ba thứ phiền não trói buộc ấy là: *kiến chấp về bản ngã, nhận biết sai lầm về nguyên nhân và tồn tại nhiều nghi vấn*.²

“Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà gọi là *Tu-đà-hoàn* nhìn quanh bốn phía? Lại do nhân duyên gì gọi là *Tu-đà-hoàn*? Lại do nhân duyên gì mà ví hàng *Tu-đà-hoàn* với loài cá tích?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Hàng *Tu-đà-hoàn* tuy có thể dứt trừ vô lượng phiền não, nhưng [nói như vậy là] vì ba thứ phiền não nói trên nặng nề nhất, bao gồm được tất cả những phiền não mà vị *Tu-đà-hoàn* đã dứt trừ.

“Thiện nam tử! Ví như một vị vua ra đi tuần du, tuy có nhiều quân binh rầm rộ nhưng người đời chỉ nói: ‘*Vua đến, vua đi*.’ Vì người đời xem vua là quan trọng nhất. Ba phiền não kia cũng vậy, [là nặng nề quan trọng nhất trong tất cả các phiền não]. Do nhân duyên gì mà gọi là nặng nề quan trọng? Vì tất cả chúng sanh thường khởi

¹ Hạng chúng sanh thứ tư: xem lại ví dụ về bảy loài chúng sanh dưới sông Hằng ở quyển trước. Xem lại từ trang 509 của Tập này.

² Ba thứ phiền não này tức là: *ngã kiến, phi nhân kiến nhân và nghi vọng*.

sinh [những phiền não này] và vì [chúng] rất khó nhận biết nên gọi là nặng nề quan trọng.

“[Lại cũng] vì ba thứ phiền não này rất khó dứt trừ; vì chúng có thể làm nhân cho tất cả phiền não; vì chúng là oán thù đối địch của ba pháp đối trị: *giới, định, tuệ*, [cho nên gọi là nặng nề quan trọng].

“Thiện nam tử! Có những chúng sanh khi nghe vị *Tu-đà-hoàn* có thể dứt trừ vô lượng phiền não như vậy liền sanh lòng thối chuyển, nói rằng: ‘Làm sao chúng ta có thể dứt trừ nổi vô lượng phiền não như vậy?’ Vì thế, Như Lai dùng phương tiện chỉ nói đến ba [thứ phiền não].

“Như lời ông vừa hỏi: ‘Do nhân duyên gì mà ví hàng *Tu-đà-hoàn* với chúng sanh nhìn quanh bốn hướng?’ Hàng *Tu-đà-hoàn* quán *Bốn chân đế* đạt được bốn điều: một là trụ vững kiên cố trong Chánh đạo, hai là có thể quan sát khắp cả, ba là có thể thấy biết đúng thật, bốn là có thể làm tiêu tan mỗi oán lớn.

“Trụ vững kiên cố trong *Chánh đạo*, đó là *năm căn* của hàng *Tu-đà-hoàn* không động chuyển. Cho nên gọi là trụ vững kiên cố trong *Chánh đạo*.

“Có thể quan sát khắp cả, đó là có thể chê chán quở trách phiền não cả bên trong và bên ngoài.

“Thấy biết đúng thật, đó là [đạt được] *Nhẫn trí*.¹

“Làm tiêu tan mỗi oán lớn, là nói [dứt trừ được] *bốn sự điên đảo*.²

¹ Nhẫn trí: mức độ tu chứng đạt được cả nhẫn và trí. Theo Đại thừa thì nhẫn và trí chỉ là một đức, khởi tu quán pháp gọi là nhẫn, quán xét thành tựu gọi là trí.

² Bốn sự điên đảo: bốn nhận thức sai lầm, trái ngược của người thế tục, vô thường cho là thường, khổ cho là vui, bất tịnh cho là tịnh và vô ngã cho là hữu ngã.

“Như lời ông vừa hỏi: ‘Do nhân duyên gì mà gọi là *Tu-đà-hoàn*?’¹

“Thiện nam tử! Chữ *tu* [trong *Tu-đà-hoàn*] có nghĩa là *vô lậu*; *đà-hoàn* nghĩa là *tu tập*. Vì *tu tập pháp vô lậu* nên gọi là *Tu-đà-hoàn*.

“Thiện nam tử! Lại nữa, *tu* nghĩa là *dòng chảy*. Có hai thứ dòng chảy, một là thuận dòng, hai là nghịch dòng. Vì ngược dòng chảy nên gọi là *Tu-đà-hoàn*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu là theo nghĩa *ngược dòng* thì do nhân duyên gì mà hàng *Tu-đà-hàm*, *A-na-hàm*, *A-la-hán* không gọi là *Tu-đà-hoàn*?”²

Phật dạy: “Thiện nam tử! Từ hàng *Tu-đà-hoàn* cho đến chư Phật cũng đều có thể gọi là *Tu-đà-hoàn*. Nếu *Tu-đà-hàm* cho đến chư Phật không có [quả vị] *Tu-đà-hoàn*, sao có thể gọi là *Tu-đà-hàm*... cho đến chư Phật?

“Tên gọi của tất cả chúng sanh có hai loại, một là tên cũ, hai là tên mới. Khi còn là phàm phu có tên gọi của thế tục, sau khi chứng đạo rồi mới [theo quả vị] lập thành danh xưng, gọi là *Tu-đà-hoàn*.

“Do sự chứng đạo trước tiên nên gọi là *Tu-đà-hoàn*; do sự chứng đạo sau đó nên gọi là *Tu-đà-hàm*. Vị này gọi là *Tu-đà-hoàn* và cũng gọi là *Tu-đà-hàm*. Cho đến chư Phật cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! Gọi là *dòng* đó, có hai loại: một là *giải thoát*, hai là *Niết-bàn*. Tất cả thánh nhân đều có đủ hai

¹ *Tu-đà-hoàn* (*Srota-āpanna*): quả vị đầu tiên trong Bốn thánh quả của hàng Thanh văn, dịch nghĩa là Nhập lưu (入流), Chí lưu (至流) hay Nghịch lưu (逆流); các nhà Tân dịch về sau dịch là Dự lưu (預流).

² Bồ Tát *Ca-diếp* thưa hỏi như vậy vì thấy tất cả các quả vị này đều xứng danh “Nghịch lưu” (ngược dòng), không riêng gì quả vị *Tu-đà-hoàn*.

dòng ấy, nên có thể gọi là *Tu-đà-hoàn*, cũng gọi là *Tu-đà-hàm*. Cho đến chư Phật cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! *Tu-đà-hoàn* cũng gọi là Bồ Tát. Vì sao vậy? Bồ Tát tức là *Tận trí*¹ và *Vô sanh trí*.² Vị *Tu-đà-hoàn* cũng mong cầu hướng đến hai loại trí này, nên phải biết rằng vị *Tu-đà-hoàn* cũng được xưng là Bồ Tát.

“Vị *Tu-đà-hoàn* cũng được xưng là *tỉnh giác*. Vì sao vậy? Vì *tỉnh giác chân chánh*, thấy đạo và dứt trừ phiền não; vì *tỉnh giác chân chánh* là nhân quả; vì *tỉnh giác chân chánh* là đạo chung cùng và không chung cùng [với hàng *Nhị thừa*]. Từ vị *Tu-đà-hàm* cho đến *A-la-hán* lại cũng như vậy.

“Thiện nam tử! Hàng *Tu-đà-hoàn* có hai hạng, một là căn trí lanh lợi, hai là căn trí chậm lụt. Hạng căn trí chậm lụt phải trải qua bảy lần tái sanh trong hai cõi trời, người [mới được giải thoát]. Trong hạng căn trí chậm lụt lại phân ra làm năm loại; hoặc phân làm sáu, năm, bốn, ba, hai loại. Hạng căn trí lanh lợi thì ngay trong hiện tại chứng đắc quả *Tu-đà-hoàn* cho đến quả *A-la-hán*.

“Thiện nam tử! Như lời ông vừa hỏi: ‘Do nhân duyên gì mà ví hàng *Tu-đà-hoàn* với loài cá tích?’

“Thiện nam tử! Cá tích có bốn tính chất: một là xương nhỏ nên nhẹ, hai là có cánh nên nhẹ, ba là ưa thích nhìn ánh sáng, bốn là cần ngậm đồ vật một cách chắc chắn.

¹ Tận trí (*kṣaya-jñāna*): trí tuệ khởi đầu của bậc vô học, do dứt trừ hết mọi phiền não mà khởi sanh trí tuệ nên gọi là tận trí.

² Vô sanh trí (*anutpādayjñāna*): trí tuệ rõ biết tất cả các pháp đều là vô sanh, nên gọi là Vô sanh trí.

“Hàng *Tu-đà-hoàn* cũng có bốn tính chất [tương tự]. Nói xương nhỏ là ví với phiền não vi tế; nói có cánh là ví với hai pháp tu *chỉ* và *quán*;¹ ưa thích nhìn ánh sáng là ví với việc thấy đạo; cần ngậm đồ vật một cách chắc chắn là ví với việc được nghe Như Lai giảng giải về *vô thường*, *khổ*, *vô ngã*, *bất tịnh* liền giữ mãi không bỏ mất.

“Ví như có lần Ma vương hóa làm hình Phật, trưởng giả *Thủ-la* nhìn thấy trong lòng kinh sợ. Ma thấy trưởng giả đã động tâm, liền bảo: ‘*Bốn chân đế* mà ta đã thuyết dạy là giả dối, không chân thật. Nay ta sẽ vì ông mà thuyết dạy *Năm đế*, *Sáu ám*, *Mười ba nhập*, *Mười chín giới*.’ Trưởng giả nghe rồi liền tức thời quán tướng pháp, thấy hoàn toàn không có những lý như vậy nên giữ lòng kiên trì, tâm không lay động.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! [Như lời Phật dạy rằng] vị *Tu-đà-hoàn* đó, do sự chứng đạo trước tiên nên gọi là *Tu-đà-hoàn*; vì là quả vị ban đầu nên gọi là *Tu-đà-hoàn*. Nếu do sự chứng đạo trước tiên nên gọi là *Tu-đà-hoàn*, vì sao khi chứng đắc *Khổ pháp nhẫn* chẳng được gọi là *Tu-đà-hoàn*, chỉ gọi là *Hướng* [*Tu-đà-hoàn*] mà thôi? Nếu vì quả vị ban đầu nên gọi là *Tu-đà-hoàn*, vì sao những ngoại đạo trước đã đoạn phiền não, cho đến đạt được cảnh giới *Vô sở hữu*, tu tập đạo vô lậu, chứng đắc quả *A-na-hàm* mà không gọi là *Tu-đà-hoàn*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì là quả vị ban đầu nên gọi là *Tu-đà-hoàn*. Như lời ông vừa hỏi: ‘Vì sao những ngoại đạo trước đã đoạn phiền não, cho đến đạt được cảnh giới

¹ Chỉ và quán: nguyên bản dùng xa-ma-tha (*samatha* - một trong 7 tên gọi khác nhau của thiền định, dịch nghĩa là chỉ 止, là tịch tĩnh 寂靜) và tỳ-bà-xá-na (*vipaśyanā* - dịch nghĩa là quán 觀).

Vô sở hữu, tu tập đạo *vô lậu*, chứng đắc quả *A-na-hàm* mà không gọi là *Tu-đà-hoàn*?

“Thiện nam tử! Vì là quả vị ban đầu nên gọi là *Tu-đà-hoàn*. Vị này vào lúc ấy có đủ *Tám trí*¹ và *Mười sáu hạnh*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Người chứng đắc quả *A-na-hàm* cũng vậy, cũng chứng đắc *Tám trí*, đủ *Mười sáu hạnh*, sao không được gọi là *Tu-đà-hoàn*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Mười sáu hạnh hữu lậu* có hai loại, một là chung cùng [với hàng *Nhị thừa*], hai là không chung cùng. *Mười sáu hạnh vô lậu* cũng có hai loại, một là *hướng quả*, hai là *đắc quả*. *Tám trí* cũng có hai loại, một là *hướng quả*, hai là *đắc quả*.

“Vị *Tu-đà-hoàn* buông bỏ *Mười sáu hạnh* chung cùng, đạt được *Mười sáu hạnh* không chung cùng [với hàng *Nhị thừa*]; buông bỏ *Tám trí hướng quả*, chứng đắc *Tám trí đắc quả*. Vị *A-na-hàm* không giống như vậy. Cho nên quả vị ban đầu gọi là *Tu-đà-hoàn*.

“Thiện nam tử! Vị *Tu-đà-hoàn* duyên với *Bốn chân đế*, vị *A-na-hàm* chỉ duyên với *Một chân đế*. Cho nên quả vị ban đầu gọi là *Tu-đà-hoàn*.

“Vì nhân duyên ấy nên ta nói ví dụ cá tích nhìn quanh rồi đi. *Đi*, tức là nói vị *Tu-đà-hàm* chú tâm vào việc tu đạo, vì đoạn trừ *tham dục, sân, si, kiêu mạn*. Như con cá tích kia, nhìn quanh bốn phía rồi vì tìm thức ăn mà đi.

¹ Tám trí (Bát trí): hành giả do sự quán sát Bốn chân đế chứng đắc Bốn chân đế trong phạm vi Dục giới nên đạt được Tứ pháp trí (四法智), sau đó tiếp tục chứng đắc Bốn chân đế ở hai cõi trên là Sắc giới và Vô sắc giới, đạt Tứ loại trí (四類智). Tứ pháp trí và Tứ loại trí hợp thành Bát trí, là những phần ban sơ của Vô lậu trí.

Đi rồi lại dừng là ví như vị *A-na-hàm* được món ăn [*pháp thực*] rồi liền dừng lại.

“Hàng *A-na-hàm* có hai hạng. Thứ nhất là hạng chứng quả *A-na-hàm* trong hiện tại rồi tinh tấn tu tập, liền chứng đắc quả *A-la-hán*. Thứ hai là hạng tham đắm vương mắc nơi cảnh vắng lặng an tĩnh của pháp *tam-muội* trong hai cõi *Sắc giới* và *Vô sắc giới*. Những vị này không còn thọ thân trong *Dục giới* nên gọi là *A-na-hàm*.¹

“Hàng *A-na-hàm* lại có năm hạng, một là *Trung bát Niết-bàn*, hai là *Thọ thân Niết-bàn*, ba là *Hành bát Niết-bàn*, bốn là *Vô hành bát Niết-bàn*, năm là *Thượng lưu bát Niết-bàn*.

“Lại có sáu hạng, gồm năm hạng kể trên, thêm vào hạng thứ sáu là *Hiện tại bát Niết-bàn*.

“Lại có bảy hạng, gồm sáu hạng kể trên, thêm vào hạng thứ bảy là *Vô sắc giới bát Niết-bàn*.

“Hàng *A-na-hàm Hành bát Niết-bàn* lại có hai hạng, hoặc thọ thân hai lần, hoặc thọ thân bốn lần. Nếu thọ thân hai lần gọi là căn trí lanh lợi. Nếu thọ thân bốn lần gọi là căn trí chậm lụt.

“Lại cũng có hai hạng, một là tinh tấn nhưng không có mức định tự tại; hai là biếng trễ nhưng có mức định tự tại. Lại cũng có hai hạng, một là đầy đủ cả tinh tấn và mức định tự tại, hai là không có cả hai.

“Thiện nam tử! Chúng sanh *Dục giới* có hai loại nghiệp, một là *nghiệp tạo tác*, hai là *nghiệp thọ sanh*.

¹ Vì danh xưng của quả vị *A-na-hàm* (*Anāgāmin*) có nghĩa là Bất hoàn (不還) hoặc Bất lai (不來).

“Hàng A-na-hàm Trung bát Niết-bàn chỉ có nghiệp tạo tác mà không có nghiệp thọ sanh, cho nên ở khoảng trung gian mà nhập Niết-bàn. Khi xả bỏ sắc thân ở Dục giới mà còn chưa lên đến cõi Sắc giới, nhờ có căn trí lanh lợi nên giữa khoảng trung gian đó họ nhập Niết-bàn.

“Hàng A-na-hàm Trung bát Niết-bàn này có bốn tâm: một là tâm chẳng phải học, chẳng phải vô học; hai là tâm học; ba là tâm vô học; bốn là tâm chẳng phải học, chẳng phải vô học.¹ [Vị A-na-hàm trải qua bốn tâm ấy rồi] nhập Niết-bàn.

“Vì sao gọi là Trung bát Niết-bàn?

“Thiện nam tử! Trong bốn tâm của bậc A-na-hàm ấy có hai tâm là Niết-bàn, hai tâm không phải Niết-bàn, cho nên gọi là Trung bát Niết-bàn.

“Hàng A-na-hàm Thọ thân bát Niết-bàn lại có hai nghiệp, một là nghiệp tạo tác, hai là nghiệp thọ sanh. Vị A-na-hàm này bỏ thân ở Dục giới liền thọ thân ở Sắc giới, tinh cần tu tập, khi thọ mạng hết thì nhập Niết-bàn.”

Bồ Tát Ca-diếp thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Nếu nói rằng khi thọ mạng hết thì nhập Niết-bàn, vậy sao nói là Thọ thân Niết-bàn?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những người ấy có thọ thân rồi sau mới dứt trừ phiền não trong Ba cõi, cho nên gọi là Thọ thân Niết-bàn.

¹ Về bốn tâm này của vị A-na-hàm, Đại thừa nghĩa chương (大乘義章), quyển 17, có giải thích như sau: Tâm thứ nhất *chẳng phải học, chẳng phải vô học* là tâm thọ sanh; tâm thứ hai *học* là tâm tu học đối trị phiền não; tâm thứ ba *vô học* là tâm chứng quả A-la-hán; tâm thứ tư *chẳng phải học, chẳng phải vô học* là tâm mạng chung, tức tâm vào lúc nhập Niết-bàn.

“Thiện nam tử! *Hành bát Niết-bàn* là [vị A-na-hàm] thường tu hành *Chánh đạo*, nhờ sức *tam-muội hữu vi* nên dứt trừ được phiền não, liền nhập *Niết-bàn*. Đó gọi là *Hành bát Niết-bàn*.

“*Vô hành Bát Niết-bàn*, là [vị A-na-hàm] biết chắc rằng sẽ được nhập *Niết-bàn* nên sanh ra biếng trễ, nhưng cũng nhờ có sức *tam-muội hữu vi* nên khi thọ mạng hết thì nhập *Niết-bàn*. Đó gọi là *Vô hành bát Niết-bàn*.

“Về hàng A-na-hàm *Thượng lưu bát Niết-bàn*, như có người đã chứng đắc *Đệ tứ thiên* lại sanh tâm ái luyến *Sơ thiên*. Vì nhân duyên ấy nên thọ sanh trở lại nơi cảnh giới *Sơ thiên*. Nơi đây phân làm hai hạng, một là theo dòng phiền não, hai là theo dòng *Chánh đạo*. Người theo dòng *Chánh đạo*, khi thọ mạng hết lại sanh tâm ái luyến *Đệ nhị thiên*. Vì nhân duyên ấy nên thọ sanh cảnh giới *Đệ nhị thiên*. Cho đến cảnh giới *Đệ tứ thiên* lại cũng như vậy.

“Người ở cảnh giới *Đệ tứ thiên* lại có hai hạng, một là sanh vào *Vô sắc giới*, hai là sanh vào *Năm cõi trời tịnh cư*.¹ Hai hạng người này, một là ưa thích *tam-muội*; hai là ưa thích trí tuệ. Người ưa thích trí tuệ thì sanh vào *Năm cõi trời tịnh cư*; người ưa thích *tam-muội* thì sanh vào *Vô sắc giới*.

“Lại nữa, hai hạng người [ở cảnh giới *Đệ tứ thiên*] này, một là tu tập *Đệ tứ thiên* với năm mức độ khác nhau,

¹ Năm cõi trời tịnh cư (Ngũ tịnh cư thiên - 五淨居天 Phạn ngữ: *Śuddhāvāsa*): tức năm cõi trời thanh tịnh, là nơi thọ sanh của hàng A-na-hàm, nên cũng gọi là Ngũ Na-hàm thiên hay Ngũ Bát hoàn thiên. Năm cõi trời này gồm có: 1. Vô phiền thiên (無煩天 - Phạn ngữ: *Avṛha*), 2. Vô nhiệt thiên (無熱天 - Phạn ngữ: *Atapa*), 3. Thiện hiện thiên (善現天 - Phạn ngữ: *Sudṛśa*), 4. Thiện kiến thiên (善見天 - Phạn ngữ: *Sudarśana*), 5. Sắc cứu cánh thiên (色究竟天 - Phạn ngữ: *Akaniṣṭha*).

hai là không tu tập [*Đệ tứ thiên*]. Thế nào là năm [mức độ khác nhau]? Đó là bậc thấp, bậc vừa, bậc cao, bậc cao hơn và bậc cao nhất. Người tu bậc cao nhất sẽ sanh vào cõi trời *Sắc cứu cánh*. Người tu bậc cao hơn sẽ sanh vào cõi trời *Thiện hiện*. Người tu bậc cao sẽ sanh vào cõi trời *Thiện kiến*. Người tu bậc vừa sẽ sanh vào cõi trời *Vô nhiệt*. Người tu bậc thấp sẽ sanh vào cõi trời *Vô phiền*.

“Lại nữa, hai hạng người [ở cảnh giới *Đệ tứ thiên*] này, một là ưa thích luận thuyết giảng giải; hai là ưa thích vắng lặng an tĩnh. Người ưa thích vắng lặng an tĩnh sẽ sanh vào *Vô sắc giới*. Người ưa thích luận thuyết giảng giải sẽ sanh vào *Năm cõi trời tịnh cư*.

“Lại nữa, hai hạng người [ở cảnh giới *Đệ tứ thiên*] này, một là tu tập *Huân thiên*,¹ hai là không tu tập *Huân thiên*. Người tu tập *Huân thiên* sanh vào *Năm cõi trời tịnh cư*; người không tu tập *Huân thiên* sanh vào *Vô sắc giới*. Đến khi thọ mạng hết sẽ nhập *Niết-bàn*. Đó gọi là *Thượng lưu bát Niết-bàn*.

“Nếu người muốn sanh vào *Vô sắc giới* thì không thể tu tập *Đệ tứ thiên* với năm mức độ khác nhau [như trên]. Người tu năm mức thiên này thường chê trách phép định *Vô sắc giới*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Hàng *A-na-hàm Trung bát Niết-bàn* đó ắt là căn trí lanh lợi. Nếu là căn trí lanh lợi, sao hiện tại không nhập *Niết-bàn*? Vì sao ở *Dục giới* có *Trung Bát Niết-bàn* còn ở *Sắc giới* thì không?”

¹ Huân thiên (熏禪): một trong bốn pháp thiên thuộc Xuất thế gian thiên. Bốn pháp thiên này gồm có: 1. Quán thiên (觀禪), 2. Luyện thiên (練禪), 3. Huân thiên (熏禪), 4. Tu thiên (修禪). Bốn pháp này thường được gọi chung là Quán luyện huân tu (觀練薰修).

Phật dạy: “Thiện nam tử! Những người này do trong hiện tại *bốn đại yếu ớt*, không thể tu tập *Chánh đạo*. Tuy có những *tỳ-kheo* thân thể được khỏe mạnh, nhưng vì không có chỗ ngủ nghỉ, thức ăn uống, y phục, giường nằm, thuốc men... các duyên chẳng đủ nên họ không thể nhập *Niết-bàn* ngay trong hiện tại.

“Thiện nam tử! Có một lần, khi ta đang ở tinh xá *Kỳ viên*¹ tại thành *Xá-vệ*, có một *tỳ-kheo* đi đến chỗ ta thưa rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Con thường tu tập *Chánh đạo* nhưng không thể chứng đắc quả *Tu-đà-hoàn* cho đến quả *A-la-hán*.’

“Khi ấy ta liền bảo *A-nan*: ‘Nay ông nên vì *tỳ-kheo* này lo cung cấp đủ các thứ cần dùng.’

“Bấy giờ, *A-nan* đưa vị *tỳ-kheo* ấy đến rừng *Kỳ-đà*,² sắp xếp cho một gian phòng tốt để ở. *Tỳ-kheo* ấy liền bảo *A-nan*: ‘Đại đức! Xin ngài vì tôi trang nghiêm phòng ốc, sửa dọn sạch sẽ và trang hoàng bằng bảy món báu thật nghiêm trang, treo đủ các thứ phướn, lọng bằng lụa.’

“*A-nan* đáp: ‘Vì là người nghèo của thế gian mới được gọi là *sa-môn*,³ làm sao tôi có thể lo được những thứ như vậy cho ông?’

¹ Nguyên bản Hán văn dùng A-na-bân-đề (阿那邠提), phiên âm từ Phạn ngữ *Anātapindika*, tức tinh xá Kỳ Viên, cũng gọi là Kỳ thọ *Cáp Cô Độc* viên, một trong các trú xứ lớn của chư tăng vào thời đức Phật, tên Phạn ngữ đầy đủ là *Jetavana Anāthapīṇḍasyārāma*.

² Rừng Kỳ-đà: nguyên khu vườn rừng này trước là sở hữu của trưởng giả Kỳ-đà, sau bán phần đất ấy cho ông *Cáp Cô Độc* để cúng dường đức Phật và chư tăng làm chỗ tu tập, còn vườn cây thì tự ông Kỳ-đà cúng dường lên Phật, nên gọi tên là rừng Kỳ-đà. Tên Phạn ngữ là *Jetavana Anāthapīṇḍada-ārāma*.

³ Ý nói vị *sa-môn* đã buông bỏ hết tài sản của thế tục, làm người nghèo túng. Nếu không như thế không thể gọi là *sa-môn*.

“*Tỳ-kheo* ấy nói: ‘Nếu đại đức có thể vì tôi làm được như vậy thì tốt lắm, tốt lắm! Bằng không thể được thì tôi sẽ quay lại chỗ Thế Tôn vậy.’”

“Bấy giờ, *A-nan* liền đến chỗ Phật thưa: ‘Bạch Thế Tôn! Thầy *tỳ-kheo* khi này có yêu cầu con lo đủ mọi thứ trang nghiêm bằng bảy báu, phướn, lọng. Con không biết việc này phải làm thế nào?’”

“Ta lại dạy *A-nan*: ‘Nay ông hãy trở lại đó, tùy ý *tỳ-kheo* ấy cần dùng những gì thì cung cấp cho đầy đủ.’”

“Bấy giờ, *A-nan* liền trở lại phòng *tỳ-kheo* ấy, cung cấp đầy đủ mọi thứ [như yêu cầu]. *Tỳ-kheo* ấy có đủ mọi thứ rồi liền chú tâm tu tập, không bao lâu liền chứng đắc quả *Tu-đà-hoàn*, lần lượt cho đến quả *A-la-hán*.”

“Thiện nam tử! Có vô lượng chúng sanh lẽ ra có thể nhập *Niết-bàn*, nhưng vì sự thiếu thốn gây chướng ngại, rối loạn trong tâm nên không thể đạt được.”

“Thiện nam tử! Lại có những chúng sanh thường vui thích trong việc giáo hóa, hối hả [bận rộn chạy theo] nhiều việc, không thể đạt được [tâm] định, nên không thể nhập *Niết-bàn* ngay trong hiện tại.”

“Thiện nam tử! Như lời ông vừa hỏi: ‘Do nhân duyên gì khi bỏ thân ở *Dục giới* có *Trung [bát] Niết-bàn*, còn ở *Sắc giới* không có?’”

“Vị *A-na-hàm* quán xét những phiền não ở *Dục giới* có hai loại nhân duyên, một là bên trong, hai là bên ngoài; nhưng ở *Sắc giới* không có nhân duyên bên ngoài.”

“*Dục giới* lại có hai loại tâm tham ái, một là tham muốn ái dục, hai là tham muốn hình sắc.¹ Quán xét hai tâm tham ái ấy rồi hết lòng chê trách. Chê trách như vậy rồi liền có thể nhập *Niết-bàn*.”

“Tại *Dục giới*, người tu có thể chê trách các phiền não thô thiển như tham tiếc, sân hận, đố kỵ, không biết hổ thẹn... Do nhân duyên này nên có thể nhập *Niết-bàn*.”

“Lại nữa, chúng sanh *Dục giới* vốn tánh mạnh mẽ. Vì sao vậy? Vì có thể đạt được cả *Bốn thánh quả*.”

“Vì thế nên ở *Dục giới* có *Trung bát Niết-bàn*, còn ở *Sắc giới* thì không.”

“Thiện nam tử! *Trung bát Niết-bàn* có ba bậc: bậc cao, bậc vừa, bậc thấp. Bậc cao là nhập *Niết-bàn* ngay khi bỏ thân, chưa lìa khỏi *Dục giới*. Bậc vừa là nhập *Niết-bàn* khi lìa khỏi *Dục giới* nhưng chưa lên tới *Sắc giới*. Bậc thấp là nhập *Niết-bàn* khi đã lìa khỏi *Dục giới* rồi lên đến bên cạnh *Sắc giới*. Ví như loài cá tích được món ăn rồi thì dừng lại, những người này cũng vậy.”

“Sao gọi là dừng lại? Vì ở hai cõi *Sắc giới* và *Vô sắc giới* mà thọ thân nên gọi là dừng lại. Vì không thọ thân trong các cõi trời, người, *địa ngục*, *ngạ quỷ*, *súc sanh* thuộc *Dục giới* nên gọi là dừng lại. Vì đã dứt trừ vô lượng phiền não trói buộc chỉ còn lại rất ít nên gọi là dừng lại.”

¹ Theo Nam bản thì chỗ này dùng “thực ái” (tham muốn sự ăn uống), chúng tôi xét thấy ý nghĩa hẹp hơn, không hợp bằng chữ “sắc ái” như trong Bắc bản đã dùng. Có thể khi thực hiện Nam bản các vị thấy rằng hình sắc cũng nằm trong “dục ái” chăng? Nhưng như vậy thì sự tham muốn các món ăn cũng không ra ngoài năm món dục (sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục và xúc dục). Theo chỗ chúng tôi hiểu thì “dục ái” ở đây hẳn chỉ cho sự tham muốn ái dục, là sự tham muốn căn bản nhất của chúng sanh trong *Dục giới*, và hiểu như thế thì “sắc ái” cũng có thể được tách riêng ra khỏi sự tham muốn này.

“Lại do nhân duyên gì gọi là dừng lại? Vì không bao giờ tạo tác những việc chung cùng với hạng phàm phu nên gọi là dừng lại. Tự mình không còn sợ hãi và không làm cho kẻ khác sợ hãi nên gọi là dừng lại. Lìa khỏi hai tâm tham ái¹ [và các phiền não như] tham tiếc, sân khuể... nên gọi là dừng lại.

“Thiện nam tử! Nói đến bờ bên kia là dụ cho các bậc *A-la-hán*, Phật *Bích-chi*, Bồ Tát, Phật; cũng như rùa thần đi được cả dưới nước và trên đất liền.

“Do nhân duyên gì mà ví với loài rùa? Vì loài rùa khéo che giấu cả tứ chi và đầu. Các bậc chứng quả từ *A-la-hán* cho đến chư Phật cũng giống như vậy, khéo che trùm cả *năm căn*. Cho nên dùng rùa làm ví dụ.

“Nói dưới nước và trên đất liền; *nước* là ví với thế gian, *đất liền* ví với xuất thế. Các bậc thánh ấy lại cũng như vậy; vì có thể quán xét tất cả phiền não xấu ác nên đến được bờ bên kia. Vì thế ví như đi được cả ở dưới nước và trên đất liền.

“Thiện nam tử! Như bảy loài chúng sanh dưới sông Hằng. Tuy có những tên gọi như rùa, cá... nhưng thấy đều không lìa khỏi nước. Trong kinh vi diệu Đại *Niết-bàn* này, từ hạng *nhất-xiển-đề* lên đến chư Phật, tuy tên gọi khác nhau, nhưng thấy đều cũng không lìa khỏi chất nước là tánh Phật.

“Thiện nam tử! Bảy loài chúng sanh ấy, như có pháp *thiện* hoặc pháp *bất thiện*, hoặc đạo phương tiện, hoặc

¹ Hai tâm tham ái: là tham muốn ái dục (dục ái) và tham muốn hình sắc (sắc ái) vừa nói ở đoạn trước.

đạo giải thoát, hoặc đạo tuần tự, hoặc nhân, hoặc quả...
thầy đều là tánh Phật.

“[Giảng giải những điều như thế] gọi là Như Lai tự ý nói ra.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu có nhân ắt có quả; nếu không nhân ắt không quả. *Niết-bàn* gọi là quả, nhưng vì *Niết-bàn* là thường còn nên không có nhân. Nếu không có nhân, sao gọi là quả? Nhưng *Niết-bàn* cũng gọi là *sa-môn*, cũng gọi là *quả của sa-môn*. Vậy thế nào là *sa-môn*? Thế nào là *quả của sa-môn*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong thế gian cả thầy có bảy loại kết quả. Một là *quả của phương tiện*, hai là *quả của sự báo ân*, ba là *quả của sự thân cận*, bốn là *quả của tàn dư*, năm là *quả bình đẳng*, sáu là *quả của quả báo*, bảy là *quả của sự xa lìa*.

“Thế nào là *quả của phương tiện*? Như người thế gian đến mùa gặt được nhiều lúa thóc, cùng bảo nhau rằng: ‘Được quả của phương tiện.’¹ Quả của phương tiện đó gọi là quả [trực tiếp] của hành vi tạo nghiệp.² Quả này có hai loại nhân, một là *nhân trực tiếp*, hai là *nhân gián tiếp*. Nhân trực tiếp, chẳng hạn như hạt giống; nhân gián tiếp, chẳng hạn như nước tưới, phân bón, nhân công... Như thế gọi là *quả của phương tiện*.

¹ Quả phương tiện ở đây có thể hiểu là những kết quả có được nhờ sử dụng đến các phương tiện khác nhau trong quá trình tạo tác.

² Mọi thứ quả đều do hành vi tạo nghiệp (nghiệp hành), nhưng loại quả phương tiện này là kết quả ngay trong hiện thế (gieo trồng rồi gặt hái), không đợi đến đời sau nên chúng tôi tạm gọi là trực tiếp. Thuộc loại quả này là những hành vi mang lại kết quả ngay trước mắt của chúng ta, chẳng hạn như trồng cây hái quả, bắc cầu qua sông, học hỏi thành tài...

“Thế nào là *quả của sự báo ân*? Như người thế gian cung kính nuôi dưỡng cha mẹ, cha mẹ đều nói rằng: ‘Nay chúng tôi đã được hưởng quả của công ơn nuôi dưỡng.’ Con cái biết báo ân cha mẹ thì gọi [sự báo ân] đó là quả. Quả này cũng có hai loại nhân: một là *nhân trực tiếp*, hai là *nhân gián tiếp*. Nhân trực tiếp là nghiệp thuận thiện trong quá khứ của cha mẹ; nhân gián tiếp là đứa con có hiếu mà cha mẹ đã sanh ra. Như thế gọi là *quả của sự báo ân*.

“Thế nào là *quả của sự thân cận*? Như có người thân cận bạn tốt hiền thiện, [nhờ đó] chúng đắc quả *Tu-đà-hoàn* cho đến quả *A-la-hán*. Người ấy nói rằng: ‘Nay tôi đã được quả của sự thân cận.’ Quả này cũng có hai loại nhân: một là *nhân trực tiếp*, hai là *nhân gián tiếp*. Nhân trực tiếp là lòng tin [của bản thân]; nhân gián tiếp là bạn tốt hiền thiện. Như thế gọi là *quả của sự thân cận*.

“Thế nào là *quả của tàn dư*?¹ Như [có người] do nhân không giết hại mà [về sau] được thân thứ ba sống lâu. Đó gọi là *quả của tàn dư*. Quả này cũng có hai loại nhân: một là *nhân trực tiếp*, hai là *nhân gián tiếp*. Nhân trực tiếp là thân, miệng, ý thanh tịnh; nhân gián tiếp là [những nghiệp lành dẫn đến]² sự sống lâu. Như thế gọi là quả của tàn dư.

“Thế nào là *quả bình đẳng*? Đó là môi trường thế giới [mà tất cả chúng sanh cùng sống trong đó]. Quả này cũng có hai loại nhân: một là *nhân trực tiếp*, hai là *nhân gián tiếp*. Nhân trực tiếp là nói chúng sanh tu *Mười nghiệp*

¹ Quả của tàn dư là chỉ những quả báo mà người tạo tác nhận chịu về sau, bởi hành vi đã trôi qua nhưng để lại kết quả nhận lãnh về sau nên gọi là tàn dư.

² Theo Niết-bàn kinh sơ giải thì ở đây chỉ đến việc bố thí thức ăn và y phục cho người khác, là những nghiệp dẫn đến được sống lâu.

lành; nhân gián tiếp là *Ba tai kiếp lớn*.¹ Như thế gọi là *quả bình đẳng*.²

“Thế nào gọi là *quả của quả báo*? Như người được [quả báo có] thân thanh tịnh rồi, lại tu tập ba nghiệp thanh tịnh về thân, miệng, ý. Người ấy có thể nói: “Tôi được quả [của quả] báo. Quả này cũng có hai loại nhân: một là *nhân trực tiếp*, hai là *nhân gián tiếp*. Nhân trực tiếp là thân, miệng, ý hiện tại thanh tịnh; nhân gián tiếp là thân, miệng, ý trong quá khứ [đã tu tập] thanh tịnh. Đó gọi là *quả của quả báo*.”³

“Thế nào là *quả của sự xa lìa*? Đó chính là *Niết-bàn*. [Vì sự] xa lìa các phiền não, làm tất cả nghiệp lành là nhân của *Niết-bàn*. Lại cũng có hai loại nhân: một là *nhân trực tiếp*, hai là *nhân gián tiếp*. Nhân trực tiếp là nói *Ba môn giải thoát*;⁴ nhân gián tiếp là tất cả pháp lành đã tu tập trong vô lượng kiếp.

“Thiện nam tử! Trong pháp thế gian, hoặc nói *nhân sanh ra*, hoặc nói *nhân thành tựu*. Đối với pháp xuất thế cũng vậy, cũng nói có *nhân sanh ra*, có *nhân thành tựu*.

“Thiện nam tử! [Như] *Ba môn giải thoát*, *Ba mươi bảy*

¹ Ba tai kiếp lớn (Tam tai): gồm có thủy tai (nạn hồng thủy, lụt lớn), hỏa tai (nạn lửa thiêu) và phong tai (nạn gió bão). Ba tai kiếp này tất yếu phải xảy ra trong quá trình thành trụ hoại không của mỗi thế giới, nên là nhân gián tiếp làm thay đổi môi trường thế giới mà chúng sanh đang sống.

² Với loại quả này thì tất cả chúng sanh ra đời trong cùng một thế giới đều lãnh chịu như nhau, nên gọi là bình đẳng.

³ Vì nhân trong quá khứ tạo thành quả hiện nay, nhưng chính quả báo hiện nay được dùng làm nhân để tạo thành quả trong tương lai, nên gọi đó là quả của quả báo.

⁴ Ba môn giải thoát (Tam giải thoát môn): Ba pháp môn dẫn đến sự giải thoát, gồm có Không, Vô tướng và Vô tác.

phẩm [trợ đạo] có thể làm nhân sanh ra sự chấm dứt của tất cả phiền não, cũng làm nhân thành tựu của Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Lìa xa phiền não thì thấy rõ được Niết-bàn một cách sáng suốt, minh bạch, cho nên Niết-bàn chỉ có nhân thành tựu mà không hề có nhân sanh ra.

“Thiện nam tử! Theo như lời ông hỏi: ‘Thế nào là sa-môn? Thế nào là quả của sa-môn?’

“Thiện nam tử! Sa-môn¹ là Tám chánh đạo, quả của sa-môn là [tu tập] theo Chánh đạo nên rốt ráo được xa lìa vĩnh viễn tất cả [phiền não như] tham, sân, si... Như thế gọi là sa-môn và quả của sa-môn.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Tám chánh đạo gọi là sa-môn?”²

Phật dạy: “Thiện nam tử! Người đời dịch nghĩa sa-môn là pháp đạo, [nghĩa là đạo dứt trừ mọi sự thiếu thốn]. Như [Tám chánh] đạo là dứt trừ tất cả sự thiếu thốn, dứt trừ tất cả đạo. Vì nghĩa ấy nên gọi Tám chánh đạo là sa-môn. [Tu tập] theo Tám chánh đạo sẽ đạt được Thánh quả, nên gọi là quả của sa-môn.

¹ Sa-môn: chỉ người xuất gia tu hành nói chung, vì vào thời đức Phật, danh xưng này cũng được dùng cho các tu sĩ ngoại đạo. Tuy nhiên, về sau có khuynh hướng chỉ dùng để chỉ các tu sĩ Phật giáo mà thôi. Danh từ này phiên âm từ Phạn ngữ là *śramaṇa* nên đôi khi cũng đọc là sa-môn-na, đồng nghĩa. Các âm đọc khác là sa-văn-na (沙聞那), tang-môn (桑門), táng-môn (喪門). Về ý nghĩa cũng có rất nhiều cách dịch khác nhau như: cần lao (勤勞), công lao (功勞), cù lao (劬勞), cần khẩn (勤懇), tĩnh chí (靜志), tịnh chí (淨志), tức chỉ (息止), tức tâm (息心), tức ác (息惡), cần tức (勤息), tu đạo (修道), bần đạo (貧道), pháp đạo (乏道). Tựu trung các danh xưng này đều mô tả tính chất của sự tu tập và mục đích hướng đến của vị sa-môn.

² Bản Hán văn có lúc dùng sa-môn, có lúc dùng sa-môn-na, đều là phiên âm từ Phạn ngữ *śramaṇa*. Chúng tôi cố gắng dựa theo ý kinh để chuyển dịch nhất quán nhằm giúp độc giả dễ theo dõi hơn.

“Thiện nam tử! Lại nữa, [*sa-môn* dịch nghĩa là *tĩnh chí*, là tâm ý an tĩnh, nên] người thế gian ưa thích sự vắng lặng an tĩnh cũng gọi là *sa-môn*. Như [*Tám chánh*] *đạo* cũng vậy, có thể giúp người tu tập lìa khỏi những điều xấu ác của thân, miệng, ý..., được cái vui vắng lặng an tĩnh, cho nên gọi [người tu tập *Tám chánh đạo*] là *sa-môn*.

“Thiện nam tử! [*Sa-môn* cũng dịch nghĩa là *tức ác*, là chấm dứt mọi sự xấu ác, nên] người đời từ chỗ thấp hèn [vươn lên] thành người cao thượng gọi là *sa-môn*. Như [*Tám chánh*] *đạo* cũng vậy, có thể khiến người thấp hèn thành người cao quý, cho nên gọi [người tu tập *Tám chánh đạo*] là *sa-môn*.

“Thiện nam tử! Vị *A-la-hán* tu tập [*Tám chánh*] *đạo* này, đạt được quả *sa-môn*, cho nên gọi là giải thoát. Quả *A-la-hán* tức là năm phần *Pháp thân* của bậc *Vô học*, gồm *giới, định, tuệ, giải thoát* và *giải thoát tri kiến*. Nhân nơi năm phần [*Pháp thân*] này mà được giải thoát, nên gọi là bậc *Giải thoát*. Vì đã được giải thoát nên [vị ấy] tự nói ra rằng:

*Tử sanh nay đã dứt rồi,
Hạnh thanh tịnh đã vun bồi thành công,
Việc cần làm đã làm xong,
Từ nay vĩnh viễn không còn thân sau!*

“Thiện nam tử! Vị *A-la-hán* này đã dứt trừ vĩnh viễn nhân duyên của sự sanh ra trong quá khứ, hiện tại và vị lai, nên tự nói rằng: ‘*Tử sanh nay đã dứt.*’ Lại cũng vì đã dứt trừ thân *năm ấm* trong *Ba cõi* nên nói rằng: “*Tử sanh nay đã dứt.*”

“Chỗ tu tập hạnh thanh tịnh của vị này đã rất ráo, nên nói rằng: ‘*Hạnh thanh tịnh đã trọn vẹn.*’ Lại cũng vì đã buông xả sự học đạo nên nói rằng: ‘*Hạnh thanh tịnh đã trọn vẹn.*’

“Theo như chỗ mong cầu từ xưa, nay đã đạt được nên nói rằng: ‘*Việc cần làm đã làm xong.*’ Việc tu tập Chánh đạo đã đạt kết quả nên cũng nói rằng: ‘*Đã xong.*’

“Vì đạt được *Tận trí*¹ và *Vô sanh trí*² nên nói rằng: ‘Từ sanh nay đã dứt, mọi phiền não trói buộc trong *Ba cõi* đều đã dứt sạch.’ Vì nghĩa ấy nên gọi là bậc *A-la-hán*, đã được giải thoát.

“Cũng giống như *A-la-hán*, vị Phật *Bích-chi* cũng vậy.

“Bồ Tát và Phật thành tựu đầy đủ *Sáu ba-la-mật*, gọi là ‘*đến bờ bên kia*’. Vì các vị đã chứng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* nên gọi là đầy đủ *Sáu Ba-la-mật*. Vì sao vậy? Vì đạt được kết quả của *Sáu Ba-la-mật*; vì đạt được quả nên gọi là đầy đủ.

“Thiện nam tử! Trong bảy loài chúng sanh [vừa nói trên, có những người] không tu *thân, giới, tâm, tuệ*.³ Vì không thường tu tập bốn pháp ấy nên thường tạo tác *năm tội nghịch*, có thể dứt mất căn lành, phạm vào *bốn giới cấm nặng*, phỉ báng *Phật, Pháp, Tăng*; nên gọi [những người ấy] là thường chìm sâu.

“Thiện nam tử! Trong bảy hạng người [đã nói], nếu ai biết gần gũi bậc thiện tri thức, hết lòng lắng nghe và thọ

¹ Tận trí: dịch từ Phạn ngữ là *kṣaya-jñāna*, chỉ trí tuệ đạt được sau khi đã dứt trừ tất cả phiền não.

² Vô sanh trí: dịch từ Phạn ngữ là *anutpāda-jñāna*, chỉ trí tuệ cao trổi nhất của vị *A-la-hán*, thấy biết thật tánh của tất cả các pháp không có sự sanh ra.

³ Xem lại phần giảng giải về những người không tu tập bốn pháp thân, giới, tâm, tuệ này ở quyển 31, phần đầu tập này. Bắt đầu từ trang 110.

nhận *Chánh pháp* của Như Lai, khéo suy xét nội tâm, sống theo đúng *Chánh pháp*, tinh cần tu tập *thân, giới, tâm, tuệ*, vì thế được gọi là vượt sông sanh tử đến bờ giải thoát bên kia.

“Nếu nói rằng hạng *nhất-xiển-đê* đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, đó là đả miễn vương chấp; nếu nói rằng không đạt được thì là hư dối.

“Thiện nam tử! Trong bảy hạng người [kể trên], có khi chỉ một người gồm đủ [tính chất của] bảy hạng ấy, hoặc có khi bảy hạng người đều có chung một tính chất [trong số đó].

“Thiện nam tử! Nếu có người trong lòng nghĩ điều quái lạ, miệng nói điều quái lạ, rằng: ‘Hạng *nhất-xiển-đê* đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*,’ nên biết là người ấy phỉ báng *Phật, Pháp, Tăng*. Nếu có người trong lòng nghĩ điều quái lạ, miệng nói điều quái lạ, rằng: ‘Hạng *nhất-xiển-đê* không đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*,’ người ấy cũng gọi là phỉ báng *Phật, Pháp, Tăng*.

“Thiện nam tử! Nếu người nói rằng: ‘*Tám phần Thánh đạo* là chỗ đạt được của phàm phu,’ thì người ấy gọi là phỉ báng *Phật, Pháp, Tăng*. Nếu nói rằng: ‘*Tám phần Thánh đạo* không phải chỗ đạt được của phàm phu,’ thì người ấy cũng gọi là phỉ báng *Phật, Pháp, Tăng*.

“Thiện nam tử! Như có người nói rằng tất cả chúng sanh *nhất định có tánh Phật*; hoặc *nhất định không có tánh Phật*, thì những người ấy cũng gọi là báng *Phật, Pháp, Tăng*.

“Thiện nam tử! Cho nên trong *Khế kinh*¹ ta dạy rằng:

¹ Khế kinh: chỉ chung tất cả kinh điển do Phật thuyết, vì nghĩa khế hợp với căn cơ chúng sanh nên gọi là Khế kinh.

‘Có hai hạng người phỉ báng *Phật, Pháp, Tăng*. Một là những người không có lòng tin, vì tâm sân hận [mà phỉ báng]; hai là những người tuy có lòng tin nhưng không hiểu rõ ý nghĩa [*Phật pháp*, nên vì ngu si mà phỉ báng.]’

“Thiện nam tử! Người có lòng tin mà không có trí tuệ thì thường làm *tăng trưởng vô minh*. Người có trí tuệ mà không có lòng tin thì thường làm *tăng trưởng tà kiến*.

“Thiện nam tử! Người không có lòng tin, vì tâm sân hận nên nói rằng: ‘Không có *Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo*.’ Người có lòng tin nhưng [si mê] không có trí tuệ thì giải nghĩa một cách điên đảo, khiến người nghe phỉ báng *Phật, Pháp, Tăng*.

“Thiện nam tử! Cho nên ta nói: ‘Người không có lòng tin thì vì tâm sân hận, người có lòng tin vì [si mê] không có trí tuệ, những người ấy có thể phỉ báng *Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo*.’

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘Hạng *nhất-xiển-đề* khi chưa sanh khởi pháp lành mà đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*,’ người ấy cũng gọi là phỉ báng *Phật, Pháp, Tăng*.

“Nếu nói rằng: ‘Hạng *nhất-xiển-đề* buông bỏ tâm *nhất-xiển-đề* rồi, khi mang thân khác sẽ đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*,’ người [nói như vậy] cũng gọi là phỉ báng *Phật, Pháp, Tăng*.

“Nếu nói rằng: ‘Hạng *nhất-xiển-đề* [cũng] có thể sanh ra căn lành. Sanh căn lành rồi thì căn lành ấy tiếp nối mãi chẳng dứt cho đến khi đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*. Vì thế nên nói rằng hạng *nhất-xiển-đề*

[có thể] đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*.’ Nên biết rằng người [nói như vậy] không hề phỉ báng *Tam bảo*.

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh nhất định đều có [những đức] *thường, lạc, ngã, tịnh* của tánh Phật; [những đức ấy] không [phải do] tạo tác, không sanh ra, [chỉ] vì nhân duyên phiền não nên không thể thấy.’ Nên biết rằng người [nói như vậy] là phỉ báng *Phật, Pháp, Tăng*.

“Nếu nói rằng: ‘Tất cả chúng sanh đều không có tánh Phật, cũng như sừng thỏ, do nơi phương tiện mà sanh ra, trước vốn không rồi sau mới có, từ có rồi trở lại thành không.’ Nên biết rằng người này là phỉ báng *Phật, Pháp, Tăng*.

“Nếu nói rằng: ‘Tánh Phật của chúng sanh là chẳng phải có, cũng như hư không; là chẳng phải không, cũng như sừng thỏ. Vì sao vậy? Vì hư không là thường, vì sừng thỏ là không thật có. Cho nên có thể nói là cũng có, cũng không. Vì là *có* nên trừ bỏ [quan niệm cho rằng tánh Phật như] sừng thỏ; vì là *không* nên trừ bỏ [quan niệm cho rằng tánh Phật như] hư không.’ Người nói như vậy không hề phỉ báng *Tam bảo*.

“Thiện nam tử! Tánh Phật đó không gọi là một pháp, không gọi là mười pháp, trăm pháp, ngàn pháp, hay vạn pháp... Khi chưa đạt được *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề* thì tất cả [những pháp] *thiện, bất thiện, vô ký* thấy đều gọi là tánh Phật.

“Đức Như Lai có khi trong nhân nói quả, có khi trong quả nói nhân. Đó gọi là Như Lai tự ý thuyết dạy. Vì tự ý

thuyết dạy nên gọi là *A-ra-ha*. Vì tự ý thuyết dạy nên gọi là *Tam-miêu Tam-phật-đà*.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch: “Thế Tôn! Theo như Phật dạy thì tánh Phật của chúng sanh như hư không. Thế nào gọi là như hư không?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Tánh của hư không chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Tánh Phật cũng thế.

“Thiện nam tử! Hư không chẳng phải quá khứ. Vì sao vậy? Vì không có hiện tại. Nếu có pháp hiện tại [để so sánh] mới có thể nói đến quá khứ, vì không có hiện tại nên không có quá khứ. [Hư không] cũng không có hiện tại. Vì sao vậy? Vì không có vị lai. Nếu có pháp vị lai [để so sánh] mới có thể nói đến hiện tại, vì không có vị lai nên không có hiện tại. [Hư không] cũng không có vị lai. Vì sao vậy? Vì không có hiện tại và quá khứ. Nếu có hiện tại và quá khứ ắt phải có vị lai. Vì không có quá khứ và hiện tại nên không có vị lai. Vì nghĩa ấy nên tánh của hư không chẳng thuộc về *ba đời*.

“Thiện nam tử! Vì hư không là *không* nên không có *ba đời*, chẳng phải vì *có* mà không có *ba đời*. Như hoa đốm¹ [được nhìn thấy] giữa hư không, vì không phải có nên không có *ba đời*. Hư không cũng thế, vì không phải có nên không có *ba đời*.

“Thiện nam tử! Không có một vật gì cả, tức là hư không. Tánh Phật cũng thế.

¹ Hoa đốm: chỉ ảo giác nhìn thấy rất nhiều đốm sáng giữa hư không mà thật ra không có gì cả. Thuật ngữ này được dịch từ Phạn ngữ là *khapuspa*, kinh văn chữ Hán thường dùng không hoa (空花) hay hư không hoa (虛空花).

“Thiện nam tử! Vì hư không là *không* nên không thuộc về *ba đời*. Vì tánh Phật là *thường* nên không thuộc về *ba đời*.

“Thiện nam tử! Như Lai đã chứng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, tánh Phật của Như Lai và hết thấy pháp Phật đều là thường trụ, không biến đổi. Vì nghĩa ấy nên [tánh Phật] không có *ba đời*, cũng như hư không.

“Thiện nam tử! Vì hư không là *không* nên chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Vì tánh Phật là *thường* nên chẳng phải trong, chẳng phải ngoài. Vì thế nên nói rằng tánh Phật cũng giống như hư không.

“Thiện nam tử! Như ở thế gian, nơi nào trống rỗng không ngăn ngại thì gọi là hư không. Như Lai đã chứng đắc *A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề*, đối với tất cả pháp Phật không có gì ngăn ngại, nên nói rằng tánh Phật cũng giống như hư không.

“Vì những nhân duyên như thế nên ta dạy rằng tánh Phật giống như hư không.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai, tánh Phật và *Niết-bàn* đều không thuộc về *ba đời* nhưng được gọi là *có*. Hư không cũng không thuộc về *ba đời*, vì sao không thể gọi là *có*?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì không phải *Niết-bàn* nên gọi là *Niết-bàn*; vì không phải Như Lai nên gọi là Như Lai; vì không phải tánh Phật nên gọi là tánh Phật.

“Thế nào gọi là không phải *Niết-bàn*? Đó là nói tất cả các pháp hữu vi phiền não. Vì phá trừ hết thấy những phiền não hữu vi như thế nên gọi là *Niết-bàn*.

“Không phải Như Lai là nói từ hạng *nhất-xiển-đê* lên đến các vị Phật *Bích-chi*. Vì phá bỏ hết từ *nhất-xiển-đê* cho đến Phật *Bích-chi* nên gọi là Như Lai.

“Không phải tánh Phật là nói tất cả các vật vô tình như tường vách, ngói gạch, sỏi đá... Lìa khỏi [tất cả] những vật vô tình như thế gọi là tánh Phật.

“Thiện nam tử! Hết thấy thế gian không có gì là chẳng phải hư không, đối lại với hư không.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Trong thế gian cũng không có gì đối lại với *bốn đại*, mà vẫn có thể gọi *bốn đại* là có. Hư không không có gì đối lại, vì sao không thể gọi là có?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘*Niết-bàn* không thuộc về *ba đời*, hư không cũng vậy.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? *Niết-bàn* là có, có thể thấy, có thể chứng đắc. Đó là dấu vết của hình sắc, ngôn ngữ văn tự; là hình tướng, là duyên, là chỗ nương về, vắng lặng an tĩnh, soi chiếu sáng tỏ, là bờ bên kia an ổn. Vì thế nên gọi là không thuộc về *ba đời*. Tánh của hư không chẳng có những pháp như vậy, nên gọi là không. Nếu lìa khỏi những pháp như vậy mà còn có pháp nào khác, ắt phải thuộc về *ba đời*. Hư không nếu đồng với những pháp có này thì không thể không thuộc về *ba đời*.

“Thiện nam tử! Như người đời nói rằng: ‘Hư không gọi là không có hình sắc, không có gì đối lại, không thể nhìn thấy.’ Nếu là không có hình sắc, không gì đối lại, không thể nhìn thấy, tức là [thuộc về] các pháp đối tượng của tâm. Nếu hư không đồng với các pháp đối tượng của tâm

thì không thể không thuộc về *ba đời*. Nếu là thuộc về *ba đời* tức là *bốn ấ*.¹ Vì thế, lìa khỏi *bốn ấ* rồi thì không có hư không.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ngoại đạo nói rằng: ‘Hư không là ánh sáng.’ Nếu là ánh sáng tức là pháp [thuộc về] hình sắc. Nếu hư không là pháp hình sắc như thế tức là vô thường. Vì là vô thường nên phải thuộc về *ba đời*. Làm sao ngoại đạo nói rằng [hư không] chẳng thuộc về *ba đời*? Nếu thuộc về *ba đời* ắt chẳng phải là hư không. Vì sao nói rằng hư không là thường?”

“Thiện nam tử! Lại có người nói: ‘Hư không là chỗ trụ [của các pháp].’ Nếu có chỗ trụ tức là pháp [thuộc về] hình sắc. Nhưng hết chỗ nơi chốn đều là vô thường, thuộc về *ba đời*. Hư không cũng là thường, không thuộc về *ba đời*. Nếu nói đến nơi chốn thì biết là chẳng có hư không.

“Lại có người nói rằng: ‘Hư không tức là trật tự sắp xếp.’ Nếu là trật tự sắp xếp, tức là pháp có số lượng. Nếu là pháp [có số lượng] đếm được, tức là thuộc về *ba đời*. Nếu thuộc về *ba đời*, vì sao gọi là thường?”

“Thiện nam tử! Nếu lại nói rằng: ‘Hư không là không lìa ba pháp: một là *không*, hai là *thật*, ba là *cả không và thật*.’ Nếu nói là không là [hư không], nên biết rằng hư không đó là pháp vô thường. Vì sao vậy? Vì không có chỗ thật. Nếu nói là thật là [hư không], nên biết rằng hư không đó cũng là vô thường. Vì sao vậy? Vì không có chỗ không. Nếu nói cả không và thật là [hư không], nên biết

¹ Đây chỉ bốn ấ: thọ ấ, tướng ấ, hành ấ và thức ấ; trừ ra sắc ấ vì ấ này thuộc về hình sắc.

rằng hư không đó cũng là vô thường. Vì sao vậy? Vì không có cả hai chỗ ấy. [Vì hư không lìa cả ba pháp ấy] nên hư không mới gọi là không.

“Thiện nam tử! Nếu nói rằng: ‘Hư không là pháp có thể tạo thành.’ Như nói: ‘Đẹp bỏ [hết] cây cối, nhà cửa tạo thành hư không; san bằng thành hư không; che khuất [được] hư không, [bay] lên hư không, [nhìn] khắp hư không màu sắc giống như nước biển cả. Vì thế nên hư không là pháp có thể tạo thành.’ Tất cả các pháp được tạo thành đều là vô thường, [chẳng hạn] như bình sành... Nếu hư không là như thế, lẽ ra phải là vô thường.

“Thiện nam tử! Người thế gian nói rằng: ‘Đối với tất cả các pháp không có chỗ ngăn ngại thì gọi là hư không.’ Chỗ không ngăn ngại đó, đối với tất cả các pháp là trọn vẹn hay chỉ một phần? Nếu là trọn vẹn, thì nên biết rằng ngoài ra chỗ khác không có hư không! Nếu là một phần, ắt có sự phân biệt chỗ này với chỗ kia, có thể tính đếm. Nếu là pháp có thể tính đếm thì nên biết là vô thường.

“Thiện nam tử! Như có người nói: ‘Hư không là không ngăn ngại, cùng hợp với các pháp hiện hữu.’ Lại có người nói: ‘Hư không ở nơi sự vật, cũng như trái cây đặt ở trong bát.’ Hai lẽ ấy đều không đúng.

“Vì sao vậy? Nếu nói cùng hợp lại ắt có ba trường hợp. Một là nghiệp khác nhau hợp lại, như [nhiều thứ] chim bay đến tụ tập trên cây. Hai là cùng chung một nghiệp hợp lại, như hai con dê chạm nhau. Ba là đã hợp rồi cùng hợp, như hai đôi ngón tay sóng đôi hợp tại một nơi.

“Nếu nói [hư không và vật là có] nghiệp khác nhau hợp lại, thì chỗ khác nhau ắt phải chia hai, một là nghiệp

của vật, hai là nghiệp của hư không. Nếu nghiệp của hư không hợp với vật, thì hư không là vô thường. Nếu nghiệp của vật hợp với hư không, thì vật không [hiện hữu] cùng khắp. Nếu không cùng khắp thì cũng là vô thường.

“Nếu nói hư không là thường, tánh vốn không động, hợp với vật [có tánh] động thì nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Nếu hư không là thường, lẽ ra vật cũng là thường. Nếu vật là vô thường, hư không cũng là vô thường. Nếu nói hư không vừa thường vừa vô thường thì không hợp lý.

“Nếu nói [hư không và vật là có] cùng chung một nghiệp hợp lại, nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Hư không gọi là cùng khắp [mọi nơi]. Nếu hư không hợp với nghiệp, lẽ ra nghiệp cũng là cùng khắp. Nếu là cùng khắp thì mọi nơi đều cùng khắp. Nếu mọi nơi đều cùng khắp thì lẽ ra phải hợp với tất cả, không thể nói là có hợp cùng không hợp.

“Nếu nói đã hợp rồi cùng hợp, như hai đôi ngón tay sóng đôi hợp tại một nơi. Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Vì trước không hợp, sau đó mới hợp lại. Nếu trước không sau có thì là pháp vô thường, nên không thể nói là hư không đã hợp rồi cùng hợp. Như những pháp thế gian, trước không sau có đều là vật vô thường. Hư không nếu là như thế thì lẽ ra cũng là vô thường!

“Nếu nói: ‘Hư không ở nơi sự vật, như trái cây đặt trong bát.’ Nghĩa ấy không đúng. Vì sao vậy? Khi chưa có vật chứa thì hư không đó ở đâu? Nếu có chỗ ở, ắt phải có nhiều hư không. Nếu là nhiều, sao có thể nói rằng hư không là thường, là duy nhất, là khắp cả? Nếu cho rằng

hư không lìa ngoài cái không mà có chỗ trụ, thì sự vật lẽ ra cũng có thể lìa ngoài hư không mà có chỗ trụ! Vì thế nên biết rằng [theo lập luận này thì] không có hư không.

“Thiện nam tử! Như có người nói: ‘Chỗ ngón tay [chỉ đến] gọi là hư không.’ Nên biết rằng hư không [như thế thì] là pháp vô thường. Vì sao vậy? Chỉ là [chỉ về] bốn phương. Nếu có bốn phương, nên biết rằng hư không [như vậy] cũng có bốn phương. Tất cả các pháp thường đều không có phương hướng. Vì có phương hướng nên hư không [như vậy phải] là vô thường. Nếu là vô thường thì không lìa khỏi *năm ấm*. Phải lìa khỏi *năm ấm* mới là không chỗ có.

“Thiện nam tử! Nếu có pháp do nhân duyên mà tồn tại, nên biết rằng những pháp ấy là vô thường.

“Thiện nam tử! Ví như tất cả chúng sanh, cây cối đều nhân nơi *đất* mà tồn tại. Vì đất là vô thường, cho nên mọi thứ nhân nơi đất cũng lần lượt đều là vô thường.

“Thiện nam tử! Như *đất* nhân nơi *nước*, vì *nước* là vô thường nên *đất* cũng vô thường. Như *nước* nhân nơi *gió*, vì *gió* là vô thường nên *nước* cũng vô thường. Như *gió* nương vào hư không, cái không là vô thường nên *gió* cũng là vô thường.¹ Nếu là vô thường, vì sao nói rằng hư không là thường, là cùng khắp mọi nơi?

“Vì hư không là *không* nên chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại; cũng như sừng thỏ, vì không phải vật [thật] có nên không phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

“Vì thế ta nói [sự khác biệt] rằng: ‘Tánh Phật là *thường* nên không thuộc về ba đời; hư không là *không* nên không thuộc về ba đời.’

¹ Các khái niệm đất, nước, gió... trong đoạn này được dùng theo ý nghĩa là các yếu tố thuộc về bốn đại: đất, nước, gió, lửa (địa thủy, hỏa, phong).

“Thiện nam tử! Ta chẳng bao giờ tranh biện với thế gian. Vì sao vậy? Người trí nói có, ta cũng nói có; người trí nói không, ta cũng nói không.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch: “Thế Tôn! Bồ Tát *ma-ha-tát* [tu tập] có đủ bao nhiêu pháp thì không tranh với thế gian, không bị thế gian làm ô nhiễm?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* [tu tập] có đủ *mười pháp* thì không tranh với thế gian, chẳng bị thế gian làm ô nhiễm. Những gì là mười? Một là *đức tin*, hai là *trì giới*, ba là *gân gũi bạn tốt hiền thiện*, bốn là *khéo suy xét nội tâm*, năm là *đầy đủ tinh tấn*, sáu là *đầy đủ chánh niệm*, bảy là *đầy đủ trí tuệ*, tám là *đầy đủ chánh ngữ*, chín là *ưa thích chánh pháp*, mười là *thương xót chúng sanh*.

“Thiện nam tử! Bồ Tát *ma-ha-tát* có đủ *mười pháp* ấy thì không tranh với thế gian, không bị thế gian làm ô nhiễm, như hoa *ưu-bát-la*.”¹

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Như lời Phật dạy: ‘Người trí nói có, ta cũng nói có; người trí nói không, ta cũng nói không.’ [Vậy] những gì gọi là có, không của người trí ở thế gian?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nếu người trí ở thế gian nói: ‘*Sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã... cho đến thức* lại cũng như vậy.’² Thiện nam tử! Đó gọi là người trí ở thế gian nói có, ta cũng nói có.

¹ Ưu-bát-la (*utpala*), cũng đọc là ưu-bát-lạt hay ô-bát-la, là một loại hoa sen quý, màu xanh. Vì mọc lên từ bùn vẫn thanh khiết nên nói không bị nhiễm ô.

² Câu này nói tóm ý cả năm ấm: sắc, thọ tướng, hành, thức đều là như vậy.

“Thiện nam tử! Nếu người trí ở thế gian nói: ‘Sắc không có *thường, lạc, ngã, tịnh; thọ, tưởng, hành, thức* lại cũng [không có] như vậy.’ Thiện nam tử! Đó gọi là người trí ở thế gian nói không, ta cũng nói không.”

Bồ Tát *Ca-diếp* bạch Phật: “Thế Tôn! Người trí ở thế gian tức chư Phật, Bồ Tát, tất cả thánh nhân. Nếu sắc của tất cả thánh nhân là *vô thường, khổ, không, vô ngã*, vì sao Như Lai nói rằng *sắc thân* của Phật là thường hằng, không biến đổi? Người trí ở thế gian nói pháp ấy là không, vì sao Như Lai lại nói là có? Như Lai Thế Tôn đã nói như vậy, sao lại nói rằng không tranh biện với thế gian, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm?”

“Như Lai đã lìa ba sự điên đảo là *tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo*;¹ lẽ ra phải nói rằng sắc của Phật thật là vô thường. Nhưng nay Phật lại nói là *thường*, làm sao có thể gọi là xa lìa điên đảo, không tranh biện với thế gian?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! *Sắc* của phàm phu do phiền não mà sanh, cho nên người trí nói: ‘Sắc là *vô thường, khổ, không, vô ngã*.’ Sắc của Như Lai lìa xa mọi phiền não, nên ta nói sắc ấy là thường hằng, không biến đổi.”

KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN HẾT QUYỂN BA MƯƠI SÁU

¹ Ba sự điên đảo: *Tưởng đảo* là đối với sáu trần ngoại cảnh sanh khởi những tư tưởng không hợp lý; *kiến đảo* là đối với sự lý của các pháp nhận hiểu sai lầm, mong cầu điên đảo, cũng gọi là tà kiến; *tâm đảo* là chạy theo vọng tâm nhận thức sai lệch về sự vật. Ba điên đảo nay là căn bản của tất cả những sự điên đảo khác.